

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ tên: Nguyễn Thị Minh Thu

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 13/4/1975

Nơi sinh: Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội

Quê quán: Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Số Căn cước công dân: 001175009614

Ngày cấp: 22/11/2021

Tại: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Học vị cao nhất: Tiến sĩ Dược học.

Năm, nơi công nhận học vị: 2009, Bộ Giáo dục và đào tạo (Việt Nam).

Chức danh khoa học (GS, PGS,...):

Năm công nhận, bổ nhiệm:

Chức vụ: Giảng viên chính, Phụ trách Bộ môn Dược lý.

Đơn vị công tác: Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc: Số 02, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại: 0912 750 167

Email: minhthunimpe@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học: Bằng Dược sỹ Đại học

Hệ đào tạo: Chính quy.

Nơi đào tạo: Trường Đại học Dược Hà Nội.

Ngành học: Dược sỹ Đại học.

Nước đào tạo: Việt Nam.

Năm tốt nghiệp: 1997.

2. Sau đại học:

- Bằng Thạc sỹ Dược học, chuyên ngành: Dược liệu và Dược học cổ truyền.

Hệ đào tạo: Chính quy.

Nơi đào tạo: Trường Đại học Dược Hà Nội.

Năm cấp bằng: 2000.

- Bằng Tiến sỹ Dược học, chuyên ngành Dược lý học.

Hệ đào tạo: Chính quy.

Nơi đào tạo: Viện Dược liệu (Bộ Y tế).

Năm cấp bằng: 2009.

Nơi cấp bằng: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tên luận án tiến sĩ: “Nghiên cứu tác dụng trên ký sinh trùng sốt rét và độc tính trên thực nghiệm của thuốc sốt rét phối hợp dihydroartemisinin - piperaquin do Việt Nam sản xuất”.

3. Ngoại ngữ: Bằng Cử nhân Ngôn ngữ Anh





Hệ đào tạo: Chính quy, văn bằng 2.

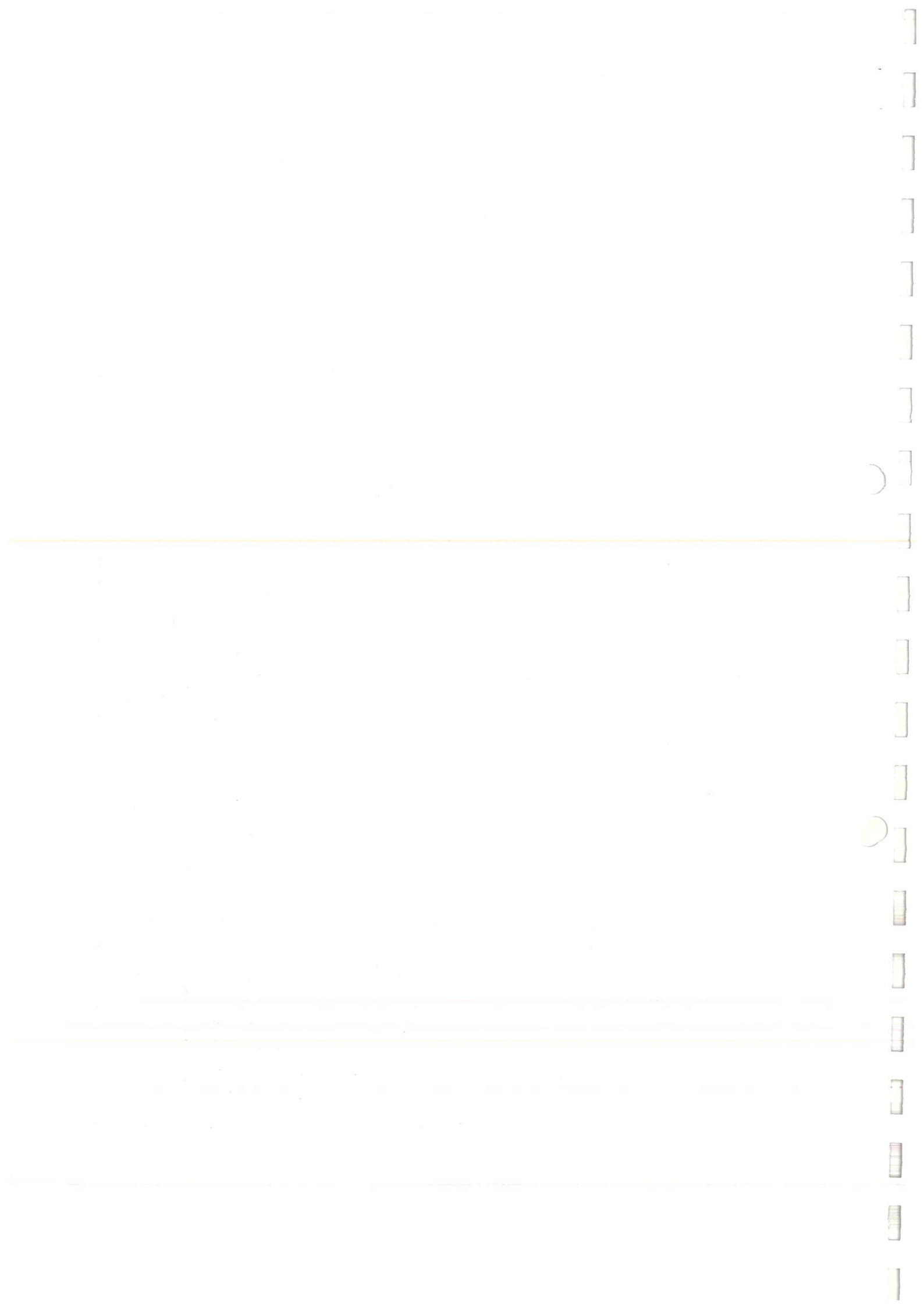
Nơi đào tạo: Trường Đại học Hà Nội.

Ngành học: Ngôn ngữ Anh.

Năm tốt nghiệp: 2023.

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ năm 2001-2003	Khoa Nghiên cứu điều trị sốt rét, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương	<ul style="list-style-type: none">- Tham gia nghiên cứu Dược động học của các thuốc sốt rét (Dự án hợp tác với ĐH Goteborg, Thụy Điển);- Tham gia công tác 'Giám sát chẩn đoán, điều trị và thuốc sốt rét' tại các tỉnh trong nước.
Từ 2004 đến 2012	Khoa Nghiên cứu điều trị sốt rét, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương	<ul style="list-style-type: none">- Nghiên cứu hiệu lực và độc tính của các thuốc sốt rét (Dự án hợp tác với Cộng hòa Pháp).- Nghiên cứu đánh giá chất lượng thuốc chống lây nhiễm tại một số tỉnh thuộc dự án Hợp tác với Hội đồng Dược điển Mỹ;- Nghiên cứu pha chế giemsa phục vụ công tác phòng chống sốt rét;- Tham gia công tác 'Giám sát chẩn đoán, điều trị và thuốc sốt rét' tại một số tỉnh trong nước;- Tham gia giảng dạy tại Trường Cao đẳng Y tế Đặng Văn Ngữ.
Từ 2012 -- 11/2016	Khoa Nghiên cứu điều trị sốt rét, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương	<ul style="list-style-type: none">- Nghiên cứu độc tính của các thuốc sốt rét;- Nghiên cứu đánh giá chất lượng thuốc chống lây nhiễm tại một số tỉnh (dự án Hợp tác với Hội đồng Dược điển Mỹ);- Tham gia dự án "Hỗ trợ hệ thống y tế", hợp phần 2.1. "Tăng cường các hoạt động cảnh giác dược" (Quỹ toàn cầu tài trợ);- Nghiên cứu pha chế Giemsa phục vụ công tác phòng chống sốt rét;- Tham gia công tác 'Giám sát chẩn đoán, điều trị và thuốc sốt rét' tại một số tỉnh trong nước;- Tham gia giảng dạy tại Trường Cao đẳng Y tế Đặng Văn Ngữ;- Tham gia đào tạo nghiên cứu sinh của Viện.
12/2016-5/2017	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	<ul style="list-style-type: none">- Giảng viên Bộ môn Thực vật - Dược liệu - Đông dược;- Giảng dạy, nghiên cứu khoa học.
5/2017-8/2018	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	<ul style="list-style-type: none">- Giảng viên Bộ môn Thực vật - Dược liệu - Đông dược;

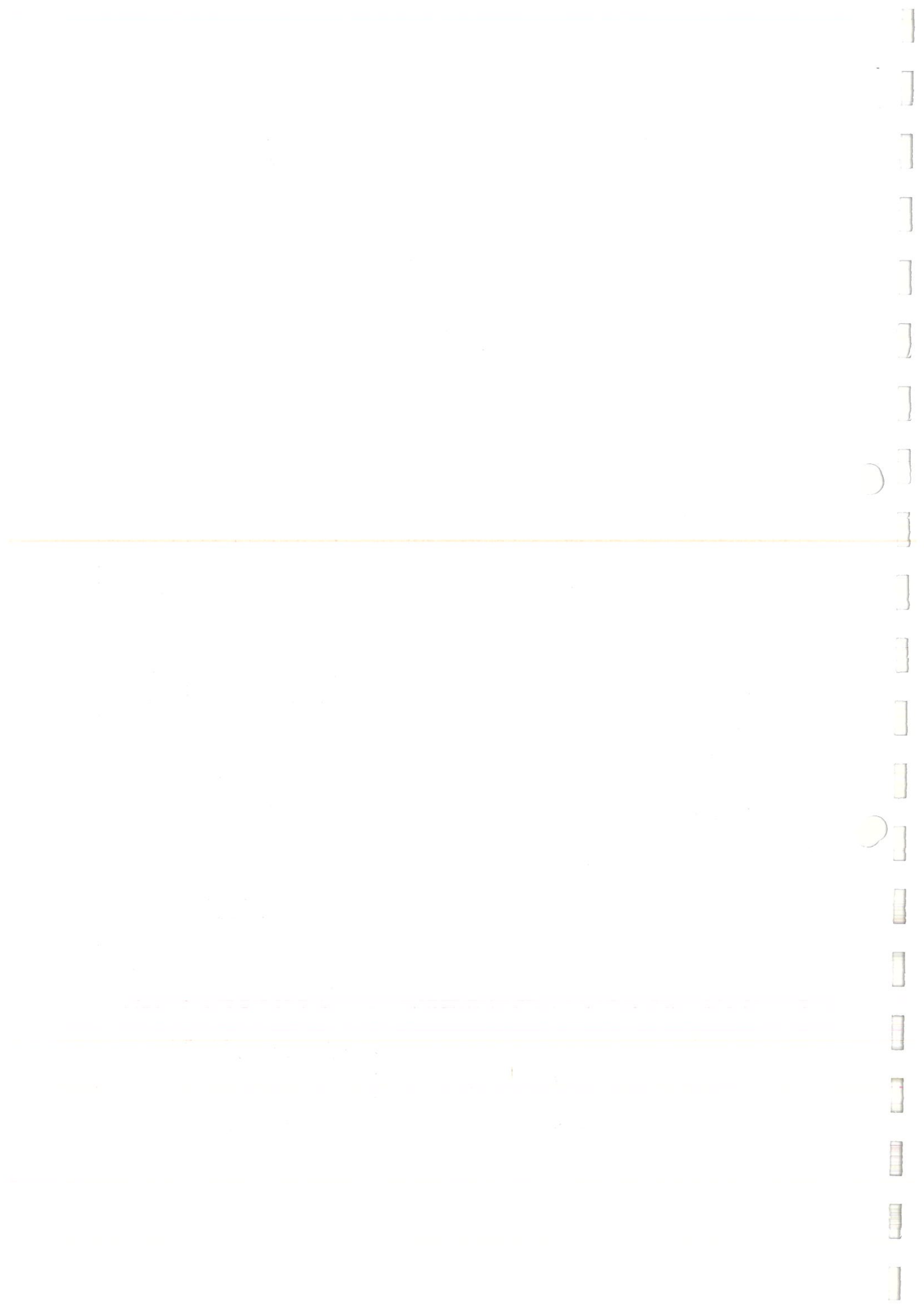


	Nam	- Phụ trách Khoa Xét nghiệm, Bệnh viện Tuệ Tĩnh.
8/2018 – 12/2019	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	- Giảng viên; - Phó trưởng Bộ môn Dược lý-Dược lâm sàng; - Học Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (10/2018 - 5/2019); - Thành viên Hội đồng Khoa học Học viện.
1/2020 – 5/2020	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	- Giảng viên; - Phụ trách Bộ môn Dược lý; - Thành viên Hội đồng Khoa học Học viện.
6/2020 – 6/2024	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	- Giảng viên chính; - Phụ trách Bộ môn Dược lý; - Thành viên Hội đồng Khoa học Học viện.
6/2024-nay	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	- Giảng viên chính; - Trưởng Bộ môn Dược lý; - Thành viên Hội đồng Khoa học Học viện.

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

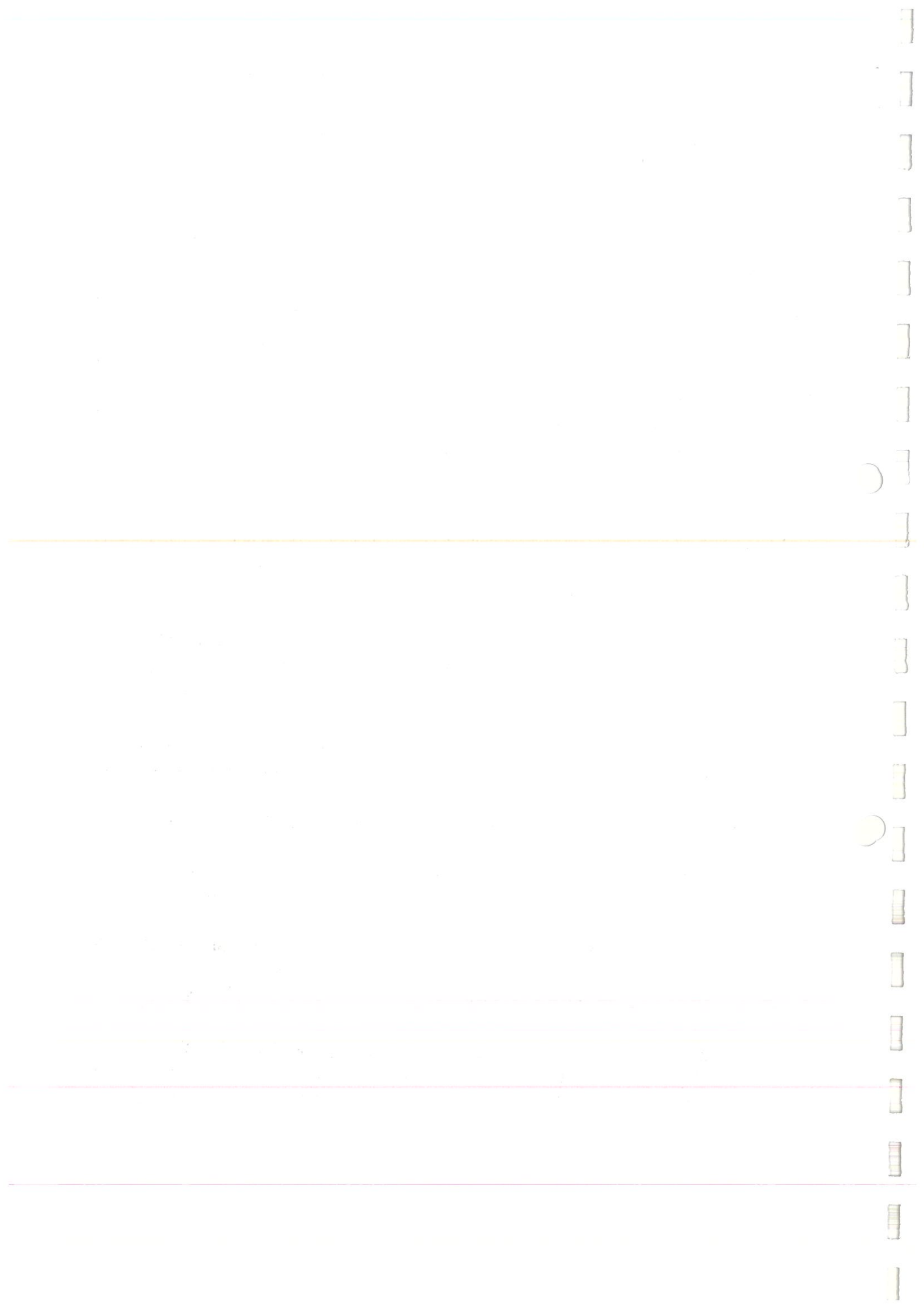
1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia:

STT	Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ / lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Nhà nước, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm trong đề tài
1	Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp piperquin - dihydroartemisinin do Việt Nam sản xuất đến một số chức năng tim mạch và hoạt động thần kinh trung ương của động vật thực nghiệm	2007	Dự án quốc gia phòng chống sốt rét (cấp Viện)	Chủ nhiệm
2	Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp dihydroartemisinin - piperquin đến sự phát triển hệ sinh dục ở chuột cống trắng	2009	Dự án quốc gia phòng chống sốt rét (cấp Viện)	Chủ nhiệm
3	Bước đầu kiểm tra chất lượng thuốc artesunat dạng viên nén và tiêm bằng sắc ký lỏng cao áp	2002	Cấp Viện	Tham gia
4	Nghiên cứu tiền lâm sàng và lâm sàng của CV Artescan (dihydroartemisinin - piperquin) để điều trị sốt rét chưa biến chứng tại cộng đồng	2003	Đề tài hợp tác với Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	Tham gia
5	Nghiên cứu tiền lâm sàng và lâm sàng của thuốc Arterakine (dihydroartemisinin - piperquin) để điều trị sốt rét chưa biến chứng	2004	Đề tài hợp tác với Xí nghiệp Dược phẩm	Tham gia



	tại cộng đồng		trung ương I	
6	Nghiên cứu quy trình bán tổng hợp dẫn chất chứa fluoro của artemisinin làm thuốc chữa sốt rét quy mô phòng thí nghiệm	2004	Đề tài cấp Nhà nước, chương trình KC10	Tham gia
7	Chế tạo thuốc chống sốt rét piperquin	2005	Đề tài hợp tác với Viện Hoá học	Tham gia
8	Tổng hợp và phát triển tiền lâm sàng các dẫn xuất gắn fluoro của artemisinin có hoạt tính chữa sốt rét kéo dài	2006	Đề tài hợp tác với Cộng hoà Pháp	Tham gia
9	Nghiên cứu tác dụng dược lý và độc tính của thuốc sốt rét phối hợp dihydroartemisinin - piperquin trên thực nghiệm	2007	Bộ Y tế	Tham gia
10	Nghiên cứu hoàn thiện qui trình công nghệ sản xuất piperquin phosphat (quy mô bán pilot) để làm thuốc điều trị sốt rét	2007	Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam	Tham gia
11	Nghiên cứu xây dựng quy trình và các dạng bào chế của 10- α trifluoro methyl hydroartemisinin (TFMHA) làm thuốc sốt rét	2009	Đề tài cấp Nhà nước	Tham gia
12	Giám sát chất lượng thuốc sốt rét, chống lao, HIV/AIDS và một số kháng sinh thông dụng tại một số tỉnh của Việt Nam	2011	Đề tài hợp tác với Hội đồng Dược điển Mỹ	Tham gia
13	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất Giemsa tại Viện Sốt rét - KST - CT Trung ương	2013	Cấp Viện	Chủ nhiệm
13	Nghiên cứu so sánh chất lượng, sự phổ biến, nguồn gốc thuốc sốt rét và một số kháng sinh tại một số tỉnh của Việt Nam, giai đoạn 2013-2014.	2014	Đề tài hợp tác với Hội đồng Dược điển Mỹ	Chủ nhiệm
15	Đánh giá chất lượng thuốc sốt rét tại Đắk Nông và Gia Lai năm 2014.	2014	Cấp Viện	Chủ nhiệm
16	Nghiên cứu các biến cố bất lợi liên quan đến phác đồ điều trị có primaquin trên bệnh nhân sốt rét tại một số tỉnh ở Việt Nam năm 2015 – 2016.	2016	Dự án “Hỗ trợ hệ thống y tế” (Cấp cơ sở)	Tham gia
17	Đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng của viên nén phối hợp dihydroartemisinin - piperquin phosphat.	2019	Cấp cơ sở	Chủ nhiệm
18	Tác dụng xua muỗi của dịch chiết Hùng quế <i>Ocimum basilicum</i> L. <i>Lamiaceae</i> trên thực nghiệm.	2020	Cấp cơ sở	Chủ nhiệm
19	Nghiên cứu tác dụng xua muỗi của tinh dầu Hùng quế <i>Ocimum basilicum</i> L. <i>Lamiaceae</i> trên thực nghiệm.	2021	Cấp cơ sở	Chủ nhiệm
20	Khảo sát ý kiến của Giảng viên về mục tiêu và	2021	Cấp cơ sở	Chủ

✓
✓
✓
✓
✓



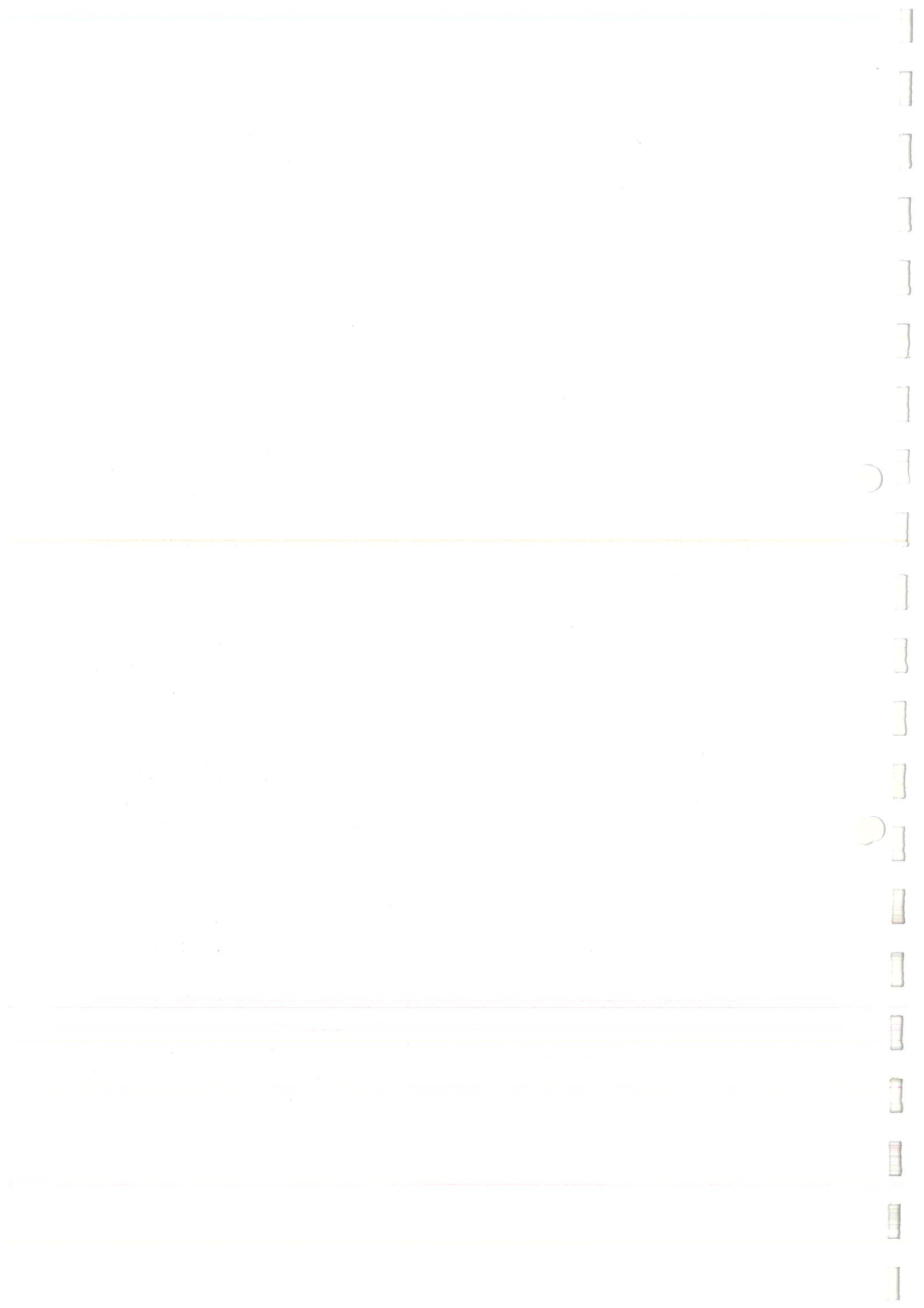
	chuẩn đầu ra mới chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ Đại học tại Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.			nhiệm
21	Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu đánh giá tác dụng giảm đau và chống viêm tại Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam năm 2020 – 2022	2022	Cấp cơ sở	Chủ nhiệm ✓
22	Bước đầu xây dựng tiêu chuẩn lựa chọn, tập hợp một số bài thuốc cổ phương và cổ phương gia giảm	2022 - 2023	Cấp cơ sở	Tham gia ✓
23	Đánh giá độc tính cấp, bán trường diễn và tác dụng bảo vệ dạ dày của Viên Khôi Tím trên thực nghiệm.	2023	Cấp Viện Nghiên cứu Tuệ Tĩnh	Chủ nhiệm ✓
24	Nghiên cứu tính kích ứng da, ảnh hưởng đến một số chức năng sống và tác dụng giảm đau của Xịt cốt thông Tuệ Tĩnh trên thực nghiệm.	2023	Cấp cơ sở	Chủ nhiệm ✓

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

Tiếng Việt

1. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trần Công Khánh, Trần Văn Hiền, Tạ Thị Phòng, Trần Lê Dung (1999), “Thử độc tính cấp diễn và tác dụng bảo vệ tế bào gan của cây Xuân hoa (*Pseuderanthemum palatiferum* (Nees) Radlk.)”, *Tạp chí Dược học*, số 9, tr. 15-17.
2. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trần Công Khánh, Nguyễn Văn Hùng (2000), “Góp phần nghiên cứu về thực vật, thành phần hoá học và tác dụng sinh học của cây Xuân hoa (*Pseuderanthemum palatiferum* (Nees) Radlk., *Acanthaceae*)”, *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh*, phụ bản của tập 4, số 2, tr. 26-33.
3. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trần Công Khánh, Nguyễn Văn Hùng (2000), “Góp phần nghiên cứu thành phần hoá học trong lá cây Xuân hoa”, *Tạp chí Dược liệu*, số 6, tập 5, tr. 163-167.
4. Trịnh Ngọc Hải, Đinh Xuân Hương, Nguyễn Văn Hùng, Lê Đình Công, **Nguyễn Thị Minh Thu** (2003), “Thông báo bước đầu kết quả nghiên cứu dược động học của thuốc kết hợp chống sốt rét CV8 dựa theo liều điều trị trên người tình nguyện khoẻ mạnh”, *Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 3, tr. 48 - 54.
5. Trương Văn Như, Đoàn Hạnh Nhân, Bùi Thị Sáu, Lê Minh Đạo, **Nguyễn Thị Minh Thu**, Đỗ Mạnh Hà (2004), “Nghiên cứu độc tính bán cấp của trifluoro methyl hydroartemisinin (BB101) trên khí”, *Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 6, tr. 44-49.
6. Trương Văn Như, Đoàn Hạnh Nhân, Bùi Thị Sáu, **Nguyễn Thị Minh Thu**, (2005), “Nghiên cứu ảnh hưởng của trifluoro methyl hydroartemisinin đến quá trình sinh sản của chuột nhắt trắng”, *Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 1, tr. 41-46.

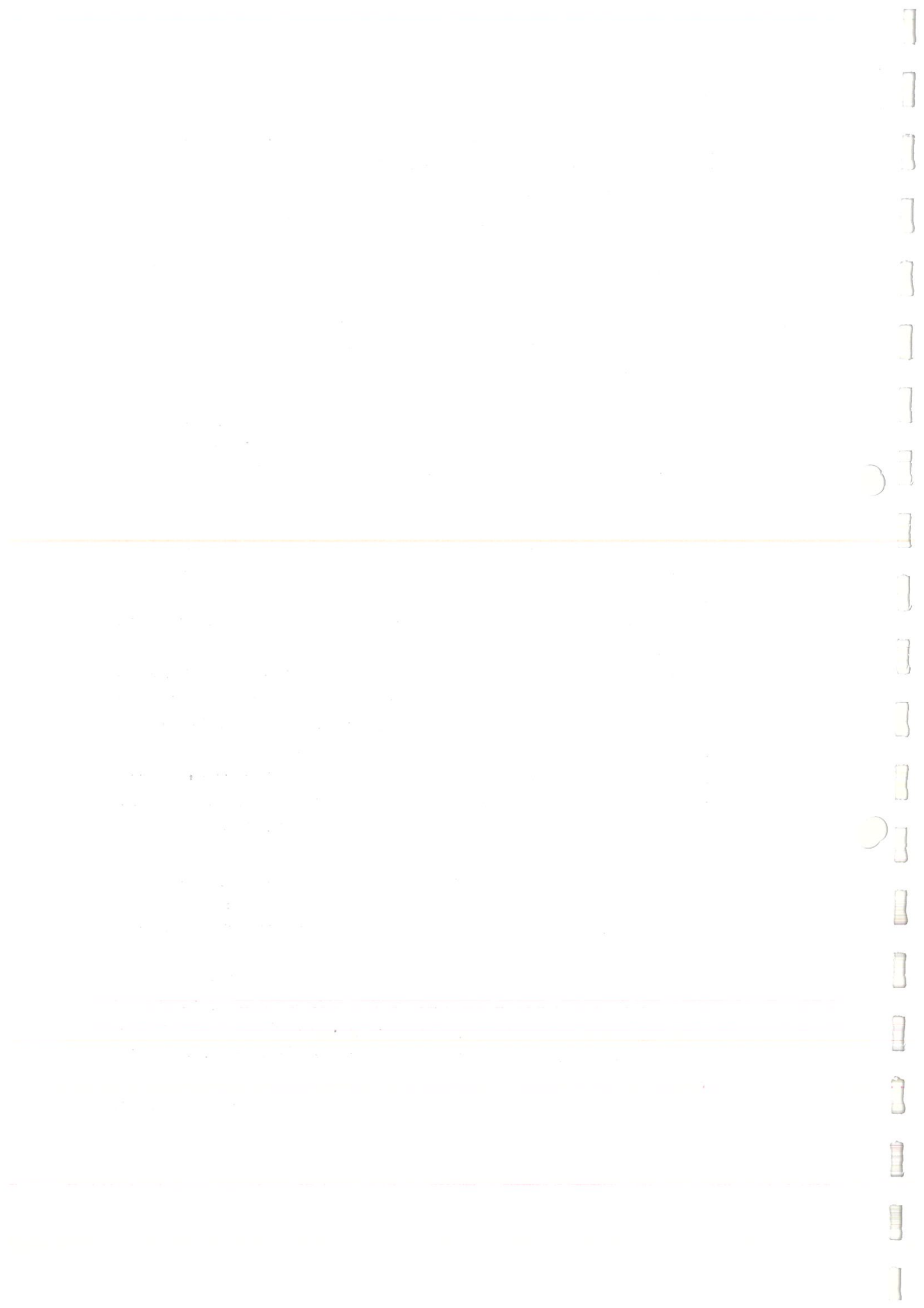
ƯT



7. Trương Văn Như, Đoàn Hạnh Nhân, Bùi Thị Sáu, **Nguyễn Thị Minh Thu**, Lê Minh Đạo và cs (2005), “Nghiên cứu độc tính bán trường diễn của 16-piperazinoethanol-10 α -trifluoromethyl anhydrodihydro artemisinin (BB134) trên động vật thực nghiệm”, *Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 6, tr. 15-22.
8. Lê Khánh Thuận, Trương Văn Như, Đoàn Hạnh Nhân, **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nguyễn Văn Hùng (2005), “Nghiên cứu tính an toàn của thuốc sốt rét phối hợp piperquin - dihydroartemisinin do Việt Nam sản xuất”, *Tạp chí dược học*, số 11, tr. 16-19.
9. Lê Khánh Thuận, Đoàn Hạnh Nhân, Nông Thị Tiến, Nguyễn Văn Hùng, Trương Văn Như, **Nguyễn Thị Minh Thu** (2006), “Nghiên cứu tác dụng trên ký sinh trùng sốt rét và độc tính bán trường diễn của piperquin phosphat do Việt Nam sản xuất”, *Tạp chí Dược học*, số 360, 4/2006, tr. 23-28.
10. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Nguyễn Thượng Đông, Nguyễn Kim Phượng, Nguyễn Văn Hùng, Đỗ Thị Phương (2006), “Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp piperquin-dihydroartemisinin do Việt Nam sản xuất trên phản xạ có điều kiện ở chuột cống trắng”, *Tạp chí Dược học*, số 364, 8/2006, tr. 31-34.
11. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Lê Khánh Thuận, Nguyễn Văn Hùng, Bùi Thị Sáu (2006), “Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp piperquin-dihydroartemisinin đến phản xạ tìm thức ăn trong mê lộ của chuột nhắt trắng”, *Tạp chí Dược học*, số 367, 11/2006, tr. 19-23.
12. Trương Văn Như, Đoàn Hạnh Nhân, **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nguyễn Thị Bình, Bùi Thị Sáu (2007), “Nghiên cứu sự biến đổi hình thái gan, thận và não khi với liều bán trường diễn của thuốc BB101 và khả năng hồi phục sau 15 ngày ngừng thuốc”, *Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 1, tr. 35-44.
13. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Lê Khánh Thuận, Nguyễn Trần Giáng Hương, Trần Thanh Tùng (2007), “Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp piperquin-dihydroartemisinin đến huyết áp và tim cô lập của động vật thực nghiệm”, *Tạp chí Dược học*, số 374, 6/2007, tr. 22-26.
14. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Trần Văn Hợp, Nguyễn Trọng Chăm, Nguyễn Trần Giáng Hương (2007), “Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp piperquin - dihydroartemisinin đến sự biến đổi hình thái gan và thận thỏ”, *Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 4, tr. 43-51.
15. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Nguyễn Trần Giáng Hương, Nguyễn Kim Phượng, Đỗ Thị Phương (2007), “Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp dihydroartemisinin - piperquin đến một số chức năng tim mạch của động vật thực nghiệm”, *Tài liệu Hội nghị Dược liệu toàn quốc lần thứ hai “Phát triển dược liệu đến năm 2015 và tầm nhìn 2020”*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, tr. 199-211.

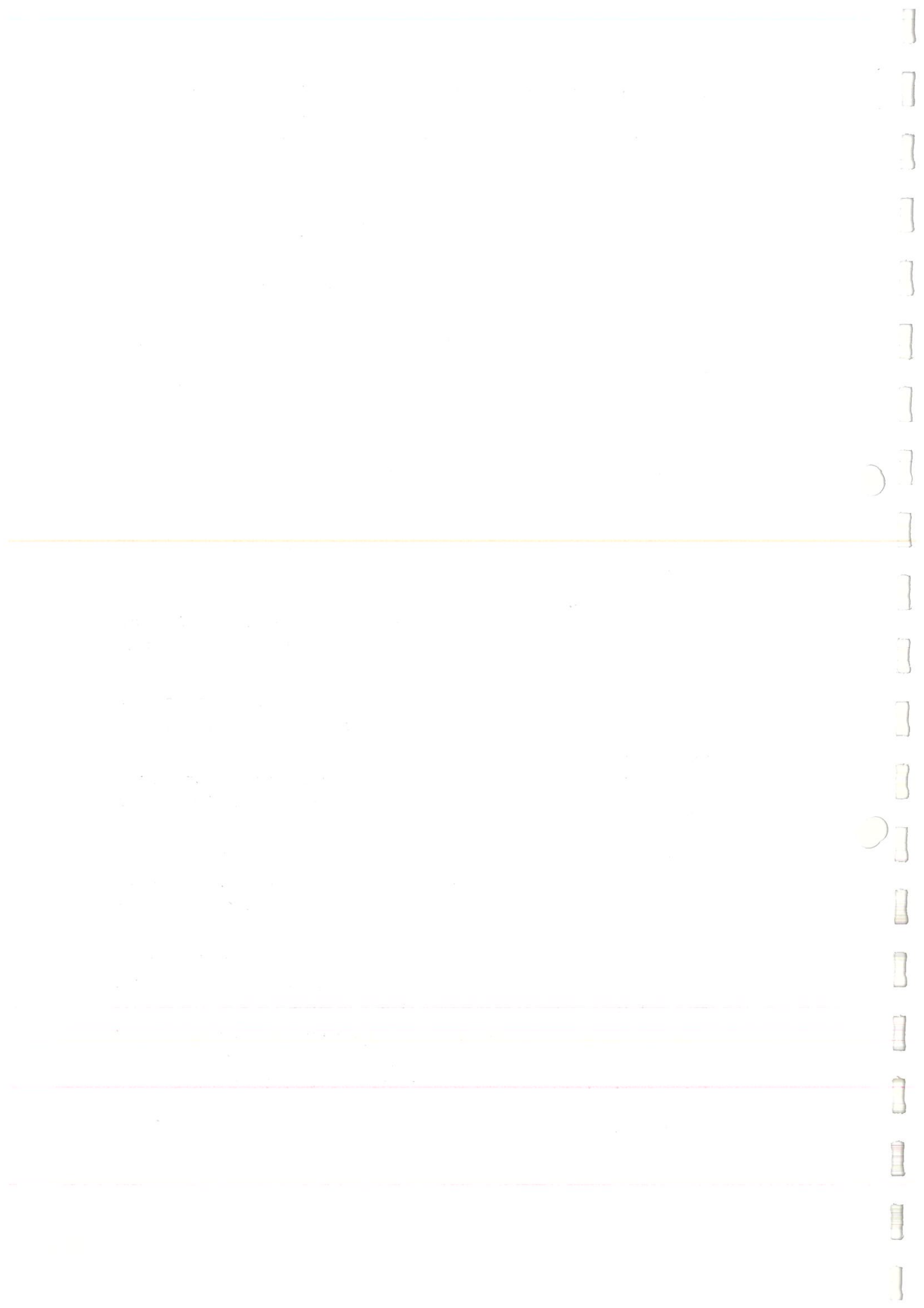


16. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Nguyễn Thượng Dong, Nguyễn Kim Phượng, Đỗ Thị Phương (2007), “Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp dihydroartemisinin - piperquin đến một số chức năng hoạt động thần kinh trung ương của động vật thực nghiệm”, *Tài liệu Hội nghị Dược liệu toàn quốc lần thứ hai “Phát triển dược liệu đến năm 2015 và tầm nhìn 2020”*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, tr. 212-224.
17. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Vũ Văn Lạp, Đinh Xuân Hương, Võ Như Phương (2007), “Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp dihydroartemisinin - piperquin đến điện tim thỏ”, *Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng* - số 6, tr. 28-34.
18. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Nguyễn Trần Giáng Hương (2007), “Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp dihydroartemisinin - piperquin đến quá trình sinh sản của chuột nhắt trắng”, *Tạp chí Dược học*, số 380, 12/2007, tr. 12-17.
19. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Nguyễn Kim Phượng, Đỗ Thị Phương (2008), “Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp piperquin - dihydroartemisinin đến tim thỏ cô lập”, *Tạp chí Dược học*, số 382, 2/2008, tr. 32-35 & 40.
20. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nông Thị Tiên, Nguyễn Mai Hương, Trương Văn Như (2008), “Nghiên cứu tác dụng trên ký sinh trùng sốt rét của thuốc phối hợp dihydroartemisinin - piperquin”, *Tạp chí Dược học*, số 385, 5/2008, tr. 22-27.
21. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nguyễn Kim Phượng, Trương Văn Như, Đỗ Thị Phương, Nguyễn Thị Phượng (2008), “Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp dihydroartemisinin - piperquin đến sự phát triển hệ sinh dục của chuột cống trắng”, *Tạp chí Dược học*, số 387, 7/2008, tr. 19-22.
22. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Nguyễn Trần Giáng Hương, Bùi Thị Sáu (2008), “Nghiên cứu độc tính cấp đường uống của piperquin phosphat và thuốc sốt rét phối hợp dihydroartemisinin - piperquin”, *Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 3, tr. 31-38.
23. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Nguyễn Trần Giáng Hương, Lê Minh Đạo, Bùi Thị Sáu (2008), “Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc sốt rét phối hợp dihydroartemisinin - piperquin đến thể trạng và một số chỉ số sinh hoá, huyết học ở thỏ”, *Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ IV: Hoá sinh và sinh học phân tử phục vụ nông, sinh, y học và công nghiệp thực phẩm*, NXB Khoa học và kỹ thuật, tr. 545-549.
24. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Trần Thị Thanh Hương (2008), “Nghiên cứu khả năng gây đột biến nhiễm sắc thể của thuốc sốt rét phối hợp dihydroartemisinin - piperquin”, *Tạp chí Dược liệu*, số 5, tr. 235-239.
25. Trương Văn Như, **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nguyễn Mạnh Hùng, Bùi Thị Sáu, Nguyễn Thị Thuý (2009), “Nghiên cứu ảnh hưởng của viên nang 10 α -trifluoro methyl hydroartemisinin (TFMHA) đến phản xạ tìm thức ăn trong mê lộ của chuột nhắt trắng”, *Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*,



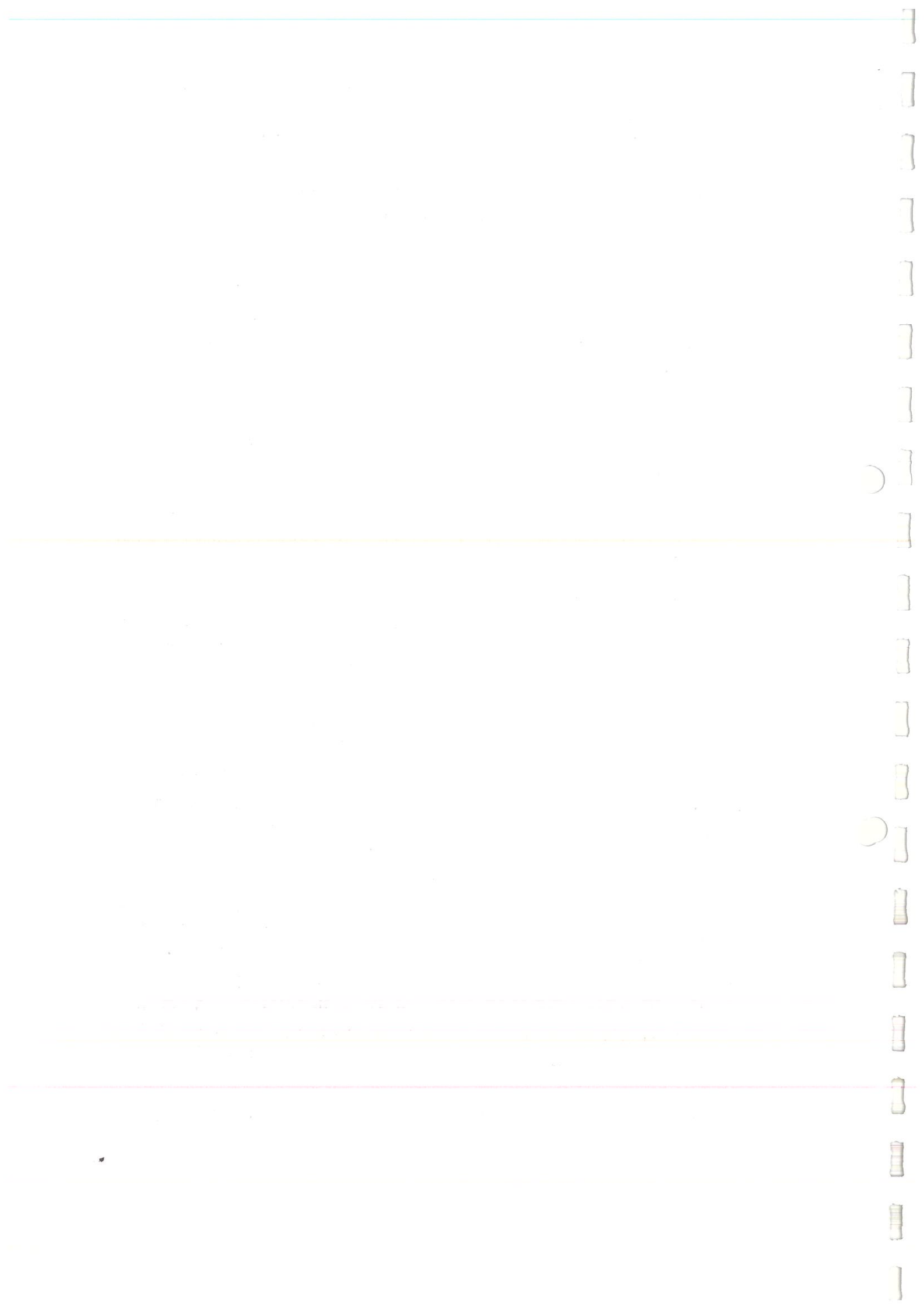
số 1, tr. 29-34.

26. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Nguyễn Trần Giáng Hương, Nguyễn Mạnh Hùng (2009), “Nghiên cứu tác dụng trên ký sinh trùng sốt rét và độc tính trên thực nghiệm của dihydroartemisinin phối hợp với piperaquin do Việt Nam sản xuất”, *Tạp chí Y học Quân sự*, số CĐ 1, tr. 25-31.
27. Trương Văn Như, **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Kim Phượng, Đỗ Thị Phương và cs (2009), “Nghiên cứu ảnh hưởng của viên nang 10 α -trifluoro methyl hydroartemisinin (TFMHA) trên phân xạ có điều kiện ở chuột cống trắng”, *Tạp chí Dược học*, số 399 (7/2009), tr. 32-35, 60.
28. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Tạ Thị Tĩnh, Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Kim Phượng (2010), “Nghiên cứu một số độc tính của viên nang 10 α -trifluoro methyl hydroartemisinin (TFMHA) trên thực nghiệm”, *Tạp chí Y Dược học Quân sự*, số 4-2010, tập 35, tr. 25-31.
29. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Ngô Việt Thành, Tạ Thị Tĩnh, Nguyễn Mạnh Hùng và cs (2011), “Nghiên cứu hiệu lực in vitro của 5 dẫn xuất artemisinin và độc tính cấp của 10 β -[(2' β -hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin”, *Tạp chí Dược học*, số 428 (12/2011), tr. 31-34.
30. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Nông Thị Tiến, Nguyễn Trần Giáng Hương, Nguyễn Mạnh Hùng, Tạ Thị Tĩnh, Nguyễn Kim Phượng, Bùi Thị Sáu (2011), “Hiệu lực và độc tính trên thực nghiệm của dihydroartemisinin - piperaquin do Việt Nam sản xuất với ký sinh trùng sốt rét”, *Công trình khoa học báo cáo tại Hội nghị ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 38*, tập 1 - Bệnh sốt rét, NXB Y học, tr. 232-240.
31. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trương Văn Như, Nguyễn Trần Giáng Hương, Nông Thị Tiến, Nguyễn Kim Phượng và cs (2011), “Nghiên cứu hiệu lực và độc tính của dạng thành phẩm 10 α -trifluoro methyl hydroartemisinin (TFMHA) trên thực nghiệm”, *Tạp chí Dược học*, số 426 (10/2011), tr. 27-32.
32. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Tạ Thị Tĩnh, Nguyễn Mạnh Hùng (2012), “Giám sát chất lượng thuốc chống lây nhiễm tại một số tỉnh ở Việt Nam năm 2011”, *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh*, chuyên đề ký sinh trùng, phụ bản tập 16, số 1, tr. 97-102.
33. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trần Thanh Dương, Bùi Quang Phúc (2013), “Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất Giemsa mẹ tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương”, *Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 6, tr. 36-43.
34. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trần Thanh Dương, Bùi Quang Phúc, Trịnh Ngọc Hải, Vương Tuấn Anh, Souly Phanouvong (2014), “Nghiên cứu về chất lượng, sự phổ biến thuốc sốt rét và một số kháng sinh tại một số tỉnh ở Việt Nam năm 2013”, *Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 2, tr. 75-82.
35. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trịnh Ngọc Hải, Nguyễn Mạnh Hùng, Trần Thanh Dương,



Bùi Quang Phúc, Vương Tuấn Anh, Souly Phanouvong (2014), “Đánh giá chất lượng thuốc chống lây nhiễm tại một số tỉnh ở Việt Nam giai đoạn từ cuối 2009 - 2013”, *Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 3, tr. 42-49.

36. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trịnh Ngọc Hải, Trần Thanh Dương, Souly Phanouvong, Nguyễn Mạnh Hùng, Bùi Quang Phúc, Vương Tuấn Anh, Nguyễn Đăng Lâm (2015), “Đánh giá chất lượng thuốc chống lây nhiễm tại một số tỉnh ở Việt Nam từ năm 2005 đến 2014”, *Công trình nghiên cứu khoa học báo cáo tại Hội nghị khoa học toàn quốc chuyên ngành sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng năm 2015*, Nhà xuất bản Y học, tr. 38-48.
37. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Đỗ Thị Thanh Thủy (2015), “Định lượng dihydroartemisinin và piperaquin phosphat trong viên nén Arterakine bằng sắc ký lỏng cao áp”, *Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 4, tr. 15-23.
38. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trần Thanh Dương (2018), “Biến cố bất lợi của một số thuốc sốt rét ở bệnh nhân nhiễm *Plasmodium falciparum* hoặc *P. vivax* tại một số tỉnh ở Việt Nam”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 4, tr. 72-81.
39. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nguyễn Đăng Lâm (2019), “Đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng của viên nén chloroquin phosphat bằng bộ kit GPHF-minilab”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 2, tr. 22-29.
40. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trần Thanh Dương (2019), “Các biến cố bất lợi của Arterakine và primaquin ở bệnh nhân sốt rét nhiễm *Plasmodium falciparum* chưa biến chứng tại Bình Phước”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 3, tr. 10-18.
41. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Lê Thị Hương Hoa (2019), “Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu chất lượng của thuốc tiêm Artesunat tại một số tỉnh của Việt Nam”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 5, tr. 11-19.
42. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trần Thanh Dương (2020), “Giám sát chất lượng thuốc sốt rét tại một số tỉnh của Việt Nam”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 2 (27), tr. 55-63.
43. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nguyễn Lương Hiếu (2020), “Tác dụng *in vivo* và độc tính cấp đường uống của 10 β -[2' β -hydroxy-3'-imidazol] propyl] deoxoartemisinin (32)”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 7 (32), tr. 35-45.
44. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Lê Thị Hương Hoa (2021), “Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu chất lượng của viên nén Arterakine lưu hành tại một số tỉnh của Việt Nam”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 1 (34), tr. 19-29.
45. **Nguyễn Thị Minh Thu**, Đoàn Minh Khiết (2021), “Nghiên cứu tác dụng xua muỗi *Aedes aegypti* của dịch chiết Húng quế *Ocimum basilicum* L. *Lamiaceae* trên thực nghiệm”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 3 (36), tr. 16-22.
46. **Nguyễn Thị Thúy**, **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trần Thanh Dương, Trần Văn Minh,

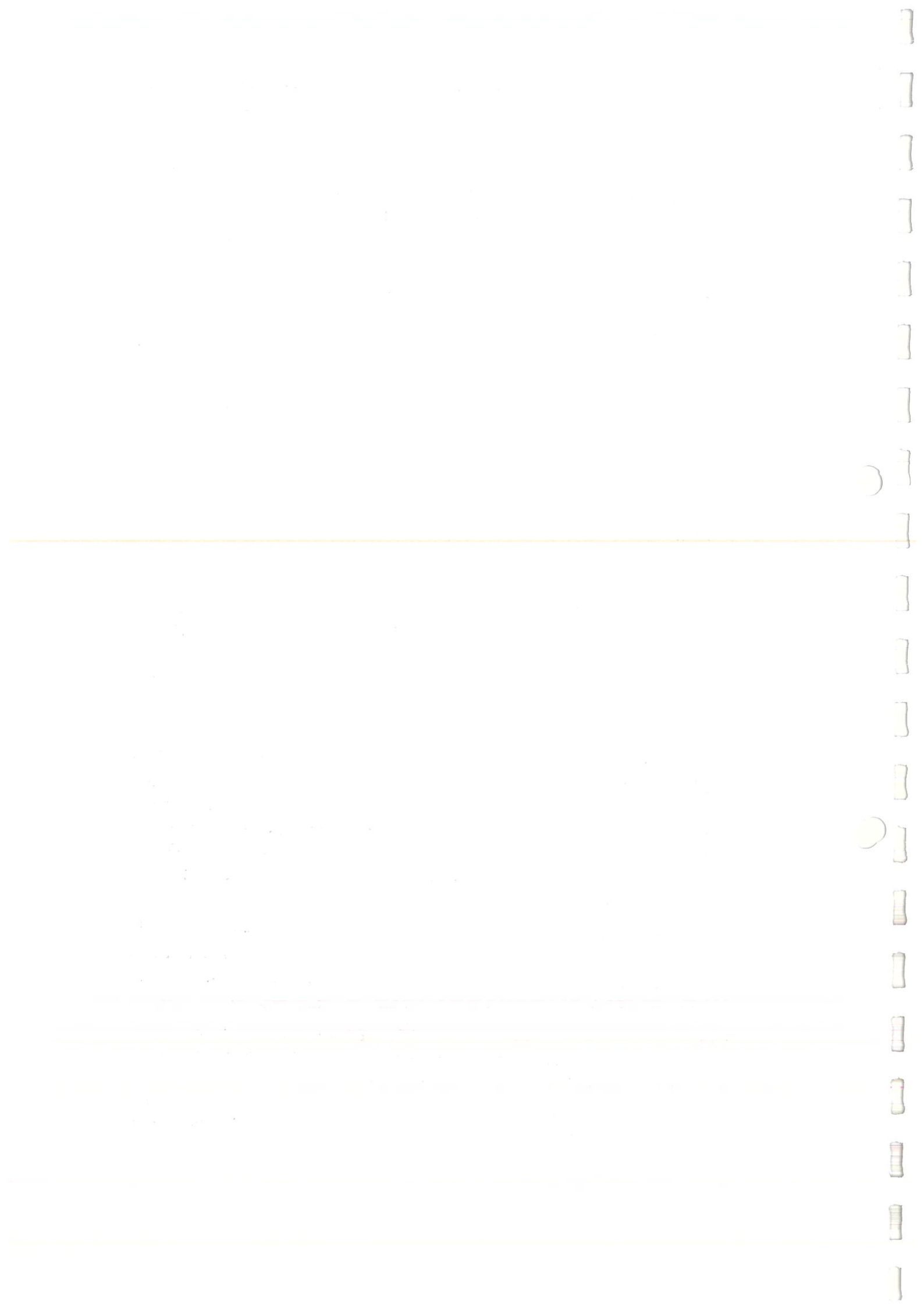


Đỗ Thị Nguyệt Quế, Nguyễn Thị Thu Hằng (2021), “Nghiên cứu ảnh hưởng của 10 β -[(2' β -hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32) đến chức năng **gan** của thỏ thực nghiệm”, *Tạp chí Y Dược học*, số 37 (tháng 11/2021), tr.20-26.

47. ✓ **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nguyễn Thị Loan, Trần Thanh Dương, Trần Văn Minh (2021), “Nghiên cứu ảnh hưởng của dịch chiết Húng quế *Ocimum basilicum* L. Lamiaceae đến chức năng **gan** thỏ”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 7 (40), tr. 17-23.
48. ✓ Nguyễn Thị Thúy, **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trần Thanh Dương, Trần Văn Minh, Đỗ Thị Nguyệt Quế, Nguyễn Thị Thu Hằng (2021), “Nghiên cứu ảnh hưởng của 10 β -[(2' β -hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32) đến chức năng **thận** của thỏ thực nghiệm”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 7 (40), tr. 4-10.
49. ✓ **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nguyễn Đức Thành, Đoàn Minh Khiết (2021), “Nghiên cứu tác dụng xua muỗi của tinh dầu húng quế *Ocimum basilicum* L. Lamiaceae trên thực nghiệm”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số đặc biệt 20/11, tr. 5-12.
50. ✓ Nguyễn Thị Thúy, **Nguyễn Thị Minh Thu**, Trần Thanh Dương, Nguyễn Thị Thu Hằng (2022), “Nghiên cứu ảnh hưởng của 10 β -[(2' β -hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32) đến chức năng tạo máu của thỏ thực nghiệm”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 1 (42), tr. 34-41.
51. ✓ Nguyễn Thị Loan, Trần Văn Minh, Trần Thanh Dương, **Nguyễn Thị Minh Thu** (2022), “Nghiên cứu ảnh hưởng của dịch chiết Húng quế *Ocimum basilicum* L. Lamiaceae đến chức năng **thận** thỏ”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 2 (43), tr. 64-70.
52. ✓ Lê Đại Hoàng, Vũ Minh Hoàn, **Nguyễn Thị Minh Thu** (2022), “Đánh giá hiệu quả của phương pháp điện châm trong điều trị hội chứng bàng quang tăng hoạt nguyên phát”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 2 (43), tr. 23-28.
53. ✓ **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nguyễn Đức Thành, Đỗ Thị Phương (2022), “Nghiên cứu tác dụng kích ứng da và ảnh hưởng của tinh dầu húng quế (*Ocimum basilicum* L.) đến một số chức năng sống của thỏ thực nghiệm”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 6 (47), tr. 38-44.
54. ✓ **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nguyễn Thị Loan, Trần Thanh Dương (2023), “Nghiên cứu độc tính của dịch chiết Húng quế (*Ocimum basilicum* L.) đến điện tâm đồ ở thỏ thực nghiệm”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 2 (49), tr. 8-13.
55. ✓ Đào Ngọc An, Trương Thị Thu Hương, Hoàng Công Huy, Phạm Thị Vân Anh, **Nguyễn Thị Minh Thu** (2023), “Nghiên cứu tác dụng bảo vệ gan của Cao lỏng Giải độc gan trên chuột nhắt trắng”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 5 (52), DOI: <https://doi.org/10.60117/vjmap.v52i5.246>, tr. 63-70.

Tiếng Anh

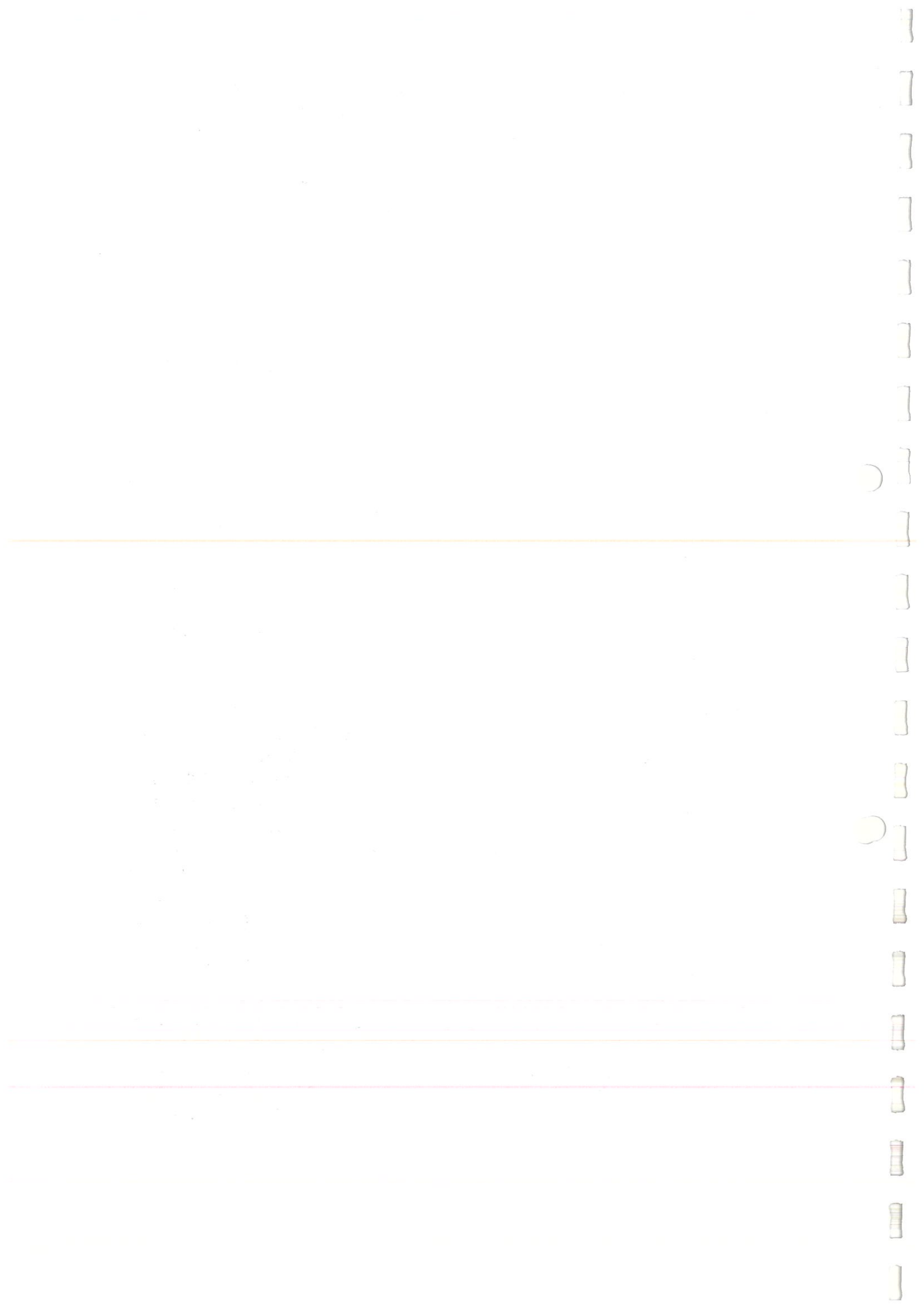
1. T.V. Nhu, D.H. Nhan, **N.T.M. Thu**, J.P. Bégué, D.B. Delpon, N.V. Hung, V.D.



- Hoang (2005), "Preliminary study on sub-acute toxicity of trifluoro methyl hydroartemisinin (BB101) in monkeys", *Revue Pharmaceutique (Vietnamese Journal of Pharmacy)*, No.1, pp. 12-16.
2. **N.T.M. Thu**, T.N. Hai, T.T. Tinh, B.Q. Phuc (2013), "Anti-infective medicines quality monitoring in 9 sentinel sites of Vietnam in 2011", *Journal of malaria and parasite diseases control*, vol. 5, pp. 71-76.
 3. **N.T.M. Thu**, T.T. Duong, B.Q. Phuc, N.T. Tuyet, N.D. Lam (2014), "Antimalarial drugs quality monitoring in Dak Nong and Gia Lai provinces in 2014", *Journal of malaria and parasite diseases control*, vol. 6, pp. 3-10.
 4. ✓ **Nguyen Thi Minh Thu**, Tran Thanh Duong (2022), "Antimalarial drugs quality monitoring in some provinces of Vietnam", *Journal of Vietnamese Traditional Medicine and Pharmacy*, vol. 4 (45), pp. 11-16.
 5. ✓ Pham Thi Van Anh, To Le Hong, Nguyen Thi Ha, **Nguyen Thi Minh Thu**, Pham Thanh Tung, and Mai Phuong Thanh (2023), "Gastroprotective effect of Vien Khoi Tim capsules on indomethacin-induced gastric ulcers in rats", *Journal of Medical Research*, Vol. 173, E13 (12), pp. 70-78.
 6. **Nguyen Thi Minh Thu**, Nguyen Thi Loan, Pham Thi Van Anh (2023), "Study on analgesic effects of basil (*Ocimum basilicum* L.) extracts on mice", *Journal of Vietnamese Traditional Medicine and Pharmacy*, No. 4 (vol. 51), DOI: <https://doi.org/10.60117/vjmap.v51i4>, pp.75-80.
 7. **Nguyen Thi Minh Thu**, Nguyen Duc Thanh, Doan Minh Khiet (2023), "Study on mosquito repellent effects and safety of basil essential oil (*Ocimum basilicum* L. oil) on healthy volunteers", *Vietnam Journal of Traditional Medicine and Pharmacy*, No. 6 (vol. 53), DOI: <https://doi.org/10.60117/vjmap.v53i6.260>, pp. 73-80.

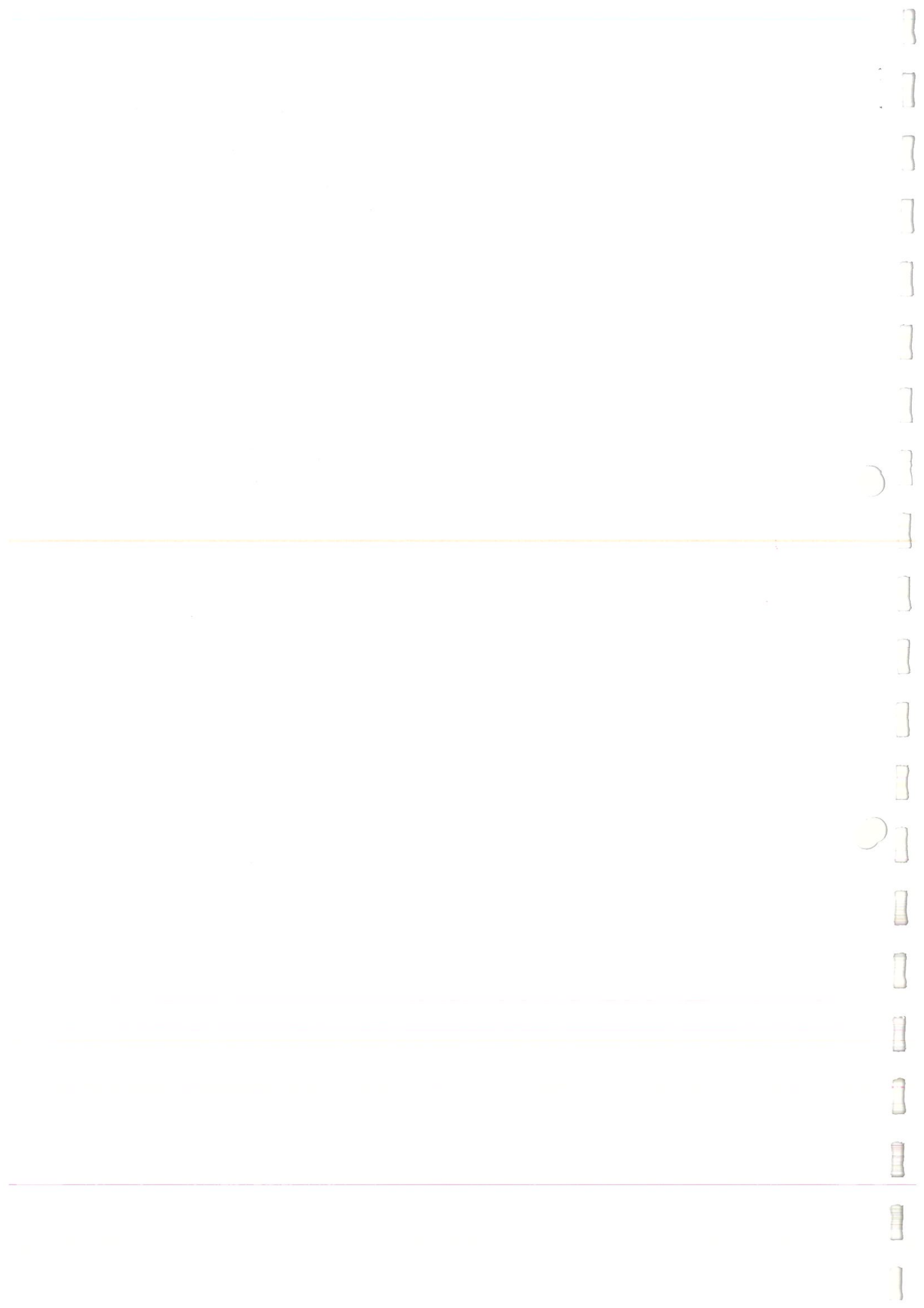
Sách

1. D.B. Delpon, J.P. Bégué, B. Crousse, F. Grellepois, C. Chollet, F. Chorki, G. Magueur, M. Ourévitch, N.T.N. Tam, P. Grellier, N.V. Hung, T.V. Nhu, D.H. Nhan, **N.T.M. Thu** (2007), "New 10-trifluoromethyl monomers, dimmers and chimeras of artemisinin from a key allyl bromide precursor", *Current fluoroorganic chemistry - New synthetic directions, technologies, materials, and biological applications*, chapter 20, American Chemical Society, pp. 337-351.
2. **Nguyễn Thị Minh Thu** (2011), "Kỹ thuật thử độc tính cấp của thuốc" (tr. 80 - 87), "Kỹ thuật thử độc tính bán trường diễn của thuốc" (tr. 88 - 92), "Đánh giá chất lượng thuốc sốt rét tại thực địa bằng kỹ thuật sắc ký lớp mỏng" (tr. 93 - 101), *Cẩm nang kỹ thuật phòng chống bệnh sốt rét*, Nhà xuất bản Y học.
3. **Nguyễn Thị Minh Thu** (2014), "Quy trình kỹ thuật pha chế dung dịch Giemsa gốc bằng phương pháp của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương (NIMPE.HD05.PP/03)" (tr. 43 - 46), "Quy trình kỹ thuật xác định độ tan rã của thuốc bằng phương pháp Richard W.O.J. (NIMPE.HD05.PP/02)" (tr. 47 - 53), "Quy trình kỹ thuật đánh giá chất lượng chloroquin phosphat trong viên



nén/nang bằng sắc ký lớp mỏng theo phương pháp Richard W.O.J. (NIMPE.HD05.PP/04)” (tr. 54 - 63), *Quy trình xét nghiệm chuẩn Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng (Sách chuyên khảo về xét nghiệm sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng)*, Nhà xuất bản Y học.

4. Phạm Thị Thúy Vân, Nguyễn Tứ Sơn, **Nguyễn Thị Minh Thu**, Nguyễn Thành Hải (2015), “Chương 3. Sai sót liên quan tới thuốc và các vấn đề về chất lượng thuốc” (tr. 75 - 100); và **Nguyễn Thị Minh Thu**, Bùi Quang Phúc (2015), “Chương 9. Cảnh giác dược trong chương trình phòng chống sốt rét Quốc gia” (tr. 265 - 290), *Cảnh giác dược, tài liệu đào tạo dành cho cán bộ y tế*, Nhà xuất bản Y học.
5. **Nguyễn Thị Minh Thu (2016)**, “Quy trình kỹ thuật xác định độc tính cấp của thuốc bằng đường uống trên chuột nhắt trắng theo phương pháp OECD (NIMPE.HD05.PP/05)” (tr. 201 - 214), “Quy trình kỹ thuật thử độc tính trường diễn của thuốc bằng đường uống 28 ngày trên thỏ theo phương pháp của OECD 407 (NIMPE.HD05.PP/08)” (tr. 215 - 230), “Quy trình kỹ thuật đánh giá chất lượng thuốc primaquin diphosphat viên nén bằng sắc ký lớp mỏng theo phương pháp Richard W.O. Jahnke (NIMPE.HD05.PP/09)” (tr. 231 - 242), *Quy trình xét nghiệm chuẩn Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng (Sách chuyên khảo về xét nghiệm sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng) - Tập 2*, Nhà xuất bản Y học.
6. **Nguyễn Thị Minh Thu (2016)**, Các chuyên luận thuốc “Cloroquin” (tr. 63-71), “Dihydroartemisinin” (tr. 71-76), “Piperaquin” (tr. 102-108), “Thuốc phối hợp artesunat và amodiaquin” (tr. 140-145), “Thuốc phối hợp Dihydroartemisinin và piperaquin” (tr. 158-164), *Cẩm nang hướng dẫn sử dụng thuốc điều trị sốt rét*, Nhà xuất bản Thanh niên.
7. **Nguyễn Thị Minh Thu (2017)**, “Quy trình kỹ thuật thu thập mẫu thuốc sốt rét để xác định chất lượng (NIMPE.HD05.PP/11)” (tr. 267 - 277), “Quy trình kỹ thuật xác định ảnh hưởng của thuốc đến hệ thần kinh trung ương ở chuột nhắt trắng bằng phương pháp thử phản xạ tìm thức ăn trong mê lộ theo I.V. Pavlov (NIMPE.HD05.PP/12)” (tr. 278 - 291), “Quy trình kỹ thuật định tính và xác định giới hạn hàm lượng quinin sulfat viên nén bằng sắc ký lớp mỏng theo phương pháp Richard W.O. Jahnke (NIMPE.HD05.PP/14)” (tr. 292 - 306), “Quy trình kỹ thuật định tính và xác định giới hạn hàm lượng piperaquin phosphat trong thuốc phối hợp với dihydroartemisinin bằng sắc ký lớp mỏng theo phương pháp Richard W.O. Jahnke (NIMPE.HD05.PP/15)” (tr. 307 - 323), *Quy trình xét nghiệm chuẩn Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng (Sách chuyên khảo về xét nghiệm sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng) - Tập 3*, Nhà xuất bản Y học.
8. **Nguyễn Thị Minh Thu (2017)**, Các chuyên luận thuốc “Diiodohydroxyquinolin” (trang 277 - 278), “Diloxanid” (trang 278), “Metronidazol” (trang 278 - 280), “Amphotericin B” (trang 282), “Hợp chất Stibi (antimony) hóa trị 5” (trang 282 - 284), “Sulfamethoxazol + trimethoprim (Co - trimoxazol)” (trang 285), “Pyrimethamin” (trang 285 - 286), “Sulfadiazin” (trang 286 - 287),



“Amodiaquin” (trang 290 - 291), “Artemether” (trang 291 - 292), “Artemether + lumefantrin” (trang 292 - 293), “Artesunat” (trang 293 - 294), “Cloroquin” (trang 294 - 296), “Dihydroartemisinin + piperaquin” (trang 296 - 297), “Doxycyclin” (trang 297 - 298), “Mefloquin” (trang 298 - 299), “Primaquin” (trang 299 - 300), “Proguanil hydroclorid” (trang 300 - 301), “Quinin” (trang 301 - 303), “Sulfadoxin + pyrimethamin” (trang 303), *Dược thư Quốc gia Việt Nam dùng cho tuyến y tế cơ sở, Lần xuất bản thứ hai*, Nhà xuất bản Y học.

9. Nguyễn Thị Minh Thu (2022), Các chuyên luận thuốc “Artesunat” (trang 237 - 238), “Cloroquin” (trang 493 - 495), “Mefloquin” (trang 1070 - 1072), “Primaquin” (trang 1351 - 1353), “Quinin” (trang 1399 - 1401), *Dược thư Quốc gia Việt Nam, Lần xuất bản thứ 3*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

3. Số học viên cao học hiện đang hướng dẫn (chưa bảo vệ): 1.

Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 2024

Người khai ký tên

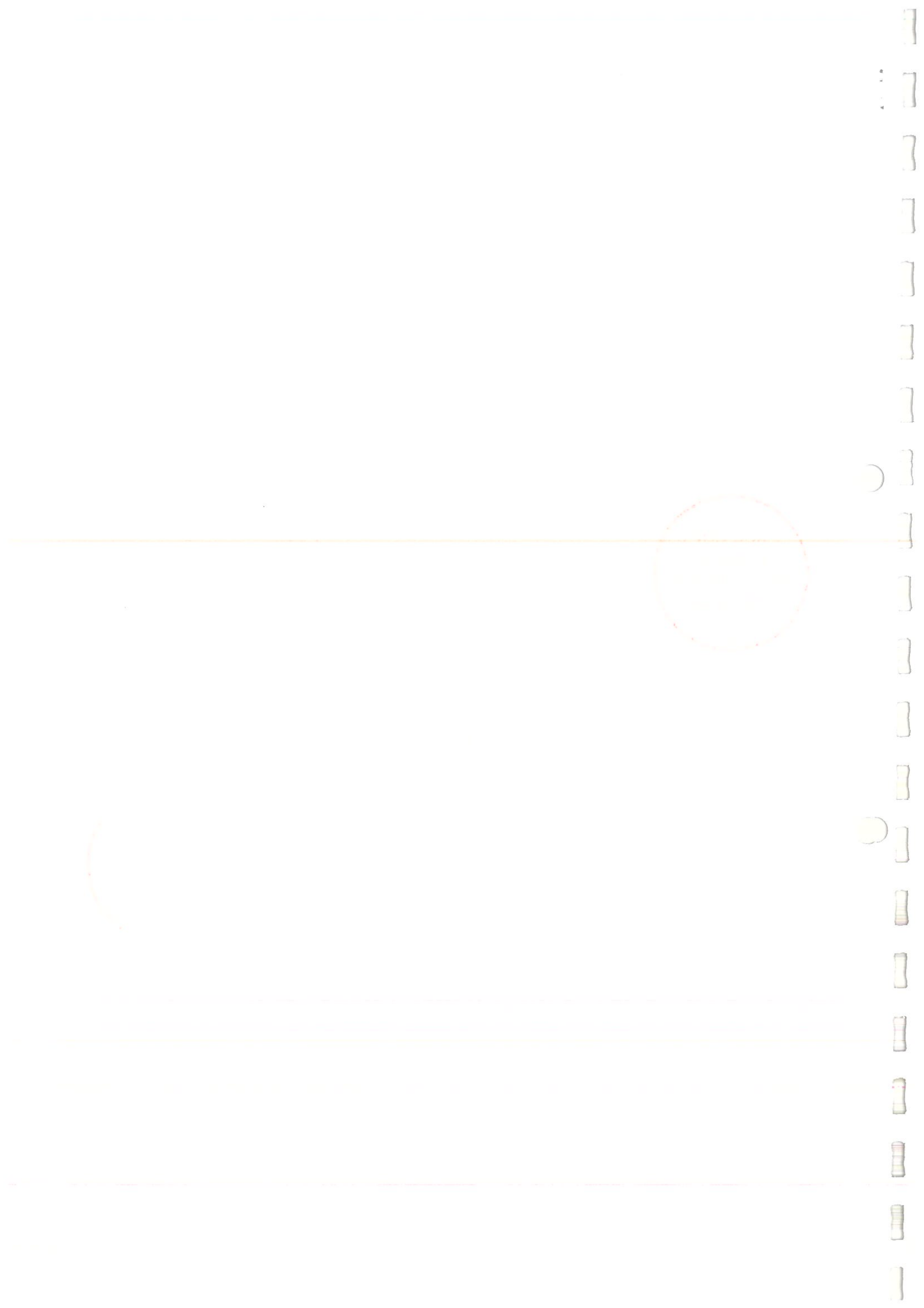
Nguyễn Thị Minh Thu

Xác nhận của cơ quan



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Huy



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

THE MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of the National Thesis Examination Committee
for the Doctoral Dissertations
held at the Institute of Materia Medica

HAS CONFERRED UPON

Ms. Nguyen Thi Minh Thu

Born 13/04/1975 in Ha Noi

THE DEGREE OF

DOCTOR OF PHILOSOPHY

In Pharmacy

Given under the seal of the Ministry of Education and Training

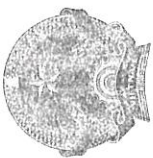
This Twenty Seventh day of August 2009

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Cho bà
Số chứng thực: 1024108
20-08-2019
SCT/BS

024108
20-08-2019

SCT/BS

BẢN SAO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ đề nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước

hợp ngày 15 tháng 04 năm 2009
tại Viện Dược liệu

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG

TIẾN SĨ

DUỆC HỌC

Nguyễn Thị Minh Thu

Sinh ngày 13/04/1975 tại Hà Nội

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2009

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



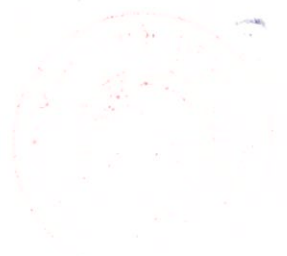
Nguyễn Thiện Nhân

Nguyễn Thiện Nhân

Số bảng: 06385



PHÓ CHỦ TỊCH
Đặng Quốc Hùng



BẢN SAO

VIỆN DƯỢC LIỆU
CƠ SỞ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
* * *

BẢNG ĐIỂM CHUYÊN ĐỀ
chuyên sâu cấp Tiến sĩ

Họ và tên NCS: **Nguyễn Thị Minh Thu**

NCS khoá: 11

Chuyên ngành: Dược lý

Mã số: 62 73 05 01

TT	TÊN CHUYÊN ĐỀ	KẾT QUẢ THI
1	Kí sinh trùng sốt rét kháng thuốc và các thuốc phối hợp chống kháng	10,0
2	Dược lý các thuốc sốt rét nhóm artemisinin và piperaquin	10,0
3	Phương pháp xác định hiệu lực và độc tính của thuốc sốt rét	10,0

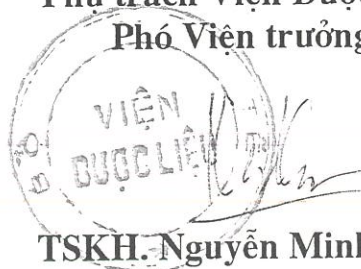
SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày... 15... tháng... 8... năm... 2024



Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2008

Phụ trách Viện Dược liệu
Phó Viện trưởng



TSKH. Nguyễn Minh Khôi

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Đỗ Thị Phương

1998.05.15

1998.05.15



1998.05.15

Số: 42 /HDLV

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2016

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC KHÔNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN

- Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Căn cứ Quyết định số: 6842/QĐ-BYT ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công nhận kết quả xét tuyển đặc cách viên chức Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Chúng tôi, một bên là Ông/ Bà: **Đậu Xuân Cảnh**

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho đơn vị (1): Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 Trần Phú- Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Điện thoại: 0433 824 929

Và một bên là Ông/ Bà: **Nguyễn Thị Minh Thu**

Sinh ngày 13 tháng 4 năm 1975 tại Hà Nội

Chức vụ, chức danh: Tiến sĩ Dược học.

Địa chỉ thường trú tại: Số 6/Đường 158 Bạch Đằng – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Căn cước công dân: 001175009614

Cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Nhiệm vụ hợp đồng

- Địa điểm làm việc (2): Bộ môn Thực vật- Dược liệu- Đông dược, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, Số 2 Trần Phú- Hà Đông- Hà Nội.

- Chức danh chuyên môn: Giảng viên

- Chức vụ (nếu có):

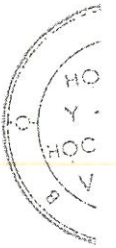
- Nhiệm vụ (3):

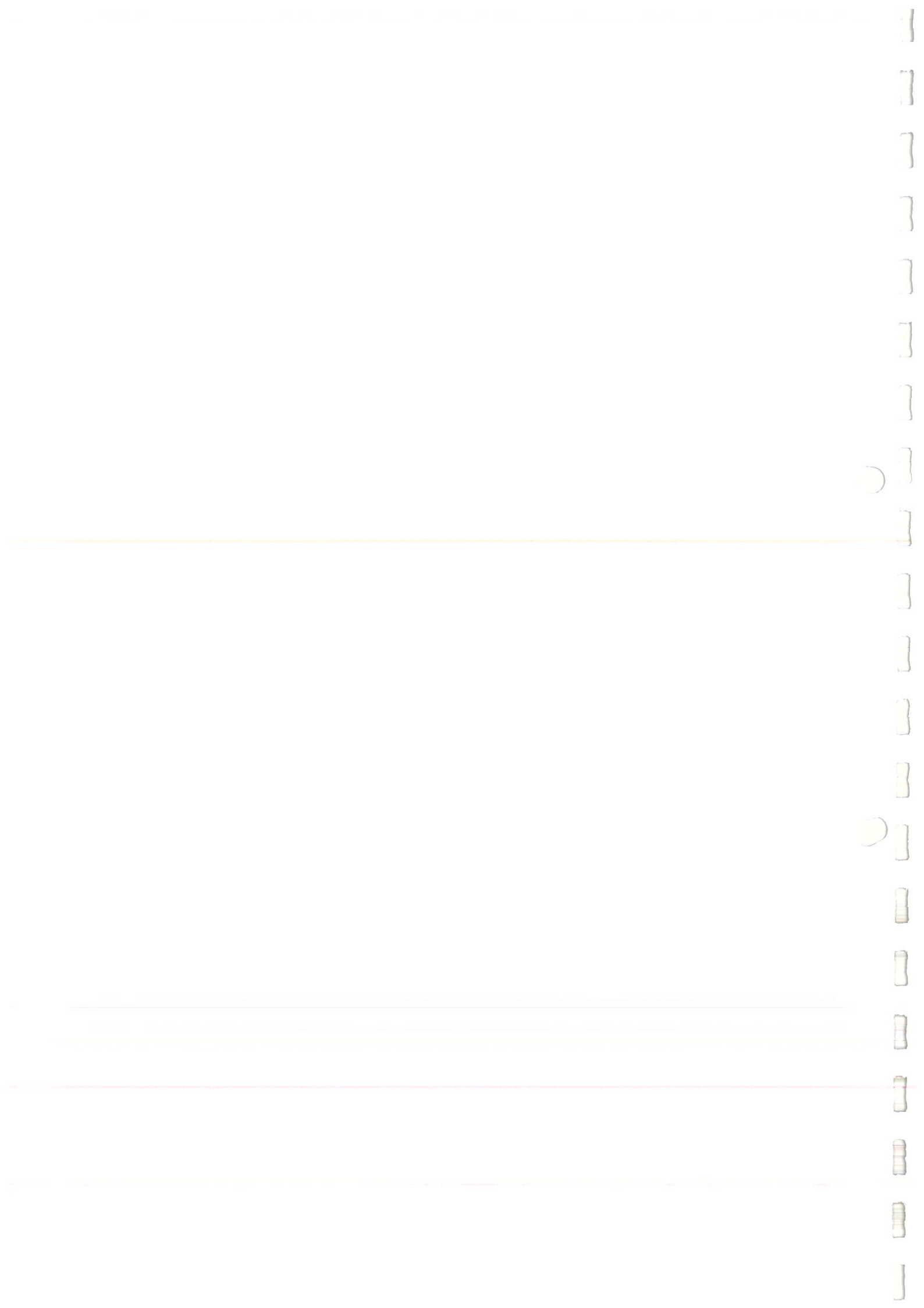
Thực hiện nhiệm vụ của giảng viên theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo bộ môn và Giám đốc Học viện.

Điều 2. Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (4): Theo quy định của pháp luật.





1. Quyền:

- Bố trí, phân công nhiệm vụ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức.
- Chấm dứt Hợp đồng làm việc, kỷ luật đối với viên chức theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ:

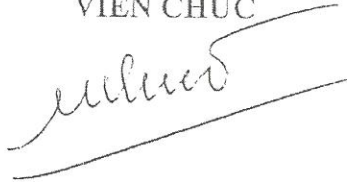
- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ của viên chức đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng làm việc này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2016
- Những vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của hai bên không ghi trong Hợp đồng làm việc này thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.
- Hợp đồng này làm thành 03 bản có giá trị ngang nhau, đơn vị sự nghiệp ký hợp đồng giữ 02 bản, viên chức được ký hợp đồng giữ 01 bản. Khi hai bên ký phụ lục Hợp đồng làm việc thì nội dung của phụ lục Hợp đồng làm việc cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng làm việc này.


Hợp đồng này làm tại Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam ngày 02 tháng 12 năm 2016./.

VIÊN CHỨC

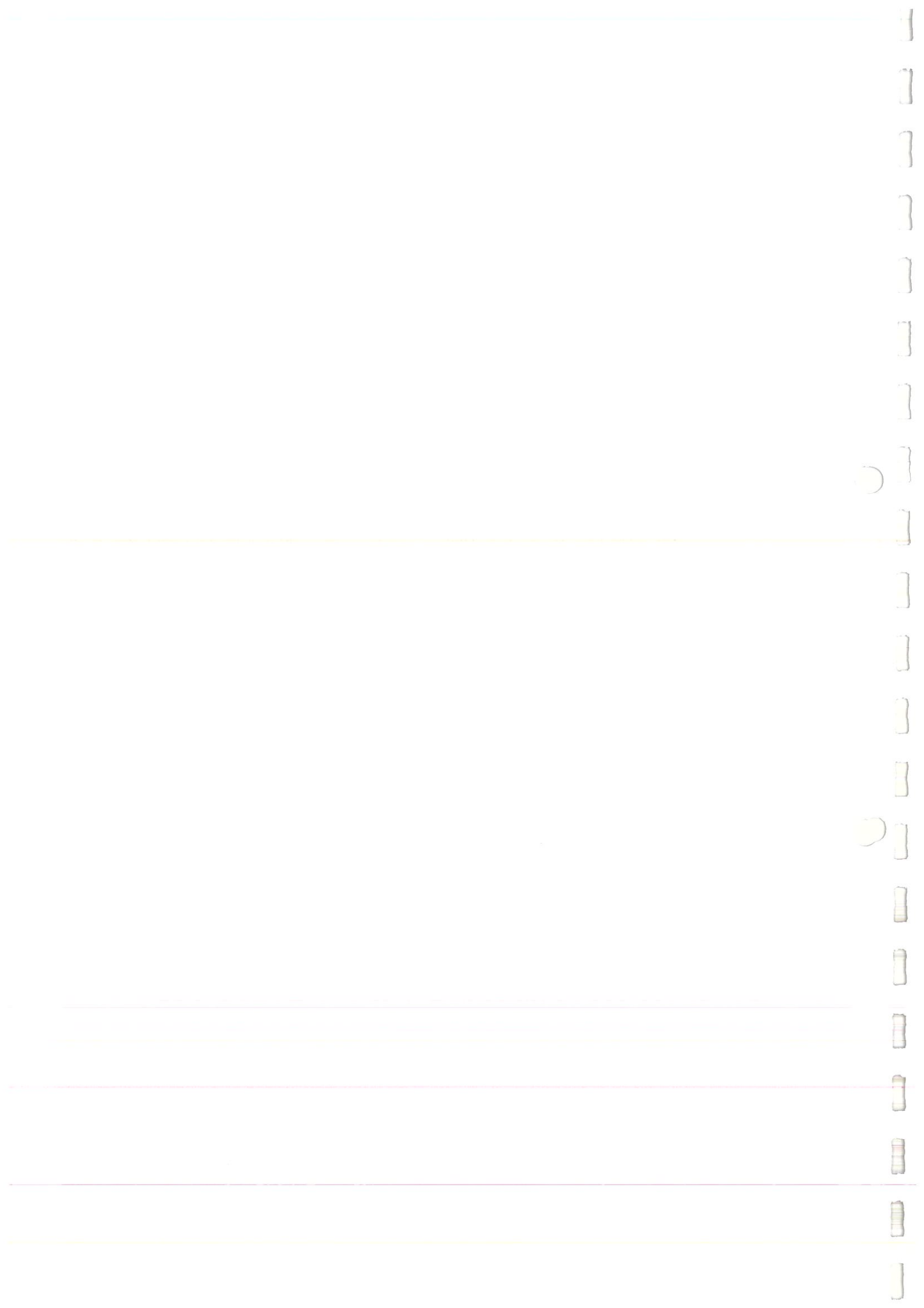


Nguyễn Thị Minh Thu

GIÁM ĐỐC



Đặng Xuân Cảnh



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

Số: 06622/HNO-CCHND



Chứng chỉ có giá trị từ ngày 11 tháng 01 năm 2016
Thay thế cho chứng chỉ hành nghề số 619/2009 do
Sở Y tế Hà Nội cấp ngày 14 tháng 9 năm 2009

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc **BẢN SAO**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Chứng nhận Bà: **Nguyễn Thị Minh Thu**

Năm sinh: 1975

Số CMND: 011927543

Trình độ chuyên môn: **Dược sỹ đại học**

Địa chỉ thường trú: Số 6 đường 158 Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng
thành phố Hà Nội

Đủ tiêu chuẩn đăng ký hành nghề các loại hình kinh doanh thuốc sau:

- Hộ kinh doanh cá thể sản xuất dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
- Hộ kinh doanh cá thể bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
- Đại lý bán buôn vacxin, sinh phẩm y tế
- Nhà thuốc
- Quầy thuốc
- Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp
- Tủ thuốc của trạm y tế

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI DUNG CHÍNH
Số chứng thực: 011501...01... SCTBS



Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2016
PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàng Thị Phương



SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Nguyễn Văn Yên

ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2397/1999/QĐ-BYT ngày 10/8/1999
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

- Phải đặt lợi ích của người bệnh và sức khỏe nhân dân lên trên hết.
- Phải hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và tiết kiệm cho người bệnh và nhân dân.
- Phải tôn trọng và bảo vệ quyền, những bí mật liên quan đến bệnh tật của người bệnh.
- Phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và những quy định chuyên môn, thực hiện Chính sách Quốc gia về thuốc. Không lợi dụng hoặc tạo điều kiện cho người khác lợi dụng nghề nghiệp để mưu cầu lợi ích các nhân, vì phạm pháp luật.
- Phải tôn trọng và hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước, kiên quyết đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động nghề nghiệp.
- Phải trung thực, thật thà, đoàn kết, kính trọng các bậc thầy, tôn trọng đồng nghiệp, sẵn sàng học hỏi kinh nghiệm, trao đổi kiến thức với đồng nghiệp và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- Phải hợp tác chặt chẽ với các cán bộ y tế khác để thực hiện tốt nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học.
- Phải thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong khi hành nghề. Không được vì mục đích lợi nhuận mà làm thiệt hại sức khỏe và quyền lợi của người bệnh, ảnh hưởng xấu đến danh dự và phẩm chất nghề nghiệp.
- Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, tích cực nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến, đáp ứng tốt các yêu cầu phục vụ xã hội trong mọi tình huống.
- Phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trong hành nghề gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh, tích cực tham gia đấu tranh PC các tệ nạn HX.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Ngành Ngôn ngữ Anh

cho

Bà NGUYỄN THỊ MINH THU

Ngày sinh:

13/04/1975

Năm tốt nghiệp:

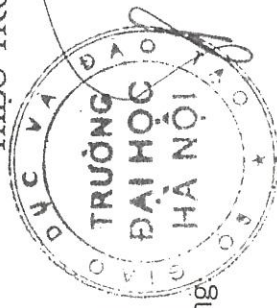
2023

Hạng tốt nghiệp:

Giỏi

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: BA 0 1 10 4 2

Số vào sổ gốc cấp văn bằng

S23 0125

PGS.TS. Nguyễn Văn Trào

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness



THE RECTOR

of

HANOI UNIVERSITY

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

in English Studies

upon

Ms. NGUYEN THI MINH THU

Ngày: 29-07-2023 Date of birth:

13 April 1975

Year of graduation:

2023

Degree classification:

Distinction

Hanoi, 14 July 2023

RECTOR

Assoc. Prof. Nguyen Van Trao, PhD.

Serial number: BA 0 1 10 4 2

Reference number: S23 0125

CÔNG CHỨNG VIÊN
LÊ THỊ HẰNG

CHỨNG THỰC
SAO BỔ SUNG BẢN CHÍNH
Số: 33307
Ngày: 29-07-2023



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Cấp cho: **Nguyễn Thị Minh Thu**

Sinh ngày: **13.04.1975** Nơi sinh: **Hà Nội**

Đạt yêu cầu bài thi ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản tại Hội đồng thi: **Trung tâm Ngoại Ngữ**
- **Tin học BHUU - Trường Đại Học Quốc Tế Bắc Hà (đạt chuẩn theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT)**

Kết quả: Điểm trắc nghiệm **7.8/10** Điểm thực hành **7/10**

Bắc Ninh, ngày **10** tháng **08** năm **2019**

HIỆU TRƯỞNG

(Handwritten signature)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực UBHH số: **06** - SCT/BS

06-2022

PGS.TS Nguyễn Quốc Trung



CHỦ TỊCH

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Thuận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CHỨNG CHỈ

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ

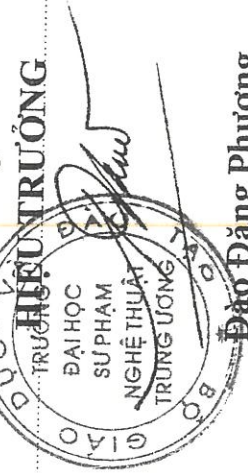
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

Cấp cho: **NGUYỄN THỊ MINH THU**
Sinh ngày: **13/4/1975** Nơi sinh: **Hà Nội**

Đã hoàn thành chương trình
Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng
Từ ngày **02** tháng **12** năm **2016** đến ngày **18** tháng **01** năm **2017**
Hội đồng thi: **Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương**
Xếp loại: **Giỏi** **Hà Nội** Ngày **31** tháng **3** năm **2017**

Số hiệu: **0222866**
Số vào sổ cấp chứng chỉ: **1895**

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày: **4/4/2017**



TL. Kiều trưởng HCJR
KI. Trưởng phòng HCJR
Phó Trưởng phòng
Lê Ngọc Chiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Chứng nhận: Ông (bà) Nguyễn Thị Minh Thu

Sinh ngày 13 tháng 4 năm 1975

Đơn vị công tác: Học viện Y Dược học Cổ truyền
Việt Nam

Đã hoàn thành chương trình: Bồi dưỡng theo tiêu
ch chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính
(hạng II) tổ chức tại Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ ngày 21 tháng 8 năm 2019

Đến ngày 10 tháng 9 năm 2019

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2019

HỌ TÊN: NGUYỄN THỊ MINH THU

QUAN HỆ: QUẢN LÝ

GIÁO DỤC

Số: 5141-974/QĐ-HVQLGD ngày 10/9/2019

GS.TS Phạm Quang Trung

Scanned with CamScanner

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2020

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5545/QĐ-BYT ngày 11 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng khoa học năm 2020 của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài nghiên cứu Khoa học cấp cơ sở năm 2020 của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam cho chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thị Minh Thu (danh sách chi tiết kèm theo).

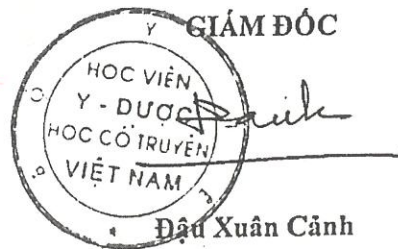
Điều 2. Kinh phí thực hiện đề tài: Nguồn thu của đơn vị, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Điều 3. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện đề tài theo thuyết minh đã được phê duyệt.

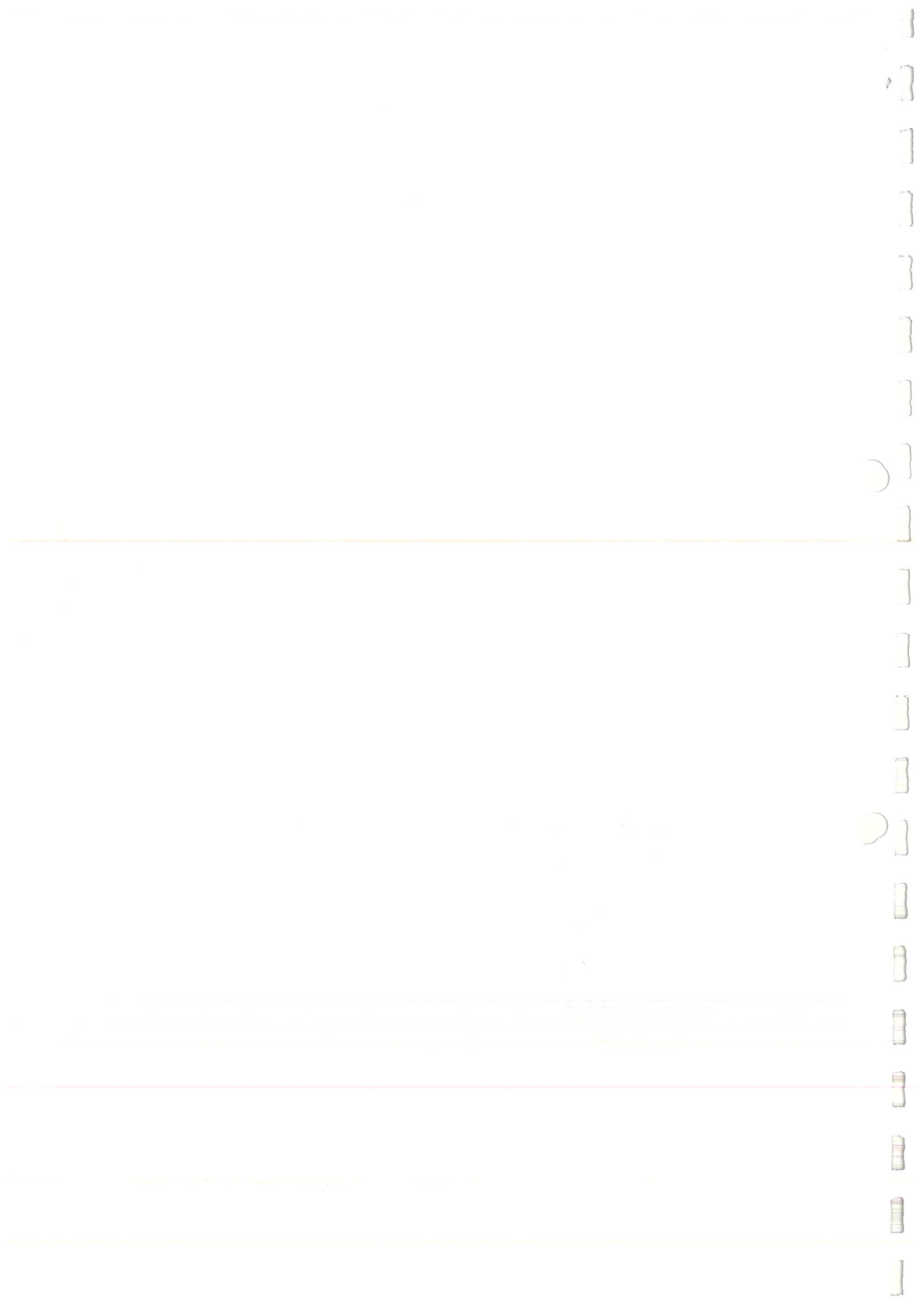
Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính - Kế toán, ông (bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN&HTQT.



PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính



DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ
NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 134/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 4 năm 2020
của Giám đốc Học viện YDHCTVN)

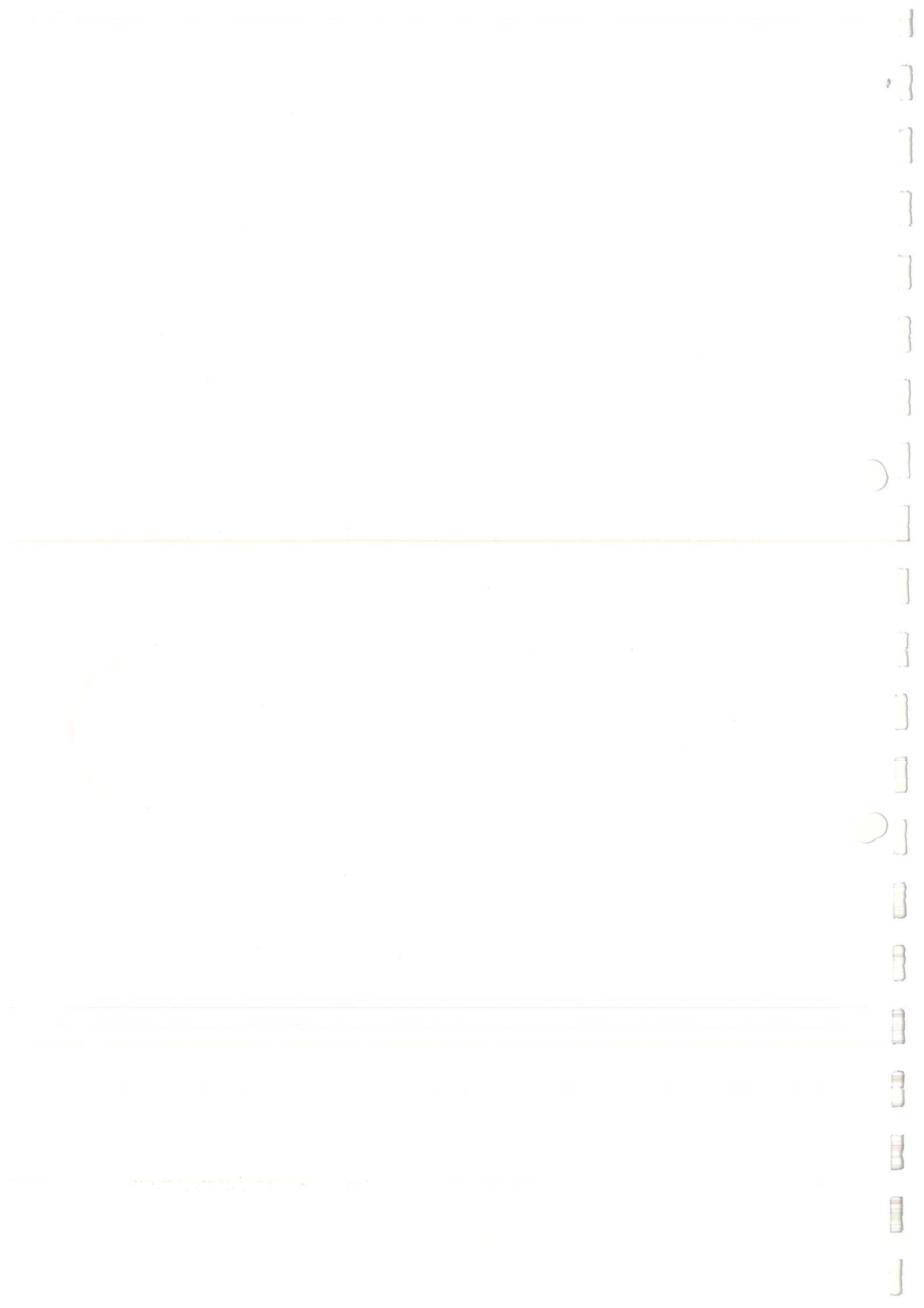


Đơn vị tính: đồng

S T T	Tên và CNDT	Trả công lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Hội đồng đánh giá bộ môn	Quản lý NV Khoa học	Chi khác	Tổng kinh phí
1	Tác dụng xua muỗi của dịch chiết húng quế <i>Ocimum basilicum</i> L. <i>lamiaceae</i> trên thực nghiệm CNDT: TS. Nguyễn Thị Minh Thu	3.757.000	0.0	500.000	500.000	200.000	4.957.000
Tổng cộng							4.957.000

Bằng chữ: Bốn triệu chín trăm năm bảy nghìn đồng.





Số: 127/QĐ-HVYDHCTVN

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Quyết định số 1947/2000/QĐ-BYT ngày 23 tháng 06 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phân cấp công tác quản lý cán bộ cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 5545/QĐ-BYT ngày 11 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 1203 /QĐ-HVYDHCTVN ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Học viện YDHCT Việt Nam về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài;

Căn cứ vào biên bản Hội đồng nghiệm thu ngày 11 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của trường phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả nghiên cứu đề tài cấp cơ sở do Hội đồng Khoa học nghiệm thu theo Quyết định số 1203 ngày 06 tháng 11 năm 2020 - PGS.TS. Nguyễn Duy Thuần làm chủ tịch Hội đồng có tên: "Tác dụng xua muối của dịch chiết húng quế *Ocimum basilicum* L. lamiales trên thực nghiệm", Chủ nhiệm đề tài TS. Nguyễn Thị Minh Thu với sản phẩm bao gồm:

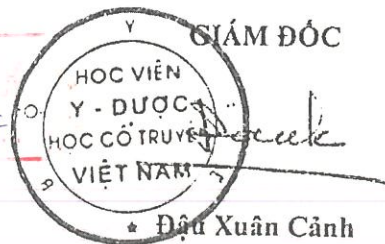
- Một bản tài liệu báo cáo nghiệm thu.
- Một bài báo đăng Tạp chí trong nước.
- Quyết định, biên bản của Hội đồng về kết quả nghiệm thu.

Điều 2. Sản phẩm nghiên cứu được lưu tại Thư viện, phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

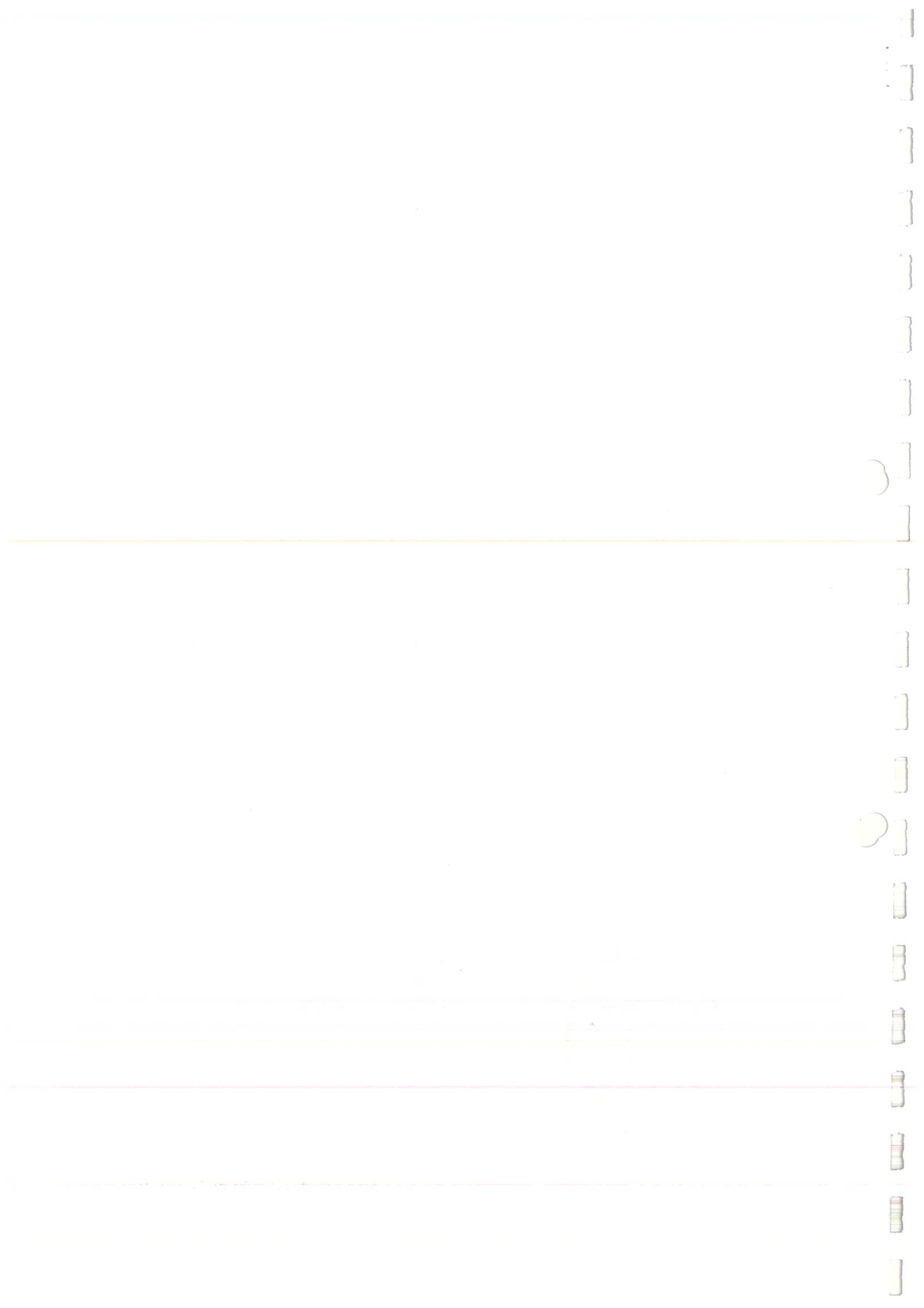
Điều 3. Chủ nhiệm đề tài, Các ông (bà) Trường phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính Kế toán, Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN&HTQT.



PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính



Số: 555/QĐ-HVYDHCTVN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2021

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y – DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “ Điều lệ trường Đại học ”;

Căn cứ Quyết định số 1947/2000/QĐ-BYT ngày 23 tháng 06 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phân cấp công tác quản lý cán bộ cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài nghiên cứu Khoa học cấp cơ sở năm 2021 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thị Minh Thu (danh sách chi tiết kèm theo).

Tên đề tài: Nghiên cứu tác dụng xua muối của tinh dầu húng quế *Ocimum basilicum* L. Lamiaceae trên thực nghiệm.

Kinh phí thực hiện đề tài: 9.999.975 (Chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng).

Điều 2. Kinh phí thực hiện đề tài: Nguồn thu của đơn vị.

Điều 3. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện đề tài theo thuyết minh đã được phê duyệt.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính - Kế toán, ông (bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././.

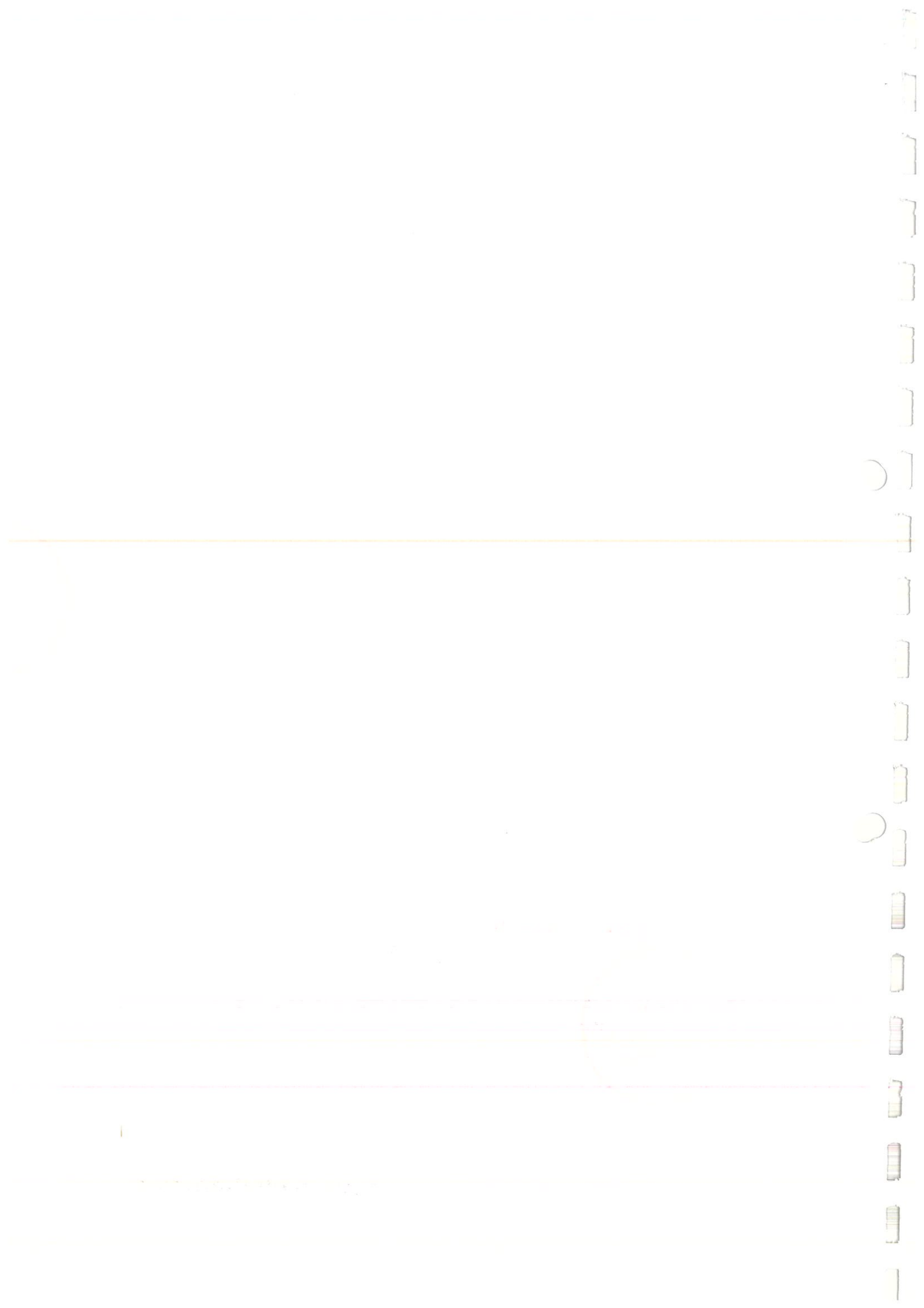
Nơi nhận:

- Như Điều 4;

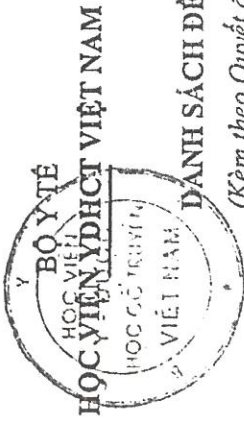
- Lưu: VT, KHCN&HTQT.



PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



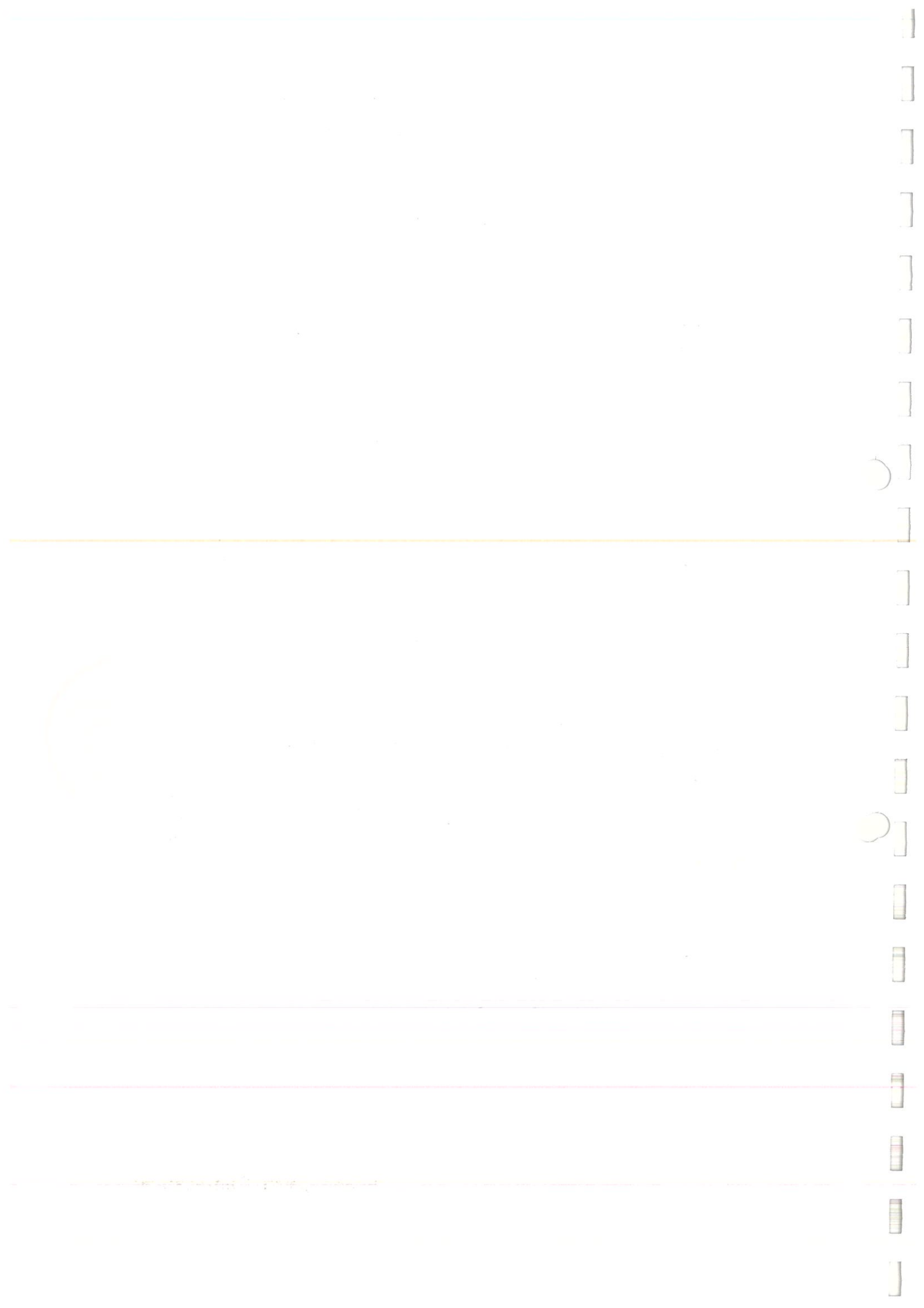
DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số: 585 /QĐ-HVYDHC T VN ngày 30 tháng 6 năm 2021

của Giám đốc Học viện YDHC T VN)

		Đơn vị tính: đồng						
S	T T T	Tên và CNDT	Trà công lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Hội đồng đánh giá phòng ban (bộ môn)	Quản lý NV Khoa học và công nghệ	Chi khác	Tổng kinh phí
1		Nghiên cứu tác dụng xua muối của tinh dầu húng quế <i>Ocimum basilicum</i> L. <i>Lamiaceae</i> trên thực nghiệm. CNDT: TS. Nguyễn Thị Minh Thu	8.831.975	0.0	500.000	500.000	168.000	9.999.975
Tổng cộng								9.999.975

Bảng chữ: Chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng.





Số: *1125* /QĐ-HVYDHC TVN

Hà Nội, ngày *22* tháng *11* năm *2021*

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “ Điều lệ trường Đại học ”;

Căn cứ Quyết định số 1947/2000/QĐ-BYT ngày 23 tháng 06 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phân cấp công tác quản lý cán bộ cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHC TVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 1090 /QĐ-HVYDHC TVN ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng Khoa học nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2021;

Căn cứ vào biên bản Hội đồng nghiệm thu ngày 16 tháng 11 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

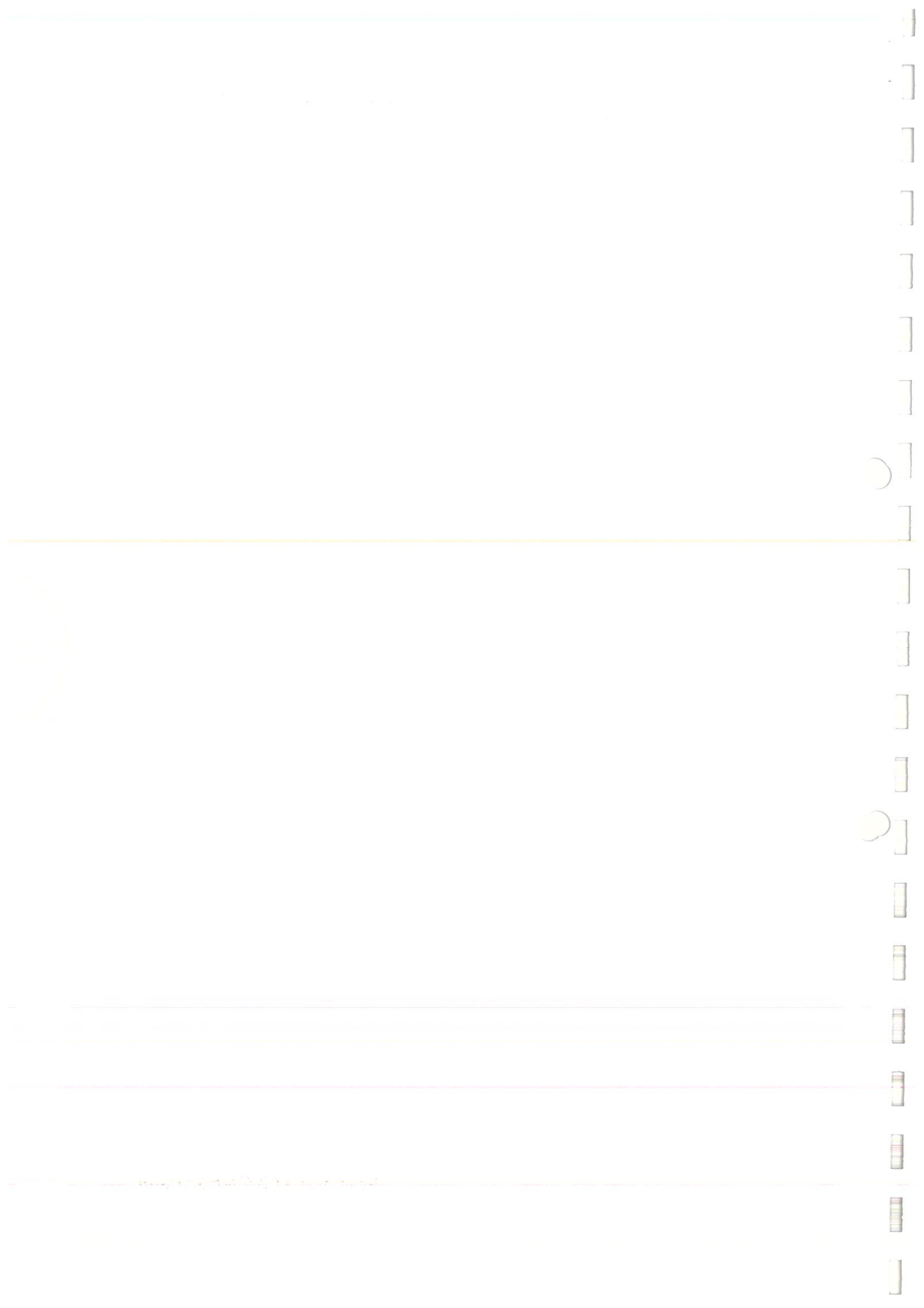
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả nghiên cứu đề tài cấp cơ sở do Hội đồng Khoa học nghiệm thu theo Quyết định số 1090/QĐ-HVYDHC TVN ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng Khoa học nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2021 - PGS.TS. Nguyễn Duy Thuần làm Chủ tịch Hội đồng có tên: “Nghiên cứu tác dụng xua muỗi của tinh dầu húng quế *Ocimum basilicum* L., Lamiaceae trên thực nghiệm”, chủ nhiệm đề tài TS. Nguyễn Thị Minh Thu:

Kết quả: Đạt.

Với sản phẩm bao gồm:

- Một Báo cáo nghiệm thu.
- Một bài báo đăng tạp chí trong nước.
- Quyết định, biên bản của Hội đồng về kết quả nghiệm thu.



Điều 2. Sản phẩm nghiên cứu được lưu tại Thư viện, phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

Điều 3. Chủ nhiệm đề tài, ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính Kế toán, Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN & HTQT.

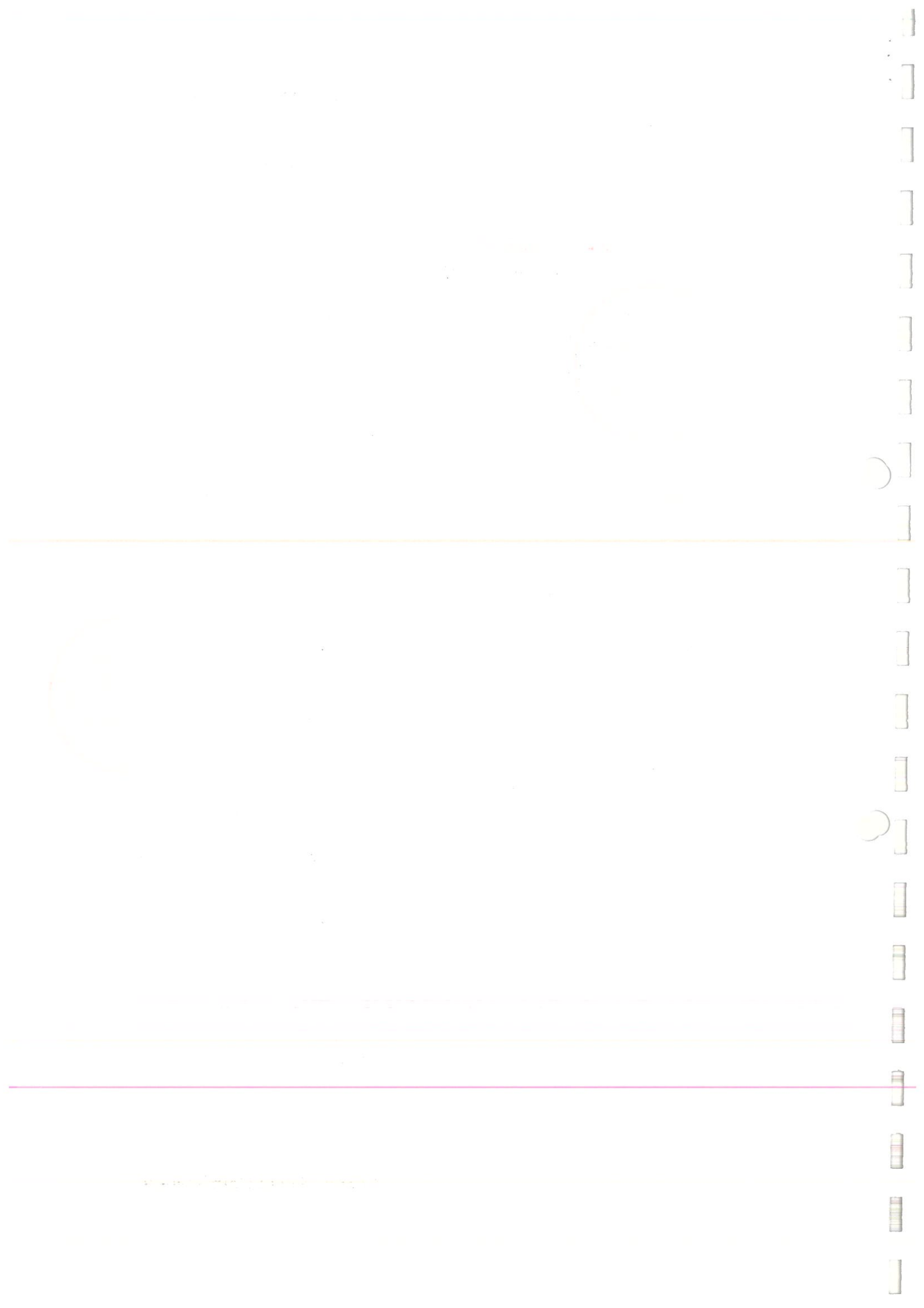
SỐ Y BẢN CHÍNH
Ngày 31/7/2024

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
Y - DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM
Nguyễn Quốc Huy

HỌC VIỆN
Y - DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM

PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính

VIỆN
DƯỢC
CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM



Số: 856 /QĐ-HVYDHCTVN

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2021

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y – DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “ Điều lệ trường Đại học ”;

Căn cứ Quyết định số 1947/2000/QĐ-BYT ngày 23 tháng 06 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phân cấp công tác quản lý cán bộ cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Theo đề nghị của Trường phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài nghiên cứu Khoa học cấp cơ sở năm 2021 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho chủ nhiệm đề tài: **TS.Nguyễn Thị Minh Thu** (danh sách chi tiết kèm theo).

Tên đề tài: Khảo sát ý kiến của giảng viên về mục tiêu và chuẩn đầu ra mới chương trình đào tạo ngành dược học trình độ đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam.

Điều 2. Kinh phí thực hiện đề tài: 9.804.750 đồng (Chín triệu tám trăm linh tư nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

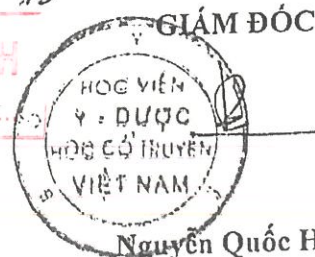
Điều 3. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện đề tài theo thuyết minh đã được phê duyệt.

Điều 4. Các ông (bà) Trường phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính kế toán và ông (bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. /s/

Nơi nhận:

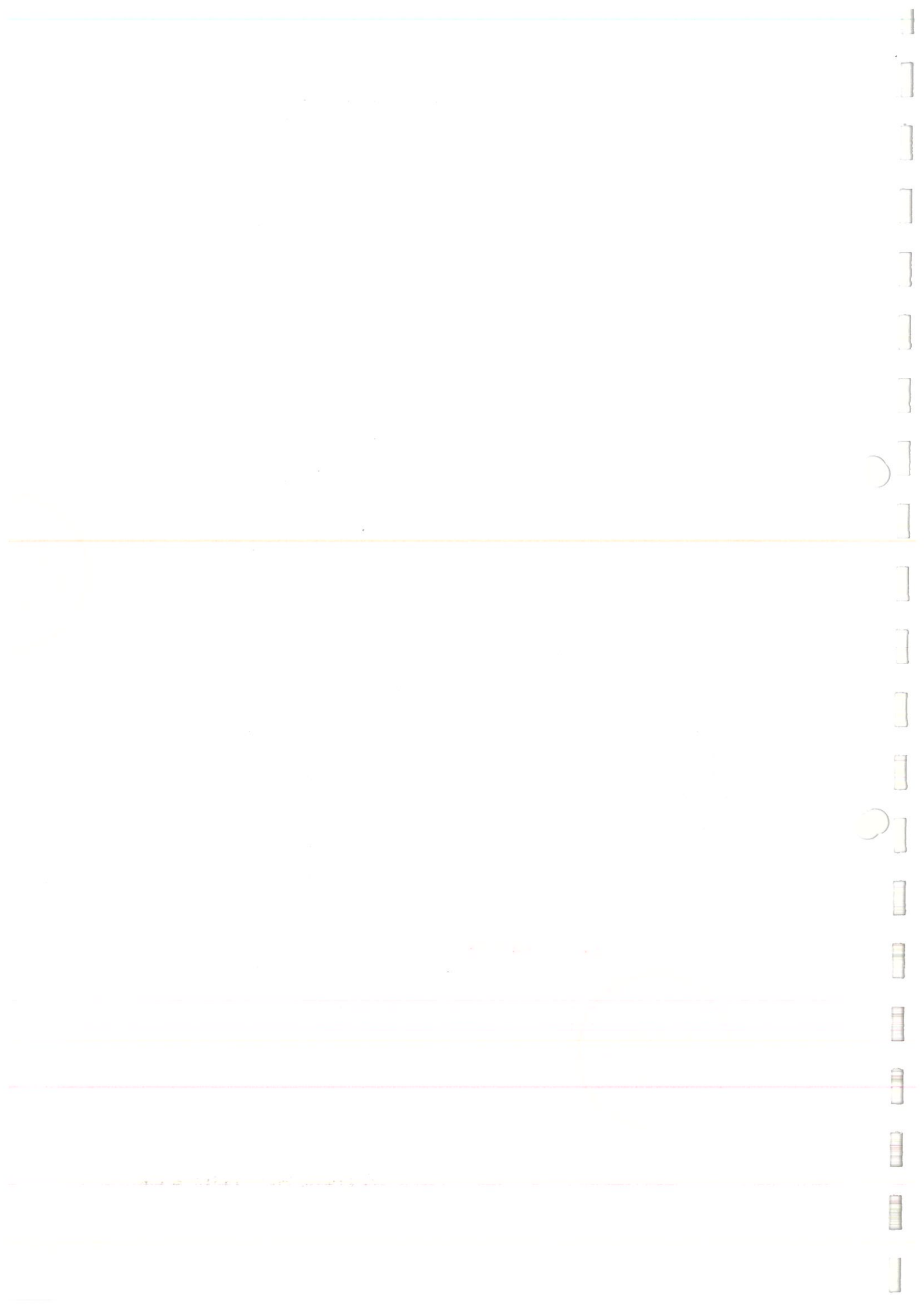
- Như Điều 4;

- Lưu: VT, KHCN&HTQT. Ngày 31/7/2024



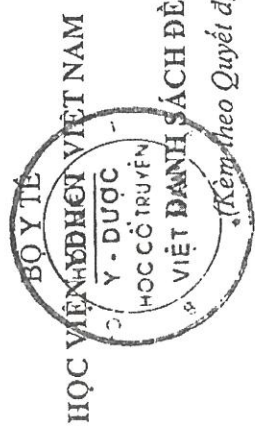
Nguyễn Quốc Huy

PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



VIỆT BANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: ST/QĐ-HVYDHTVN ngày 2 tháng 5 năm 2021

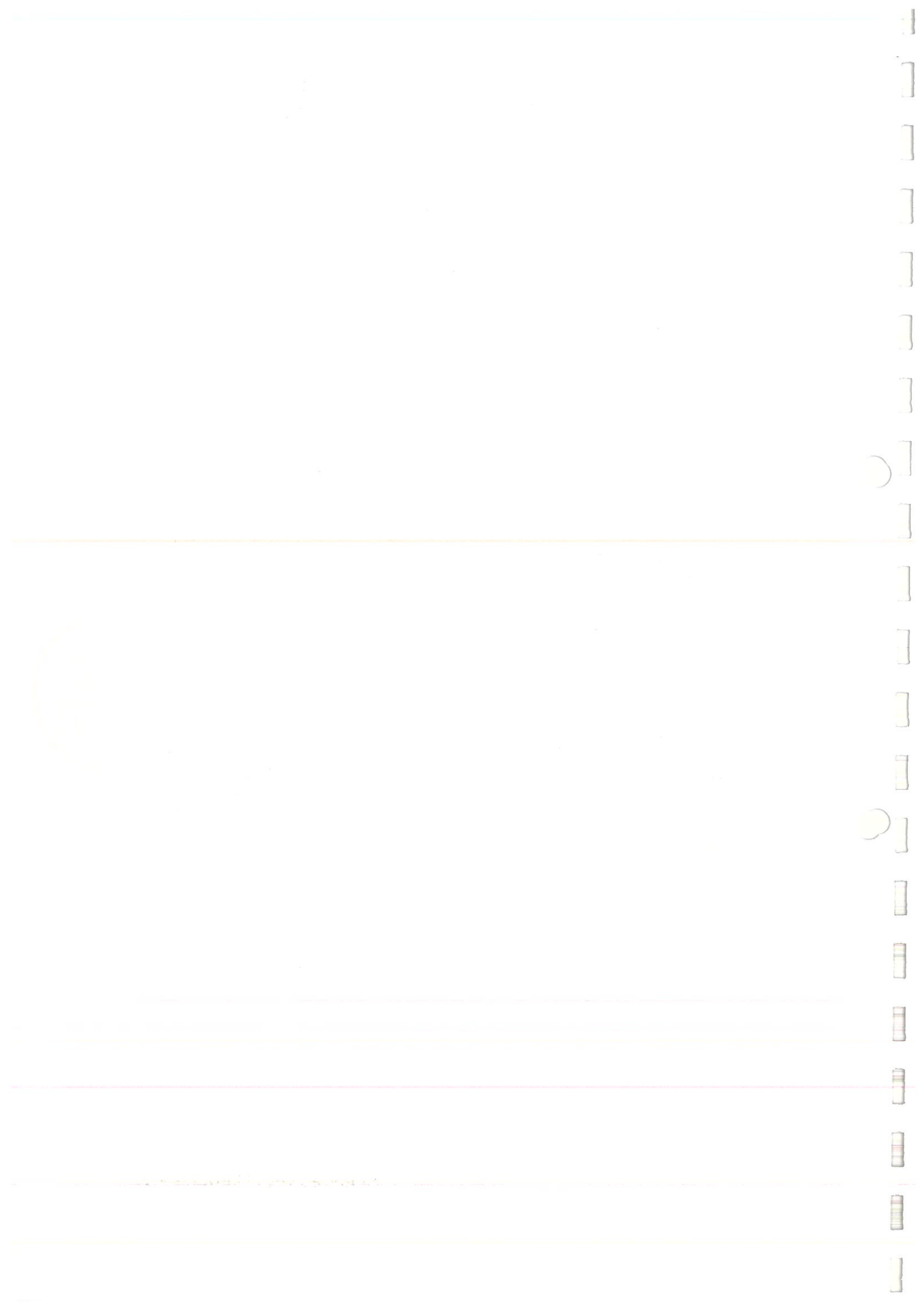
của Giám đốc Học viện YDHTVN)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên và CNĐT	Trà công lao động	Hội đồng đánh giá phòng ban (bộ môn)	Quản lý NV Khoa học và công nghệ	Chi khác	Tổng kinh phí
1	Khảo sát ý kiến của giảng viên về mục tiêu và chuẩn đầu ra mới chương trình đào tạo ngành dược học trình độ đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam. CNĐT: TS.Nguyễn Thị Minh Thu	8.604.750	500.000	500.000	200.000	9.804.750
Tổng cộng						9.804.750

(Chín triệu tám trăm linh tư nghìn bảy trăm năm mươi đồng).





QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “ Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Quyết định số 1947/2000/QĐ-BYT ngày 23 tháng 06 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phân cấp công tác quản lý cán bộ cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 1181/QĐ-HVYDHCTVN ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng Khoa học nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2021;

Căn cứ vào biên bản Hội đồng nghiệm thu ngày 8 tháng 12 năm 2021;

Theo đề nghị của trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả nghiên cứu đề tài cấp cơ sở do Hội đồng Khoa học nghiệm thu theo Quyết định số 1181/QĐ-HVYDHCTVN ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng Khoa học nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2021 - PGS.TS.Nguyễn Duy Thuần làm Chủ tịch Hội đồng có tên: “Khảo sát ý kiến của giảng viên về mục tiêu và chuẩn đầu ra mới chương trình đào tạo ngành dược học trình độ đại học tại Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam”, chủ nhiệm đề tài TS. Nguyễn Thị Minh Thu

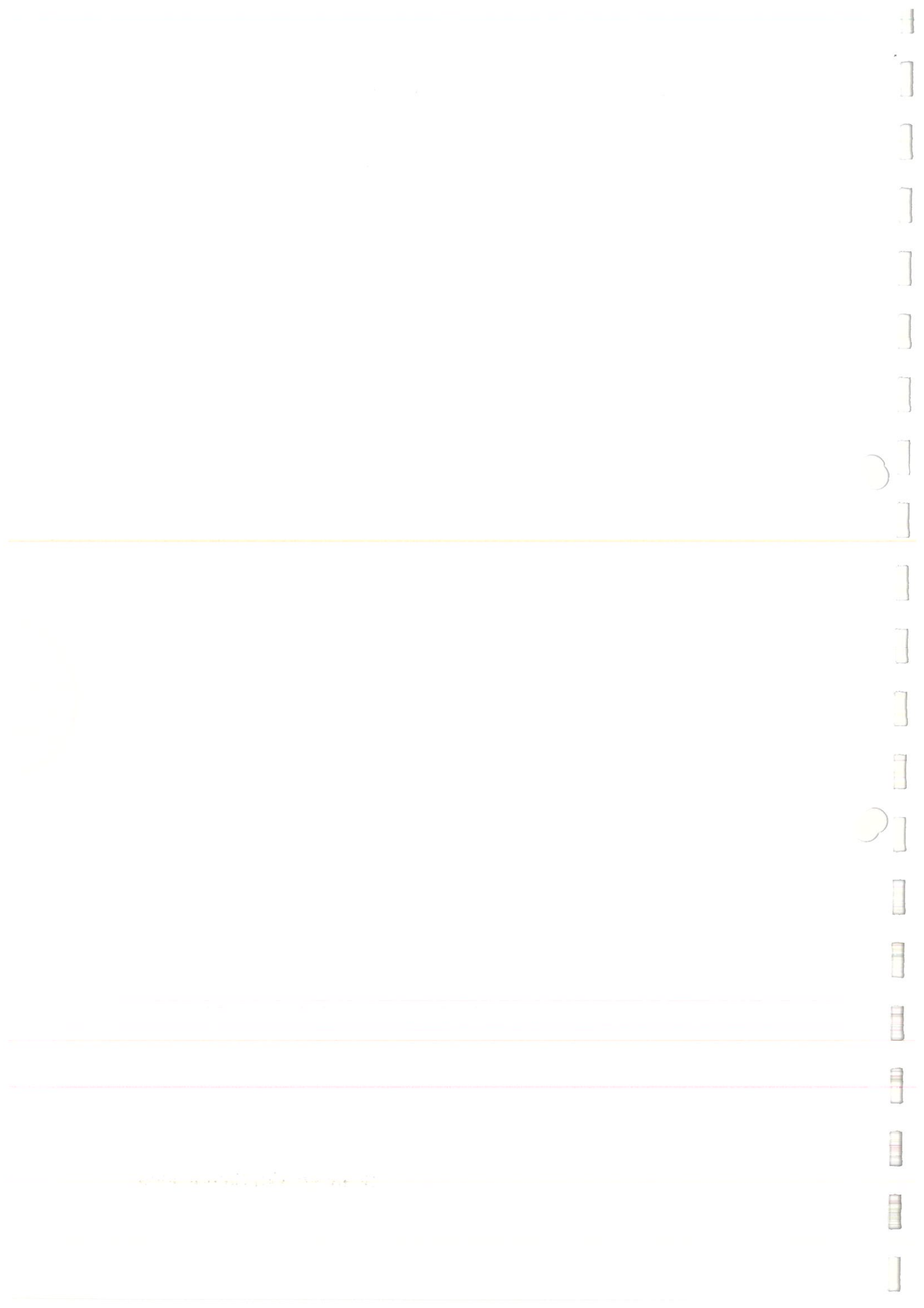
Kết quả: Đạt

với sản phẩm bao gồm:

- Một bản tài liệu báo cáo nghiệm thu.
- Quyết định, biên bản của Hội đồng về kết quả nghiệm thu.

Điều 2. Sản phẩm nghiên cứu được lưu tại Thư viện, phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

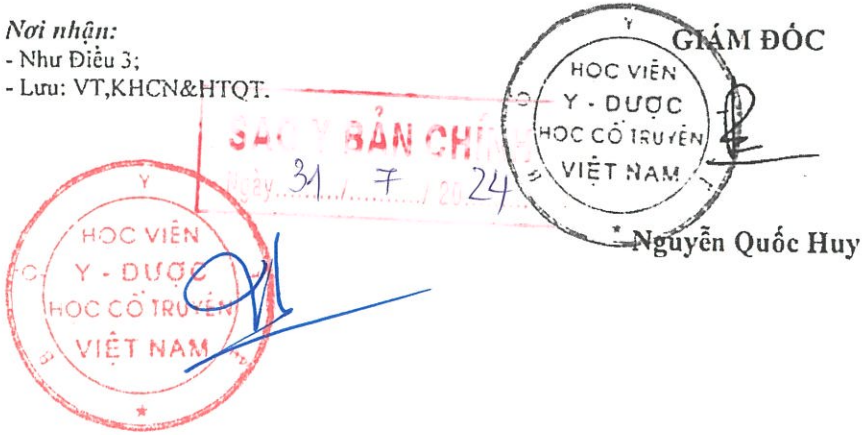




Điều 3. Chủ nhiệm đề tài, ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính Kế toán, Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

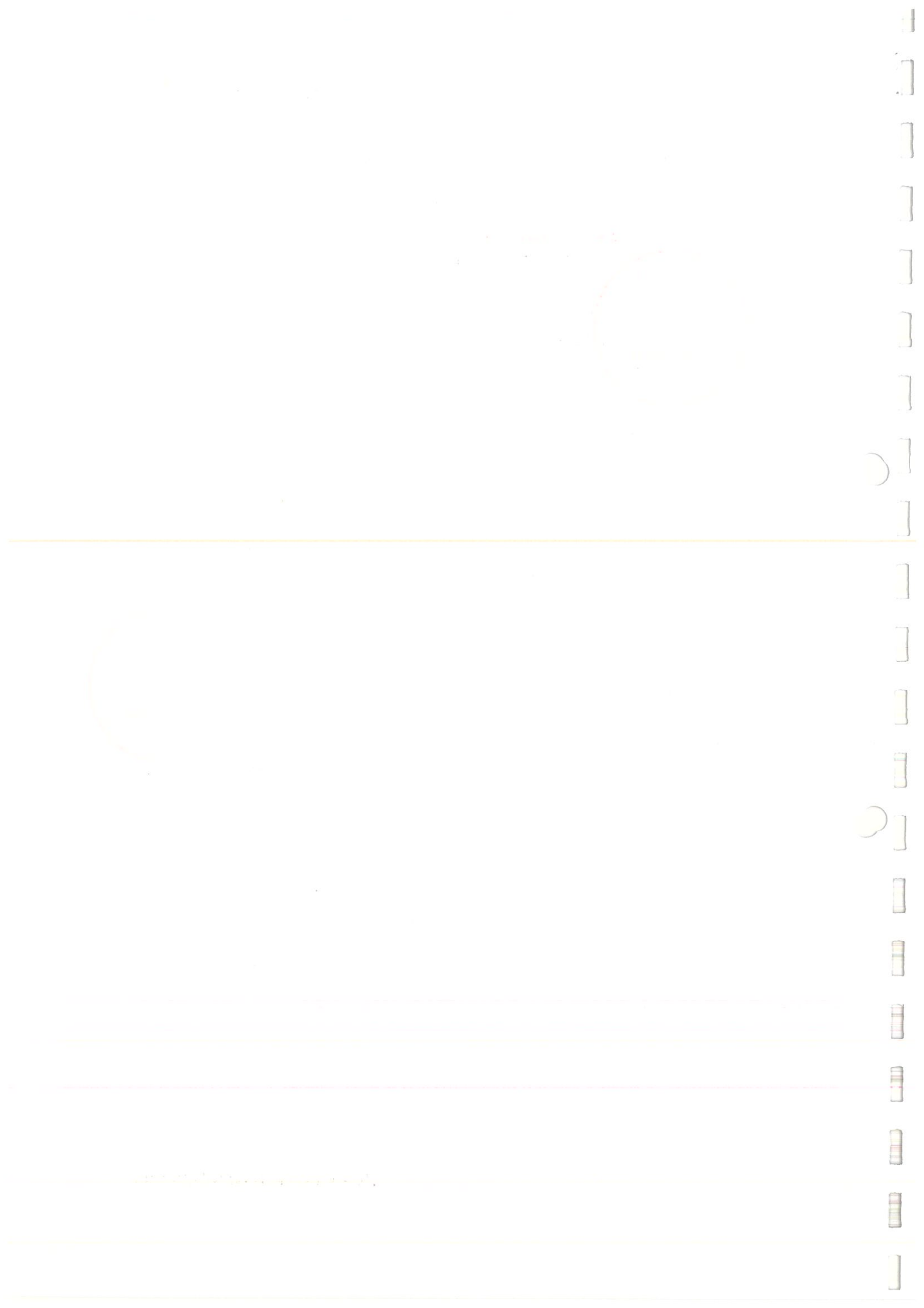
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN & HTQT.



PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính





Số: 1622/QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y – DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Theo đề nghị của Trường phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài nghiên cứu Khoa học cấp cơ sở năm 2022 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thị Minh Thu (danh sách chi tiết kèm theo).

Tên đề tài: Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu đánh giá tác dụng giảm đau và chống viêm tại Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam năm 2020-2022.

Kinh phí thực hiện đề tài: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn)

Điều 2. Kinh phí thực hiện đề tài: Nguồn thu của đơn vị.

Điều 3. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện đề tài theo thuyết minh đã được phê duyệt.

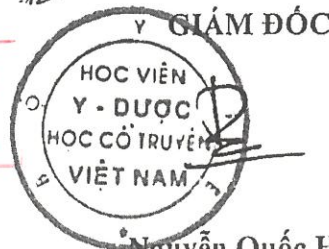
Điều 4. Các ông (bà) Trường phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính Kế toán và ông (bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KHQT.



SỐ Y BẢN CHÍNH
Ngày 31 / 7 / 2024



Nguyễn Quốc Huy

PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính

3

4

21.12.2024



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC VIỆT NAM



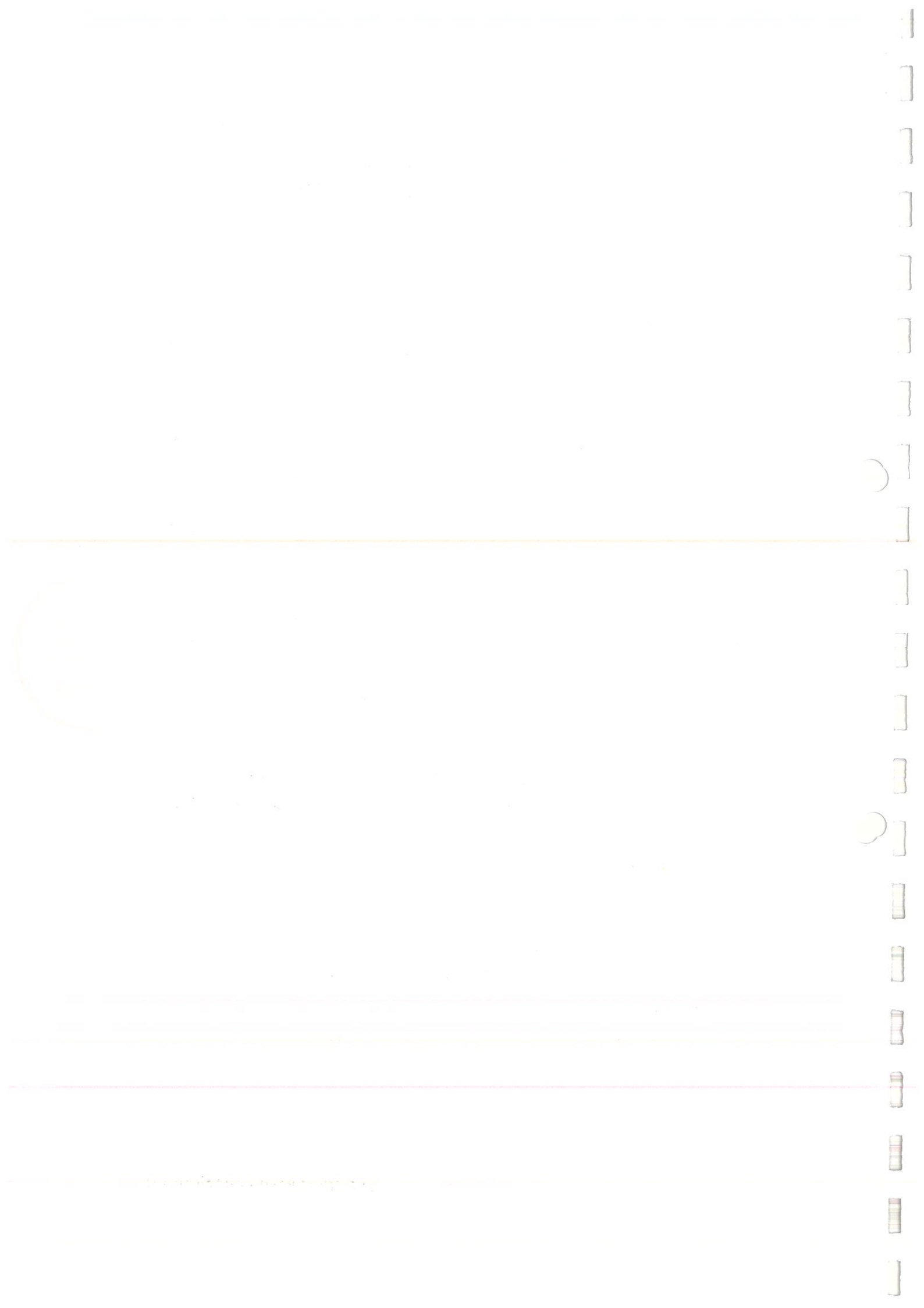
DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2022
Kèm theo Quyết định số: 1612 /QĐ-HVYDCT ngày 06 tháng 7 năm 2022
của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đơn vị tính: đồng

S	T	T	Tên và CNĐT	Trà công lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Hội đồng đánh giá phòng ban (bộ môn)	Quản lý NV Khoa học và công nghệ	Chi khác	Tổng kinh phí
1			Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu đánh giá tác dụng giảm đau và chống viêm tại Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam năm 2020-2022. CNĐT: TS.Nguyễn Thị Minh Thu	27.848.100	0.0	500.000	1.500.000	151.900	30.000.000
Tổng cộng									30.000.000

Bảng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn.





Số: 3602 /QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu đề tài ngày 29 tháng 11 năm 2022 kèm theo Quyết định số 3482/QĐ-HVYDCT ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng Khoa học nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

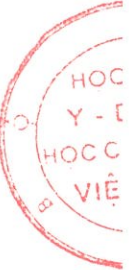
Điều 1. Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2022: "Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu đánh giá tác dụng giảm đau và chống viêm tại Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam năm 2020-2022".

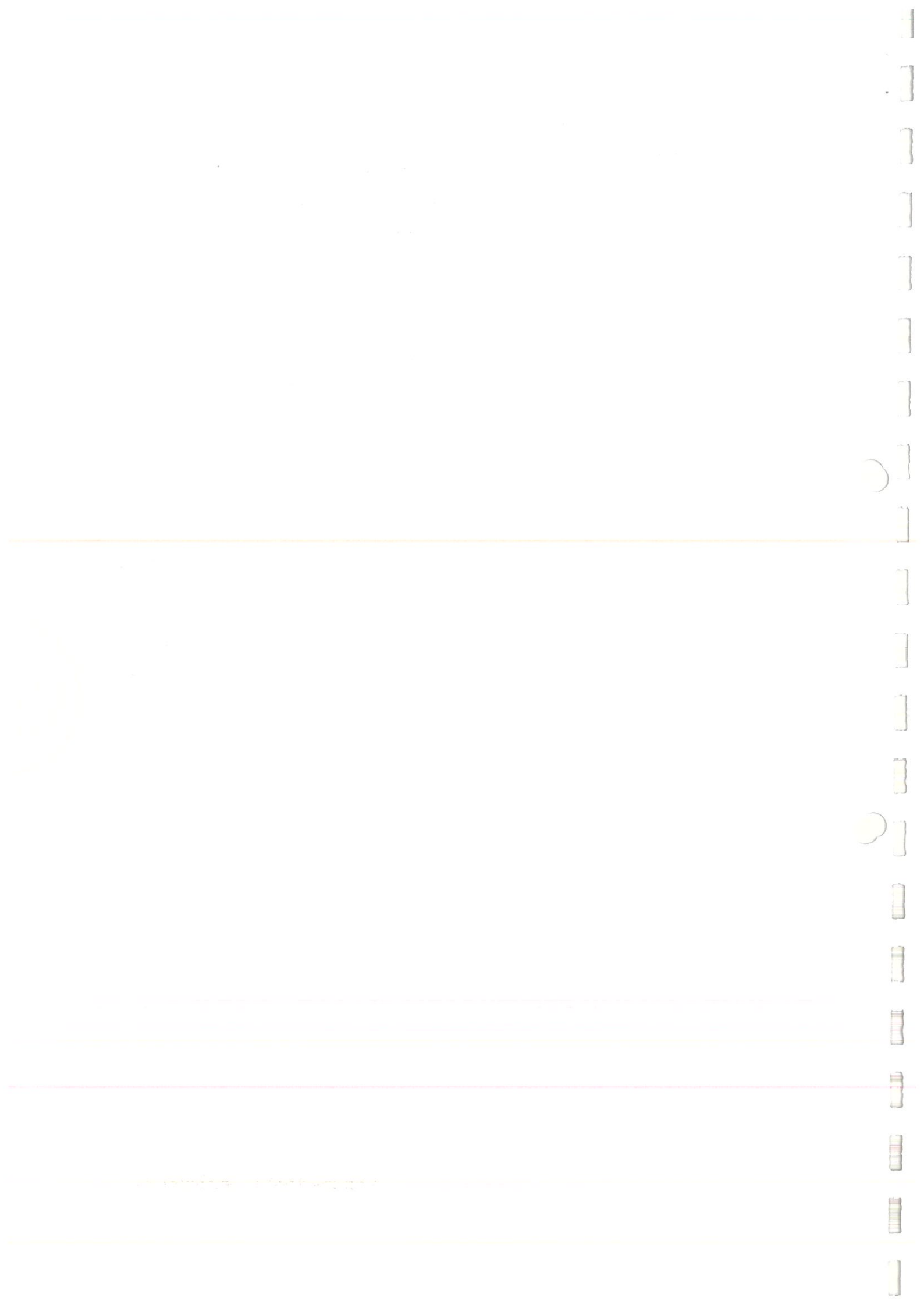
Chủ nhiệm đề tài: TS.Nguyễn Thị Minh Thu

Kết quả: Đạt.

Với sản phẩm bao gồm:

- 01 bản tài liệu báo cáo nghiệm thu;
- 01 bản báo cáo kết quả chuyển giao cho Viện nghiên cứu Y Dược cổ truyền Tuệ Tĩnh;
- Quyết định, biên bản của Hội đồng về kết quả nghiệm thu.





Điều 2. Sản phẩm nghiên cứu được lưu tại Thư viện, phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

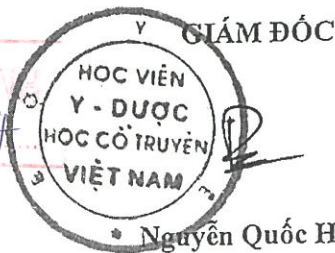
Điều 3. Chủ nhiệm đề tài, ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính kế toán, Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. /./ *ln*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHQT.

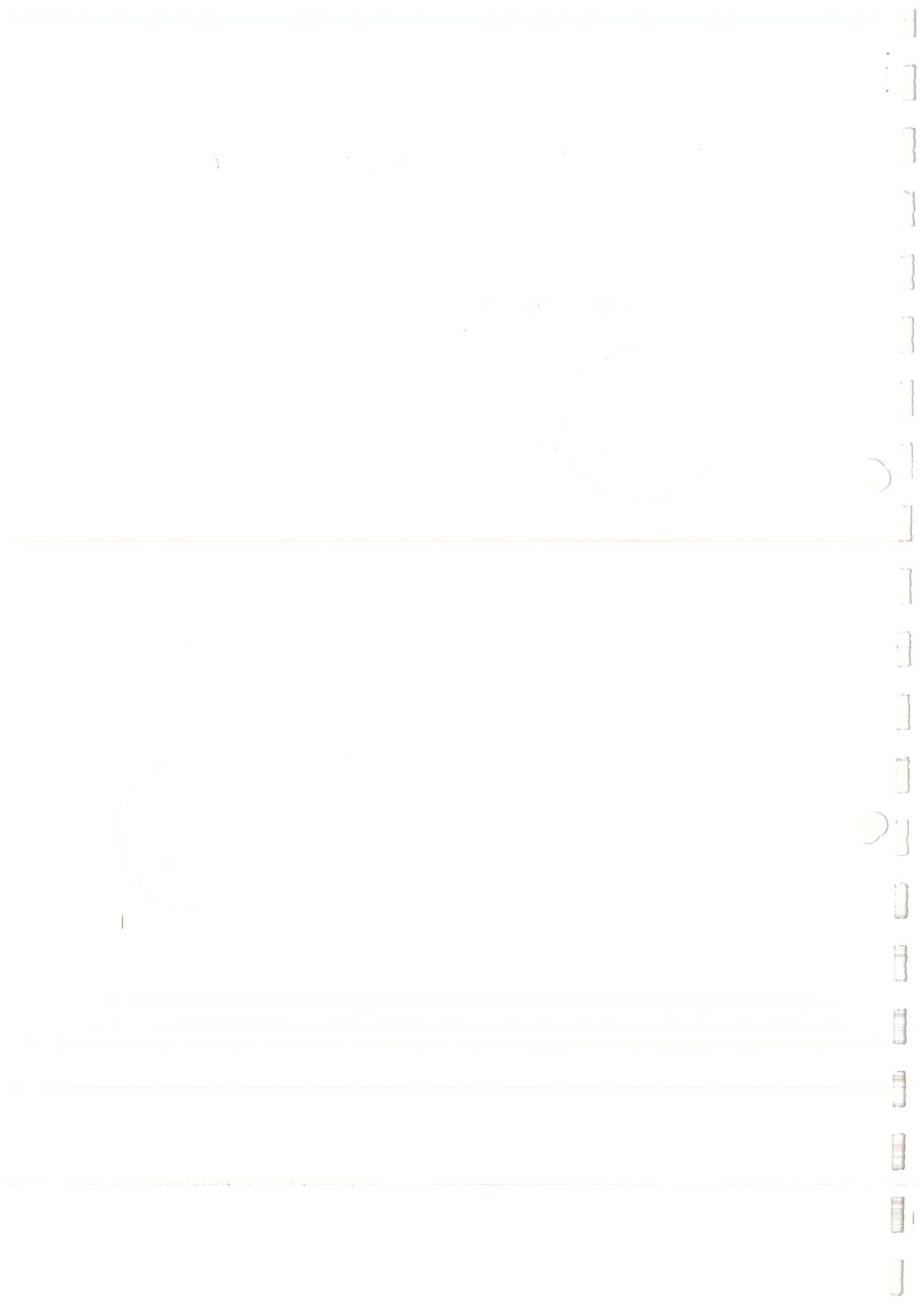
SÁO Y BẢN CHÍ

Ngày 31/7/2024



PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính





QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đề tài nghiên cứu khoa học năm 2023

VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU Y DƯỢC CỔ TRUYỀN TUỆ TỈNH

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-BYT ngày 22 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Viện nghiên cứu Y-Dược cổ truyền Tuệ Tĩnh trực thuộc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-BYT ngày 22 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Viện nghiên cứu Y-Dược cổ truyền Tuệ Tĩnh trực thuộc Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-VNC ngày 20 tháng 03 năm 2023 của Viện trưởng Viện nghiên cứu Y dược cổ truyền Tuệ Tĩnh về việc thành lập hội đồng khoa học xét duyệt đề cương đề tài nghiên cứu khoa học năm 2023 ;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27 tháng 03 năm 2023 về việc thông qua đề cương đề tài nghiên cứu khoa học năm 2023 ;

Theo đề nghị của Phòng hành chính Viện nghiên cứu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài khoa học: "Đánh giá độc tính cấp, bán trường diễn và tác dụng bảo vệ dạ dày của Viên Khôi tím trên thực nghiệm" năm 2023 của viện nghiên cứu Y dược cổ truyền tuệ Tĩnh cho **Chủ nhiệm đề tài TS. Nguyễn Thị Minh Thu (có danh sách chi tiết kèm theo)** .

Điều 2. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện đề tài theo thuyết minh đã được phê duyệt.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng: Hành chính, Tổng hợp, Tài chính – Kế toán và các ông/bà có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

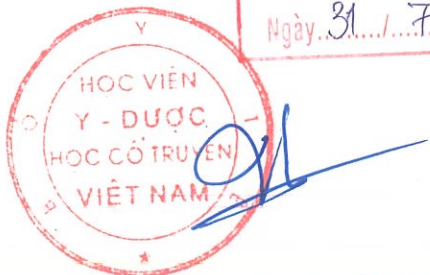
- Lưu: VT, HCTH

VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU YDCTTT

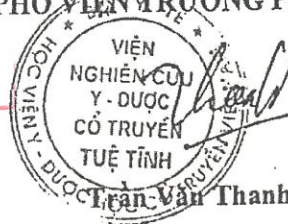
PHÓ VIỆN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 31/07/2024

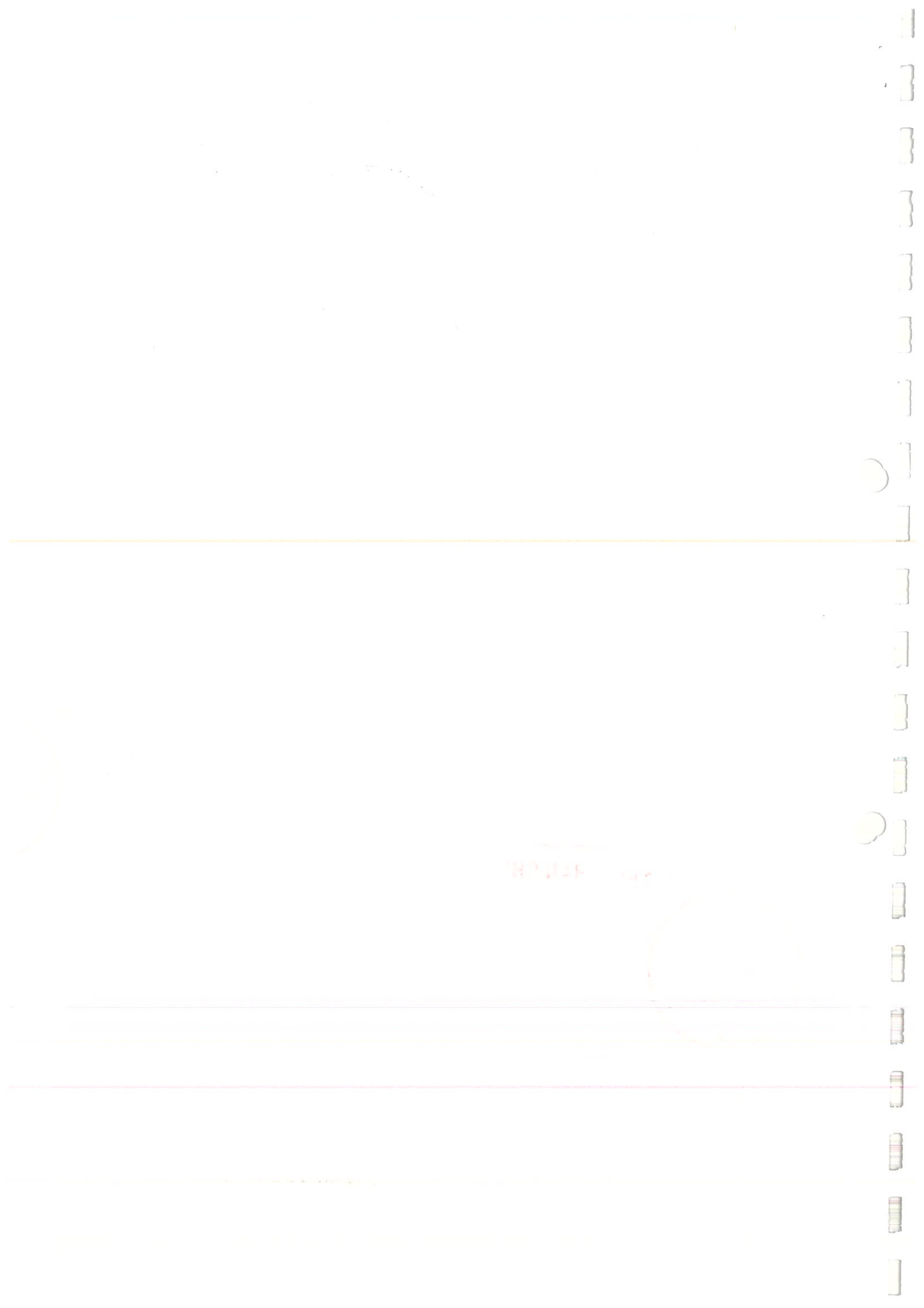


PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính



Trần Văn Thanh





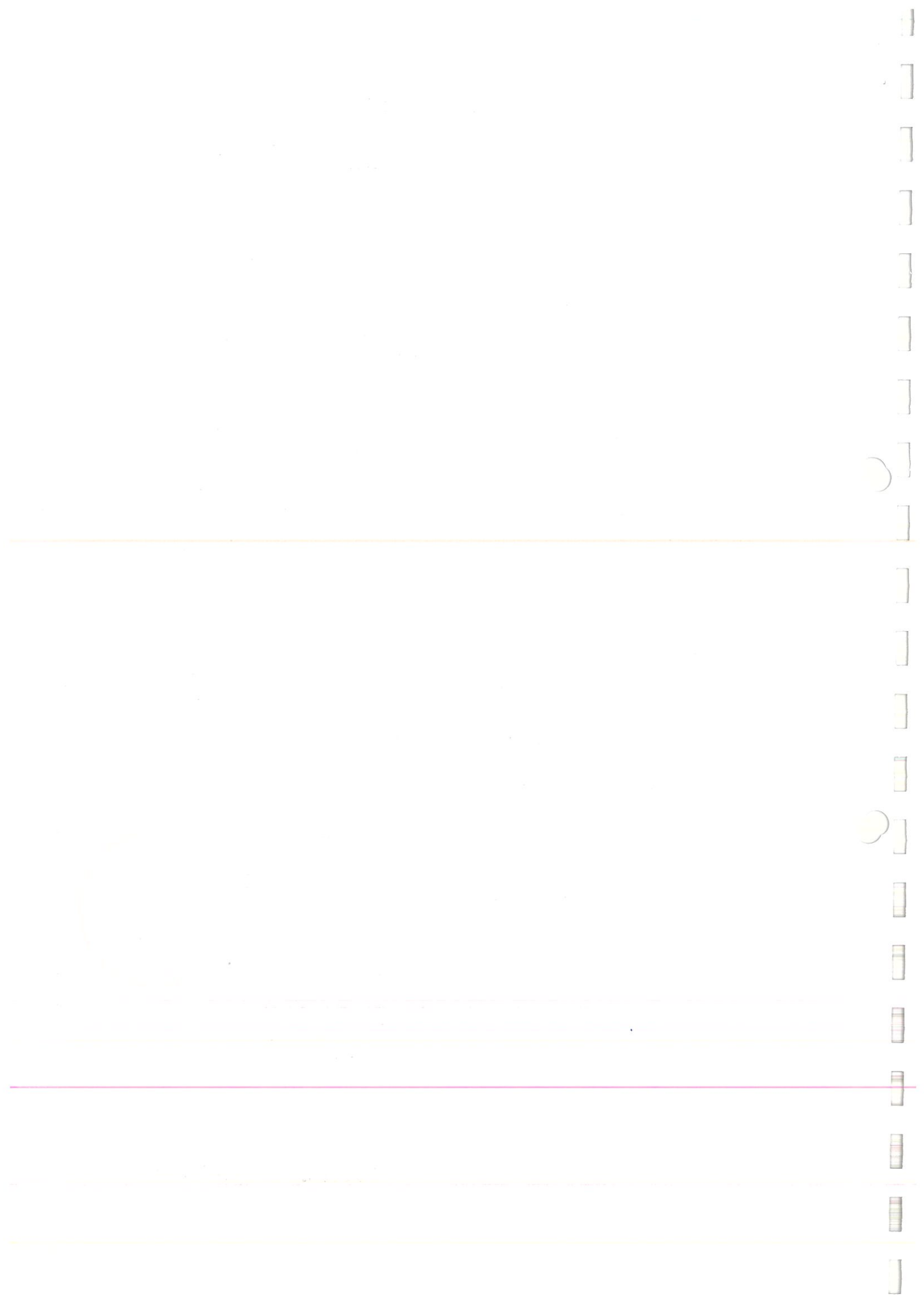
1954

**DANH SÁCH NGƯỜI THAM GIA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
CẤP CƠ SỞ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định: 10/QĐ-VNC, ngày 27 tháng 03 năm 2023 của Viện trưởng Viện nghiên cứu Y- Dược cổ truyền Tuệ Tĩnh)

STT	Họ tên, học hàm, học vị	Chức danh	Đơn vị công tác
1	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	Chủ nhiệm đề tài	Dược lý
2	ThS. Nguyễn Thị Nha Trang	Thành viên chính	Viện nghiên cứu
3	TS. Nguyễn Thị Phương Anh	Thư ký	Viện nghiên cứu
4	ThS. Bùi Thị Hào	Thành viên	Dược lý - Dược lâm sàng
5	Nguyễn Thị Hà	Thành viên	Học viên cao học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam





Số: 19/QĐ-VNC

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học năm 2023

VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU Y DƯỢC CỔ TRUYỀN TUỆ TỈNH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc Hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-BYT ngày 22 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Viện nghiên cứu Y-Dược cổ truyền Tuệ Tĩnh trực thuộc Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-BYT ngày 22 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Viện nghiên cứu Y-Dược cổ truyền Tuệ Tĩnh trực thuộc Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-VNC ngày 27 tháng 03 năm 2023 của Viện trưởng Viện nghiên cứu Y dược cổ truyền Tuệ Tĩnh về việc giao đề tài nghiên cứu khoa học năm 2023.

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-VNC ngày 29 tháng 05 năm 2023 của Lãnh đạo Viện nghiên cứu Y Dược cổ truyền Tuệ Tĩnh về việc thành lập hội đồng Khoa học nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học năm 2023;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu đề tài ngày tháng năm 2023 về việc nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học năm 2023;

Theo đề nghị của Lãnh đạo Viện Nghiên cứu .

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học năm 2023: "Đánh giá độc tính cấp, bán trường diễn và tác dụng bảo vệ dạ dày của viên Khôi tằm trên thực nghiệm",

Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thị Minh Thu (có danh sách kèm theo)

Kết quả : Đạt

Với sản phẩm bao gồm: - 01 bản tài liệu báo cáo nghiệm thu

- 01 bản đề xuất đăng ký đề tài

- Quyết định, biên bản của Hội đồng về kết quả nghiệm thu

Điều 2. Sản phẩm nghiên cứu được lưu lại tại Viện nghiên cứu Y – Dược cổ truyền Tuệ Tĩnh.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các ông (bà) Trưởng phòng: Hành chính tổng hợp, Các đơn vị có liên quan và Chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-Như Điều 3

-Lưu: VT, HCTH

KT VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU YDCTTT

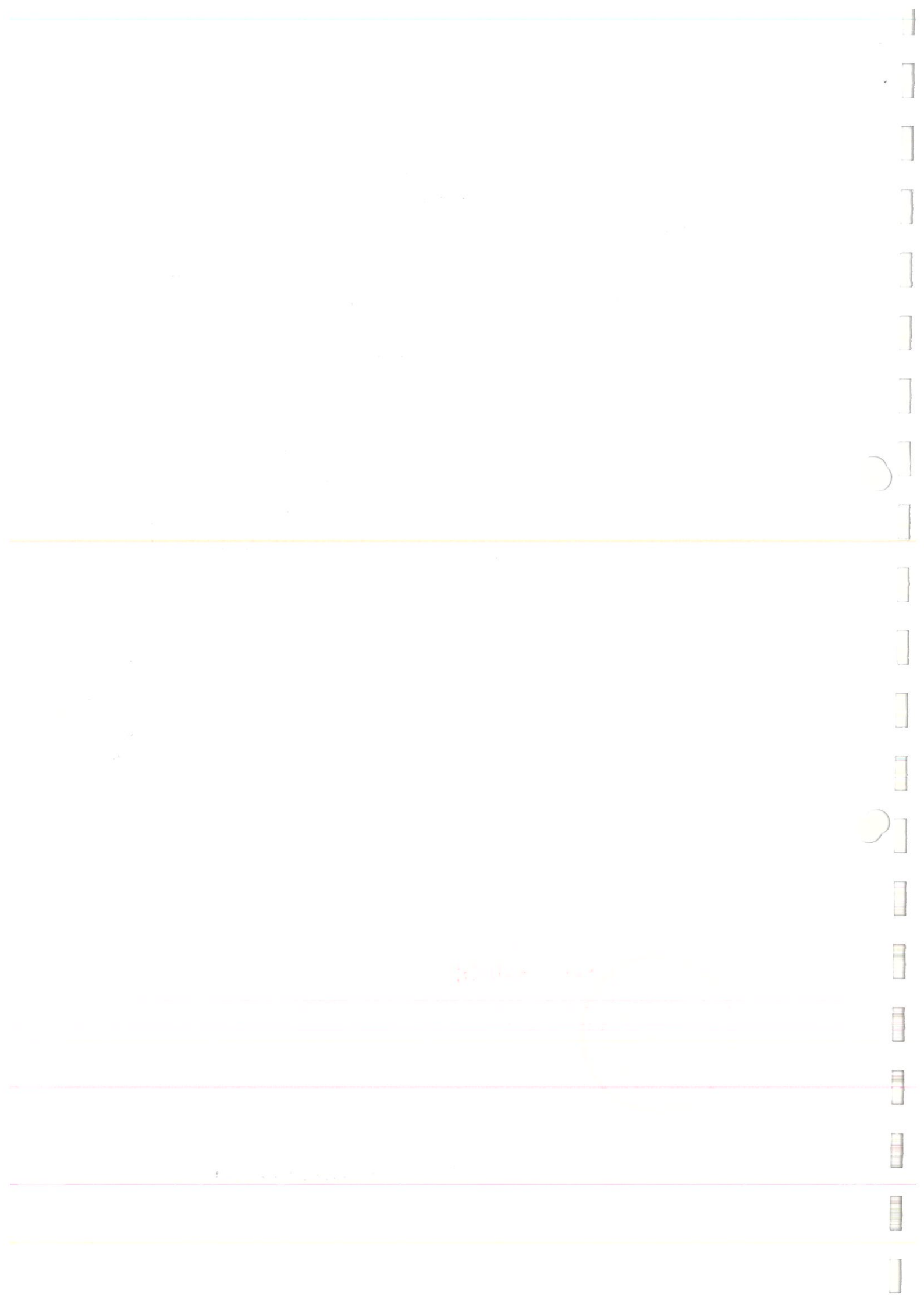
PHÓ VIỆN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

SAC Y BẢN CHÍNH

Ngày...31...7.../2024...



PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính

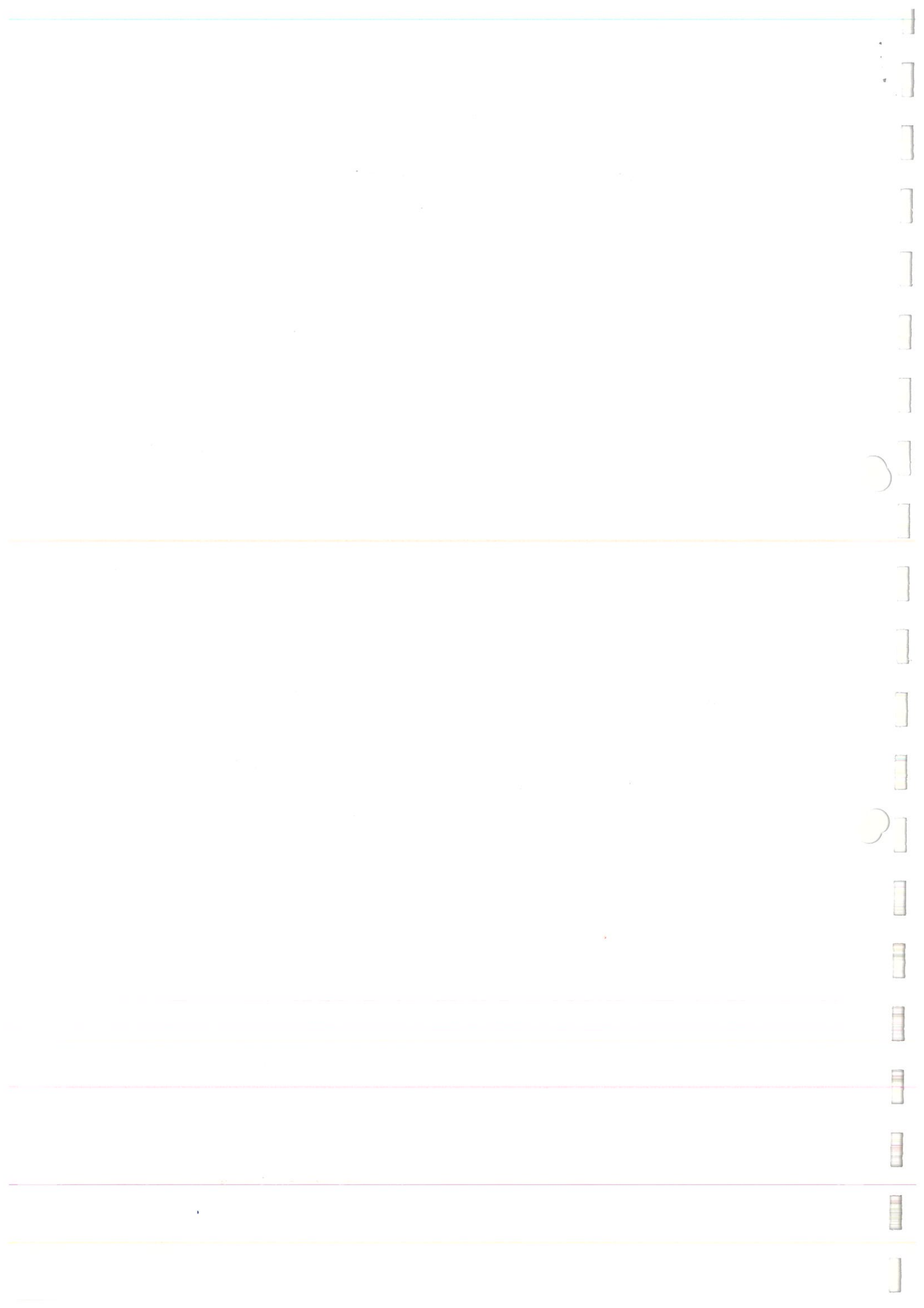


**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THÀNH VIÊN THAM GIA ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 19/QĐ-VNC, ngày 06 tháng 06 năm 2023 của Viện
trưởng Viện nghiên cứu y dược cổ truyền Tuệ Tĩnh)

STT	Họ tên, học hàm, học vị	Chức danh	Đơn vị công tác
1	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	Chủ nhiệm đề tài	Dược lý
2	ThS. Nguyễn Thị Nha Trang	Thành viên chính	Viện nghiên cứu
3	TS. Nguyễn Thị Phương Anh	Thư ký	Viện nghiên cứu
4	ThS. Bùi Thị Hào	Thành viên	Dược lý – Dược lâm sàng
5	Nguyễn Thị Hà	Thành viên	Sinh viên – Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam





Số: 2089/QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài nghiên cứu Khoa học cấp cơ sở năm 2023 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho chủ nhiệm đề tài: TS.Nguyễn Thị Minh Thu (danh sách chi tiết kèm theo).

Tên đề tài: Nghiên cứu tính kích ứng da, ảnh hưởng đến một số chức năng sống và tác dụng giảm đau của "Xịt Cốt thông Tuệ Tĩnh" trên thực nghiệm.

Kinh phí tổng: 38.457.000 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng)

Trong đó, từ nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước (nguồn thu của đơn vị) là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); nguồn ngoài ngân sách nhà nước là 8.457.000 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Điều 2. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện đề tài theo thuyết minh đã được phê duyệt.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính Kế toán và ông (bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

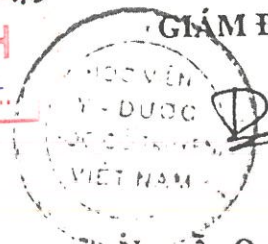
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHQT.



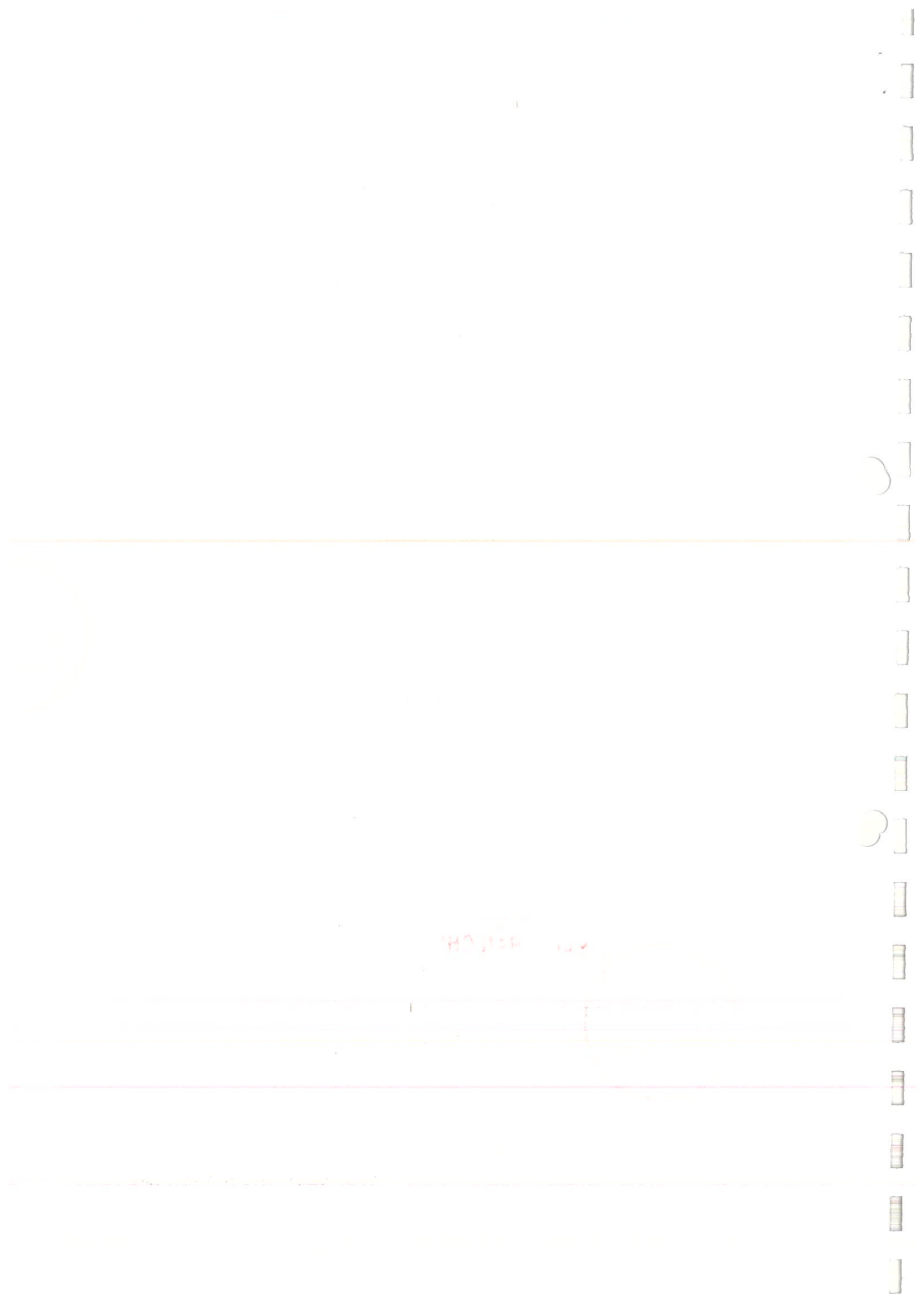
SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 31/7/2024

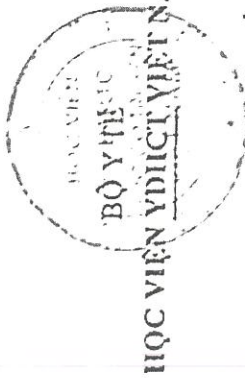


Nguyễn Quốc Huy

PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính



HO 1111



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

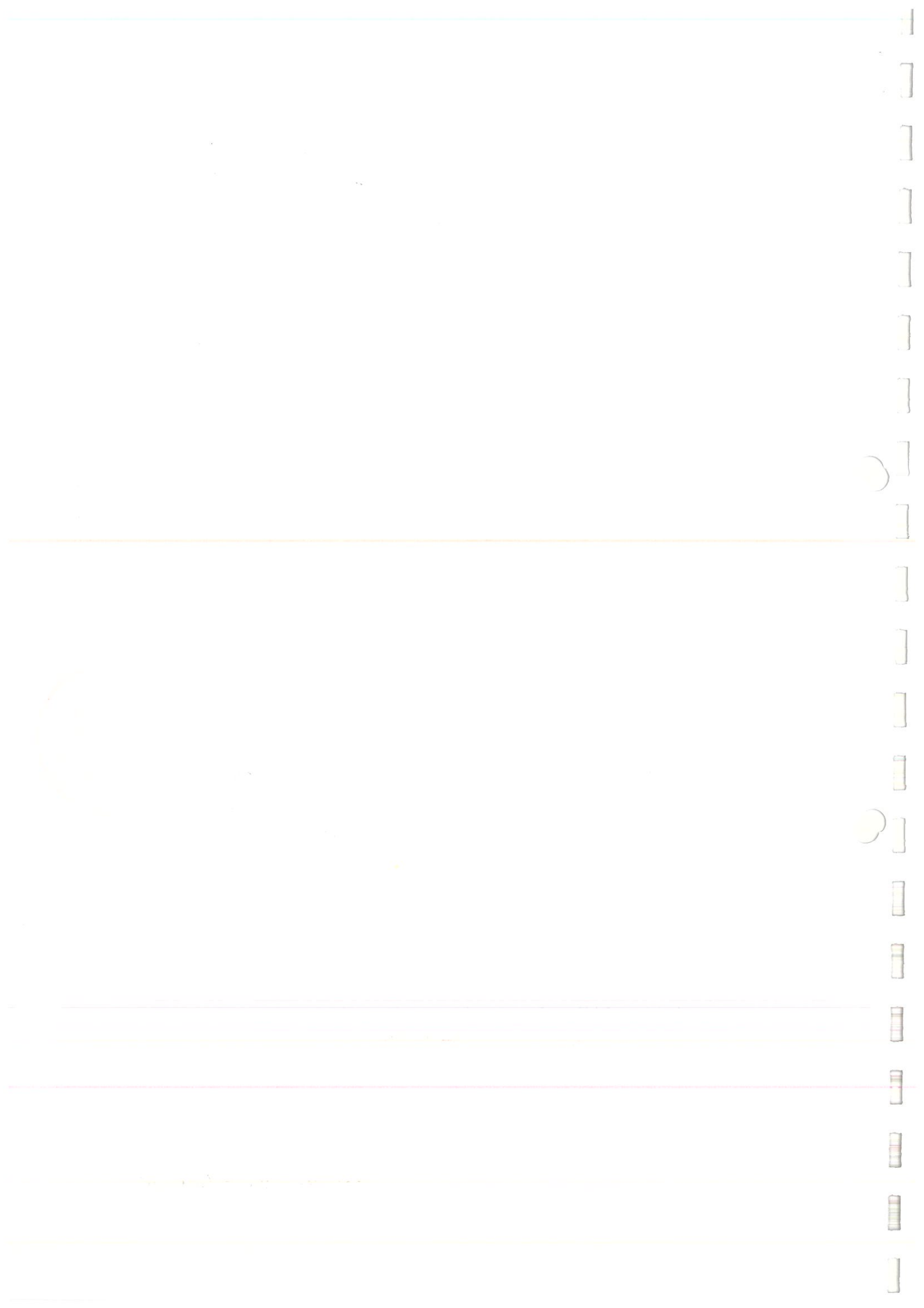
DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số: 2089 /QĐ-HVYDCT ngày 03 tháng 8 năm 2023
của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên và CNDT	Nguồn Ngân sách nhà nước				Tổng kinh phí	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước	Tổng cộng
		Trả công lao động	Hội đồng đánh giá phòng ban (bộ môn)	Chi khác	Chi khác			
1	Nghiên cứu tính kích ứng da, ảnh hưởng đến một số chức năng sống và tác dụng giảm đau của "Xịt Cốt thống Tuệ Tĩnh" trên thực nghiệm. CNDT: TS.Nguyễn Thị Minh Thu	27.849.000	500.000	1.500.000	151.000	8.457.000	38.457.000	

Bảng chữ: Ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng.





QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học
cấp cơ sở năm 2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu đề tài ngày 13 tháng 11 năm 2023 kèm theo Quyết định số 3193/QĐ-HVYDCT ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng Khoa học nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023: “Nghiên cứu tính kích ứng da, ảnh hưởng đến một số chức năng sống và tác dụng giảm đau của “Xịt Cốt thống Tuệ Tĩnh” trên thực nghiệm”.

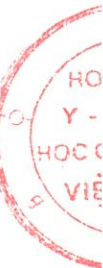
Chủ nhiệm đề tài: TS.Nguyễn Thị Minh Thu

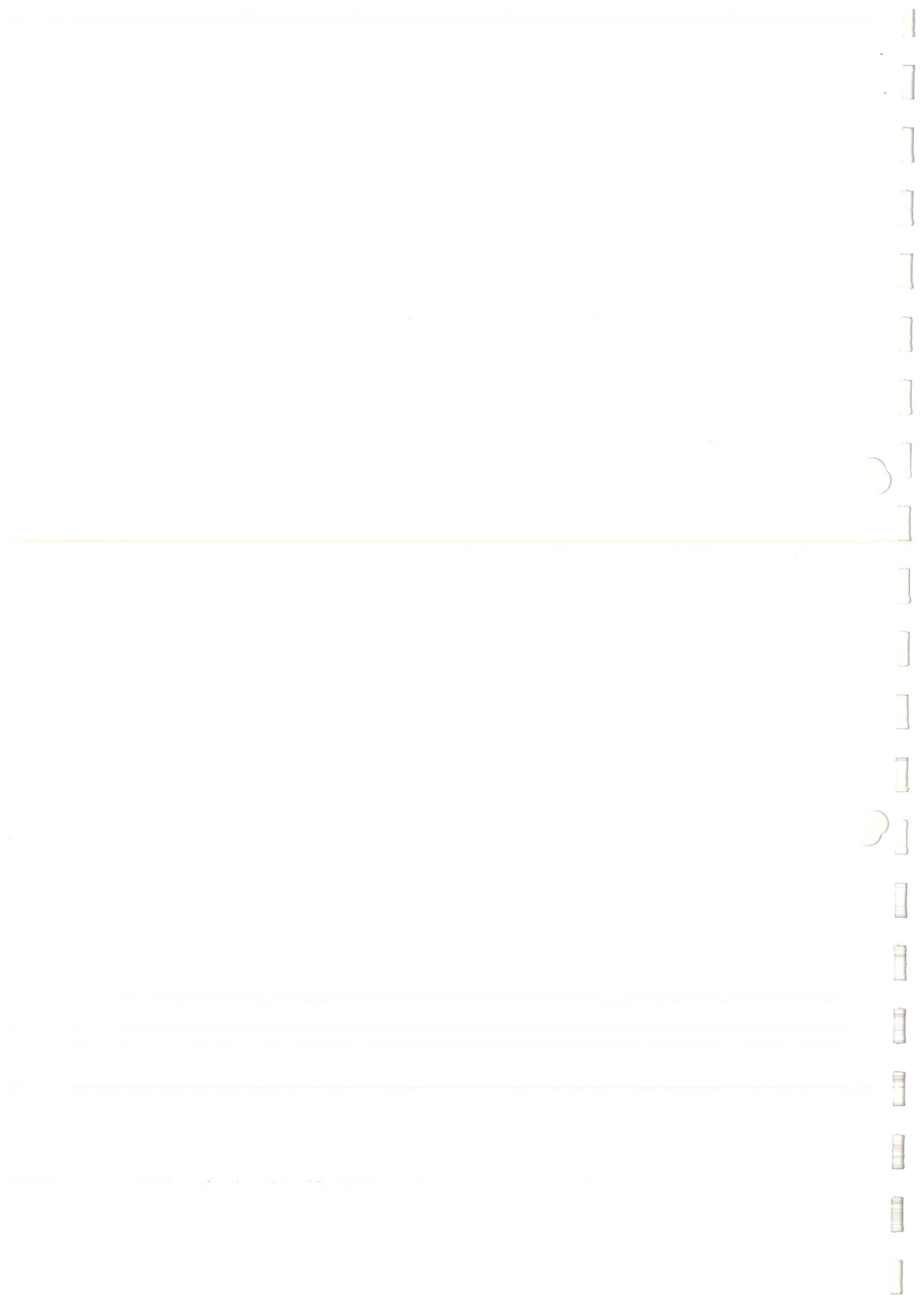
Thành viên nhóm nghiên cứu: ThS.Bùi Thị Hào, ThS.Nguyễn Thị Nha Trang, TS.Trần Văn Thanh, ThS.Phạm Quốc Sự

Kết quả: Đạt.

Với sản phẩm bao gồm:

- 01 Bản tài liệu báo cáo nghiệm thu;
- 01 Quy trình sản xuất “Xịt Cốt thống Tuệ Tĩnh”;





- Quyết định, biên bản của Hội đồng về kết quả nghiệm thu.

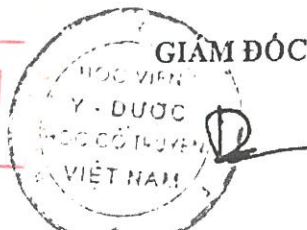
Điều 2. Sản phẩm nghiên cứu được lưu tại phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

Điều 3. Chủ nhiệm đề tài, ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính kế toán, Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. / *M*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHQT.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày... 31... / 7... / 2024



Nguyễn Quốc Huy



PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính



1908

15

15

Số: 62/QĐ-HVYDHCTVN

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2019

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y – DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5545/QĐ-BYT ngày 11 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng khoa học năm 2019 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Theo đề nghị của Trường phòng Khoa học công nghệ & Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài nghiên cứu Khoa học cấp cơ sở năm 2019 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam cho các chủ nhiệm đề tài, gồm các ông bà có tên sau: (có chi tiết kèm theo).

Điều 2. Kinh phí thực hiện đề tài: Nguồn thu sự nghiệp khác.

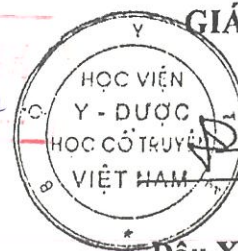
Điều 3. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện đề tài theo thuyết minh đã được phê duyệt.

Điều 4. Các ông/bà Trường phòng: Khoa học công nghệ & Hợp tác quốc tế, Tài chính - Kế toán, ông/bà có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

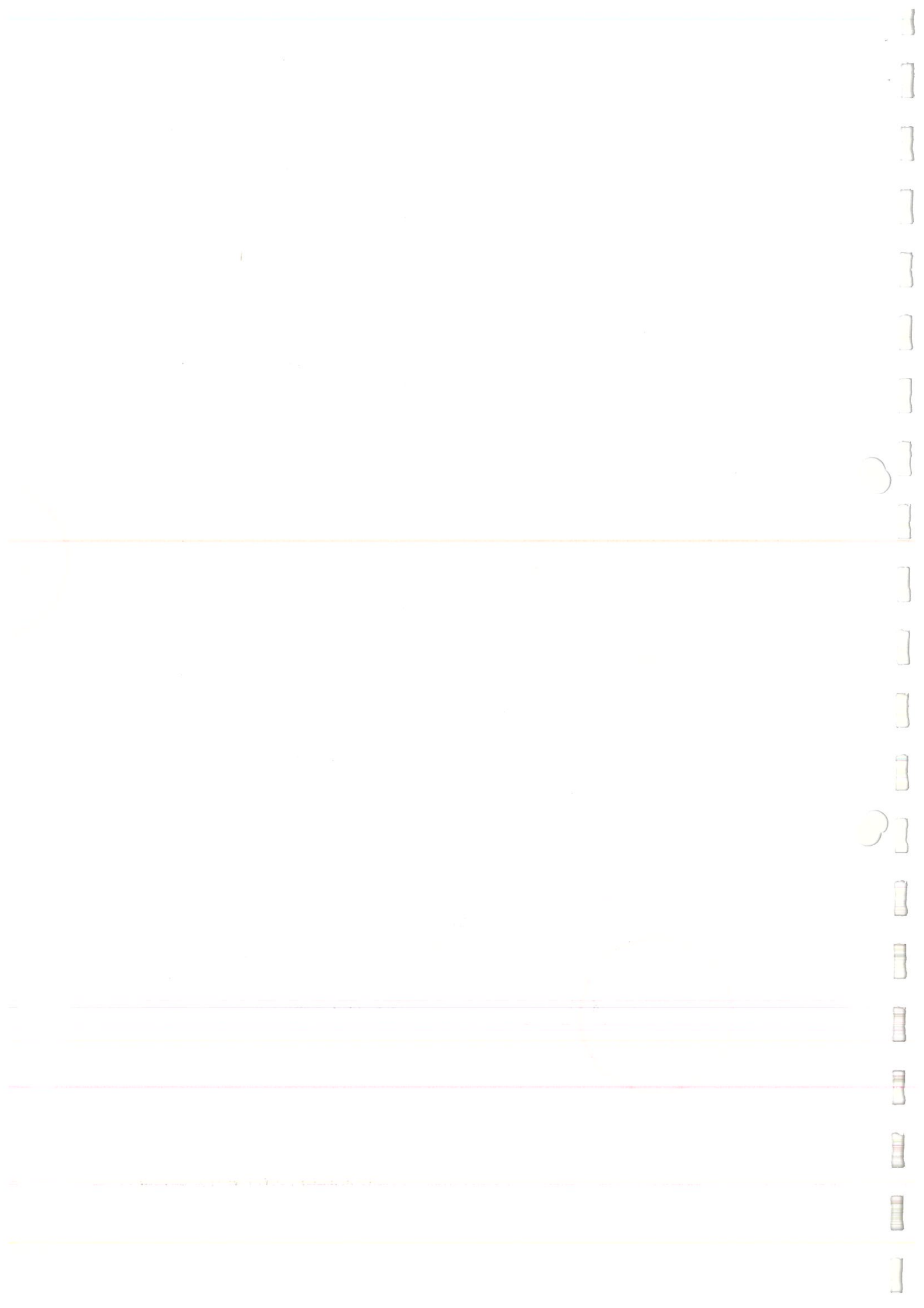
- Lưu: VT, KHCN&HTQT. 2031 7 24



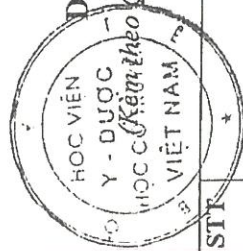
GIÁM ĐỐC

Đậu Xuân Cảnh

PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính



Đinh



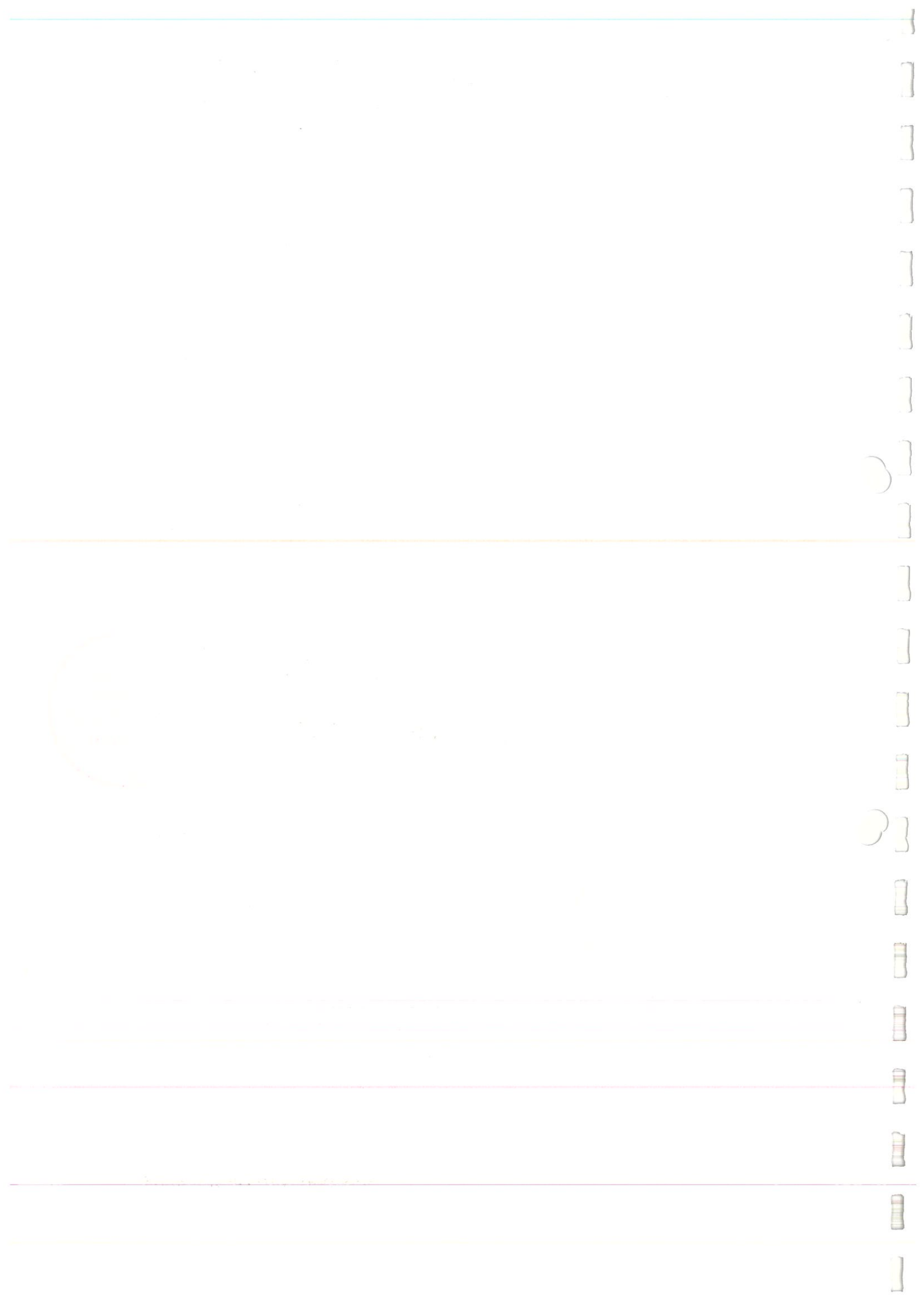
DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2019

Quyết định số: 82/QĐ-HVYDHCCTVN ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Giám đốc Học viện YDHCCTVN

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên và CNĐT	Trà công lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Hội đồng đánh giá bộ môn	Quản lý NV Khoa học	Chi khác	Tổng kinh phí
1	Đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng của viên nén phối hợp Dihydroartemisinin - piperazin. CNĐT: TS. Nguyễn Thị Minh Thu	4.424.500	0.0	500.000	500.000	200.000	5.444.500
2	Phân tích tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa Nội – Bệnh viện Tuệ Tĩnh năm 2018. CNĐT: ThS. Bùi thị Hào	3.000.000	500.000	1.000.000	500.000	0.0	5.000.000
3	Khảo sát sự hiểu biết, thái độ và nhu cầu thông tin thuốc của cán bộ y tế tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh năm 2019. CNĐT: ThS. Đỗ Thị Hồng Sâm.	3.497.000	455.000	500.000	500.000	0.0	4.952.000
4	Khảo sát đặc điểm thể chất và đề xuất âm thực liệu pháp theo Y học cổ truyền trên người bệnh đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh. CNĐT: PGS.TS. Trần Thị Thu Vân	4.283.500	0.0	500.000	500.000	200.000	5.483.500
5	Thống kê danh mục các bài báo về Y Dược cổ truyền trên kho dữ liệu CNKI năm 2018. CNĐT: TS. Vũ Thị Minh Huyền ĐCN.TS. Nguyễn Tiến Chung	4.108.000	0.0	500.000	500.000	200.000	5.308.000
Tổng cộng							26.188.500





Số: 1223/QĐ-HVYDHCTVN

Hà Nội, ngày 8 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “ Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Quyết định số 1947/2000/QĐ-BYT ngày 23 tháng 06 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phân cấp công tác quản lý cán bộ cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 5545/QĐ-BYT ngày 11 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 1144 /QĐ-HVYDHCTVN ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Giám đốc Học viện YDHCT Việt Nam về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài;

Căn cứ vào biên bản Hội đồng nghiệm thu ngày 31 tháng 10 năm 2019;

Theo đề nghị của trưởng phòng Khoa học công nghệ & Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả nghiên cứu đề tài cấp cơ sở do Hội đồng Khoa học nghiệm thu theo Quyết định số 1144 ngày 23 tháng 10 năm 2019 - PGS.TS. Nguyễn Duy thuận làm chủ tịch Hội đồng có tên: “Đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng của viên nén phối hợp Dihydroartemisinin -piperquin”, Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thị Minh Thu với sản phẩm bao gồm:

- Một bản tài liệu báo cáo nghiệm thu
- Quyết định, biên bản của Hội đồng về kết quả nghiệm thu.

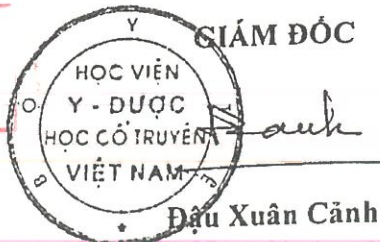
Điều 2. Sản phẩm nghiên cứu được lưu tại Thư viện, phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

Điều 3. Chủ nhiệm đề tài, Các ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính Kế toán, Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

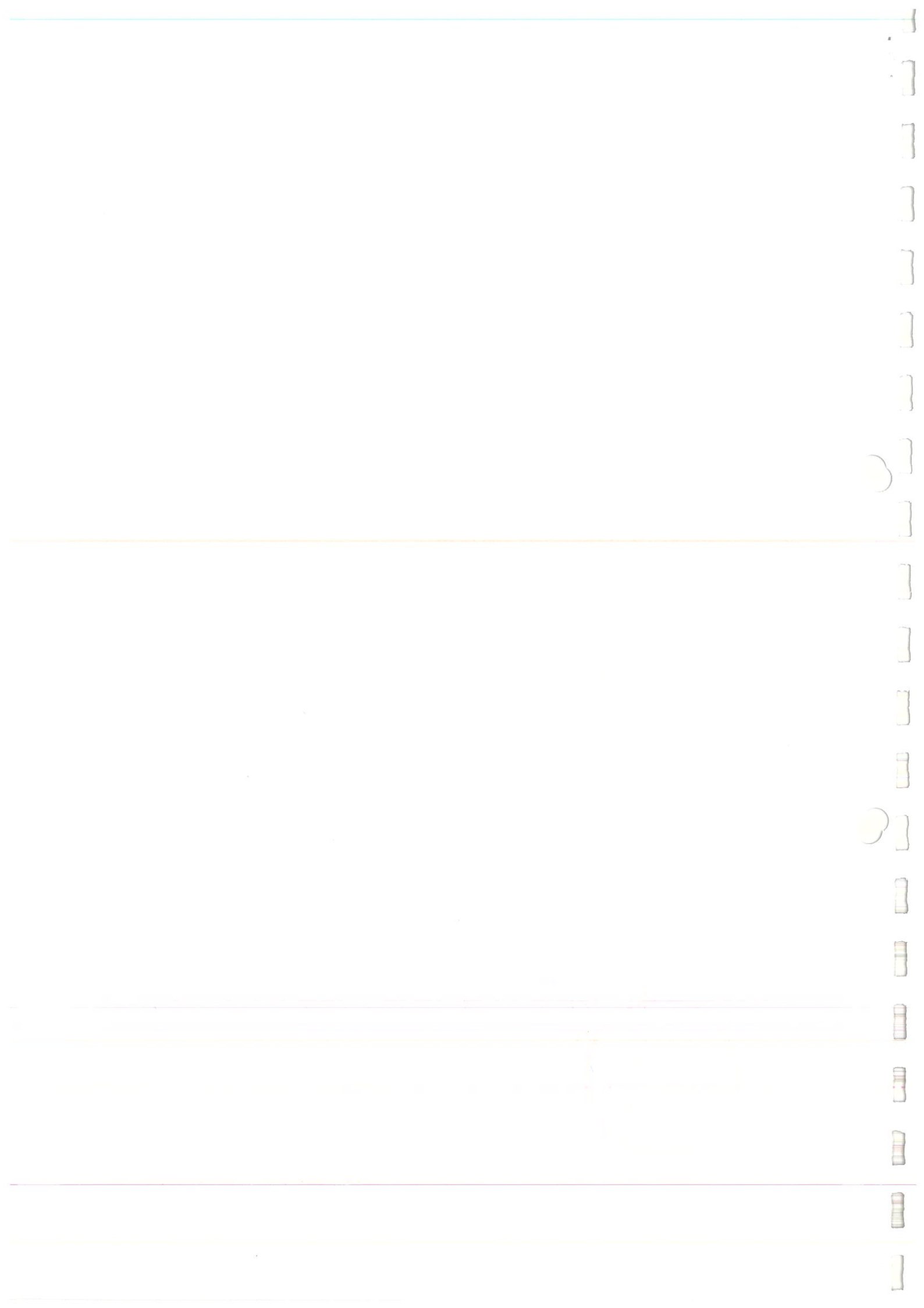
Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, KHCN & HTQT.



PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Nguyễn Vinh Huy Chính





Tác dụng *in vivo* và độc tính cấp đường uống của 10β-[(2'β-hidroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32)

IN VIVO EFFECTS AND ORAL ACUTE TOXICITY OF 10β-[(2'β-HIDROXY-3'-IMIDAZOL) PROPYL] DEOXOARTEMISININ (32)

Nguyễn Thị Minh Thu¹, Nguyễn Lương Hiếu²

¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

²Viện Sốt rét - KST - CT Trung ương

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2020. Hợp chất 10β-[(2'β-hidroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32) đã được đánh giá tác dụng diệt ký sinh trùng sốt rét *Plasmodium berghei* (chủng kháng chloroquin) gây nhiễm ở chuột nhắt trắng theo phương pháp Benazet cải tiến và độc tính cấp đường uống trên chuột nhắt trắng theo hướng dẫn của OECD. Kết quả cho thấy:

Hợp chất (32), với liều 72 mg/kg/ngày x 7 ngày, chỉ có tác dụng ức chế sự phát triển của *P. berghei*, 100% chuột tái phát và chết sau 28 ngày theo dõi. Ở liều 144 mg/kg/ngày x 7 ngày, hợp chất (32) có khả năng điều trị khỏi 90% số chuột, chỉ 10% chuột tái phát bệnh với mật độ ký sinh trùng thấp và 100% sống sót sau 28 ngày. Với liều 288 mg/kg/ngày x 7 ngày, (32) có tác dụng diệt hoàn toàn *P. berghei*, điều trị khỏi 100% số chuột sau 28 ngày theo dõi, không có chuột nào tái phát.

Hợp chất (32) không có độc tính cấp, chưa xác định được giá trị LD50 (ngay cả ở liều tối đa đã thử nghiệm là 5.500 mg/kg). Các chuột vẫn hoạt động, ăn uống, bài tiết bình thường sau 7 ngày theo dõi. Mô quan sát đại thể các cơ quan tim, gan, thận, phổi, bàng quang, ruột của chuột không phát hiện thấy bất thường. Riêng ló chuột uống thuốc liều 5.500 mg/kg, có 3/10 chuột có vài đám sẫm màu nhỏ ở gan, đường kính 2-3 mm.

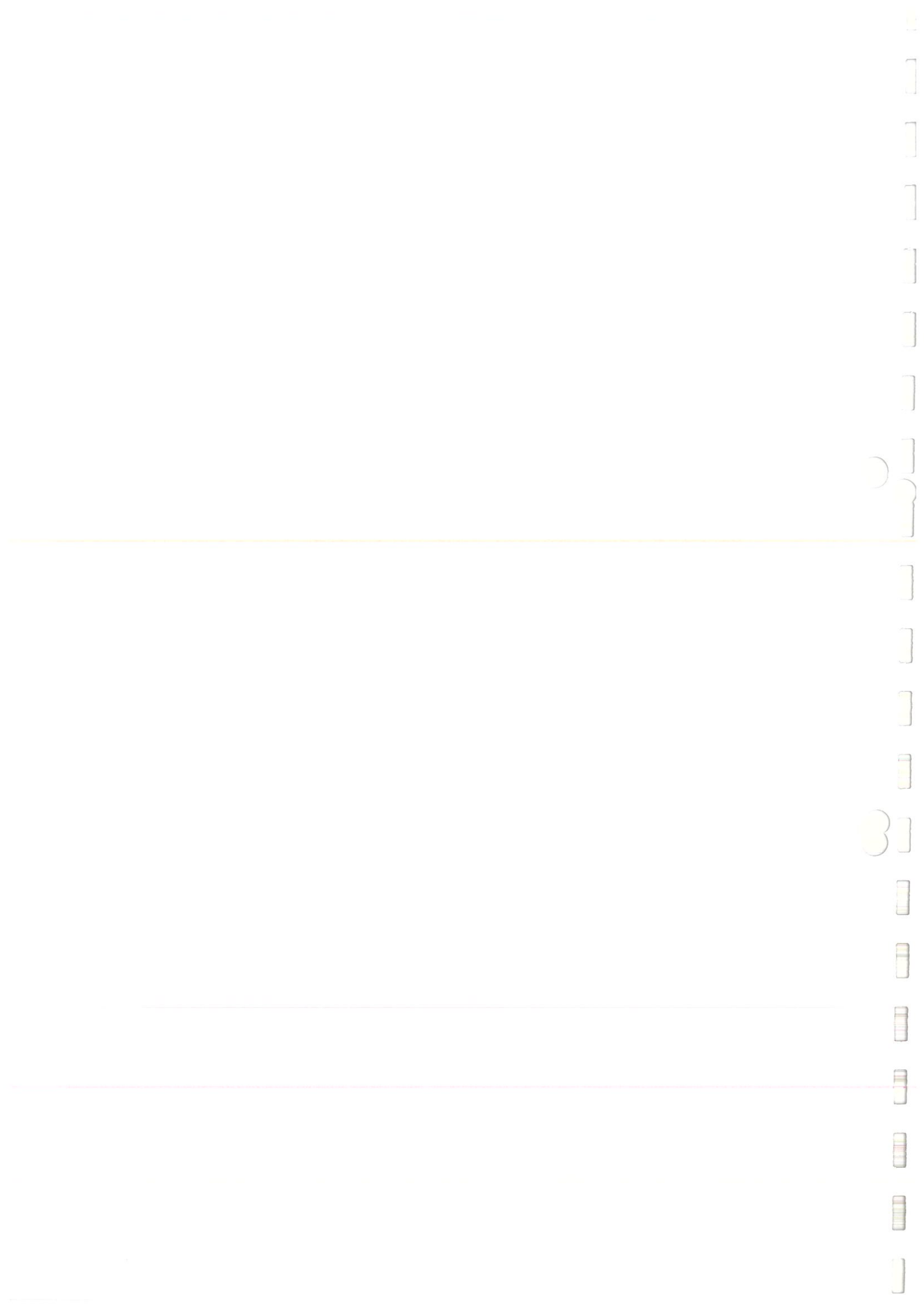
Kết luận: Hợp chất (32) có tác dụng tốt *in vivo* với chủng *P. berghei* kháng chloroquin và không có độc tính cấp đường uống.

Từ khóa: 10β-[(2'β-hidroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32), tác dụng *in vivo*, độc tính cấp đường uống, ký sinh trùng sốt rét, *Plasmodium berghei* kháng chloroquin, tái phát, tỷ lệ điều trị khỏi.

Ngày nhận bài: 15/07/2020

Ngày phản biện: 20/07/2020

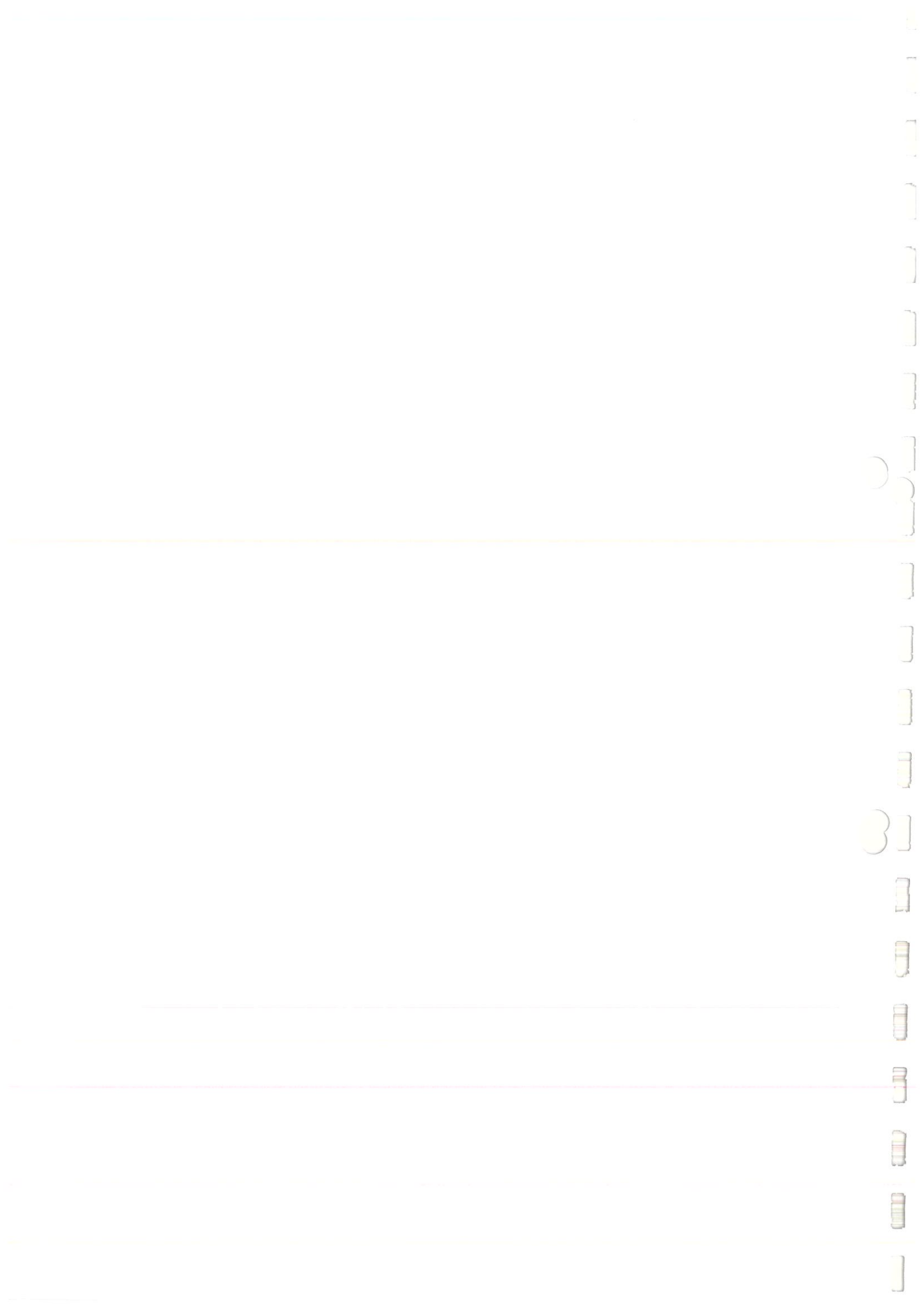
Ngày chấp nhận đăng: 22/07/2020





TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dự án Phòng chống sốt rét Việt Nam – Bi (1999), Đánh giá các xét nghiệm *labo*, NXB Y học.
2. Trường Đại học Dược Hà Nội, Viện sốt rét- Ký sinh trùng- Côn trùng Trung ương (2016), *Cẩm nang hướng dẫn sử dụng thuốc điều trị sốt rét*, NXB Thanh Niên.
3. Nguyễn Thị Minh Thu (2009), *Nghiên cứu tác dụng trên ký sinh trùng sốt rét và độc tính trên thực nghiệm của thuốc sốt rét phối hợp dihydroartemisinin – piperquin do Việt Nam sản xuất*, Luận án Tiến sĩ Dược học.
4. Nguyễn Thị Minh Thu, Ngô Việt Thành, Tạ Thị Tĩnh, Nguyễn Mạnh Hùng và cs (2011), “Nghiên cứu hiệu lực in vitro của 5 dẫn xuất artemisinin và độc tính cấp của 10 β -[(2 β -hidroxy-3'-imidazol) propyl] deoxyartemisinin”, *Tạp chí Dược học*, số 428 (12/2011), tr. 31-34.
5. Nông Thị Tiến, Lê Thị Kim Liên, Lê Đình Công (2001), “Nghiên cứu hiệu lực điều trị một số dẫn chất của artemisinin do Việt Nam sản xuất trên ký sinh trùng sốt rét thực nghiệm”, *Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học 1996-2000*, NXB Y học, tr.330-333.
6. Basco L.K. (2007), Field application of in vitro assays for the sensitivity of human malaria parasites to antimalarial drugs, WHO.
7. Crawley J.N. (1999), What wrong with my mouse? Behavioral phenotyping of transgenic and knockout mice, Copyright 2000 by Wiley-Liss, Printed in the United States of America.
8. OECD (2001), “Acute oral toxicity – Acute toxic class method”, *OECD guideline for testing of chemicals*, No. 423.
9. OECD (2001), “Acute oral toxicity – Up and down procedure”, *OECD guideline for testing of chemicals*, No. 425.
10. Van Zutphen L.F.M., Baumans V., Beynen A.C. (1993), Principles of laboratory animal science, Elsevier science publishers B.V., the Netherlands.



ISSN 2734 - 9209

JMP Số 37 tháng 11
2021

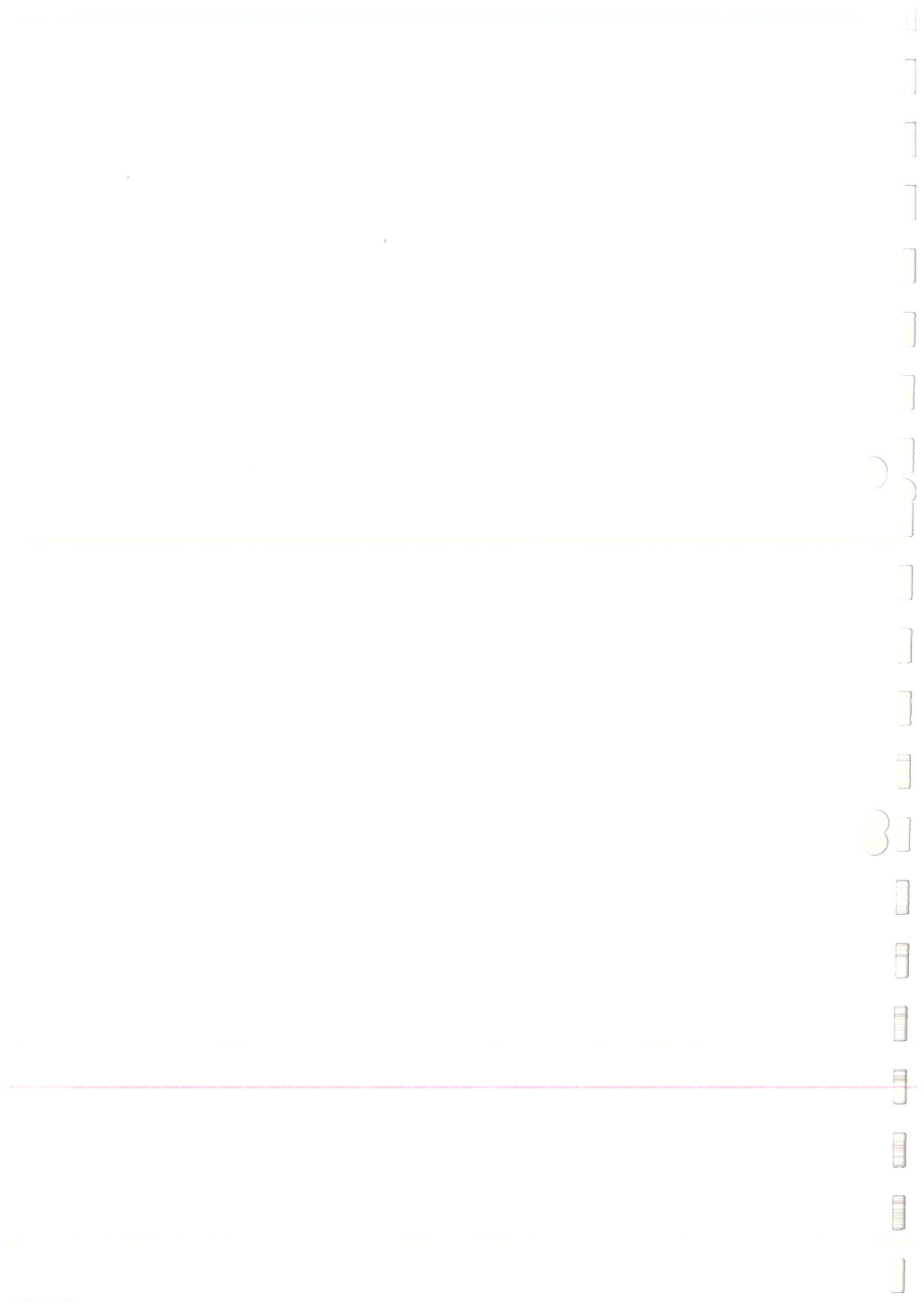


TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC

JOURNAL OF MEDICINE AND PHARMACY



Số 37 Tháng 11 / 2021. Bộ Y tế xuất bản và phát hành hằng tháng
No 37, November 2021. Ministry of Health publishes and releases monthly



MỤC LỤC

SỐ 37 (Chuyên đề Y học)

- PHẠM ĐỨC ANH,
ĐỖ TUẤN ĐẠT,
ĐỖ THỊ THU HIỀN,
VŨ HOÀNG YẾN,
NGÔ THỊ LAM LƯƠNG ⇒ Nhận xét kết quả thai kỳ của song thai tự nhiên và song thai thụ tinh ống nghiệm từ 28 tuần tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội 5

- NGUYỄN DUY ÁNH,
PHẠM THẾ VƯƠNG,
ĐỖ KHẮC HUỖNH,
HOÀNG HẢI YẾN,
ĐINH THÚY LINH ⇒ Đánh giá kết quả nhiễm sắc thể đồ của trẻ có bất thường hình thái tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội 8

- ĐINH VĂN THUYẾT,
PHẠM ĐĂNG TÙNG,
NGUYỄN KHẮC THẮT,
NGUYỄN THỊ KIM DUNG,
NGUYỄN QUỐC THẮNG ⇒ Phân bố phóng xạ của ¹⁸fluorine -fluorothymidine trên các cơ quan ở chuột thực nghiệm 13

- ĐẶNG QUANG TÂN,
TRẦN THỊ THOA ⇒ Thực trạng nhà tiêu hộ gia đình của người dân tại 5 xã thuộc tỉnh cao bằng năm 2020 và một số yếu tố liên quan 16

- NGUYỄN THỊ THÚY,
NGUYỄN THỊ MINH THU,
TRẦN THANH DƯƠNG,
TRẦN VĂN MINH,
ĐỖ THỊ NGUYỆT QUẾ,
NGUYỄN THỊ THU HẰNG ⇒ Nghiên cứu ảnh hưởng của 10β-[(2'β-hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32) đến chức năng gan của thỏ thực nghiệm 20

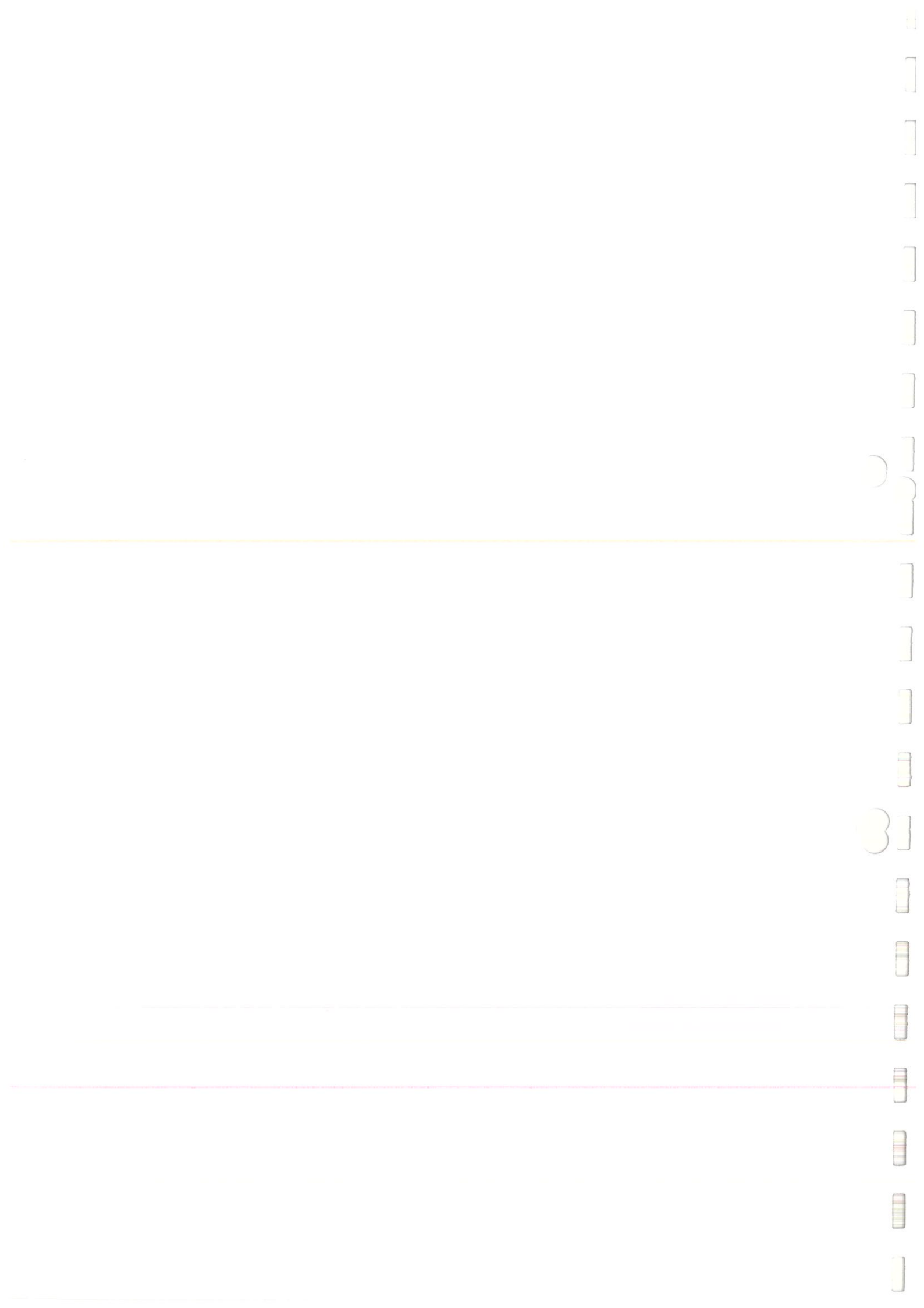
- NGUYỄN KHÁNH TOÀN,
NGUYỄN NGỌC MINH,
NGUYỄN CÔNG ĐỊNH ⇒ Kết quả và một số tai biến sau đình chỉ thai dưới 12 tuần tại cơ sở Cẩm Hội, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2020 26

- NGUYỄN THỊ HÀ,
NGUYỄN CÔNG ĐỊNH,
NGUYỄN ĐỨC PHÚC
ĐẶNG THỊ THANH HÒA,
NGUYỄN THỊ NHUNG ⇒ Gánh nặng chăm sóc về kinh tế và một số yếu tố liên quan của người chăm sóc chính bệnh nhân ung thư phụ khoa tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2021 32

- ĐÀO THỊ HẰNG,
HOÀNG CAO SẠ ⇒ Thực trạng chất lượng cuộc sống bệnh nhân HIV/AIDS tại Bệnh viện Nhân Ái, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021 39

- ĐẶNG THỊ HỒNG THẮNG,
NGUYỄN ĐỨC MINH
VŨ THỊ THU HUYỀN,
ĐẶNG HOÀNG NGÂN,
CÁO THỊ THU TRANG ⇒ Mô tả kết quả cấy máu trẻ sơ sinh trên máy BACT/ALERT 3D tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội 43

- TRỊNH NGỌC SƠN,
BÙI THỊ MỸ HẠNH,
THÁI THỊ HỒNG NHUNG ⇒ Giảm biểu hiện CD10 trong u lympho nang độ III 47



lệ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh cao gấp 2,6 lần so với những HGD với kinh tế nghèo/ cận nghèo/ gia đình chính sách. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Trần Thị Hữu năm 2011 với tỷ lệ HGD có kinh tế loại nghèo sử dụng nhà tiêu không hợp vệ sinh gấp 3,95 lần so với HGD có kinh tế khá hơn. Nghiên cứu này cho thấy có cả mối liên quan giữa tỷ lệ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh với trình độ học vấn, cụ thể là HGD có chủ hộ với trình độ THPT trở nên thì có nhà tiêu hợp vệ sinh về xây dựng và bảo quản cao gấp 2,82 lần so với HGD có trình độ học vấn thấp hơn [8]. Cũng phù hợp với kết quả của Dương Chí Nam năm 2014 với tỷ lệ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh ở HGD nghèo/cận nghèo thấp hơn 1,49 lần so với HGD khác [9]

KẾT LUẬN

Nghiên cứu này cho thấy các loại nhà tiêu hợp vệ sinh đang được sử dụng tại 5 xã nghiên cứu gồm nhà tiêu tự hoại (72,6%), nhà tiêu khô nổi (19%), nhà tiêu thấm dội nước (7,8%) và nhà tiêu khô chìm (0,6%). Thực trạng sử dụng từng loại nhà tiêu hợp vệ sinh theo QCVN 01:2011/BYT tại các HGD đạt thấp (trung bình chung là 58,7%, trong đó 76,2 % đối với nhà tiêu tự hoại; 2,9% đối với nhà tiêu khô nổi; 35,7% đối với nhà tiêu dội nước và 0% đối với nhà tiêu khô chìm. Các yếu tố liên quan đến sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh gồm trình độ học vấn đại diện HGD và kinh tế HGD.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu hướng dẫn xây dựng, sử dụng, bảo quản nhà tiêu hộ gia đình. 2010: Nhà xuất bản Y

học Hà Nội.

2. Nước sạch & vệ sinh môi trường tại Việt Nam | UNICEF Việt Nam. 2020.

3. Bộ Y tế. Cao Bằng triển khai có hiệu quả chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn. 2019.

4. Hoàng Anh Tuấn và cộng sự (2011). Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về vệ sinh môi trường của người Dao tại một số xã đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên. Tạp chí KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ. 2014; 123(09); 3-10.

5. Lưu Văn Trị, Lê Thị Thanh Hương. Thực trạng nhà tiêu hợp vệ sinh của người dân tộc Raglay và một số yếu tố liên quan tại huyện Bắc Ái tỉnh Ninh Thuận năm 2018. Tạp chí y học dự phòng. 2018; 4(28); 151-156.

6. Trần Ngọc Thúy. Thực trạng và sử dụng nhà tiêu ở người dân tộc Dao tại một số xã thuộc huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng. Luận văn thạc sĩ y học; 2016.

7. Đặng Văn Nam, Lê Khắc Đức. (2018). Thực trạng nhà tiêu hợp vệ sinh và một số yếu tố liên quan của hộ gia đình tại xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình năm 2018. Tạp chí y học dự phòng. 2019;1(29); 142-7.

8. Trần Thị Hữu. Nghiên cứu thực trạng vệ sinh môi trường hộ gia đình tại một số tỉnh Kon Tum. Luận văn thạc sĩ khoa học; 2011.

9. Dương Chí Nam và cộng sự. Dương Chí Nam và cộng sự (2014). Thực trạng và yếu tố liên quan nhà tiêu hợp vệ sinh của hộ gia đình nông thôn tại tỉnh Hòa Bình năm 2014. Tạp chí Y-Dược học Quân sự. 2020; 1; 13-19. 2020.

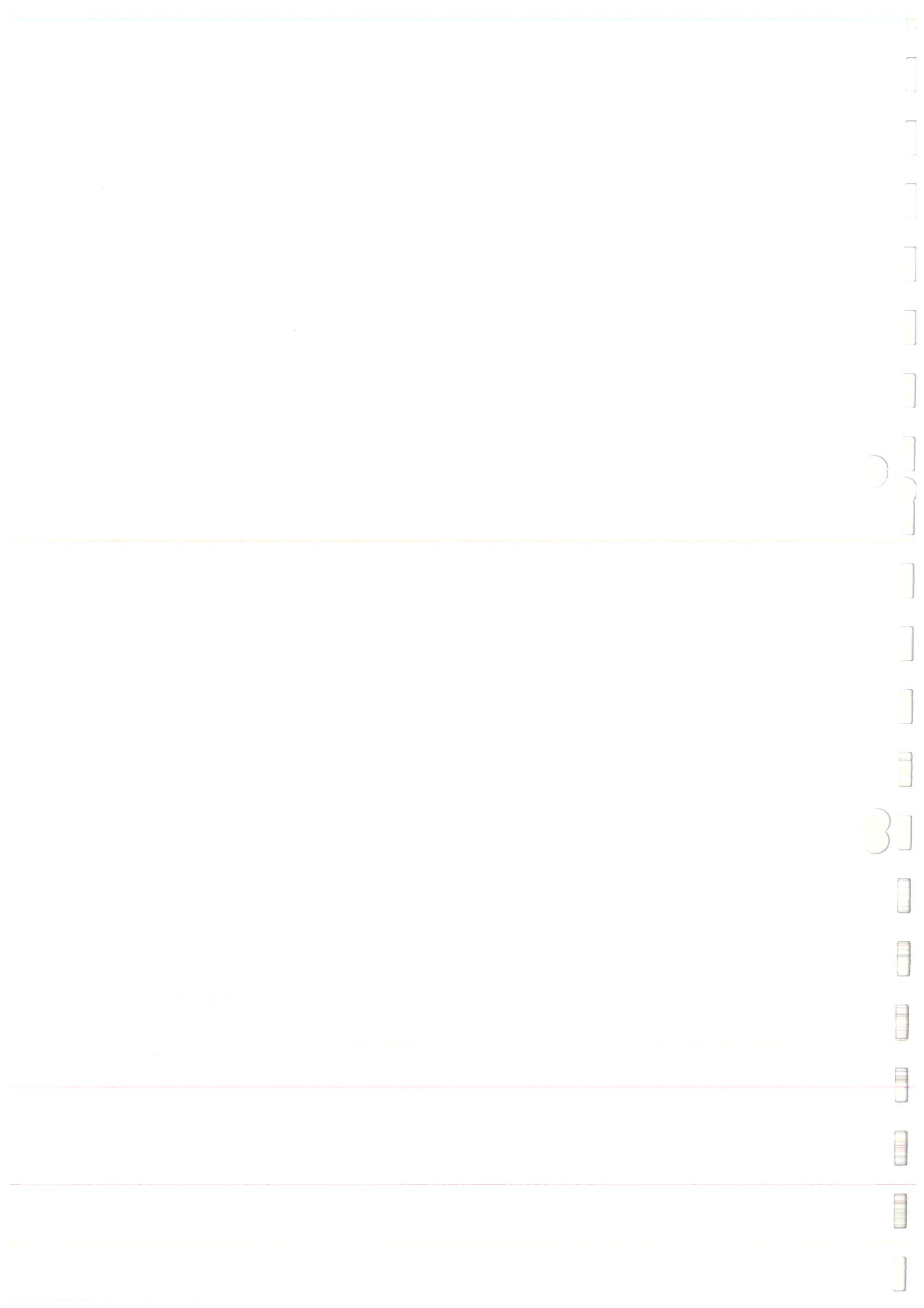
NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA 10 β -[(2' β -HYDROXY-3'-IMIDAZOL) PROPYL] DEOXOARTEMISININ (32) ĐẾN CHỨC NĂNG GAN CỦA THỎ THỰC NGHIỆM

NGUYỄN THỊ THÚY¹, NGUYỄN THỊ MINH THU²,
TRẦN THANH DƯƠNG³, TRẦN VĂN MINH⁴,
ĐỖ THỊ NGUYỆT QUẾ¹, NGUYỄN THỊ THU HẰNG²
¹Trường Đại học Dược Hà Nội,
²Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam,
³Viện Sốt rét – KST – CT Trung ương,
⁴Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thị Thúy
Email: thuy96dtqn@gmail.com
Ngày nhận: 10/9/2021
Ngày phản biện: 18/10/2021
Ngày duyệt bài: 12/11/2021

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương và trường Đại học Y Hà Nội từ tháng 02 - 05 năm 2021 nhằm đánh giá ảnh hưởng của hợp chất 10 β -



mức liều 216 mg/kg/ngày × 28 ngày (liều cao gấp 3 lần liều tương đương dùng dự kiến trên người), (32) có xu hướng làm tổn thương gan ở cấu trúc vi thể, gây thoái hóa hạt nhẹ ở tế bào gan. Tuy nhiên các tổn thương này còn nhẹ và chưa ảnh hưởng tới các chỉ số sinh hóa của gan (AST, ALT, bilirubin và protein trong huyết thanh) và đều phục hồi sau một khoảng thời gian 15 ngày ngừng thuốc. So với các dẫn xuất khác của Artemisinin như BB101, BB134 và Artesunate, hợp chất (32) thể hiện tính an toàn cao và ít ảnh hưởng tới gan của động vật thí nghiệm hơn.

KẾT LUẬN

Đã nghiên cứu ảnh hưởng của 10β-[(2'β-hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32) đến chức năng gan của thỏ thực nghiệm với hai liều đường uống 72 và 216 mg/kg/ngày × 28 ngày liên tiếp. Kết quả cho thấy:

Các chỉ số sinh hóa phản ánh chức năng hoạt động của gan (AST, ALT, bilirubin toàn phần, protein toàn phần) ở các lô thử nghiệm đều bình thường, nhìn chung khác biệt không có ý nghĩa thống kê so với lô chứng và giá trị tại N14, N29 không khác biệt so với N0 ($p > 0,05$).

Tuy nhiên, liều 216 mg/kg/ngày × 28 ngày liên tiếp (tương đương liều gấp 3 lần liều dự kiến dùng trên người) có xu hướng ảnh hưởng nhẹ tới cấu trúc vi thể gan thỏ (33,33% thoái hóa hạt nhẹ ở tế bào gan) và sau 15 ngày ngừng thuốc, vi thể gan ở số thỏ này trở về bình thường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2015), Quyết định số: 141/QĐ-K2ĐT, Quyết định về việc ban hành tài liệu chuyên

môn "Hướng dẫn thử nghiệm tiền lâm sàng thuốc đông y, thuốc từ dược liệu".

2. Noedl H. et al. (2008), "Evidence of artemisinin-resistant malaria in western Cambodia", *N Engl J Med*, 359(24), pp. 2619-2620.

3. Trương Văn Như, Đoàn Hạnh Nhân, Bùi Thị Sáu, Lê Minh Đạo, Nguyễn Thị Minh Thu, Đỗ Mạnh Hà (2004), "Nghiên cứu độc tính bán cấp của trifluoromethylhydroartemisinin (BB101) trên khỉ", *Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 6, tr. 44-49.

4. Trương Văn Như, Đoàn Hạnh Nhân, Bùi Thị Sáu, Nguyễn Thị Minh Thu và cộng sự (2005), "Nghiên cứu độc tính bán trường diễn của 16 - Piperazinoethanol - 10α - Trifluoromethyl Anhydrodihydro Artemisinin (BB134) trên động vật thực nghiệm", *Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, số 6, tr. 15-22.

5. OECD (2008), "Repeated dose 28-oral toxicity study in rodents", OECD guidelines for the testing of chemicals, No. 407.

6. Papiya Bigoniya, Taranginee Sahu, Vikalp Tiwari (2015), "Hematological and biochemical effects of sub-chronic artesunate exposure in rats", *Toxicology reports*, 2, 280-288.

7. Nguyễn Thị Minh Thu, Ngô Việt Thành, Tạ Thị Tĩnh, Nguyễn Mạnh Hùng và cộng sự (2011), "Nghiên cứu hiệu lực *in vitro* của 5 dẫn xuất artemisinin và độc tính cấp của 10β-[(2'β-hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin", *Tạp chí Dược học*, (số 428), tr.31-34.

8. Nguyễn Thị Minh Thu, Nguyễn Lương Hiếu (2020), "Tác dụng *in vivo* và độc tính cấp đường uống của 10β-[(2'β-hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32)", *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, tập 7, (số 32), tr.35-45.

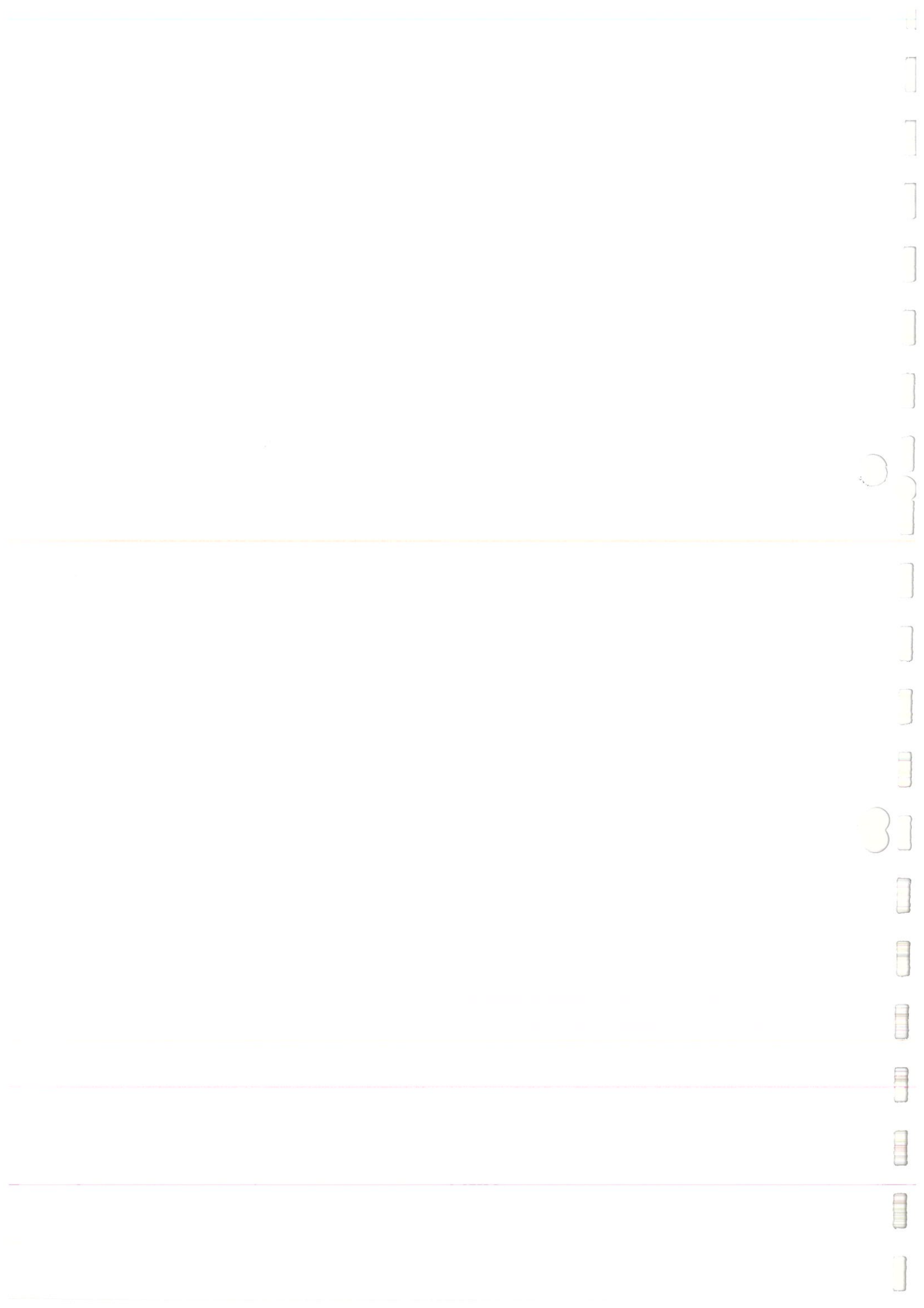
KẾT QUẢ VÀ MỘT SỐ TAI BIẾN SAU ĐÌNH CHỈ THAI DƯỚI 12 TUẦN TẠI CƠ SỞ CẢM HỘI, BỆNH VIỆN PHỤ SẢN HÀ NỘI NĂM 2020

NGUYỄN KHÁNH TOÀN¹,
NGUYỄN NGỌC MINH², NGUYỄN CÔNG ĐỊNH³
¹Bệnh viện Hồng Ngọc
²Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN
³Bệnh viện Phụ sản Hà Nội

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Khánh Toàn
Email: khanhtoanbssan@gmail.com
Ngày nhận: 18/8/2021
Ngày phản biện: 23/9/2021
Ngày duyệt bài: 13/10/2021

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kết quả và một số tai biến sau đình chỉ thai dưới 12 tuần tại cơ sở Cảm Hội, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội (BVPSHN) năm 2020. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, thu thập thông tin



TẠP CHÍ

Y DƯỢC CỔ TRUYỀN Việt Nam

JOURNAL OF TRADITIONAL VIETNAMESE MEDICINE AND PHARMACY

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

ISSN 2354-1334



Địa chỉ: Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

Tel: 84-243-3824929 * Fax: 84-243-3824931 - Website: <http://www.vutm.edu.vn>

Số 07(40)
2021

BÀI NGHIÊN CỨU

- 4 **Nghiên cứu ảnh hưởng của 10 β -[(2' β -hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32) đến chức năng thận của thỏ thực nghiệm**
The effects of propyl 10 β - [(2' β -hydroxy-3'-imidazol)] deoxoartemisinin (32) on rabbit's kidney functions
Nguyễn Thị Thúy¹, Nguyễn Thị Minh Thu², Trần Thanh Dương³
Trần Văn Minh⁴, Đỗ Thị Nguyệt Quế¹, Nguyễn Thị Thu Hằng²
¹Trường Đại học Dược Hà Nội
²Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
³Miền Sốt rét - KST - CT Trung ương
⁴Trường Đại học Y Hà Nội
- 11 **Xác định độc tính cấp và tác dụng bảo vệ tế bào gan của viên nén bình can NK trên thực nghiệm**
Determine acute toxicity and evaluate the hepatoprotective effect of Bình Can NK tablets on experiment
Phạm Thị Thanh, Phạm Thanh Tùng, Nguyễn Thị Lan, Phạm Quốc Bình, Nguyễn Thị Vân Anh
Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
- 17 **Nghiên cứu ảnh hưởng của dịch chiết húng quế *Ocimum basilicum* L. *lamiaceae* đến chức năng gan thỏ**
Effects of basil (*ocimum basilicum* l. *lamiaceae*) extract on experimental rabbits' hepatic functions
Nguyễn Thị Minh Thu¹, Nguyễn Thị Loan¹, Trần Thanh Dương², Trần Văn Minh³
¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
²Miền Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
³Trường Đại học Y Hà Nội
- 24 **Kết quả hóa xạ trị đồng thời ung thư phổi biểu mô tuyến giai đoạn III bằng phác đồ pemetrexed-cisplatin**
Outcomes of concurrent chemoradiotherapy in patients of stage iii adenocarcinoma of the lung
Trịnh Thế Cường¹, Nguyễn Thị Thái Hòa²
¹Bệnh viện E; ²Bệnh viện K
- 28 **Điện châm điều trị hội chứng horner sau phẫu thuật tuyến giáp: Báo cáo một ca bệnh**
Electro-acupuncture treatment for homer's syndrome after thyroid surgery: A case report
Nguyễn Văn Toàn¹, Bùi Tiến Hưng², Nguyễn Mạnh Hà¹, Lê Thị Phương¹
Nguyễn Giang Sơn¹, Phạm Tấn Đức¹, Bùi Chiến Thắng¹, Ngô Văn Thu³
¹Bệnh viện Nội tiết Trung ương
²Trường Đại học Y Hà Nội
³Đại học Điều dưỡng Nam Định
- 34 **Sự bộc lộ p53 và Bcl-2 trong tiên lượng ung thư vú**
Predictive value of p53 and Bcl-2 expression in breast cancer
Chu Văn Đức, Vũ Ngọc Hà
Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
- 41 **Đặc điểm lâm sàng y học cổ truyền của đối tượng nhiễm Covid 19 điều trị tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang**
Clinical characteristics in traditional medicine of patients infected with covid-19 were treated at Bac Giang hospital of traditional medicine
Nguyễn Thị Lan¹, Nguyễn Tiến Chung¹, Nguyễn Quốc Huy¹
Nguyễn Văn Toàn², Nguyễn Thị Thu Trang¹
¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
²Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang

-
- 46** Đặc điểm bệnh nhân thoái hóa khớp gối tại Bệnh viện y học cổ truyền Hà Đông
Characteristics of patients with knee osteoarthritis in Ha Dong traditional medicine hospital
Nguyễn Tiến Chung¹, Võ Thị Hồng²
¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
²Học viện cao học khóa 11
-
- 52** Đánh giá sự biến đổi hình ảnh viêm bao hoạt dịch khớp vai điều trị bằng viên khớp VINTONG kết hợp điện châm trên siêu âm, X-quang và một số chỉ số lâm sàng
Evaluate the image convert of shoulder synovitis treatd by vintong joint caplets combined with electroacupuncture on ultrasound, X-ray and some clinical indicators
Nguyễn Hoài Thanh Tâm¹, Huỳnh Quang Huy², Nguyễn Duy Tuấn³
¹Bệnh viện Nguyễn Trí Phương
²Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
³Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
-
- 61** Bước đầu đánh giá tác dụng của chế phẩm ngân kiều tán gia giảm trong hỗ trợ điều trị bệnh nhân Covid-19 giai đoạn khởi phát tại Bệnh viện Y học cổ truyền Bắc Giang
Evaluate the effect of Ngan Kieu Tan product in supportive treatment for Covid-19 patients in the early stage at Bac Giang hospital of traditional medicine
Nguyễn Tiến Chung¹, Nguyễn Thị Lan¹, Phạm Quốc Bình¹
Nguyễn Minh Ngọc², Vũ Văn Cường²
¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
²Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang
-
- 69** Khảo sát sự hài lòng của người bệnh về chất lượng dịch vụ tại Khoa Khám bệnh Tân Triều, Bệnh viện K năm 2021
Patients' satisfaction with the quality of hospital service and related factors at Tan Trieu Outpatient Dept, Vietnam National Cancer Hospital in 2021
Nguyễn Thúy Anh, Nguyễn Diệu Linh
Bệnh viện K
-
- 74** Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật điều trị trĩ tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times city
Postoperative care for hemorrhoids patients at Vinmec Times city general international hospital
Lê Thị Kiều, Nguyễn Thị Hà, Lê Thanh Hương, Nguyễn Huy Hoàng
Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City - Hệ thống y tế Vinmec
-



Nghiên cứu ảnh hưởng của dịch chiết húng quế *Ocimum basilicum* L. *lamiaceae* đến chức năng gan thỏ

EFFECTS OF BASIL (*OCIMUM BASILICUM* L. *LAMIACEAE*) EXTRACT ON EXPERIMENTAL RABBITS' HEPATIC FUNCTIONS

Nguyễn Thị Minh Thu¹, Nguyễn Thị Loan¹, Trần Thanh Dương², Trần Văn Minh³

¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

²Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

³Trường Đại học Y Hà Nội

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 5 - 7 năm 2021, tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương và Trường Đại học Y Hà Nội.

Mục tiêu: Thử ảnh hưởng của dịch chiết nước Húng quế (*Ocimum basilicum* L. *Lamiaceae*) đến chức năng gan thỏ.

Phương pháp: Thỏ được chia làm 3 nhóm uống dịch chiết nước húng quế với 2 liều 0,6 và 1,8 g/kg/ngày và nước cất x 28 ngày liên tiếp. Xét nghiệm sinh hoá máu tĩnh mạch tại ngày N0, N14 và N29 đánh giá: AST, ALT, bilirubin toàn phần, protein toàn phần, Mỡ 50% số thỏ ở mỗi lô vào ngày N29 và mỡ nốt thỏ ở ngày N43 để đánh giá đại thể và vi thể gan.

Kết quả: Chỉ số AST, ALT, bilirubin và protein toàn phần của thỏ ở hai lô dùng thuốc khác biệt không có ý nghĩa thống kê so với lô chứng tại các 3 thời điểm N0, N14 và N29; không có sự khác biệt có ý nghĩa ở các ngày N14 và N29 so với N0 (các giá trị $p > 0,05$). Ngoại trừ, hàm lượng protein toàn phần ở lô uống dịch chiết liều 0,6 g/kg/ngày tăng lên có ý nghĩa thống kê ở N14 so với N0 ($p < 0,05$) nhưng ở ngày N29 khác biệt không có ý nghĩa thống kê so với N0 ($p > 0,05$). Về đại thể, nhu mô gan thỏ ở tất cả các lô tại N29 và N43 đều bình thường, gan mềm, mịn, đồng nhất, đỏ tươi. Cấu trúc vi thể tế bào gan bình thường, không thoái hóa hay hoại tử, bào tương sáng. Có 1/5 thỏ lô chứng và 2/5 thỏ ở mỗi lô dùng thuốc có sung huyết nhẹ ở tĩnh mạch trung tâm và xoang mạch, khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

Kết luận: Dịch chiết nước húng quế không ảnh hưởng đến chức năng gan thỏ thí nghiệm.

Từ khóa: Húng quế, *Ocimum basilicum* L. *Lamiaceae*, dịch chiết nước, chức năng gan.

Ngày nhận bài: 17/8/2021

Ngày phản biện: 20/8/2021

Ngày chấp nhận đăng: 30/8/2021



rối loạn sinh lý thường gặp ở thỏ, tại N29 chỉ số này lại trở về mức bình thường và không khác biệt so với N0, cho thấy dịch chiết húng quế không làm ảnh hưởng tới khả năng sản xuất protein của gan.

Kết quả mổ thỏ ở các ngày N29 và N43 cho thấy, hình thái đại thể gan thỏ ở tất cả các lô thí nghiệm đều bình thường, không quan sát thấy tổn thương, nhu mô gan mịn, đều, màu đỏ tươi.

Cấu trúc vi thể gan thỏ tại N29 cho thấy: Ở lô chứng, tế bào gan bình thường, bào tương sáng, có 1/5 (20%) thỏ có xoang mạch và tĩnh mạch trung tâm sung huyết rất nhẹ. Ở lô 2 và lô 3 (liều 0,6 và 1,8 g/kg/ngày) đều có 2/5 (40%) thỏ sung huyết nhẹ các tĩnh mạch trung tâm và xoang mạch, các tế bào gan bình thường, không thoái hóa hay hoại tử. Các thỏ còn lại có tế bào gan bình thường, không sung huyết ở tĩnh mạch trung tâm hay xoang mạch. Cấu trúc vi thể gan thỏ tại N43 (15 ngày sau khi ngừng thuốc) cho kết quả hoàn toàn bình thường, không thoái hóa, PAS dương tính, tĩnh mạch trung tâm và xoang mạch không sung huyết.

Như vậy, hiện tượng xuất huyết nhẹ tĩnh mạch trung tâm và xoang mạch gặp cả ở cả 3 lô. Mặc dù ở hai lô dùng thuốc, tỷ lệ thỏ xuất huyết cao hơn lô chứng (2/5 và 2/5 so với 1/5) nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Xuất huyết là hiện tượng thường gặp khi thỏ chết và điều này có thể liên quan đến tác động từ bên ngoài (ví dụ thỏ giãy giụa và va đập khi chết). Như vậy, dịch chiết húng quế không ảnh hưởng đến chức năng gan của thỏ thí nghiệm.

Kết quả của nghiên cứu này cũng phù hợp với bài báo của Balin A. và cộng sự (2012), dịch chiết húng quế có tác dụng cải thiện tốt chức năng gan, giúp tiêu hóa tốt và nhuận tràng nhẹ [5]. Tuy nhiên, khi sử dụng quá liều húng quế hoặc lạm dụng trong thời gian dài có thể gây ung thư niêm mạc gan [5] [10].

KẾT KUẬN

Dịch chiết nước húng quế liều 0.6 và 1.8 g/kg/ngày không ảnh hưởng đến chức năng gan thỏ thí nghiệm.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được sự hỗ trợ một phần kinh phí từ Chương trình Phòng chống sốt rét Quốc gia. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của cán bộ Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương và TS. Trần Văn Minh, Trưởng Khoa Giải phẫu bệnh - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội trong công tác xét nghiệm mẫu. Cảm TS. Hoàng Quỳnh Hoa, Trưởng Đại học Dược Hà Nội trong việc thẩm định mẫu dược liệu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

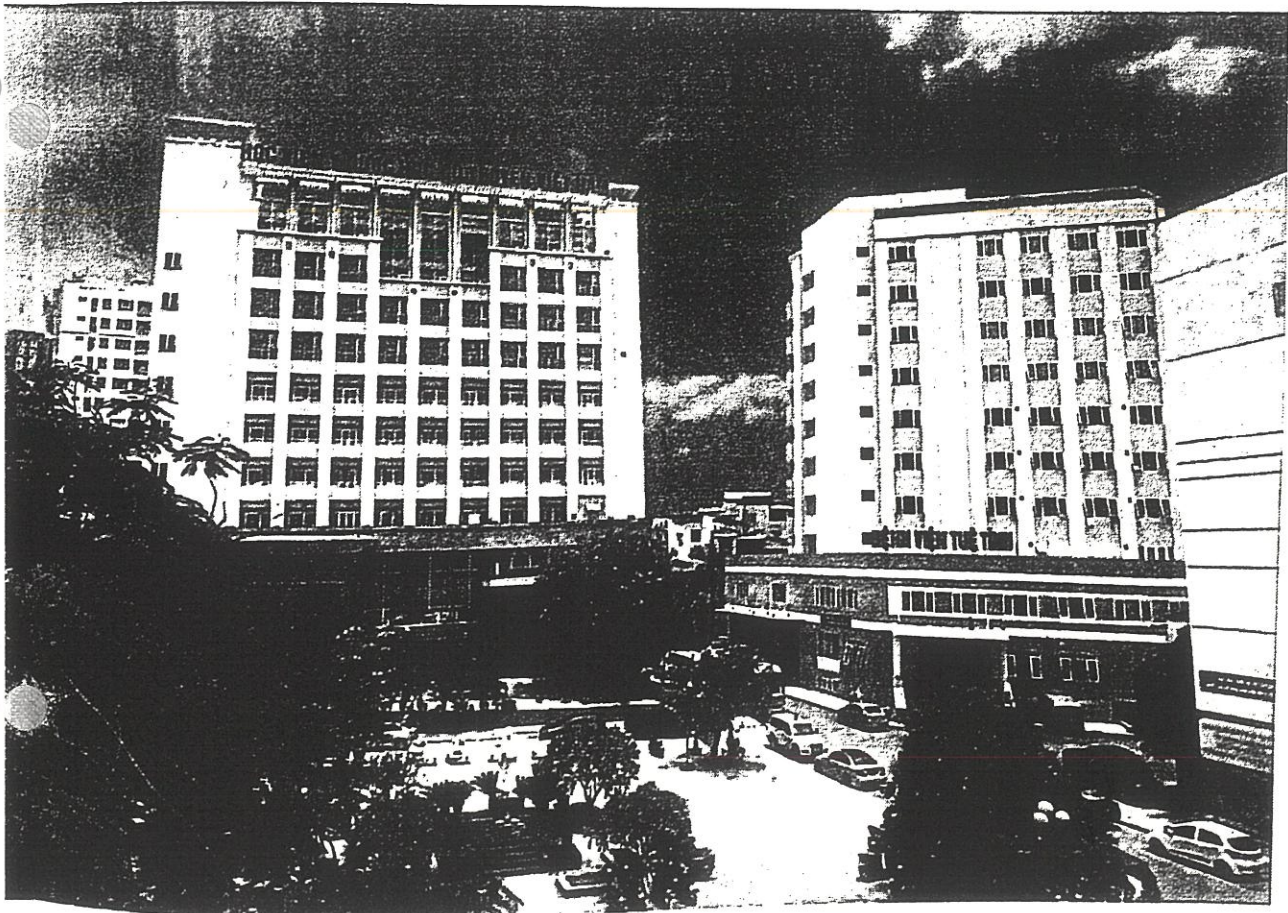
1. Hồ Thị Ánh (2009), *Nghiên cứu bước đầu khả năng kháng khuẩn của các loại tinh dầu li trích từ cây Húng quế (Ocimum basilicum L.) và cây Húng cây (Mentha arvensis L.)*- Khóa luận tốt nghiệp đại học- ĐH Nông Lâm TP.HCM.
2. Bộ Y tế (2015), Quyết định số 141/QĐ-K2ĐT, *Quyết định về việc ban hành tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn thử nghiệm tiền lâm sàng thuốc đông y, thuốc từ dược liệu"*.
3. Phạm Thanh Kỳ (Chủ biên) (2015), *Dược liệu học, tập II*, Sách đào tạo Dược sĩ Đại học, tái bản lần thứ I, Nhà Xuất bản Y học, tr. 243-244.
4. Liều Thùy Linh, Ngô Nguyễn Nhật Hà, Phan Thị Kim Liên, Hà T T M và cộng sự, (2017), "Khảo sát ảnh hưởng của tinh dầu quế, sả chanh, húng quế, bạc hà và tác dụng kết hợp của chúng tới *Saccharomyces cerevisiae* và *Aspergillus niger*", *Kỷ yếu kỷ niệm 35 năm thành lập Trường ĐH Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (1982-2017)*, tr. 127-134.

TẠP CHÍ

Y DƯỢC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

JOURNAL OF TRADITIONAL VIETNAMESE MEDICINE AND PHARMACY
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

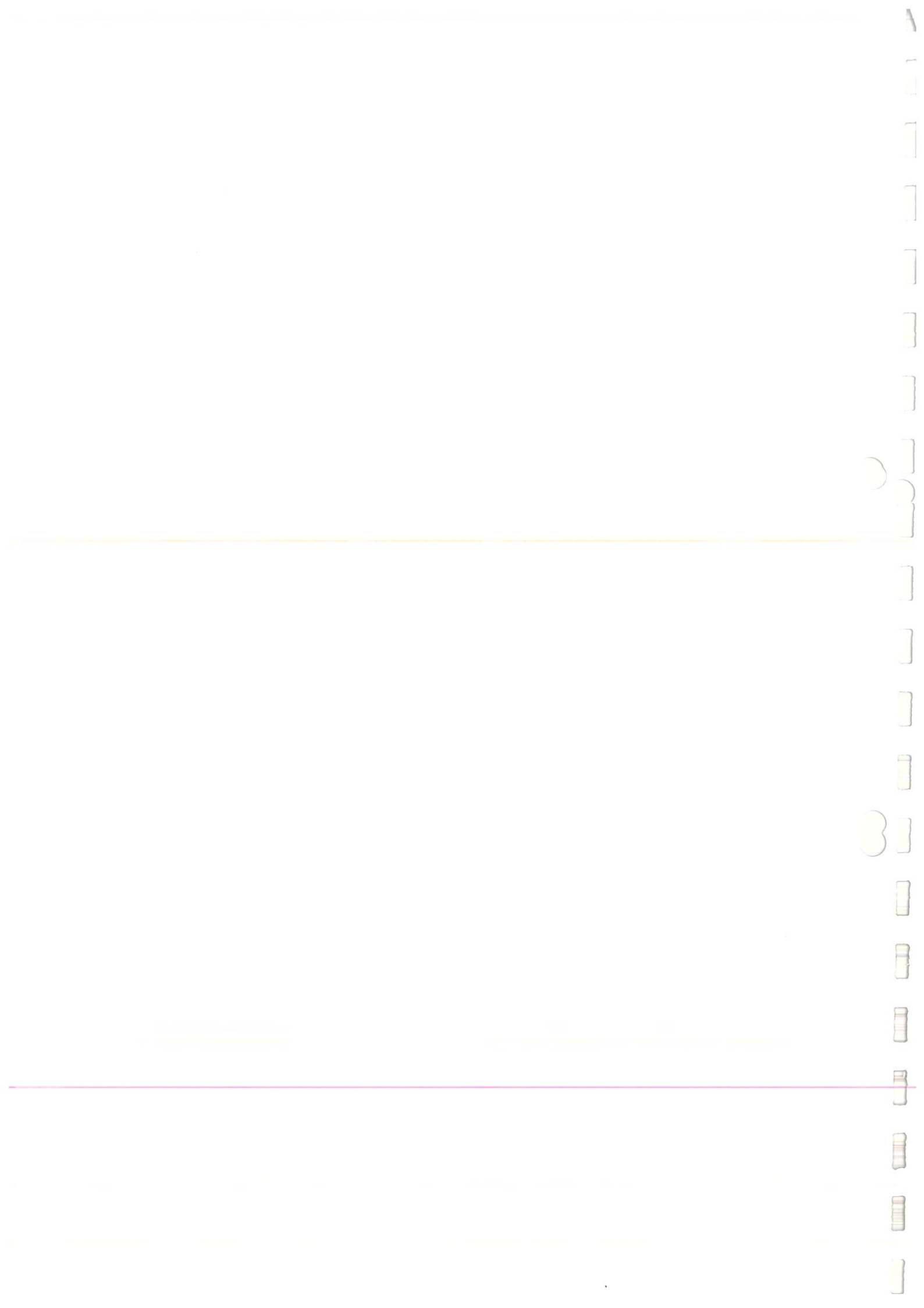
ISSN 2354-1334



Địa chỉ: Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
Tel: 84-243-3824931 - Website: <http://www.vutm.edu.vn>

Số đặc biệt 20/11

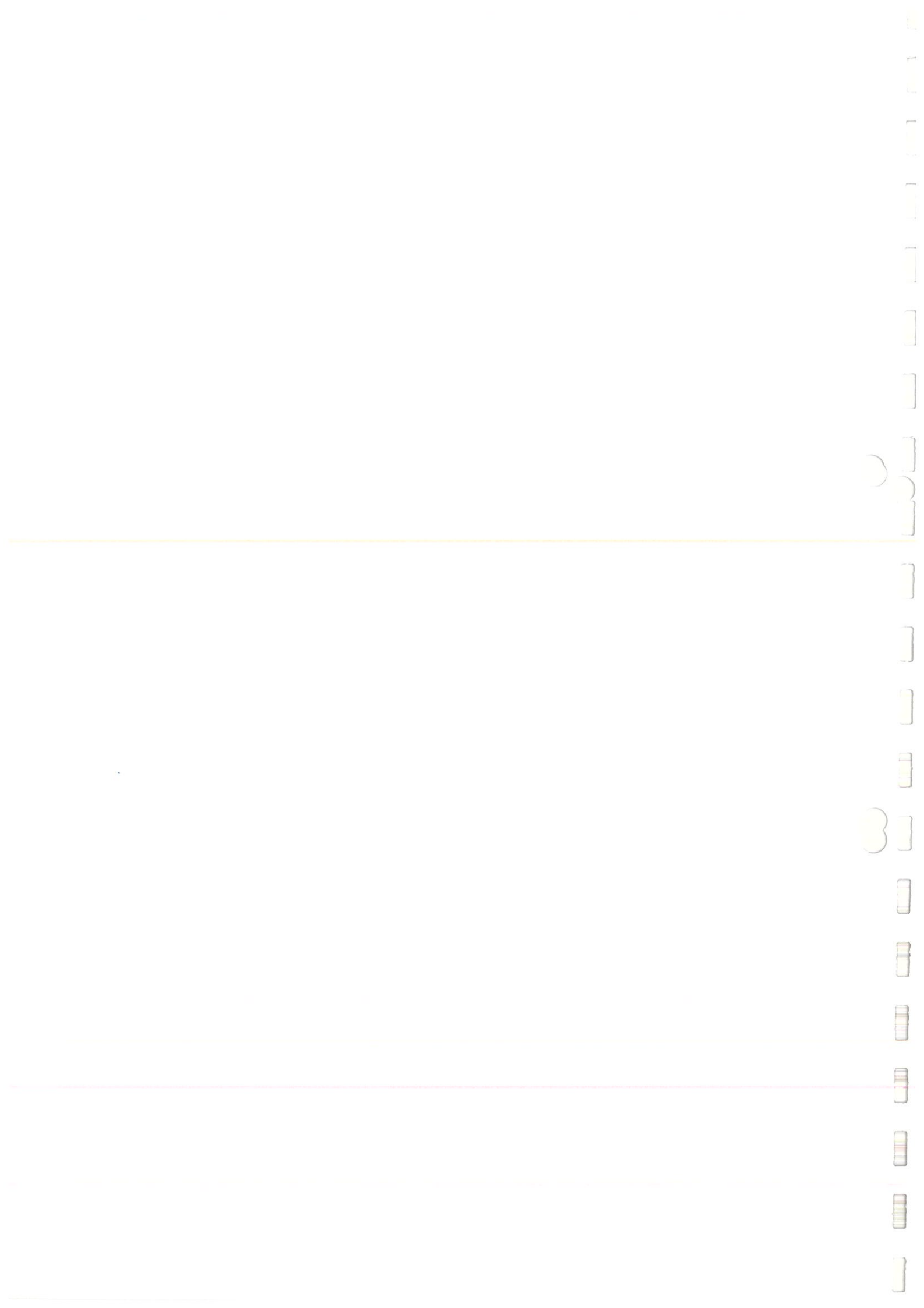
2021



MỤC LỤC SỐ ĐẶC BIỆT

BÀI NGHIÊN CỨU

- ❖ **Nghiên cứu tác dụng xua muỗi của tinh dầu húng quế *Ocimum Basilicum* L. Lamiaceae trên thực nghiệm** 5
Study on mosquitoes repellent effect of basil oil (*Ocimum basilicum* L. Lamiaceae) In experimental animals
Nguyễn Thị Minh Thu¹, Nguyễn Đức Thành¹, Đoàn Minh Khiết²
¹ Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam,
² Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương
- ❖ **Tác dụng của điện châm kết hợp đeo đai hộp ngải cứu việt điều trị đau thắt lưng** 13
The effect of acupuncture combined with wearing vietnamese mugwort band in treatment of low back pain due to lumbar spinal degeneration
Trần Văn Thanh, Đặng Quân
Bệnh viện Châm cứu Trung Ương
- ❖ **Tác dụng chống đông của viên hoàn Trần châu ngư hoàng hoàn trên thực nghiệm** 19
Study on the anticoagulant effect of Tran chau ngư hoàng hoàn on experimental animals
Trần Thái Hà¹, Đào Xuân Tinh²
¹ Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương
² Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam
- ❖ **Xây dựng phương pháp định lượng hợp chất 3-O-Caffeoylquinic acid trong hạt cà phê xanh ở Việt Nam bằng phương pháp HPLC-UV** 27
*Lê Minh Hà¹, Đỗ Thị Thanh Huyền¹, Ngô Thị Phương¹, Lê Văn Nhân²,
Phương Anh Tuấn¹, Trần Văn Thanh³*
¹ Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam,
² Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam,
³ Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam,
- ❖ **Áp dụng máy ép tim tự động trong cấp cứu bệnh nhân ngừng tuần hoàn tại khoa cấp cứu-Bệnh viện Bạch Mai** 33
Evaluation of the efficacy and safety of dienogest in The treatment of andenomyosis
Ngô Văn Sơn, Ngô Đức Ngọc
Trường Đại học Y Hà Nội
- ❖ **Giá trị chẩn đoán của siêu âm tim và chụp cắt lớp vi tính đa dãy trong việc đánh giá chính xác các tổn thương trong bệnh tứ chứng Fallot** 40
The diagnostic value of echocardiography And multi-sequence computed tomography in the accurate assessment of lesions in fallot quadriplegic disease
Nguyễn Thị Thủy Hà¹, Nguyễn Quang Tuấn²
¹ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên, ² Bệnh viện Bạch Mai





Nghiên cứu tác dụng xua muỗi của tinh dầu húng quế *Ocimum Basilicum* L. *Lamiaceae* trên thực nghiệm

STUDY ON MOSQUITOES REPELLENT EFFECT OF BASIL OIL
(*OCIMUM BASILICUM* L. *LAMIACEAE*)
IN EXPERIMENTAL ANIMALS

Nguyễn Thị Minh Thu¹, Nguyễn Đức Thành¹, Đoàn Minh Khiết²

¹ Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam,

² Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 6 - 8 năm 2021, tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Mục tiêu: Đánh giá tác dụng xua muỗi *Aedes aegypti*, *Anopheles minimus* và *Culex tritaeniorhynchus* của tinh dầu Húng quế (*Ocimum basilicum* L. *Lamiaceae*) trên động vật thí nghiệm.

Phương pháp: Tiến hành theo phương pháp của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) với mỗi là chuột lang. Mỗi thử nghiệm được tiến hành 3 lần. Chín trăm (900) muỗi mỗi loài được chia thành 9 lô, mỗi lô 100 con; trong đó có 3 lô chứng (muỗi được nhốt trong ống tunnel với màn không tẩm mẫu thử), 3 lô thử với tinh dầu húng quế nguyên chất và 3 lô thử với hỗn hợp tinh dầu húng quế - ethanol 70° (7:3). Đánh giá tỷ lệ muỗi chết và tỷ lệ muỗi bị ức chế hút máu ở các lô chứng và lô thử nghiệm sau 15 giờ tiếp xúc với màn tẩm mẫu thử.

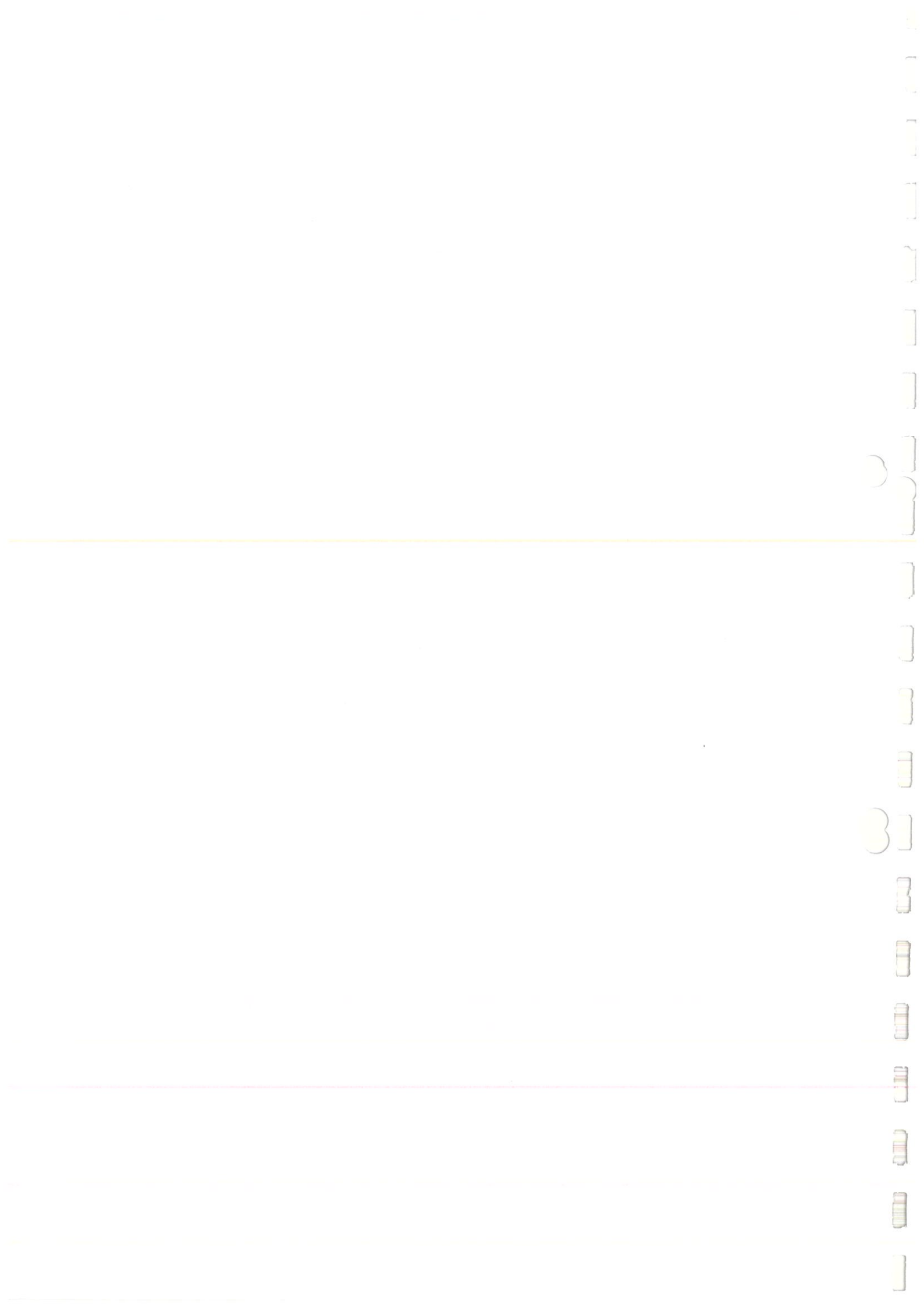
Kết quả: Tinh dầu húng quế nguyên chất và hỗn hợp tinh dầu-ethanol 70° có tác dụng xua muỗi tốt với cả 3 loài muỗi với tác dụng xua trung bình lần lượt là: 99,99% và 99,98% muỗi *Aedes aegypti*, 99,33% và 99,35% muỗi *Anopheles minimus*, 99,96% và 99,90% muỗi *Culex tritaeniorhynchus*.

Từ khóa: Húng quế, *Ocimum basilicum* L. *Lamiaceae*, *Aedes aegypti*, *Anopheles minimus*, *Culex tritaeniorhynchus*, tác dụng xua, tỷ lệ chết, tỷ lệ ức chế hút máu.

Ngày nhận bài: 6/9/2021

Ngày phản biện: 9/9/2021

Ngày chấp nhận đăng: 20/9/2021





76,12% muỗi *Aedes aegypti*, 55,25% và 60,05% muỗi *Anopheles minimus*, 51,85% và 60,49% muỗi *Culex tritaeniorhynchus*. Dịch chiết húng quế có xu hướng xua *Aedes aegypti* tốt hơn so với *Anopheles minimus* và *Culex tritaeniorhynchus*. Tuy nhiên, sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). [1]

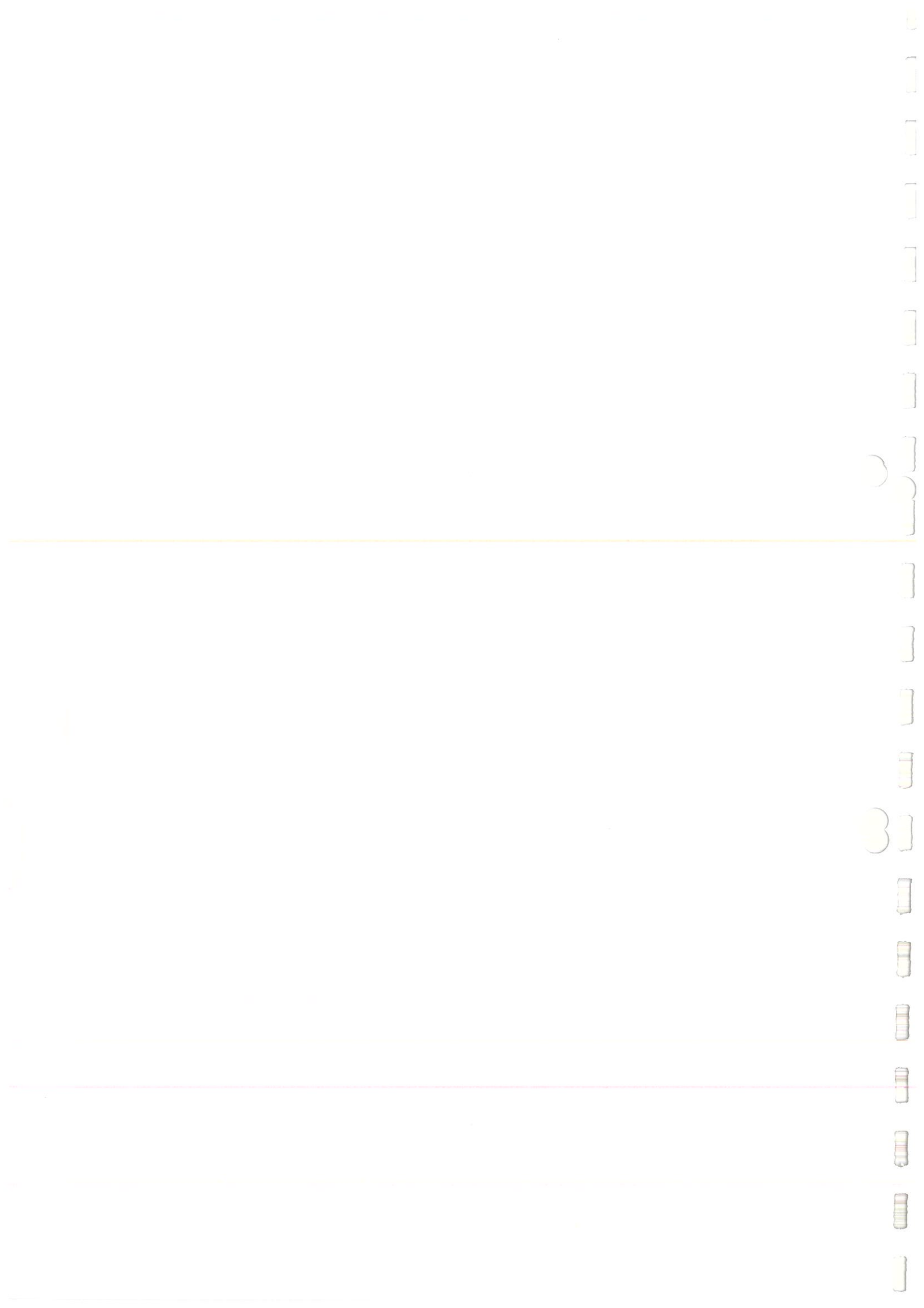
Rất ít nghiên cứu trên thế giới tiến hành đánh giá tác dụng xua muỗi của húng quế, đặc biệt chưa có nghiên cứu nào công bố tác dụng của tinh dầu húng quế với loài *Anopheles minimus* và *Culex tritaeniorhynchus*.

KẾT QUẢ

Đã nghiên cứu tác dụng xua muỗi của tinh dầu húng quế nguyên chất và hỗn hợp tinh dầu - ethanol 70° (7:3). Kết quả cho thấy, hai mẫu thử trên có tác dụng xua trung bình lần lượt là: 99,99% và 99,98% muỗi *Aedes aegypti*, 99,33% và 99,35% muỗi *Anopheles minimus*, 99,96% và 99,90% muỗi *Culex tritaeniorhynchus*. Tinh dầu húng quế có tác dụng xua tốt với cả ba loài *Aedes aegypti*, *Anopheles minimus* và *Culex tritaeniorhynchus*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Minh Thu, Đoàn Minh Khiết, Nguyễn Thị Loan (2020), "Tác dụng xua muỗi của dịch chiết húng quế *Ocimum basilicum* L. *Lamiaceae* trên thực nghiệm", Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.
2. Kiplang'at K.P., Mwangi R.W (2013), "Repellent activities of *Ocimum basilicum*, *Azadirachta indica* and *Eucalyptus citriodora* extracts on rabbit skin against *Aedes aegypti*", *Journal of Entomology and Zoology Studies*, 1 (5): 84-91.
3. Opalchenova G., Obreshkova D. (2003), "Comparative studies on the activity of basil - an essential oil from *Ocimum basilicum* L. - against multidrug resistant clinical isolates of the of genera *Staphylococcus*, *Enterococcus*, and *Pseudomonas* by using different test methods", *Journal of Microbiological methods*, Volume 54, Issue 1, p. 105-110.
4. Science direct (2019), "Mosquito – an overview", *Science direct*, 12 pages.
5. Science direct (2019), "Basil – an overview", *Science direct*, 14 pages.
6. Sritabutra D., Soonwera M. (2013), "Repellent activity of herbal essential oils against *Aedes aegypti* (Linn.) and *Culex quinquefasciatus* (Say.)", *Asian Pacific Journal of Tropical Disease*, 3(4): 271-276.
7. WHO (2013), Guidelines for testing mosquito adulticides for indoor residual spraying and treatment of mosquito nets. WHO/CDS/NTD/WHOPES/ GCDPP/2013.1.



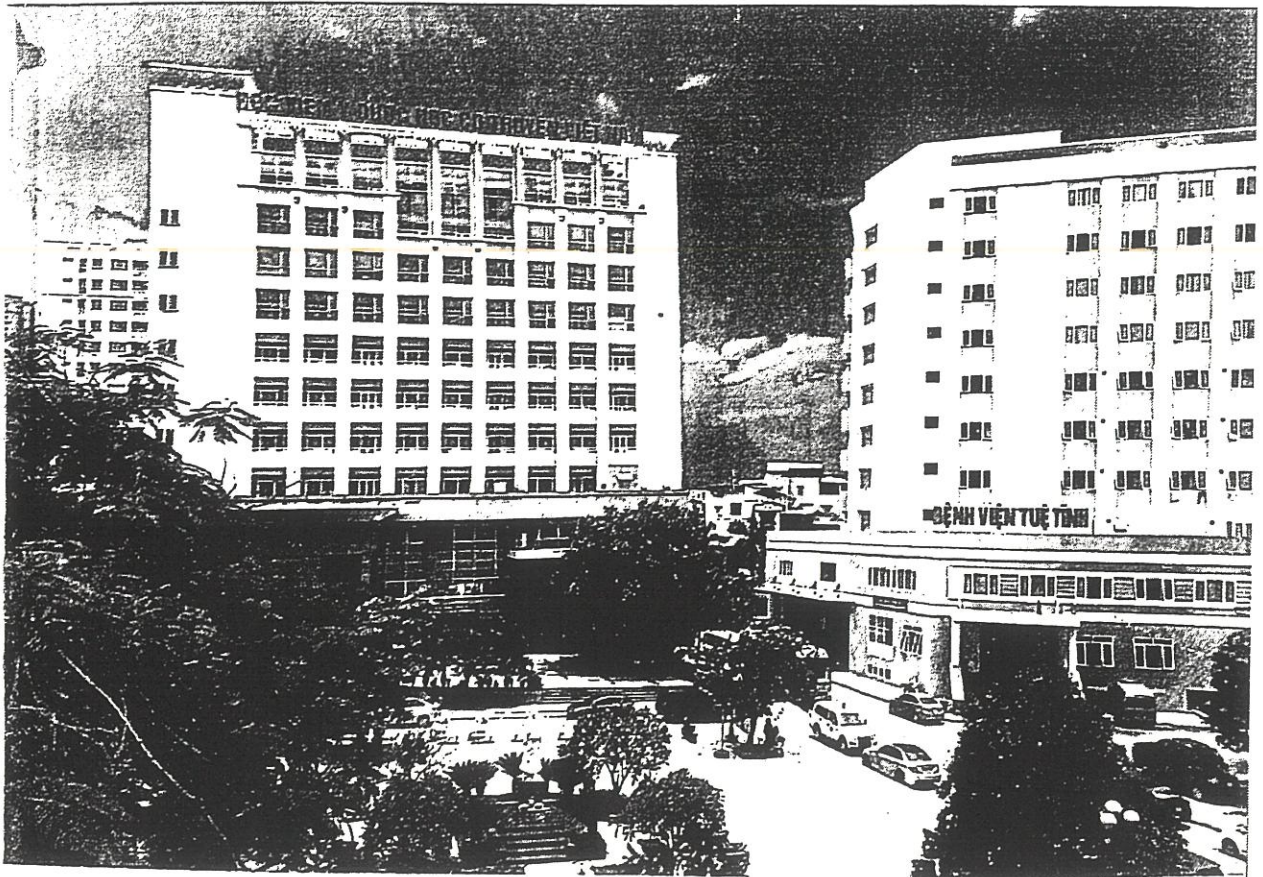
TẠP CHÍ

Y Dược cổ truyền Việt Nam

JOURNAL OF TRADITIONAL VIETNAMESE MEDICINE AND PHARMACY

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

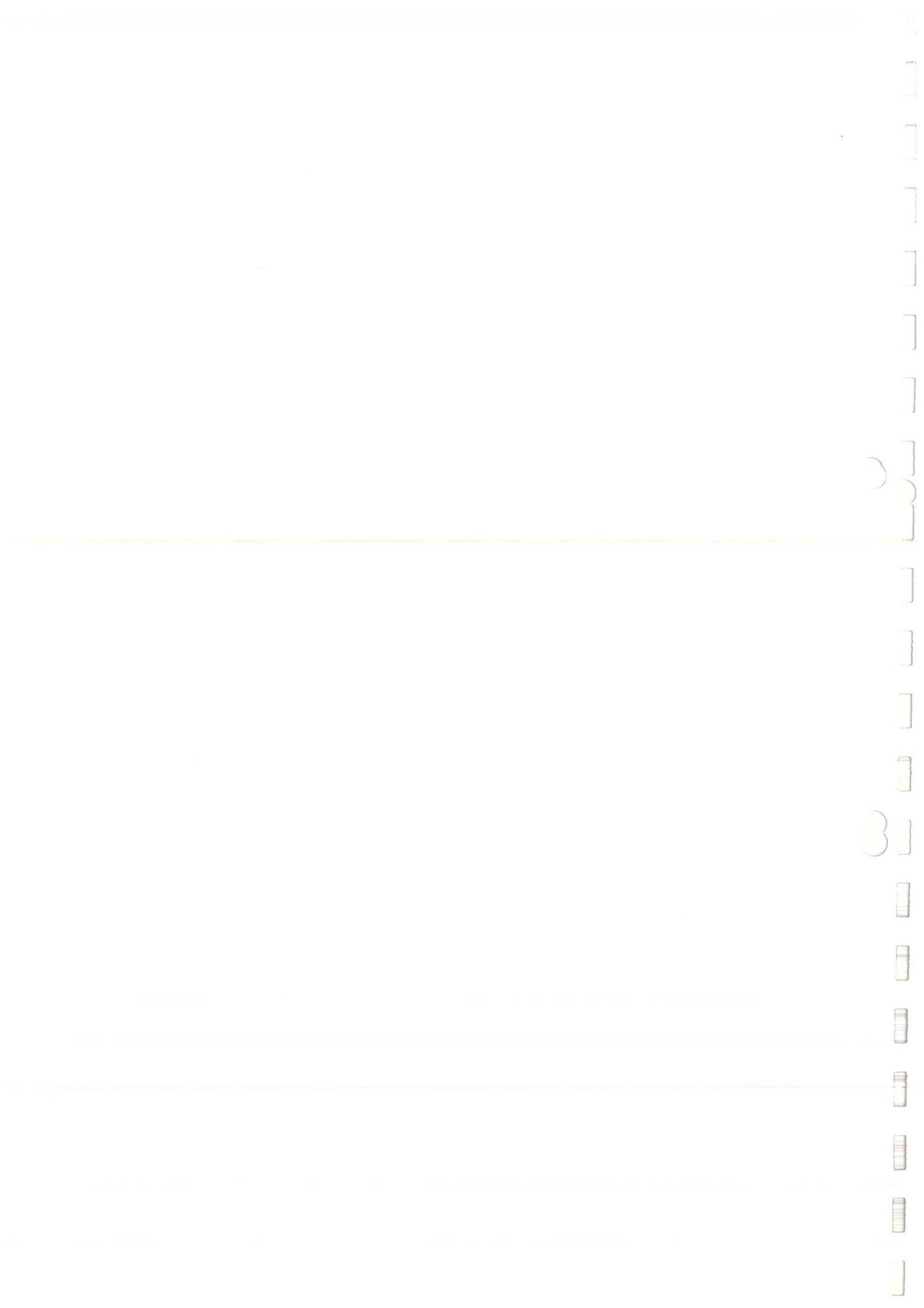
ISSN 2354-1334



Địa chỉ: Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

Tel: 84-243-3824929 * Fax: 84-243-3824931 - Website: <http://www.vutm.edu.vn>

Số 01(42)
2022



BÀI NGHIÊN CỨU

Tác dụng giảm đau vùng cổ gáy ở bệnh nhân thoái hóa cột sống cổ của thuốc đắp HV 4

Evaluating the effect of reducing neck pain in patients with cervical spondylosis by HV poultice

Trần Thu Phương¹, Nguyễn Tiến Chung¹, Trần Văn Phú²

¹Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

²Bộ môn Hối sức cấp cứu và chống độc, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

Đánh giá ảnh hưởng của bài thuốc "Thái bình HV" lên các chỉ số sinh hóa và mô bệnh học của động vật thực nghiệm 9

Evaluate the effect of "Thái bình Hv" remedy on the blood biochemical and histopathological image on experimental animal

Nguyễn Thị Mai Linh¹, Nguyễn Thị Như Quý², Nguyễn Văn Quân¹,

Nguyễn Hoàng Ngân³, Trần Đức Hữu¹

¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

²Đại học Đại Nam

³Học viện Quân y

Đánh giá tác dụng của phương pháp ngâm chân kết hợp bài thuốc toan tảo nhân thang điều trị bệnh nhân tâm căn suy nhược thể can thận âm hư 16

Evaluating the effect of the combined foot bath method toan tao nhan thang treatment of patients with neurasthenia typ enegative kidney liver abatement

Lê Thị Hải Yến¹, Đỗ Thanh Hiền²

Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

Xây dựng quy trình bào chế vị thuốc thần khúc (Massa medicata fermentata) 22

Process for making up Massa medicata fermentata medicine

Phùng Thanh Long¹, Nguyễn Công Lương², Nguyễn Hoàng Việt¹

Nguyễn Thành Công¹, Lê Khánh Huyền¹

¹Khoa Dược - Trường Đại học Đại Nam

²Phòng Quản lý Dược cổ truyền, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền, Bộ Y tế

Một số yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất chiết và hàm lượng hoạt chất trong cao của nấm Cordyceps militaris 27

Some factors affecting the extract performance and high active contents of cordyceps militaris

Trần Văn Thanh, Nguyễn Phương Dung, Đặng Thị Nga

Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

Nghiên cứu ảnh hưởng của 10β-[(2'β-hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32) đến chức năng tạo máu của thỏ thực nghiệm 34

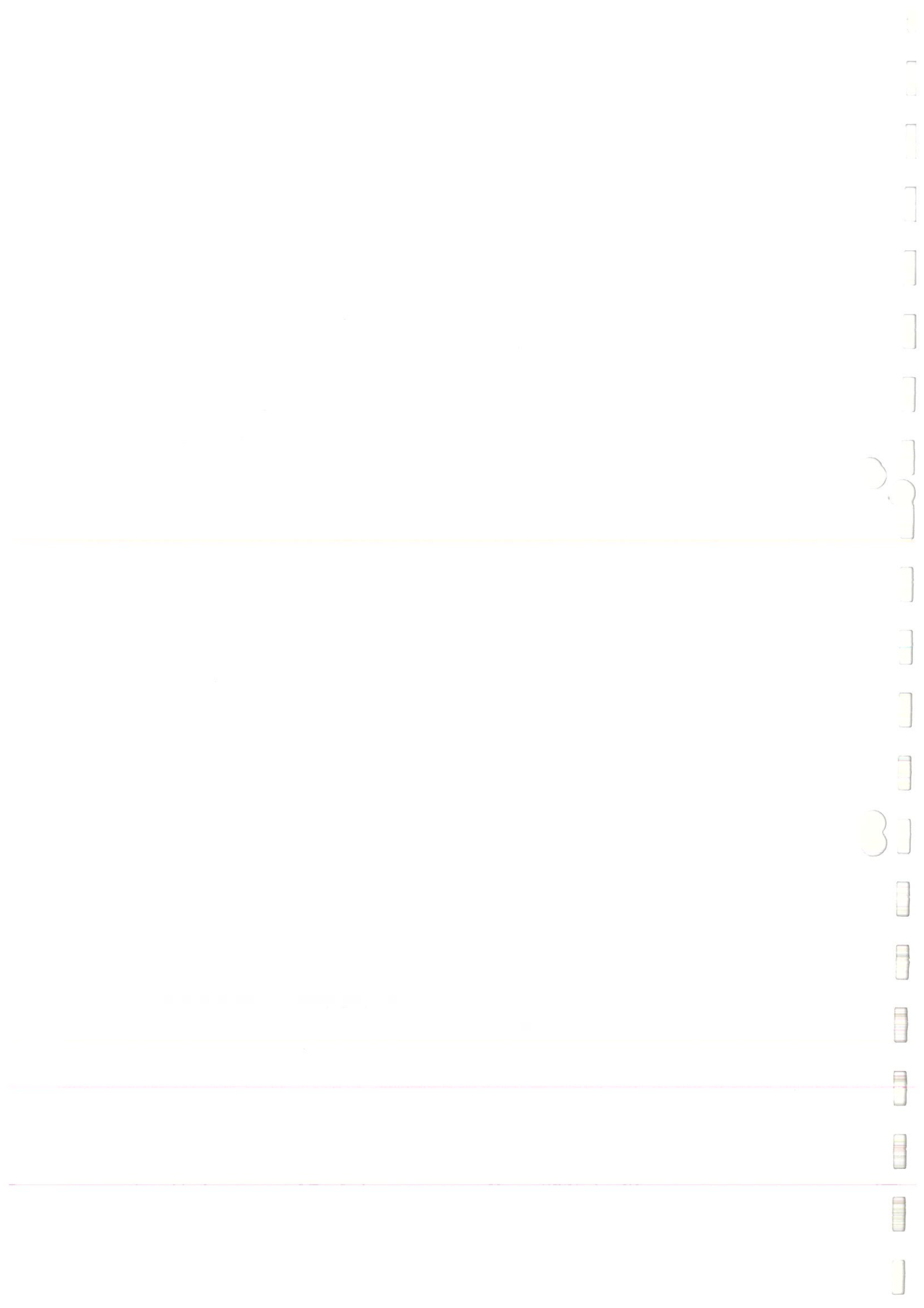
Effects of propyl 10β - [(2'β-hydroxy-3'-imidazol)] deoxoartemisinin (32) on rabbits' hematopoietic functions

Nguyễn Thị Thúy¹, Nguyễn Thị Minh Thu², Trần Thanh Dương³, Nguyễn Thị Thu Hằng²

¹Trường Đại học Dược Hà Nội

²Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

³Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương



Nghiên cứu ảnh hưởng của 10 β -[(2' β -hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32) đến chức năng tạo máu của thỏ thực nghiệm

EFFECTS OF PROPYL 10 β - [(2' β -HYDROXY-3'-IMIDAZOL)] DEOXOARTEMISININ (32) ON RABBITS' HEMATOPOIETIC FUNCTIONS

Nguyễn Thị Thúy¹, Nguyễn Thị Minh Thu², Trần Thanh Dương³, Nguyễn Thị Thu Hằng²

¹Trường Đại học Dược Hà Nội

²Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

³Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương từ tháng 02 - 05 năm 2021 nhằm đánh giá ảnh hưởng của hợp chất 10 β -[(2' β -hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32) đến chức năng tạo máu của thỏ thực nghiệm.

Phương pháp: Tiến hành theo hướng dẫn của Bộ Y tế và OECD về thử độc tính bán trường diễn. Hợp chất (32) được dùng bằng đường uống trên thỏ ở 2 mức liều 72 và 216 mg/kg/ngày x 28 ngày liên tiếp. Thử nghiệm tiến hành song song với nhóm chứng. Lấy máu tĩnh mạch tai thỏ để xét nghiệm vào các ngày N0, N14 và N29. Các chỉ tiêu đánh giá gồm: hàm lượng hemoglobin, số lượng hồng cầu, số lượng bạch cầu, công thức bạch cầu, hematocrit, số lượng tiểu cầu và thể tích trung bình hồng cầu.

Kết quả: Hầu hết các chỉ số huyết học ở 2 lô uống (32) đều không khác biệt có ý nghĩa thống kê so với lô chứng, đồng thời không có sự khác biệt có ý nghĩa giữa các thời điểm N14 và N29 so với N0, các giá trị $p > 0,05$. Ngoại trừ, ở N14, số lượng hồng cầu ở lô uống (32) liều 72 mg/kg/ngày giảm có ý nghĩa thống kê so với N0 ($p < 0,05$) nhưng ở N29 lại tăng lên và không khác biệt có ý nghĩa so với N0. Tương tự, lượng hematocrit của lô uống 216 mg/kg/ngày tăng lên có ý nghĩa thống kê ở N14 nhưng ở N29 lại khác biệt không có ý nghĩa so với N0 ($p > 0,05$).

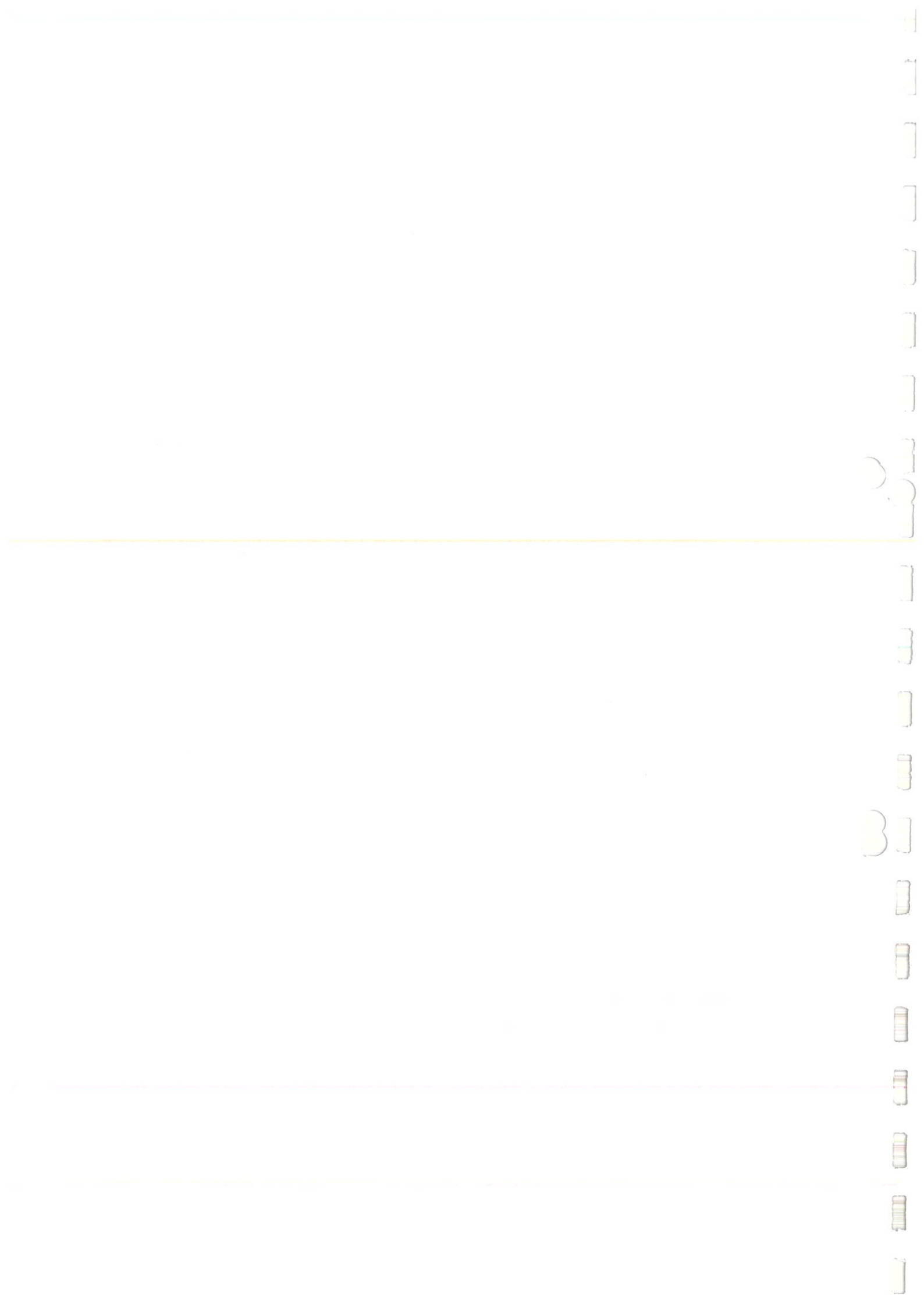
Kết luận: Hợp chất (32) với liều 72 và 216 mg/kg/ngày x 28 ngày liên tiếp bằng đường uống không ảnh hưởng tới chức phận tạo máu của thỏ thí nghiệm.

Từ khóa: 10 β -[(2' β -hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32), chức năng tạo máu, hồng cầu, bạch cầu, hematocrit, hemoglobin, tiểu cầu, thể tích trung bình hồng cầu.

Ngày nhận bài: 20/01/2022

Ngày phân biện: 24/01/2022

Ngày chấp nhận đăng: 25/2/2022





KẾT LUẬN

Đã nghiên cứu ảnh hưởng của 10 β -[(2' β -hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32) đến chức năng tạo máu của thỏ thực nghiệm với hai liều đường uống 72 và 216 mg/kg/ngày \times 28 ngày liên tiếp. Kết quả cho thấy:

Hàm lượng hemoglobin, số lượng hồng cầu, bạch cầu, công thức bạch cầu, lượng hematocrit, số lượng tiểu cầu và thể tích trung bình hồng cầu ở các lô thử nghiệm nhìn chung khác biệt không có ý nghĩa thống kê so với lô chứng và giá trị tại N14,

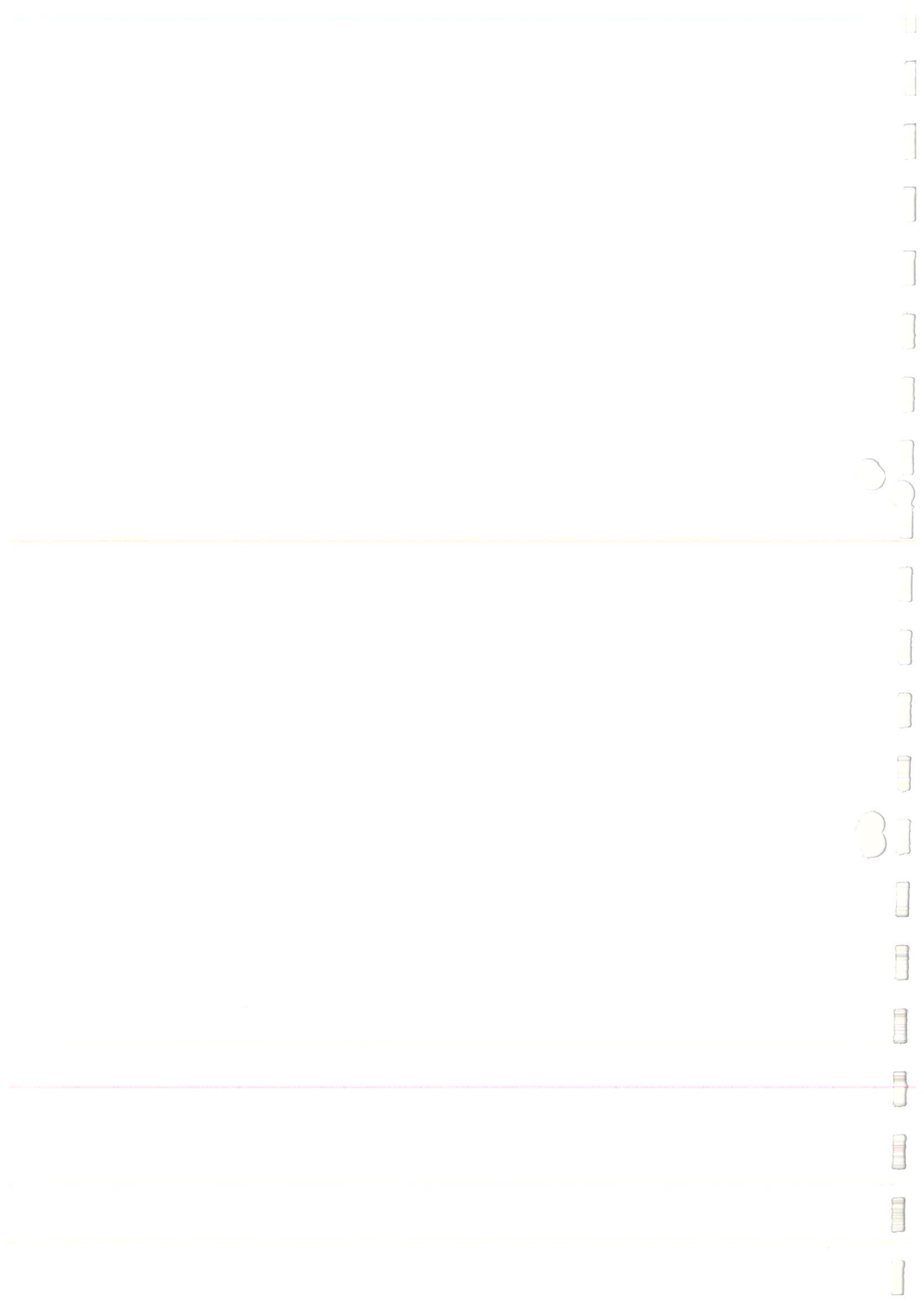
N29 không khác biệt so với N0 ($p > 0,05$).

Số lượng hồng cầu thỏ ở lô uống 72 mg/kg/ngày giảm có ý nghĩa thống kê ở ngày N14, nhưng không khác biệt thống kê các lô khác và ở N29 lại trở lại giới hạn bình thường. Hàm lượng hematocrit ở lô uống 216 mg/kg/ngày tăng có ý nghĩa thống kê ở N14 nhưng ở ngày N29 khác biệt không có ý nghĩa thống kê với N0 và so với các lô khác ($p > 0,05$).

Hợp chất (32) tại 2 liều thử không ảnh hưởng tới chức năng tạo máu của thỏ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2015), Quyết định số: 141/QĐ-K2ĐT, Quyết định về việc ban hành tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn thử nghiệm tiền lâm sàng thuốc đông y, thuốc từ dược liệu".
2. Nguyễn Thị Minh Thu (2008), Nghiên cứu tác dụng trên kí sinh trùng sốt rét và độc tính trên thực nghiệm của thuốc sốt rét phối hợp Dihydroartemisinin – Piperaquin do Việt Nam sản xuất, Luận án tiến sĩ Dược học - Viện Dược Liệu.
3. Nguyễn Thị Minh Thu, Ngô Việt Thành, Tạ Thị Tinh, Nguyễn Mạnh Hùng và cộng sự (2011), "Nghiên cứu hiệu lực *in vitro* của 5 dẫn xuất artemisinin và độc tính cấp của 10 β -[(2' β -hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin", *Tạp chí Dược học*, (số 428), tr.31-34.
4. Nguyễn Thị Minh Thu, Nguyễn Lương Hiếu (2020), "Tác dụng *in vivo* và độc tính cấp đường uống của 10 β -[(2' β -hydroxy-3'-imidazol) propyl] deoxoartemisinin (32)", *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, tập 7, (số 32), tr.35-45.
5. Trường Đại học Dược Hà Nội - Chương trình Phòng chống sốt rét Quốc gia (2016), *Cẩm nang hướng dẫn sử dụng thuốc điều trị sốt rét*, Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội.
6. Noedl H. et al. (2008), "Evidence of artemisinin-resistant aalaria in western Cambodia", *N Engl J Med*, 359(24), pp. 2619-2620.
7. OECD (2008), "Repeated dose 28-oral toxicity study in rodents", OECD guidelines for the testing of chemicals, No. 407.



TẠP CHÍ

Y Dược cổ truyền Việt Nam

JOURNAL OF TRADITIONAL VIETNAMESE MEDICINE AND PHARMACY

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

ISSN 2354-1334



Địa chỉ: Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

Tel: 84-243-3824929 * Fax: 84-243-3824931 - Website: <http://www.vutm.edu.vn>

Số 02(43)

2022

TẠP CHÍ

Y Dược cổ truyền Việt Nam

Số 02(43) - 2022

● TỔNG BIÊN TẬP

Đậu Xuân Cảnh

● PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Nguyễn Duy Thuần

● HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Đậu Xuân Cảnh - Chủ tịch

Nguyễn Duy Thuần - Phó Chủ tịch

Phạm Quốc Bình - Ủy viên

Nguyễn Quốc Huy - Ủy viên

Đoàn Quang Huy - Ủy viên

Trần Thị Vân - Ủy viên

Lê Thị Thanh Nhạn - Ủy viên

● BAN THƯ KÝ

Trần Thị Vân - Trưởng ban

Nguyễn Thị Vân Anh - Phó Trưởng ban

Đinh Văn Tài

Đinh Thị Hồng Minh

Hoàng Thị Như Quỳnh

Nguyễn Khánh Tường

Tường Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Ngọc

● TRÌNH BÀY

Lê Trung Kiên

Lê Minh Châu

TẠP CHÍ

Y Dược cổ truyền Việt Nam

JOURNAL OF TRADITIONAL VIETNAMESE MEDICINE AND PHARMACY

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

ISSN 2354-1334



Địa chỉ: Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
Tel: 84-243-3824929 * Fax: 84-243-3824931 - Website: <http://www.vutm.edu.vn>

Số 02(43)
2022

TÒA SOẠN

ĐC: Số 2, Trần Phú, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 84-243-3510168 * Fax: 84-243-3824929

Website: <http://www.vutm.edu.vn>

E-mail: qlkhhocvien@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 432/GP - BTTTT cấp ngày 21/10/2013

MỤC LỤC SỐ 02(43) - 2022

BÀI NGHIÊN CỨU

Thực trạng sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh năm 2021 4

The satisfaction of inpatient at Tue Tinh hospital in 2021

Nguyễn Thu Huyền¹, Bạch Khánh Hòa², Nguyễn Thị Thùy³

¹Bệnh viện Tuệ Tĩnh

²Đại học Thăng Long

³Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

Kết quả hồi phục của người bệnh sau phẫu thuật sỏi mật và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 10

Recovery results of patterns after bililiology surgery and some related factors at military central hospital 108

Đoàn Thị Chi, Lê Văn Thành, Trần Hữu Vinh, Ngô Thị Hoan, Nguyễn Tiến Hào

Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City

Trường Đại học Thăng Long

Đánh giá hiệu quả điều trị viêm quanh khớp vai thể đơn thuần bằng cấy chỉ catgut kết hợp vận động trị liệu tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông 15

Evaluation of the effectiveness of the method of catgut embedding therapy combined with physical therapy for patients with simple periarthritits of the shoulder at Ha Dong general hospital

Lê Tiến Đạt¹, Trần Thị Hồng Ngải²

¹Bệnh viện Đa khoa Hà Đông

²Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

Đánh giá hiệu quả của phương pháp điện châm trong điều trị hội chứng bàng quang tăng hoạt nguyên phát 23

The effect of electro-acupuncture on patients with overactive bladder

Lê Đại Hoàng¹, Vũ Minh Hoàn², Nguyễn Thị Minh Thu¹

¹Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

²Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội

Kết quả chăm sóc người bệnh thoái hóa cột sống thắt lưng tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh năm 2021 29

Results of taking care of patients with lumbar spondylosis at Tue Tinh hospital in 2021

Nguyễn Thị Anh¹, Vương Thị Hòa²

¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

²Đại học Thăng Long

Thực trạng thực hành khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ y tế của của Điều dưỡng, Kỹ thuật viên tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh và Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Nội năm 2019 35

The practice of disinfection and sterilization of medical instruments of nurses and technicians at Tue Tinh Hospital and Hanoi Hospital of Traditional Medicine in 2019

Phạm Thị Xuyên¹, Đậu Xuân Cảnh¹, Lê Thị Tuyết¹, Nguyễn Thị Minh Thủy², Phạm Văn Minh³

¹Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

²Trường Đại học Y tế công cộng

³Đại học Y Hà Nội

Hiệu quả điều trị điểm đau khu trú cơ xương khớp bằng kỹ thuật sóng xung kích tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk năm 2021 43

Effective treatment of localized musculoskeletal pain points by shock wave technique at the Hospital of Traditional Medicine of Dak Lak province in 2021

Lê Đình Vinh, Hồ Sỹ Sơn, Lương Công Toàn và cs
Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk

Đánh giá tác dụng của viên nang Linh Lộc Sơn đối với một số chỉ số miễn dịch chung trên động vật thực nghiệm 50

Evaluate the effects of Linh Loc Son capsules on some general immune indexes in experimental animals

Nguyễn Thị Kim Ngân¹, Phạm Thị Vân Anh², Nguyễn Duy Cường³

¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

²Trường Đại học Y Hà Nội

³Cục Y tế, Bộ Công an

Trải nghiệm của người bệnh điều trị nội trú tại Khoa ngoại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City và một số yếu tố liên quan năm 2021 57

Describe the experience of using services of and some related factors inpatients at the department of surgery, Vinmec Times city international hospital

Nguyễn Huy Hoàng¹, Nguyễn Tiến Dũng¹, Nguyễn Tiến Hào¹, Trần Thị Phúc Nguyệt²

¹Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City

²Đại học Thăng Long

Nghiên cứu ảnh hưởng của dịch chiết húng quế *Ocimum basilicum* L. Lamiaceae đến chức năng thận thỏ 64

Effects of basil (*Ocimum basilicum* l. lamiaceae) extract on experimental rabbits' renal functions

Nguyễn Thị Loan¹, Trần Văn Minh³, Trần Thanh Dương², Nguyễn Thị Minh Thu¹

¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

²Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương

³Trường Đại học Y Hà Nội

Đánh giá tác dụng chống xơ vữa mạch của viên nang “Hạ mỡ NK” trên bệnh nhân rối loạn lipid máu 71

Evaluate the anti-atherosclerotic effect of “Ha mo NK” capsule on patients with dyslipidemia

Phạm Thủy Phương¹, Nguyễn Trọng Thông², Phạm Quốc Bình¹

¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

²Đại học Phenikaa



Đánh giá hiệu quả của phương pháp điện châm trong điều trị hội chứng bàng quang tăng hoạt nguyên phát

THE EFFECT OF ELECTRO-ACUPUNCTURE ON PATIENTS WITH OVERACTIVE BLADDER

Lê Đại Hoàng¹, Vũ Minh Hoàn², Nguyễn Thị Minh Thu¹

¹Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

²Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội

Tóm tắt

Mục tiêu: Đánh giá hiệu quả của phương pháp điện châm trong điều trị hội chứng bàng quang tăng hoạt nguyên phát.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: 60 bệnh nhân trên 18 tuổi được chẩn đoán bàng quang tăng hoạt nguyên phát, tình nguyện tham gia nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu điều trị bằng điện châm kết hợp uống Solifenacin 5 mg/ngày, nhóm đối chứng điều trị bằng uống Solifenacin 5mg/ngày. So sánh kết quả trước và sau điều trị.

Kết quả: Sau điều trị, số lần tiểu gấp giảm từ $6,47 \pm 1,53$ xuống $0,83 \pm 0,70$ với $p < 0,05$, tốt hơn nhóm ĐC ($p < 0,01$), số lần tiểu ngày giảm từ $9,30 \pm 1,99$ xuống $5,97 \pm 1,13$ với $p < 0,05$, tốt hơn nhóm ĐC ($p = 0,01$), số lần tiểu đêm giảm từ $2,60 \pm 1,00$ xuống $0,87 \pm 0,43$ với $p < 0,05$, tốt hơn nhóm ĐC ($p < 0,01$), Số lần són tiểu gấp giảm từ $1,23 \pm 1,79$ xuống $0,03 \pm 0,18$ với $p < 0,05$, Điểm OABSS Homma giảm từ $9,53 \pm 2,50$ xuống $4,07 \pm 1,53$ với $p < 0,05$, tốt hơn nhóm ĐC ($p < 0,01$), Điểm chất lượng cuộc sống UDI-6 giảm từ $6,80 \pm 1,73$ xuống $2,27 \pm 1,11$ với $p < 0,05$, tốt hơn nhóm ĐC ($p < 0,01$).

Kết luận: Điện châm có hiệu quả tốt trong điều trị hội chứng bàng quang tăng hoạt nguyên phát.

Từ khóa: Bàng quang tăng hoạt, điện châm.

Abstract

Objectives: To evaluate the effects of the effect of electro-acupuncture on patients with overactive bladder.

Subjects and methods: 60 patients aged over 18 with diagnosis of overactive bladder, were volunteered to participate in the study. The study group was treated using electro-acupuncture and Solifenacin 5mg/day while the control group was treated with Solifenacin 5mg/day only. Compare the results before and after treatment.

Results: After treatment, the frequency of urinary urgency in the study group reduced from $6,47 \pm 1,53$ to

Ngày nhận bài: 9/3/2022

Ngày phân biện: 14/3/2022

Ngày chấp nhận đăng: 31/3/2022



đoạn với nó và gây ra một phản ứng toàn thân thông qua tác dụng lên não [5]. Tất cả các huyết chứng tôi sử dụng trong nghiên cứu đều thuộc vùng đa tiết đoạn T11-L2 và S2-S4 do đó có thể điều hòa hoạt động của bàng quang và làm giảm các triệu chứng rối loạn tiểu tiện trong bệnh cảnh BQTH.

Các huyết mà chúng tôi sử dụng trong nghiên cứu này ngoại trừ các huyết theo công thức huyết điều trị rối loạn tiểu tiện của bộ y tế còn gia thêm các huyết điều trị nguyên nhân phù hợp theo từng thể bệnh: Đối với thể khí hư gia thêm huyết Bách hội, Quan nguyên, Khí hải, Tam âm giao, Túc tam lý với tác dụng bổ khí thăng đề, sáp niệu. Thể thận dương hư gia thêm các huyết Quan nguyên, Mệnh môn, Thận du, Bát liêu, Tam âm giao với tác dụng ôn dương bổ thận, sáp niệu. Đối với thể thận âm hư gia thêm các huyết Thận du, Tam âm giao, Thái Khê, Phục lưu với tác dụng tư âm bổ thận, sáp niệu. Nguyên nhân chúng “Bàng quang bất cố” người xưa đều cho là vì hư. Hư là chỉ về công năng có quan hệ với việc bài tiết nước tiểu bị sút kém. Tiểu tiện không nín được là vì quàng quang không ước thúc được mà bàng quang không đốc thúc được là do công năng của phế, tỳ, thận bị suy giảm [6]. Khi điện châm kích thích vào các huyết thông qua hệ kinh lạc tác động vào các tạng phủ bên trong cơ thể giúp tăng cường công năng của các tạng phế, tỳ, thận làm cho chức năng khí hóa bàng quang tốt hơn do đó có thể làm giảm các triệu chứng như tiểu són, tiểu gấp, tiểu nhiều lần và tiểu đêm.

Trong nghiên cứu của chúng tôi Nhóm ĐC tăng đáng kể lượng nước tiểu tồn dư là do chúng tôi sử dụng thuốc điều trị nền Solifenacin (Versicare) khi sử dụng thuốc sẽ làm giảm tình trạng tăng hoạt của bàng quang đồng thời khả năng tổng xuất của bàng quang cũng giảm theo đó là lý do khiến lượng nước tiểu tồn dư của nhóm ĐC tăng sau điều trị. Ở nhóm NC cũng sử dụng Solifenacin nhưng thể tích nước tiểu tồn dư lại không thay đổi theo chúng tôi có thể là do tác dụng của điện châm

mang lại thông qua cơ chế như đã trình bày ở trên.

Cải thiện chất lượng cuộc sống

Bộ câu hỏi UDI-6 đánh giá ảnh hưởng triệu chứng tiết niệu đến sinh hoạt hàng ngày, đây là phương pháp đơn giản, dễ sử dụng và là công cụ đo đặc khách quan được nhiều nghiên cứu áp dụng. Sau điều trị điểm UDI-6 ở cả 2 nhóm BN nghiên cứu đều cải thiện có ý nghĩa so với trước điều trị ($p < 0,05$). Điểm UDI-6 của nhóm NC giảm từ $6,80 \pm 1,73$ xuống $2,27 \pm 1,11$ tốt hơn nhóm ĐC ($p < 0,01$). Như vậy điện châm đã góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt và hiệu suất lao động cho người bệnh.

KẾT LUẬN

Điện châm có hiệu quả tốt trong điều trị hội chứng bàng quang tăng hoạt nguyên phát. Điểm OABSS của Homma, điểm chất lượng cuộc sống UDI-6 và các triệu chứng lâm sàng như tiểu gấp, tiểu nhiều lần, tiểu đêm, són tiểu gấp sau điều trị đều cải thiện có ý nghĩa so với trước điều trị và tốt hơn so với nhóm đối chứng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abrams P, Artibani W, Cardozo L et al (2009).** Reviewing the ICS 2002 terminology report: the ongoing debate. *Neurourol Urodyn*, 28 (4), p287.
- Forde J. C, Jaffe E, Stone B. V, et al (2016).** The role of acupuncture in managing overactive bladder; a review of the literature. *International urogynecology journal*, 27(11), p1645–1651.
- Bộ Y tế (2013).** Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám, chữa bệnh chuyên ngành Châm cứu, Quy trình 277, tr44-46.
- Khoa Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2006).** *Nội khoa Y học cổ truyền (sách dùng cho đối tượng sau đại học)*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Khoa Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2005).** *Châm cứu*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

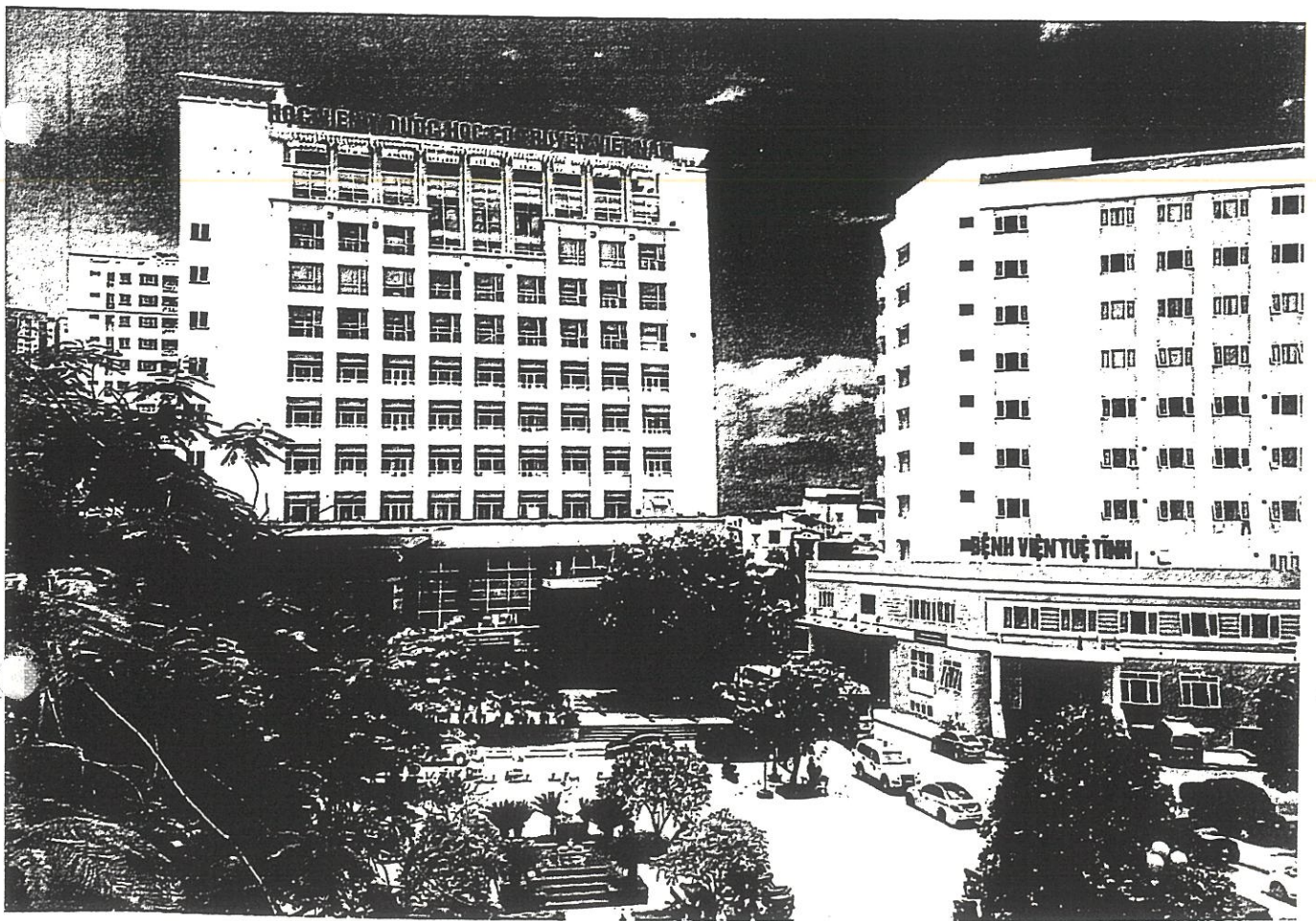
TẠP CHÍ

Y Dược cổ truyền Việt Nam

JOURNAL OF TRADITIONAL VIETNAMESE MEDICINE AND PHARMACY

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

ISSN 2354-1334

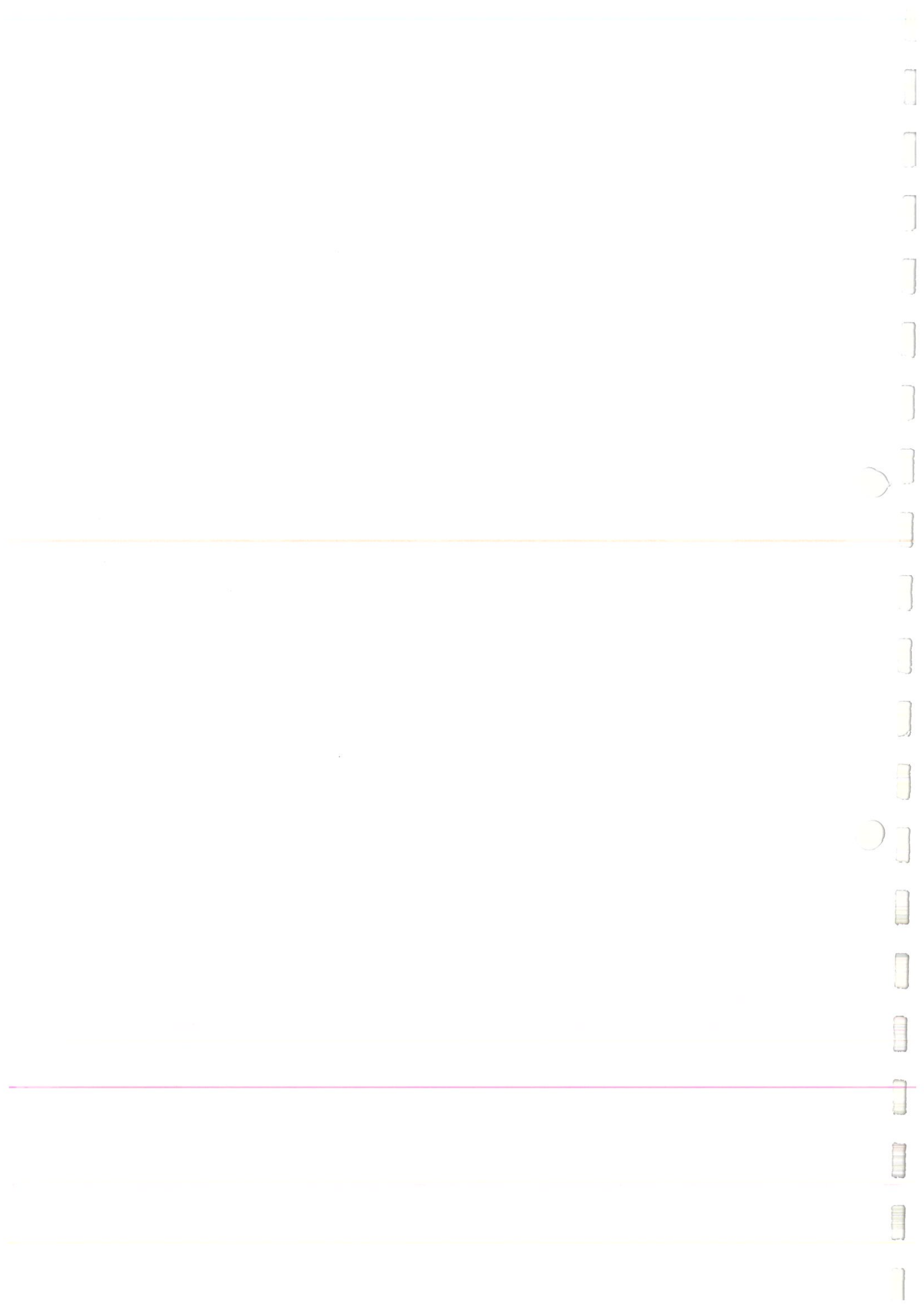


Địa chỉ: Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

Tel: 84-243-3824929 * Fax: 84-243-3824931 - Website: <http://www.vutm.edu.vn>

Số 6(47)

2022



MỤC LỤC SỐ 06(47) - 2022

BÀI NGHIÊN CỨU

- 4 Study the effect of "Ich khi an than - HVY" tablets on the hematopoietic function of white rats.

Pham Thuy Phuong¹
To Le Hong¹; Do Thi Thanh Xuan¹; Pham Quoc Binh¹
¹Vietnam Academy of Traditional Medicine

- 10 Tác dụng điều trị gan nhiễm mỡ bằng dây mật gấu Trên động vật thực nghiệm
The effects of treatment of fatty liver disease on experimental animals

¹Vũ Văn Sự, ²Đoàn Quang Huy
¹Học viên Cao học khóa 12, ²Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

- 19 Nghiên cứu sự ảnh hưởng đến một số chỉ số cận lâm sàng của viên nén "thanh can - HV" trên bệnh nhân tăng huyết áp nguyên phát độ I, II
The influences of thanh can hv tablets in treatment of hypertension grade i, ii on subclinical indicators.

¹Vũ Minh Hiếu, ²Phạm Quốc Bình, ³Hoàng Trọng Quân, ⁴Phạm Thủy Phương.
Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

- 25 Kết quả điều trị hội chứng cổ vai tay của TK1-HV kết hợp cảnh tam châm
The results of tk1-hv combined jin' 3-needle technique to treatment neck arm pain patients

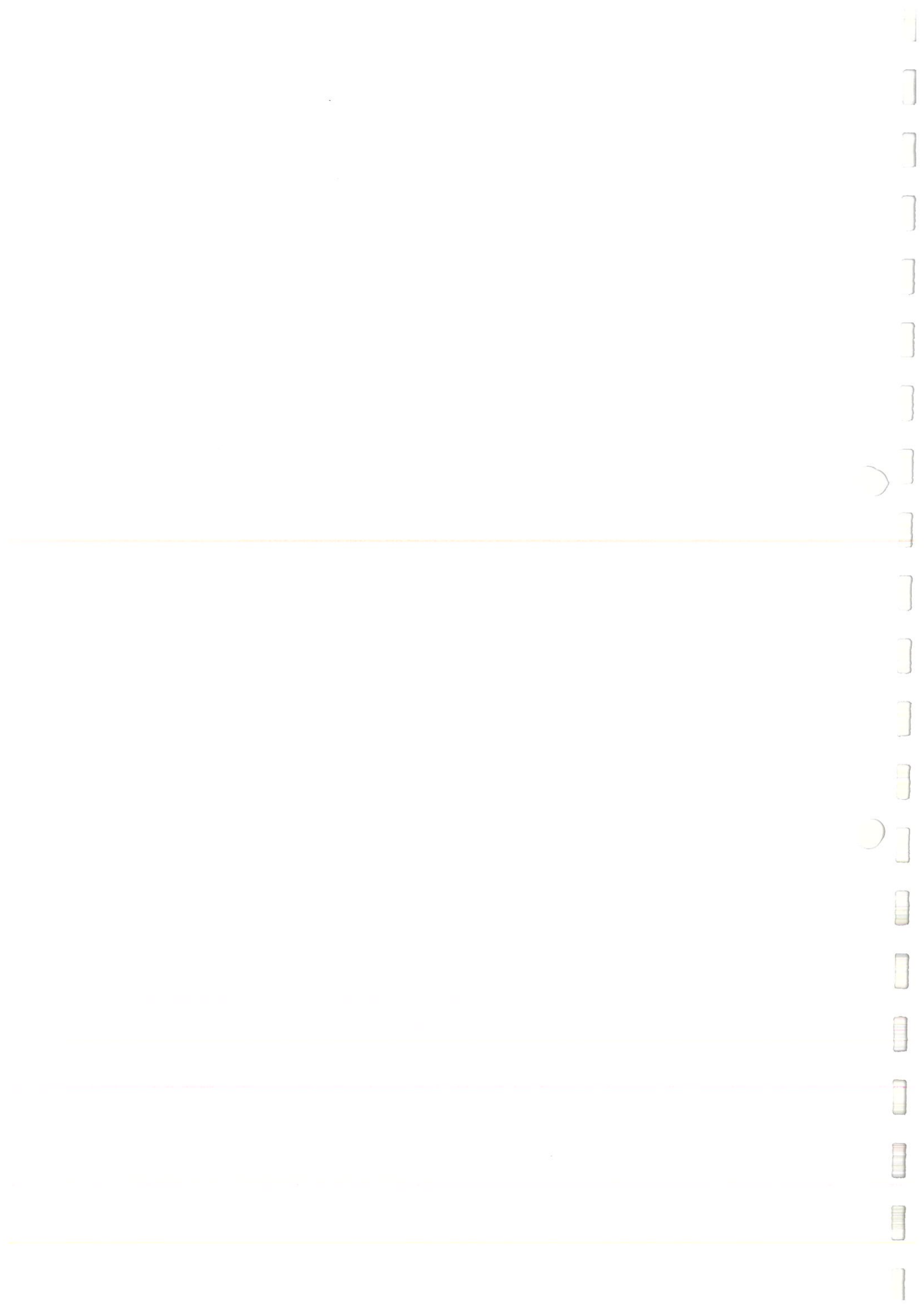
¹Nguyễn Tiến Chung, ¹Đoàn Quang Huy, Hoàng Thị Vân
¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

- 31 Đánh giá tác dụng của bột cốm "kiện tỳ chỉ thống HV" trong điều trị viêm dạ dày hành tá tràng
Assessment of the effects of coming powder "the hv system" in treatment of dual collitis stomachitis

Bùi Thị Thương
Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

- 38 Nghiên cứu tác dụng kích ứng da và ảnh hưởng của tinh dầu húng quế (*ocimum basilicum* L.) Đến một số chức năng sống của thỏ thực nghiệm
Research on effects of basil oil (*ocimum basilicum* L.) On skin and some vital functions of the experimental rabbits

Nguyễn Thị Minh Thu¹, Nguyễn Đức Thành¹, Đỗ Thị Phương²
¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, ²Đại học Y Hà Nội



Nghiên cứu tác dụng kích ứng da và ảnh hưởng của tinh dầu húng quế (*ocimum basilicum* L.) Đến một số chức năng sống của thỏ thực nghiệm

RESEARCH ON EFFECTS OF BASIL OIL (*OCIMUM BASILICUM* L.) ON SKIN AND SOME VITAL FUNCTIONS OF THE EXPERIMENTAL RABBITS

Nguyễn Thị Minh Thu¹, Nguyễn Đức Thành¹, Đỗ Thị Phương²

¹ Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, ² Đại học Y Hà Nội

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành vào tháng 5 năm 2021, tại Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Mục tiêu: Đánh giá tác dụng kích ứng da và ảnh hưởng của tinh dầu Húng quế (*Ocimum basilicum* L. Lamiaceae) đến một số chức năng sống của thỏ thí nghiệm.

Phương pháp: Tiến hành theo hướng dẫn của Bộ Y tế và OECD.

Kết quả: Tinh dầu húng quế nguyên chất và hỗn hợp tinh dầu - ethanol 70° (7:3) không gây kích ứng da thỏ sau 24 giờ theo dõi liên tục (không gây mẩn đỏ, không phù nề, không gây viêm da), không làm thay đổi có ý nghĩa thống kê các chỉ số thân nhiệt, nhịp thở và nhịp tim của thỏ tại các thời điểm 1, 4, 6 và 24 giờ sau khi dùng chất thử so với trước khi dùng (các giá trị $p > 0,05$).

Từ khóa: Húng quế, *Ocimum basilicum*, tinh dầu, thỏ, kích ứng da, thân nhiệt, nhịp tim, nhịp thở.

ABSTRACT

This study was conducted in May 2021 at Vietnam University of Traditional Medicine and Pharmacy.

Objective: To test whether basil oil (*Ocimum basilicum*) causes skin irritation or affects some vital functions of experimental rabbits.

Methods: Follow the guidelines of the Ministry of Health and OECD.

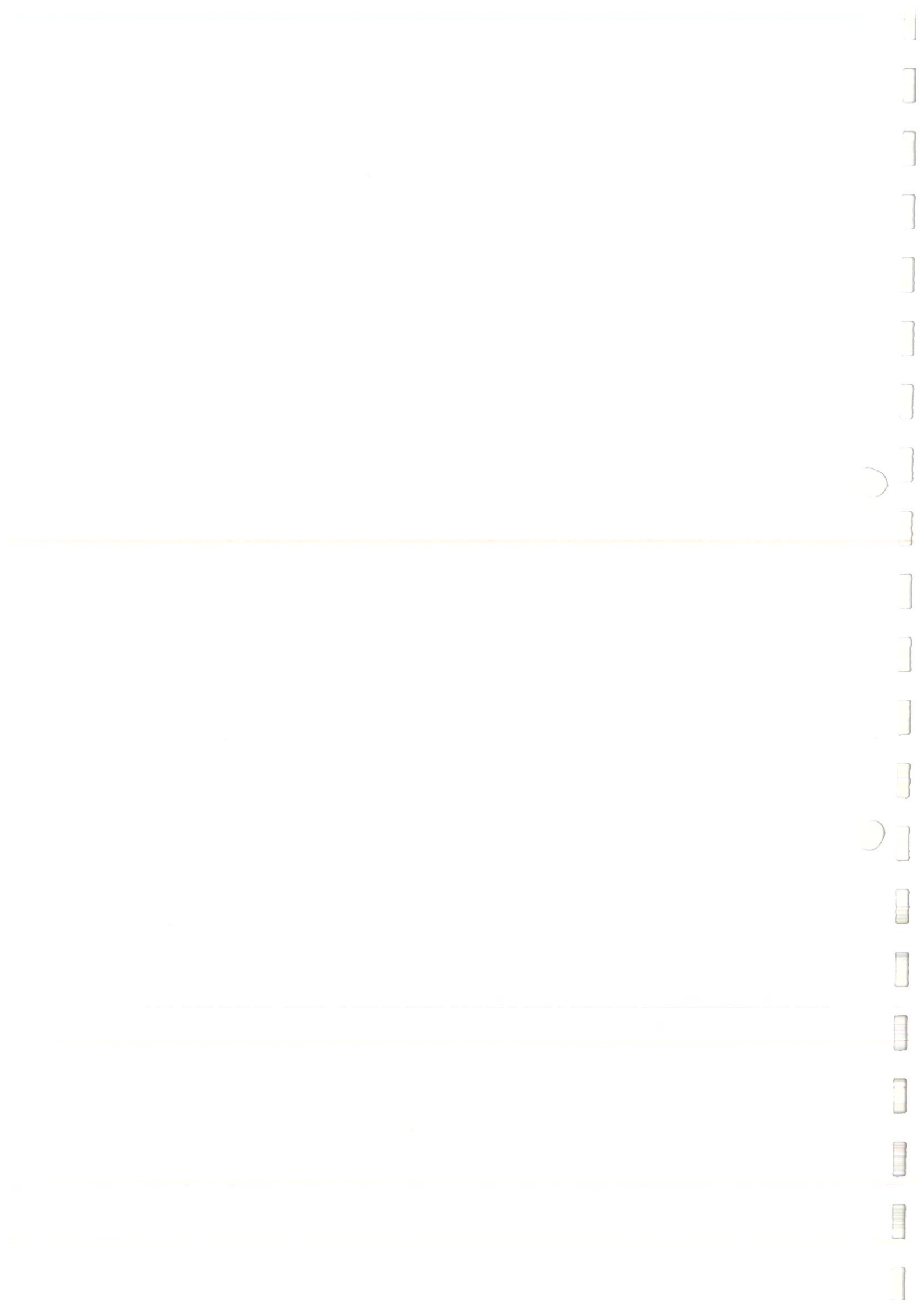
Results: Pure basil oil and a mixture of basil oil and ethanol 70° (7:3) did not irritate rabbits' skin after 24 hours of continuous follow-up with no appearance of erythema, oedema, and dermatitis. Also, these chemical substances did not significantly change the rabbits' body temperature, breathing rates and heart rates at 1, 4, 6 and 24 hours after having the reagent administration compared to those before using (p values > 0.05).

Key words: Basil, *Ocimum basilicum*, oil, rabbits, body temperature, heartbeats, breathing rates.

Ngày nhận bài: 12/9/2022

Ngày phản biện: 16/09/2022

Ngày chấp nhận đăng: 20/10/2022





Kết quả ở bảng 5 cho thấy, thỏ ở các lô có nhịp tim thay đổi không có ý nghĩa thống kê so với trước khi dùng thuốc và khác nhau không có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm dùng thuốc tại cùng thời điểm (các giá trị $p > 0,05$).

BÀN LUẬN

Thử tác dụng kích ứng da và đánh giá ảnh hưởng của chất thử đến nhịp thở, nhịp tim và thân nhiệt của động vật thực nghiệm là các phép thử nhằm đánh giá tác dụng không mong muốn của chất thử đó và góp phần chứng minh tính an toàn của thuốc. Phép thử đánh giá độc tính trên da thường được dùng để thử nghiệm các chất thử dự định dùng ngoài như dạng bôi ngoài da hay dạng xịt. Trong nghiên cứu này, do tinh dầu húng quế được thử nghiệm nhằm sử dụng với mục đích dùng ngoài để xua muỗi, nên các thí nghiệm đánh giá tính an toàn như trên là hợp lý.

Trong thử nghiệm đánh giá độc tính trên da thỏ, các thỏ được chọn đều khỏe mạnh, đồng lứa, vùng da được chọn không có tổn thương để đảm bảo hạn chế sai số trong nghiên cứu. Kết quả cho thấy, cả tinh dầu húng quế nguyên chất và hỗn hợp tinh dầu - ethanol 70° (7:3) đều không gây kích ứng da thỏ sau khi cho da thỏ tiếp xúc với mẫu thử (0,5 ml/mẫu) tại các thời điểm 1, 4, 6 và 24 giờ. Không có hiện tượng da bị ban đỏ, phù nề hay viêm. Các vùng da đặt mẫu thử tương tự vùng da đặt mẫu chứng (hình 2). Điều đó chứng tỏ, tinh dầu húng quế nguyên chất và hỗn hợp tinh dầu - ethanol 70° (7:3) đều không gây kích ứng da thỏ và mẫu thử có thể sử dụng để bôi hay xịt ngoài da.

Kết quả nghiên cứu trên cũng phù hợp với nghiên cứu của Kiplang'at K.P. và cộng sự (2013) khi thử tác dụng xua muỗi *Aedes aegypti* của tinh dầu húng quế pha trong dầu khoáng tự nhiên (Vaseline Pure Petroleum Jelly) với tỷ lệ 3% cũng không gây tổn thương da thỏ [5]. Sritabutra D. và cộng sự (2013) [9] khi nghiên cứu tác dụng xua *Aedes aegypti* (Linn.) và *Culex quinquefasciatus* (Say.) của hỗn hợp tinh dầu húng quế - dầu oliu (1:9) và tinh dầu húng quế - dầu dừa (1:9) trên lâm sàng cũng nhận thấy các mẫu thử trên không gây kích ứng da ở người thử nghiệm [9].

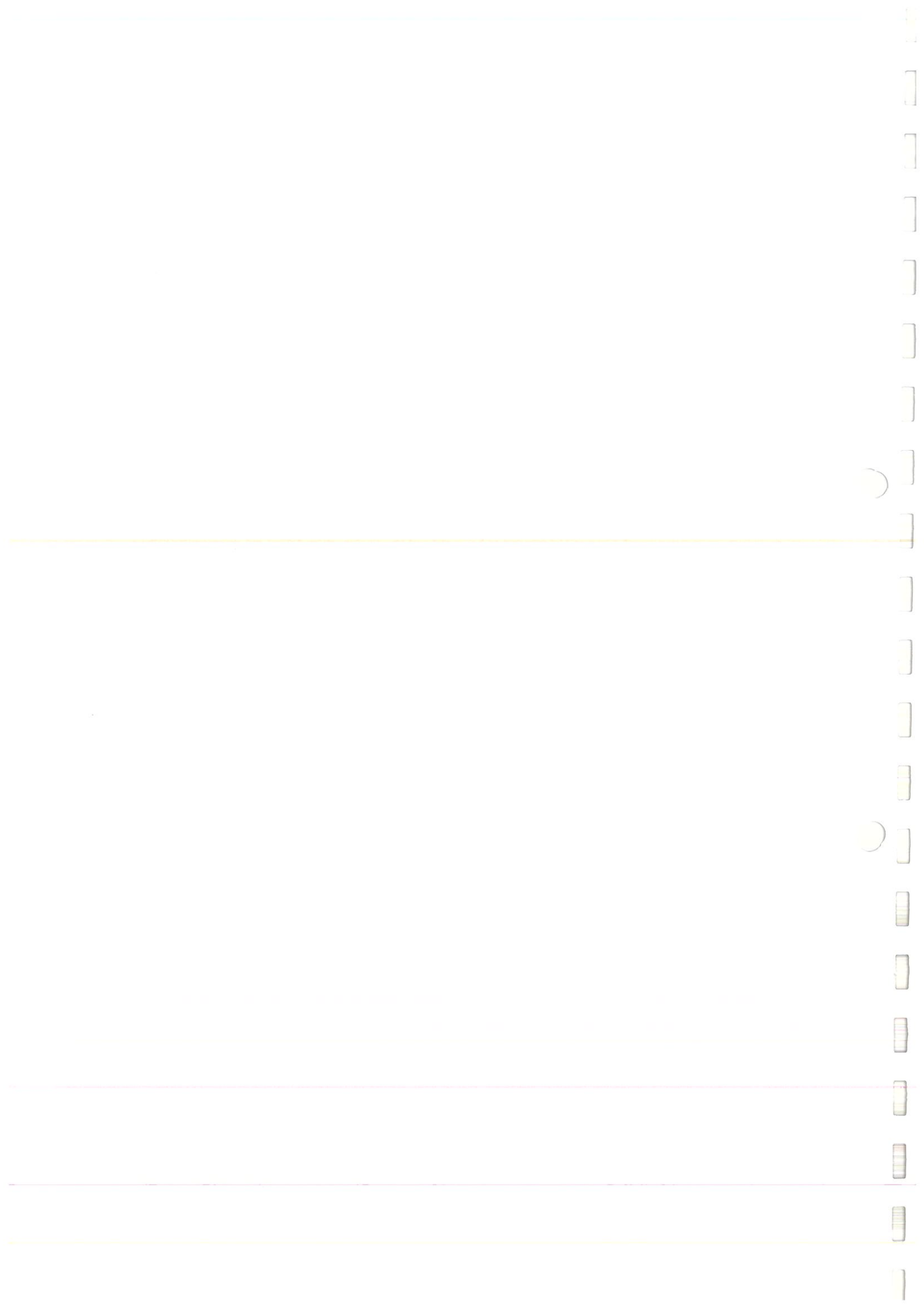
Song song với thử tác dụng kích ứng da thỏ, tại các thời điểm nghiên cứu, các thông số như nhiệt độ

cơ thể, nhịp tim và nhịp thở của thỏ cũng được đánh giá để bổ sung vào hồ sơ về tính an toàn của chất thử khi dùng ngoài. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhiệt độ cơ thể thỏ dao động trong khoảng từ $38,87 \pm 0,26$ °C đến $39,32 \pm 0,194$ °C, thay đổi không có ý nghĩa thống kê giữa các thời điểm 1, 4, 6, và 24 giờ sau khi tiếp xúc với mẫu thử so với trước khi dùng, không có sự khác biệt giữa lô 1 và lô 2 tại cùng thời điểm tương ứng (các giá trị $p > 0,05$). Điều này chứng tỏ, tinh dầu húng quế không ảnh hưởng đến thân nhiệt thỏ. Tương tự, nhịp thở của thỏ (dao động trong khoảng $85,3 \pm 3,98$ và $87,7 \pm 2,79$ lần/phút) và nhịp tim thỏ (dao động trong khoảng $138,5 \pm 6,16$ và $142,0 \pm 7,72$ lần/phút) cũng thay đổi không có ý nghĩa thống kê giữa các thời điểm nghiên cứu so với trước khi tiếp xúc với mẫu thử và giữa các lô thử nghiệm ở cùng thời điểm (các giá trị $p > 0,05$). Kết quả này chứng tỏ, tinh dầu húng quế nguyên chất và hỗn hợp tinh dầu-ethanol 70°C (7:3) không ảnh hưởng đến chức năng sống của thỏ, mẫu thử an toàn với động vật thử nghiệm khi tiếp xúc bằng cách dùng ngoài. Kết quả trên cũng phù hợp với thực tế sử dụng trong dân gian khi dùng tinh dầu để xua đuổi côn trùng và dùng để ăn (làm gia vị) hoặc để chữa bệnh. [4], [8]

Rất ít nghiên cứu trên thế giới tiến hành đánh giá tính an toàn của tinh dầu húng quế trên thực nghiệm và lâm sàng. Đây là nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam đánh giá độc tính trên da và ảnh hưởng của tinh dầu húng quế đến một số chức năng sống của động vật thí nghiệm.

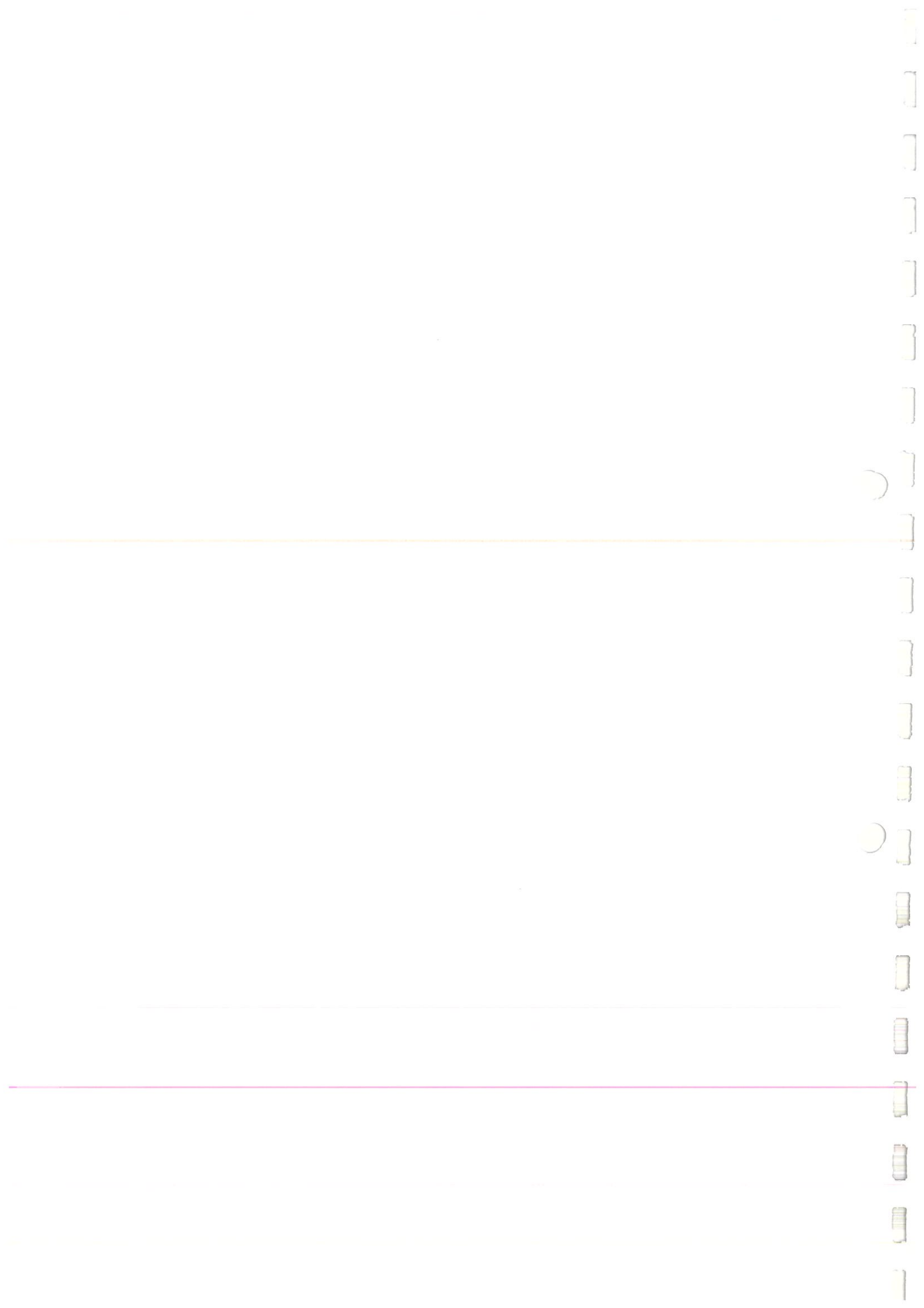
KẾT LUẬN

Đã nghiên cứu độc tính cấp trên da và ảnh hưởng của tinh dầu húng quế nguyên chất và hỗn hợp tinh dầu - ethanol 70° (7:3) trên thỏ thực nghiệm. Kết quả cho thấy: Hai mẫu thử trên không gây kích ứng da thỏ sau 24 giờ theo dõi liên tục, không làm thay đổi có ý nghĩa thống kê các chỉ số thân nhiệt, nhịp thở và nhịp tim của thỏ tại các thời điểm dùng thuốc so với trước khi dùng.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (1999), *Tiêu chuẩn giới hạn vi khuẩn, nấm mốc trong mỹ phẩm và phương pháp thử kích ứng trên da*, Quyết định số 3113/1999/QĐ-BYT ngày 11 tháng 10 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
2. Nguyễn Thị Minh Thu, Đoàn Minh Khiết (2021), “Nghiên cứu tác dụng xua muỗi *Aedes aegypti* của dịch chiết Hùng quế *Ocimum basilicum* L. *Lamiaceae* trên thực nghiệm”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số 3 (36), tr. 16-22.
3. Nguyễn Thị Minh Thu, Nguyễn Đức Thành, Đoàn Minh Khiết (2021), “Nghiên cứu tác dụng xua muỗi của tinh dầu Hùng quế *Ocimum basilicum* L. *Lamiaceae* trên thực nghiệm”, *Tạp chí Y Dược cổ truyền Việt Nam*, số đặc biệt 20/11, tr. 5-12.
4. Keith W.S. (2018), “Basil: A Brief Summary of Potential Health Benefits”, *Nutrition today*, Volume 53, Number 2, p. 92-97.
5. Kiplang'at K.P., Mwangi R.W (2013), “Repellent activities of *Ocimum basilicum*, *Azadirachta indica* and *Eucalyptus citriodora* extracts on rabbit skin against *Aedes aegypti*”, *Journal of Entomology and Zoology Studies*, 1 (5): 84-91.
6. OECD (2015), *Guideline for testing of chemicals - Acute dermal irritation/ Corrosion*, No.404.
7. Opalchenova G., Obreshkova D. (2003), “Comparative studies on the activity of basil - an essential oil from *Ocimum basilicum* L. - against multidrug resistant clinical isolates of the of genera *Staphylococcus*, *Enterococcus*, and *Pseudomonas* by using different test methods”, *Journal of Microbiological methods*, Volume 54, Issue 1, p. 105-110.
8. Science direct (2019), “Basil – an overview”, *Science direct*, 14 pages.
9. Sritabutra D., Soonwera M. (2013), “Repellent activity of herbal essential oils against *Aedes aegypti* (Linn.) and *Culex quinquefasciatus* (Say.)”, *Asian Pacific Journal of Tropical Disease*, 3(4): 271-276.



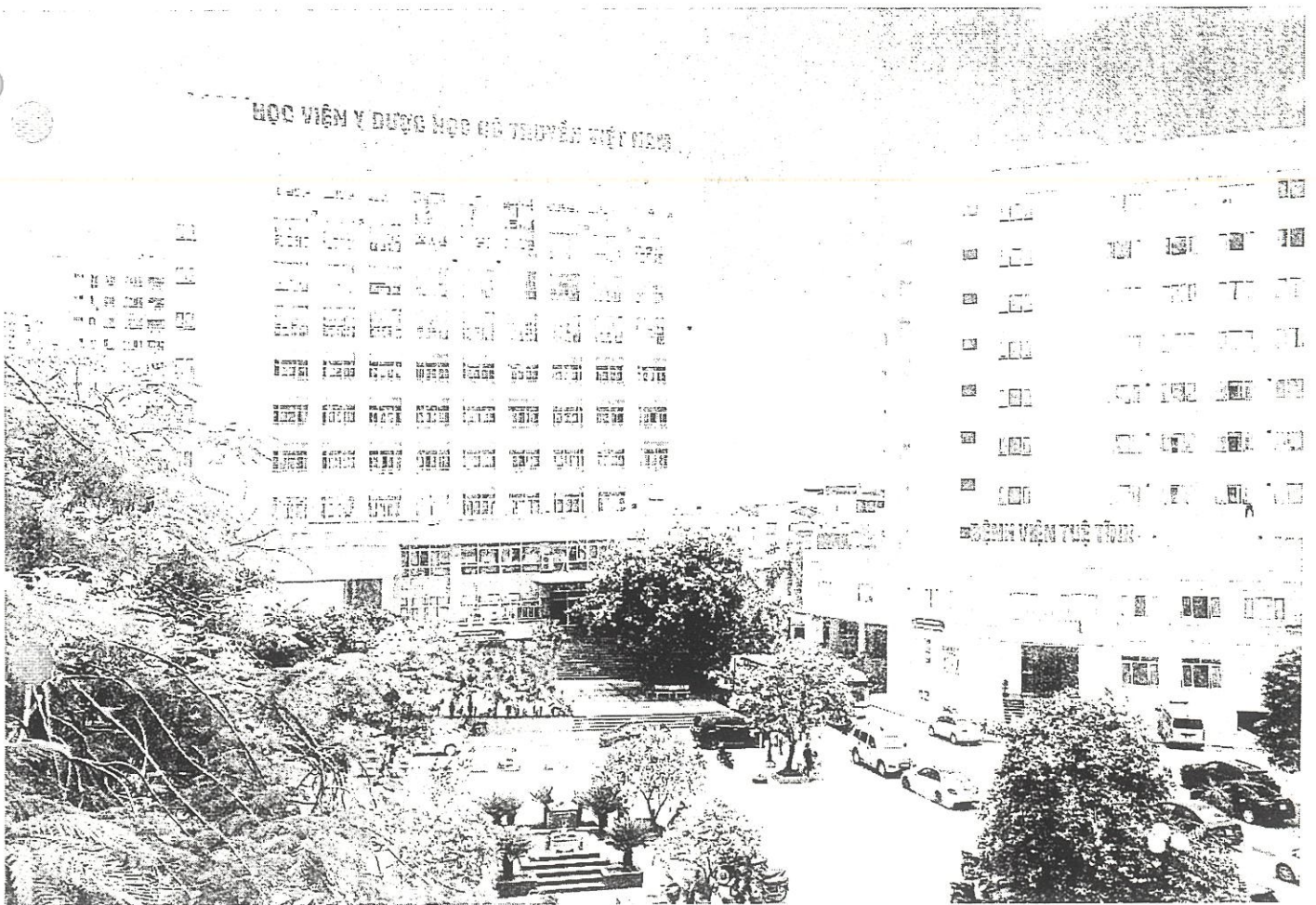
TẠP CHÍ

Y Dược cổ truyền Việt Nam

VIET NAM JOURNAL OF TRADITIONAL MEDICINE AND PHARMACY

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

ISSN 2792-2531



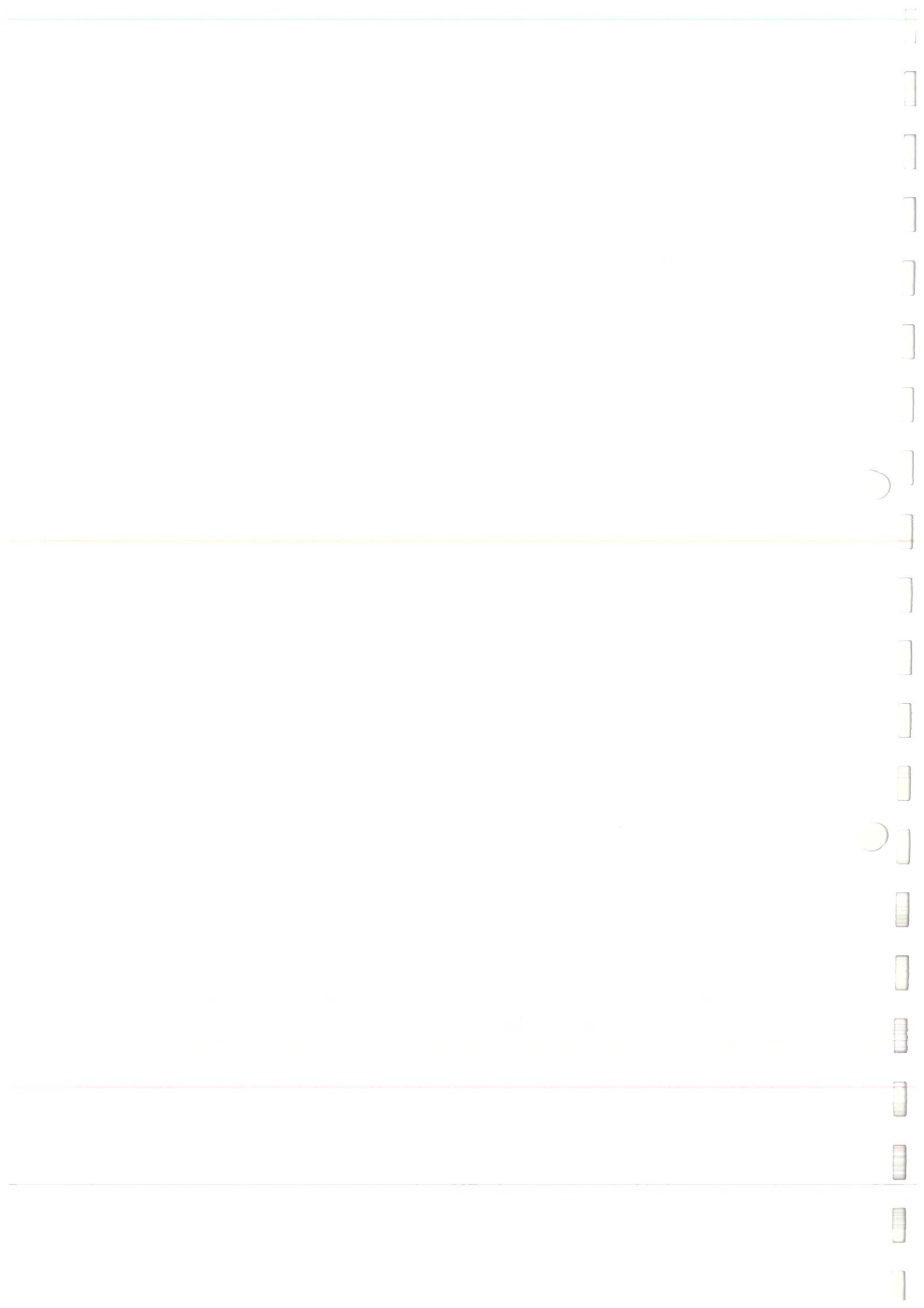
Địa chỉ: Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

Tel: (+84) 243 3824929 - Email: vjmap@ms.vutm.edu.vn

Website: <http://vjmap.vn>

Số 02(49)

2023



MỤC LỤC SỐ 02(49) - 2023

BÀI NGHIÊN CỨU

Tác dụng giảm đau và cải thiện tầm vận động cột sống cổ của phương pháp tác động cột sống kết hợp siêu âm trị liệu trên bệnh nhân đau vùng cổ gáy

Evaluating the analgesic effect and improvement of range motion of cervical spine by chiropractic combined with therapeutic ultrasound in the treatment of patients with neck pain

Trần Thị Huệ, Nguyễn Tiến Chung
Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

Nghiên cứu độc tính của dịch chiết húng quế (*Ocimum Basilicum L.*) trên điện tâm đồ ở thỏ thực nghiệm

Study on toxicology of basil (*Ocimum Basilicum L.*) extract on experimental rabbits' electrocardiograms

Nguyễn Thị Minh Thu¹, Nguyễn Thị Loan¹, Trần Thanh Dương²
¹Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam
²Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương

Đánh giá kết quả hỗ trợ điều trị bệnh gút của bài thuốc "Chi thông như than thang"

Evaluation of the results supporting gout treatment of the remedy "Chi thông như than thang"

Nguyễn Minh Hà¹, Trần Thị Thu Vân¹, Phan Văn Long¹, Đỗ Mạnh Sơn¹, Lê Ngọc Hà²
¹Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam
²Đại học Y Hà Nội

Chiết xuất, phân lập một số hợp chất từ cây Thái lồi trắng (*Commelina diffusa* Burm.f.)

Extraction and isolation of several compounds from *Commelina diffusa* Burm.f.

Nguyễn Xuân Tùng^{1,3}, Vũ Đức Lợi², Lê Hồng Dương¹, Nguyễn Thị Vân Anh³
¹Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội
²Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam
³Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội

Nhu cầu sử dụng các phương pháp y học cổ truyền trong điều trị bệnh lý cơ xương khớp tại gia đình của người bệnh ở quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022

The demand for use of traditional medical in the treatment of musculoskeletal diseases at home in district 10, Ho Chi Minh city in 2022

Trần Thị Minh Tâm², Hoàng Thị Hạnh¹
¹Trường Đại học Phenikaa
²Học viện Cao học khóa 12, Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

The effectiveness of spinal manipulation in patients with lower back pain due to spondylolisthesis

Nguyen Tien Chung², Le Thi Hoa¹
¹Thanh Hoa Traditional Medicine Hospital
²Vietnam University of Traditional Medicine

Thực trạng nguồn lực và khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền của người bệnh tại trạm y tế xã, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng năm 2022

The situation of resources and medical examination and treatment by traditional medicine of patients at the health station of Thạch An district, Cao Bang province in 2022

Nông Duy Đông¹, Trần Thị Minh Tâm², Trần Quang Minh¹
¹Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam
²Đại học Phenikaa

Khảo sát tình hình thoái hóa cột sống tại Bệnh viện y học cổ truyền Nghệ An và kết quả điều trị bệnh thoái hóa cột sống thắt lưng

Survey the situation of spinal osteoarthritis at Nghe An hospital of traditional medicine and results of treating lumbar osteoarthritis

Phan Thị Thu Hằng, Trần Thị Hồng Ngải, Trần Minh Đức
Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

Khảo sát sự hài lòng của người bệnh nội trú về chất lượng dịch vụ y tế tại Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Đồng Nai, năm 2022

Survey on satisfaction of inpatients about the quality of medical services at Dong Nai traditional medicine and pharmacy hospital in 2022

Phạm Văn Hậu¹, Đỗ Thị Mai Hương², Huỳnh Quang Huy³
¹Đại học Quốc tế Hồng Bàng
²Học viện Cao học Khóa 12, Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam
³Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch

Đánh giá nhu cầu sử dụng phương pháp y học cổ truyền điều trị hội chứng dạ dày tá tràng của người dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh năm 2022

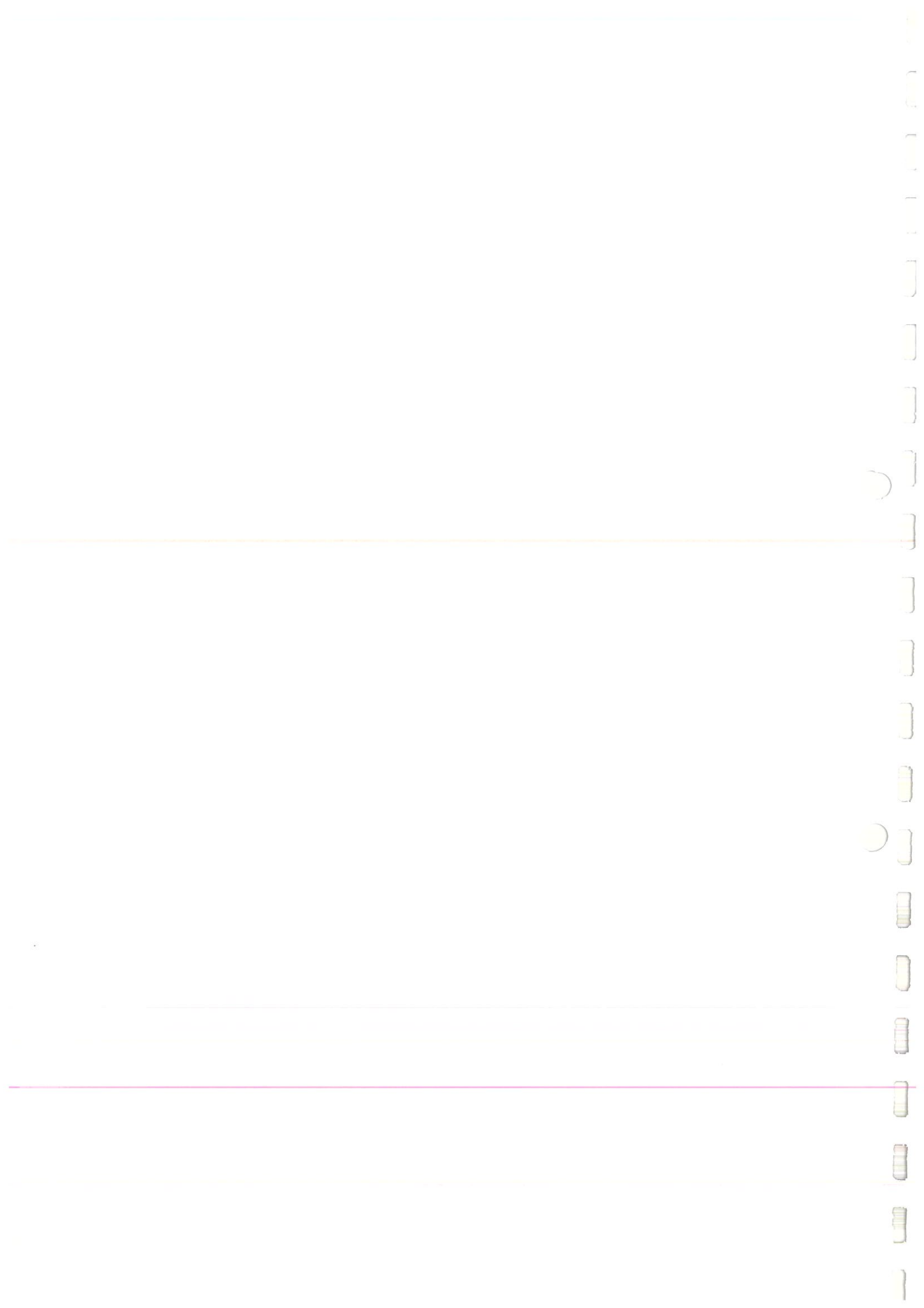
Assessment of the demand for the use of traditional medical methods for the treatment of gastritis and duodenitis of people in Cu Chi district, Ho Chi Minh city, 2022

Trần Thị Minh Tâm¹, Bùi Trung Hậu²
¹Trường Đại học Phenikaa
²Học viện Cao học khóa 12, Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

Xác định một số yếu tố ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của nhà thuốc tại một số quận trên địa bàn Hà Nội năm 2021

Determining some factors affecting the business costs of drugstores in some districts in Hanoi in 2021

Trần Thị Hồng Nhung, Nguyễn Văn Quân
Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam



Nghiên cứu độc tính của dịch chiết húng quế (*Ocimum Basilicum* L.) đến điện tâm đồ ở thỏ thực nghiệm

STUDY ON TOXICOLOGY OF BASIL (*OCIMUM BASILICUM* L.)
EXTRACT ON EXPERIMENTAL RABBITS' ELECTROCARDIOGRAMS

Nguyễn Thị Minh Thu¹, Nguyễn Thị Loan¹, Trần Thanh Dương²

¹Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

²Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá ảnh hưởng của dịch chiết nước Húng quế (*Ocimum basilicum* L.) đến điện tim của thỏ thí nghiệm với liều đường uống liên tục 28 ngày.

Đối tượng và Phương pháp: Tiến hành theo hướng dẫn của Bộ Y tế và OECD về thử độc tính bán trường diễn. Dịch chiết nước húng quế được dùng bằng đường uống trên thỏ ở 2 mức liều 0,6 và 1,8 g/kg/ngày x 28 ngày liên tiếp. Thử nghiệm tiến hành song song với nhóm chứng. Ghi điện tim thỏ ở các ngày N0 (trước khi dùng thuốc), N14 và N29. Điện tim thỏ được ghi ở 12 đạo trình (3 đạo trình song cực chi, 3 đạo trình đơn cực chi, 6 đạo trình đơn cực ngực). Các chỉ tiêu đánh giá gồm: nhịp tim, sóng P, khoảng PQ, phức bộ QRS, sóng T, khoảng QT, và các dấu hiệu khác (nếu có).

Kết quả: Dịch chiết húng quế ở cả hai mức liều 0,6 và 1,8 g/kg/ngày x 28 ngày liên tiếp không làm thay đổi có ý nghĩa thống kê nhịp tim và các sóng điện tim (sóng P, khoảng PQ, phức bộ QRS, sóng T, khoảng QT) tại các thời điểm trước uống thuốc (ngày 0), ngày 14 và ngày 29 (sau đợt dùng thuốc). Các chỉ số trên giữa lô dùng thuốc và lô chứng cũng khác biệt không có ý nghĩa thống kê (các giá trị $p > 0,05$).

Kết luận: Như vậy, dịch chiết húng quế ở liều 0,6 và 1,8 g/kg/ngày x 28 ngày liên tiếp an toàn với tim thỏ thí nghiệm.

Từ khóa: Húng quế, *Ocimum basilicum* L., dịch chiết nước, điện tâm đồ, nhịp tim, các sóng điện tim.

SUMMARY

Objective: To assess the effects of aqua basil extract (*Ocimum basilicum* L.) on experimental rabbits' electrocardiograms with a continuous oral regimen of 28 days.

Subject and Methods: The Vietnam Ministry of Health's and OECD's guidelines for sub-chronic toxicity testing were applied. The aqua basil extract was treated orally in two different groups with dose regimens of 0.6 and 1.8 g/kg/day x 28 consecutive days, respectively. A control group treated orally with distilled water was also tested simultaneously.

Ngày nhận bài: 4/1/2023

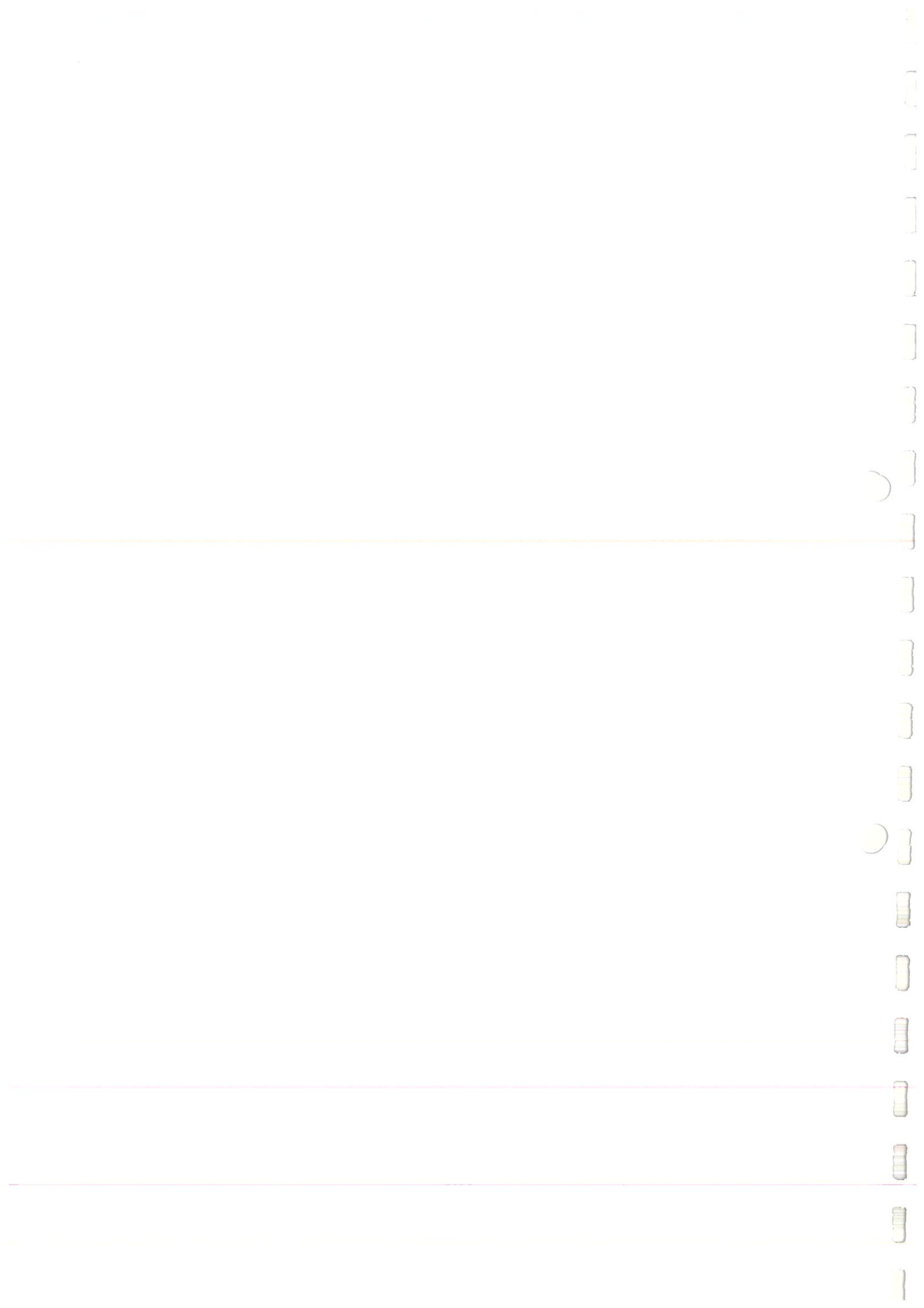
Ngày phân biệt: 11/1/2023

Ngày chấp nhận đăng: 13/1/2023

Tên tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Minh Thu

Số điện thoại: 0912750167

Email: minhthunimpe@gmail.com





Sau khi cho thỏ uống dịch chiết húng quế với liều 0,6 g/kg/ngày × 28 ngày (tương đương liều dùng điều trị ở người) và 1,8 g/kg/ngày × 28 ngày liên tiếp, dịch chiết húng quế không làm thay đổi có ý nghĩa thống kê các chỉ số nghiên cứu ở ngày N14 và N29 so với thời điểm ban đầu (N0), cũng như giữa các lô uống thuốc so với lô chứng (các giá trị $p > 0,05$). Các chỉ số như: nhịp tim, các sóng điện tim (sóng P, khoảng PQ, phức bộ QRS, sóng T, khoảng QT) ở ngày N14 và N28 thay đổi không có ý nghĩa thống kê so với N0 và so với lô chứng tại cùng thời điểm nghiên cứu ($p > 0,05$). Điều này chứng tỏ, dịch chiết húng quế ở liều tương đương liều dùng điều trị trên người và gấp 3 liều dùng trên người an toàn với tim mạch thỏ, không gây ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến điện tim của thỏ thực nghiệm.

Cho đến nay, rất ít nghiên cứu về ảnh hưởng của dịch chiết húng quế đến chức năng tim mạch của động vật hay người. Tuy nhiên, một số nghiên cứu ở châu Phi đã cho thấy húng quế có tác dụng cân bằng hormone cortisol, cải thiện

chức năng của não, tim, gan và có tác dụng chống đông máu [1],[7]. Điều này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu trên của chúng tôi.

Như vậy, các kết quả nghiên cứu ban đầu cho thấy, ở liều 0,6 và 1,8 g/kg/ngày × 28 ngày liên tiếp, dịch chiết nước húng quế không ảnh hưởng đến chức năng hoạt động của tim thỏ thí nghiệm.

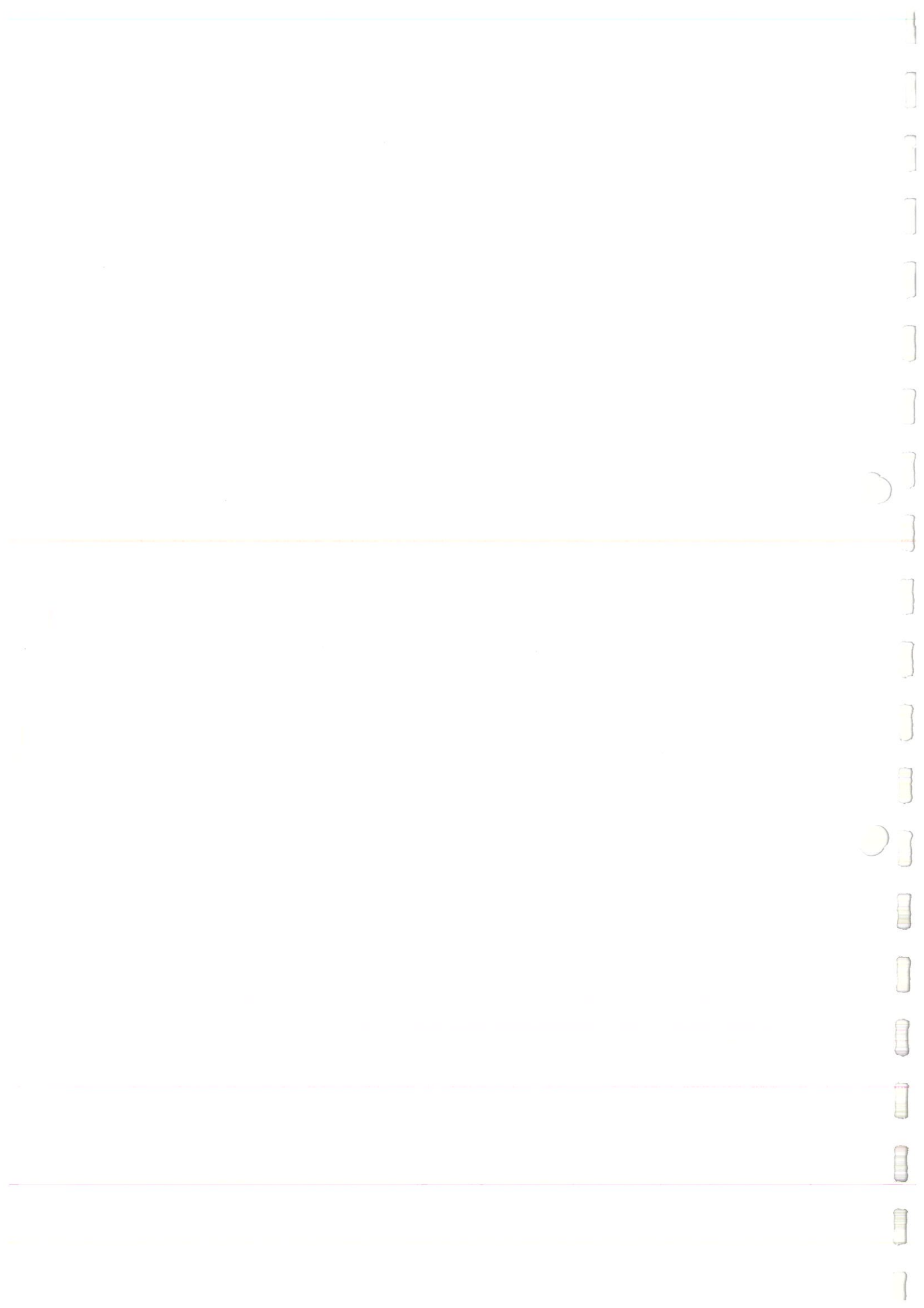
KẾT QUẢ

Đã nghiên cứu ảnh hưởng của dịch chiết nước húng quế đến điện tim của thỏ thí nghiệm với liều đường uống 0,6 và 1,8 g/kg/ngày × 28 ngày liên tiếp. Kết quả cho thấy:

Các chỉ số như nhịp tim, sóng P, khoảng PQ, phức bộ QRS, sóng T, khoảng QT của thỏ ở các lô dùng thuốc khác biệt không có ý nghĩa thống kê so với lô chứng tại các thời điểm N0, N14 và N29; không có sự khác biệt có ý nghĩa ở các ngày N14 và N29 so với N0 (các giá trị $p > 0,05$). Dịch chiết nước húng quế không ảnh hưởng đến chức năng hoạt động của tim thỏ thí nghiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Science direct**, "Basil - an overview", *Science direct*, 2019, 14 pages.
2. **Hồ Thị Ánh**, *Nghiên cứu bước đầu khả năng kháng khuẩn của các loại tinh dầu li trích từ cây Húng quế (Ocimum basilicum L.) và cây Húng cây (Mentha arvensis L.)*, Khóa luận tốt nghiệp đại học- ĐH Nông Lâm TP.HCM, 2009.
3. **Liêu Thùy Linh, Ngô Nguyễn Nhật Hà, Phan Thị Kim Liên, Hà T T M và cộng sự**, "Khảo sát ảnh hưởng của tinh dầu quế, sả chanh, húng quế, bạc hà và tác dụng kết hợp của chúng tới *Saccharomyces cerevisiae* và *Aspergillus niger*", *Kỷ yếu kỷ niệm 35 năm thành lập Trường ĐH Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (1982-2017)*, 2017, tr.127-134.
4. **Bộ Y tế**, *Quyết định số 141/QĐ-K2ĐT về việc ban hành tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn thử nghiệm tiền lâm sàng thuốc đông y, thuốc từ dược liệu"*, 2015.
5. **OECD**, "Repeated dose 28-oral toxicity study in rodents", *OECD guidelines for the testing of chemicals*, No. 407, 2008.
6. **Nguyễn Quang Tuấn**, *Thực hành đọc điện tim*, Nhà Xuất bản y học, 2014.
7. **Keith W.S.**, "Basil: A Brief Summary of Potential Health Benefits", *Nutrition today*, Volume 53, Number 2, 2018, pp. 92-97.



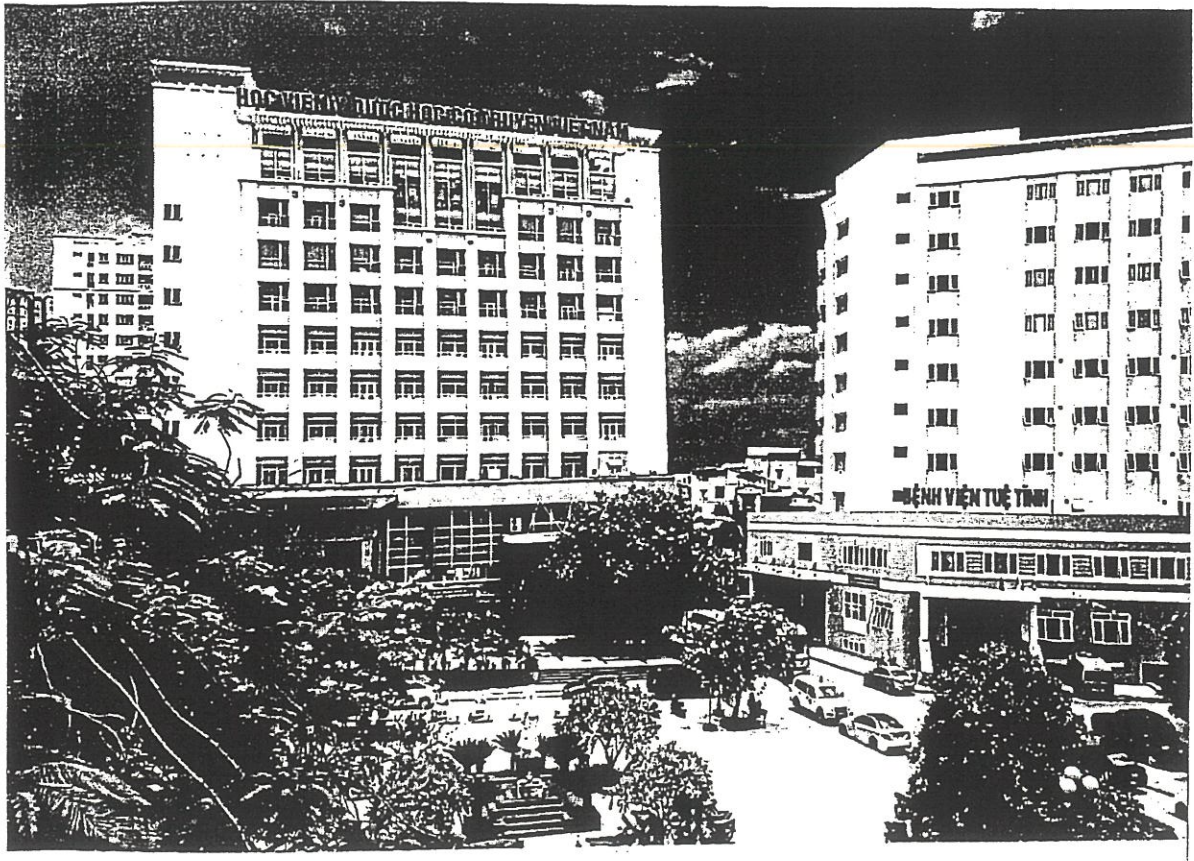
TẠP CHÍ

Y Dược cổ truyền Việt Nam

JOURNAL OF TRADITIONAL VIETNAMESE MEDICINE AND PHARMACY

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

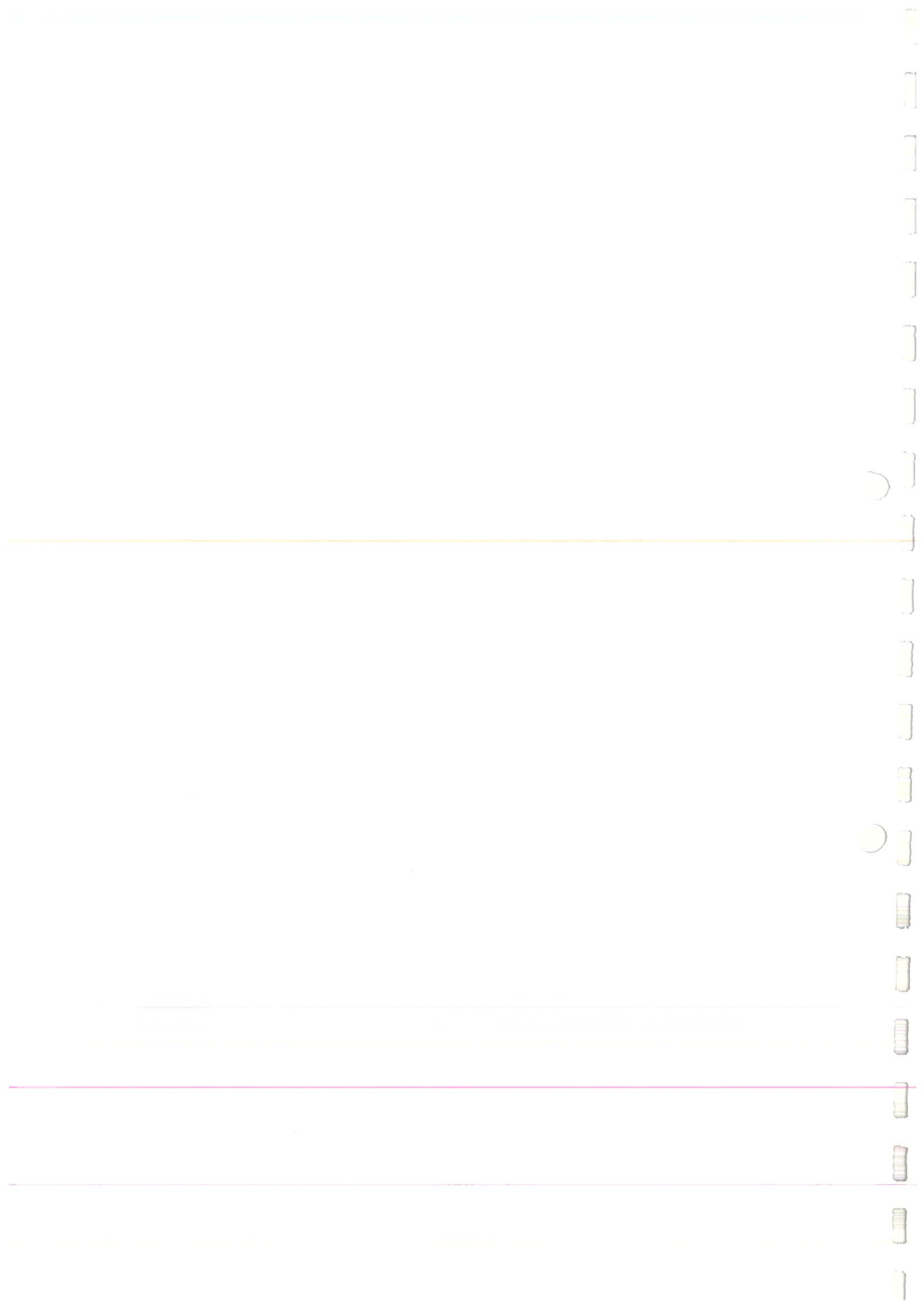
ISSN 2354-1334



Địa chỉ: Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

Tel: 84-243-3824929 * Fax: 84-243-3824931 - Website: <http://www.vutm.edu.vn>

Số 04(45)
2022



MỤC LỤC SỐ 04(45) - 2022

BÀI NGHIÊN CỨU

- 4** Đánh giá kết quả của “bột đắp HV” trong điều trị hội chứng cổ vai cánh tay do thoái hóa cột sống
Evaluate the results of “bot thuoc dap hv” in the treatment of cervical scapulothoracic syndrome caused by cervical spondylosis

Lê Thị Kim Dung¹, Nguyễn Thị Hậu²
¹Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam
²Bệnh viện Châm cứu Trung ương

- 11** Antimalarial drugs quality monitoring in some provinces of VietNam
Nguyen Thi Minh Thu¹, Tran Thanh Duong²
¹Vietnam University of Traditional Medicines, ²National Institute of Malariaology, Parasitology and Entomology (NIMPE)

- 17** Mô hình bệnh tật bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Y dược cổ truyền & phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ từ năm 2018-2020
Disease model of inpatient treatment at phu tho province traditional medicine and rehabilitation hospital from 2018-2020

Đào Đình Quang¹, Phùng Văn Tân¹, Nguyễn Cao Phi¹, Hoàng Kim Khánh¹, Bùi Thị Lan Anh²
¹Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ
²Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

- 24** Kết quả sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Y dược cổ truyền & phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ năm 2021
Satisfaction results of inpatients at phu tho province traditional medicine and rehabilitation hospital in 2021

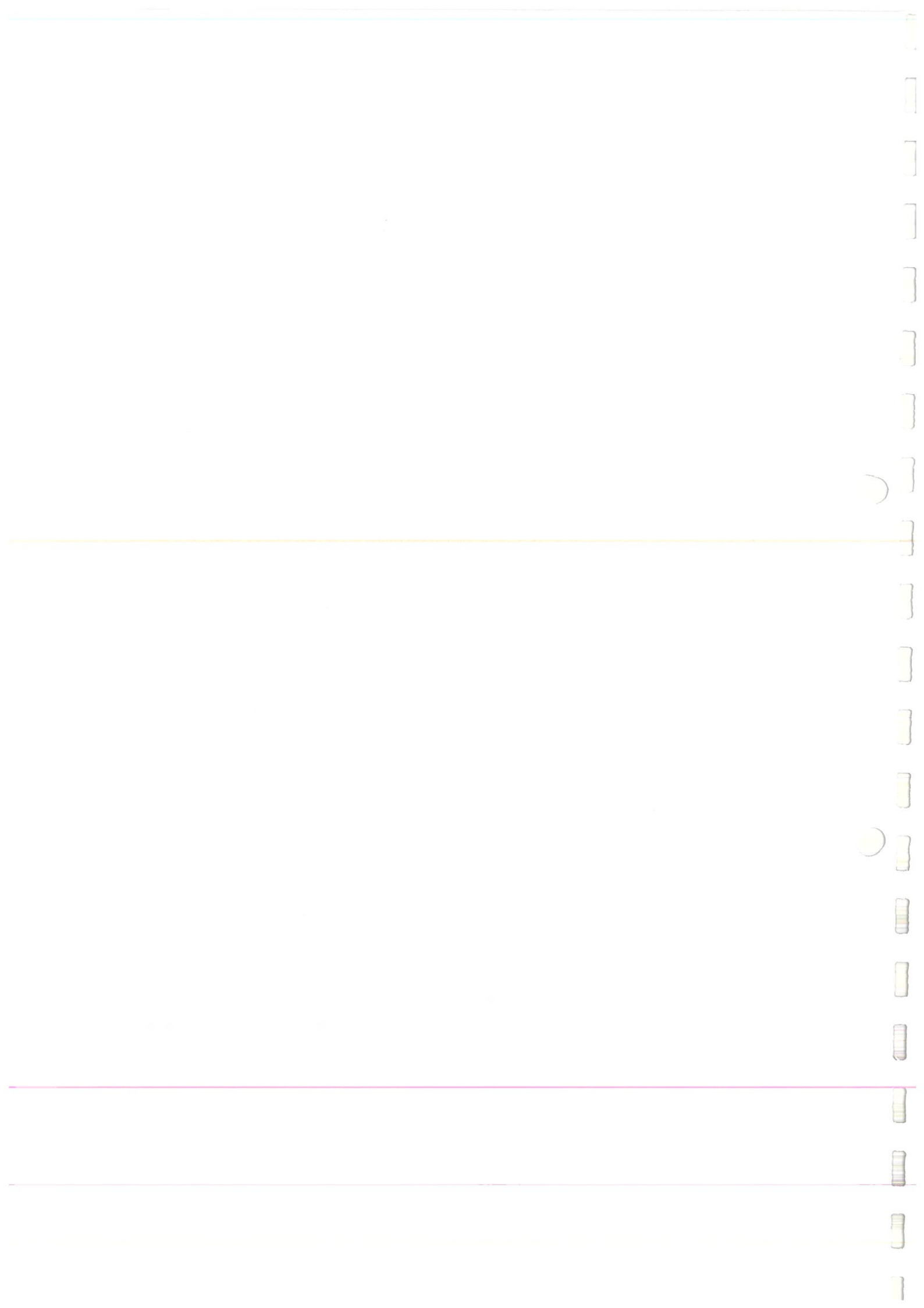
Nguyễn Tiến Sỹ¹; Phùng Văn Tân¹; Trần Thị Kim Thủy¹; Vương Thị Thủy¹; Bùi Thị Lan Anh²
¹Bệnh viện Y dược cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ
²Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

- 31** Mô tả đặc điểm bệnh tật và thực trạng nguồn nhân lực Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai năm 2021
Description the disease characteristics and situation of human at the Hospital of Traditional Medicine of Lao Cai province in 2021

Phạm Quý Hoàng¹, Đoàn Quang Huy²
¹Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai, ²Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam

- 38** Thực trạng học khẩu ngữ tiếng trung của sinh viên hệ đào tạo liên kết - Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
Situation of studying Chinese oral language of transnational Education students of Vietnam University of Traditional Medicine

Phạm Thị Hoa¹, Đàm Tú Quỳnh¹, Lê Thị Chính¹
¹Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam





Antimalarial drugs quality monitoring in some provinces of VietNam

Nguyen Thi Minh Thu¹, Tran Thanh Duong²

¹ Vietnam University of Traditional Medicines, ² National Institute of Malariaology, Parasitology and Entomology (NIMPE)

ABSTRACT

This study was conducted between January and August, 2016 in some malarial prevalence areas of Vietnam including Dak Nong and Gia Lai provinces. Total of 114 anti-malarial medicine samples (of which 55 available antimalarials and 59 selected antibiotics for malaria treatment) were collected from public and private health facilities.

All of the collected samples were screen analyzed by GPHF-minilab kits at National Institute of Malariaology, Parasitology and Entomology (NIMPE) according to GPHF monographs for specifications of visual and physical inspections, disintegration tests and thin layer chromatography assays. None of them was suspicious as substandard quality drugs.

Fifteen randomly chosen samples (13.16% of total samples) were sent to National Institute of Drug Quality Control (NIDQC) for confirmatory tests according to United States Pharmacopoeia or Vietnamese Pharmacopoeia criteria. The results showed that: three of them (03/114, 2.63%) were found as substandard drugs. All three artesunate 50 mg tablet samples (had the same lot 012013, expiry date in March, 2016, registration number VD-13186-10, collected from private pharmacies in Dak Nong and Gia Lai) did not pass purity tests.

All three substandard drug samples were antimalarials with proportion of 2.63% of total samples and 5.45% of altimalarials.

Keywords: Antimalarial medicines, drug monitoring, screen analyzing, confirmatory tests, substandard drugs.

1. BACKGROUND AND RATIONALE

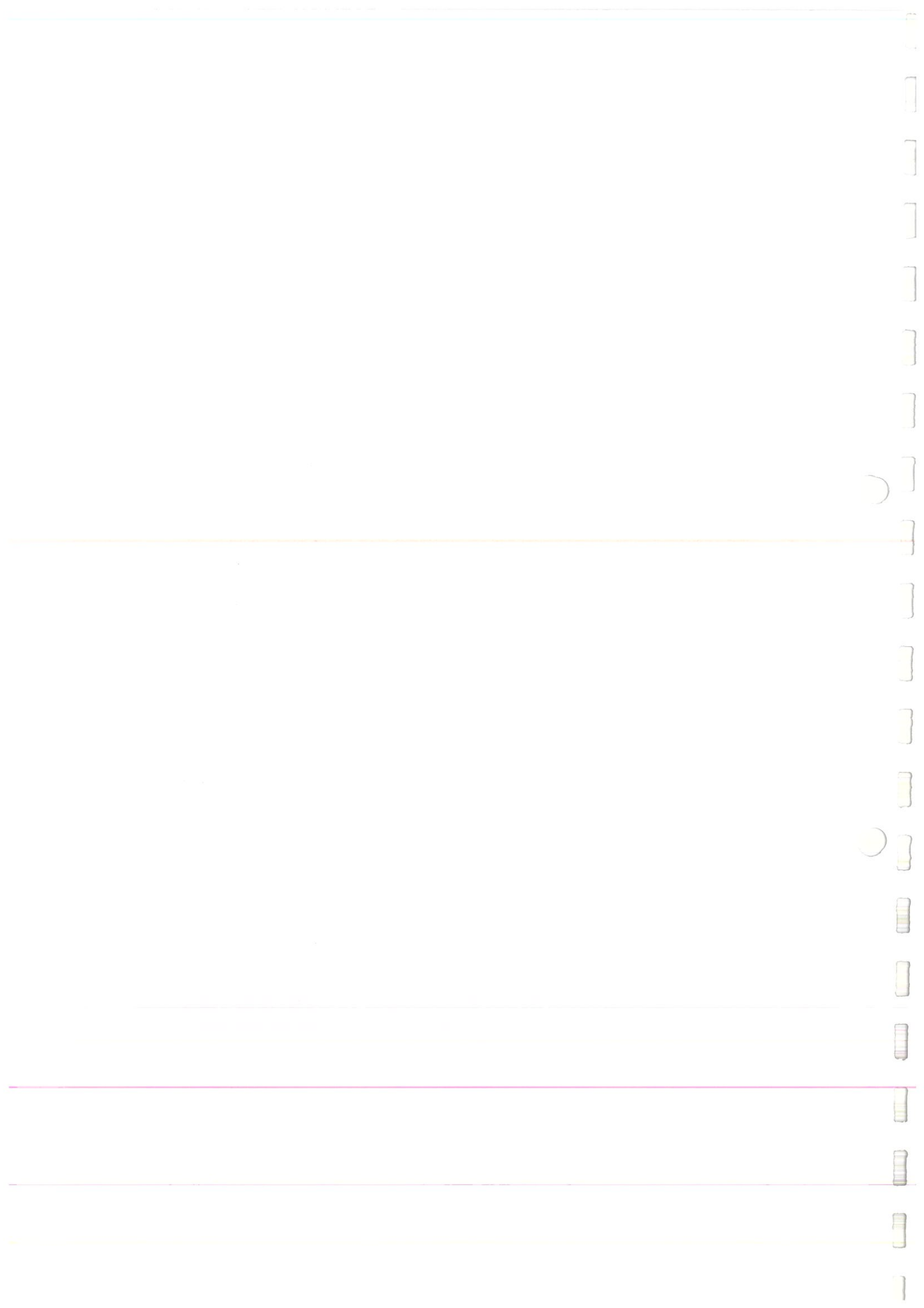
In recent years, rate of substandard and fake drugs including antimalarials increased rapidly from year to year. Although many efforts of authority agencies were carried out to prevent poor quality

medicines from their circulations, counterfeit and substandard drugs are still increasing. In Southeast Asia, an estimated of 10-35% of medicines are improperly made and illegally produced and sold. [9]

Ngày nhận bài: 25/4/2022

Ngày phân biện: 3/5/2022

Ngày chấp nhận đăng: 27/5/2022



4. CONCLUSIONS

4.1. Total of 114 samples including 55 antimalarials (48.25%) and 59 antibiotics for malaria treatment (51.75%) were collected from Dak Nong and Gia Lai provinces and quality analysis in 2016.

4.2. Three antimalarial samples (3/114, 2.63%) were considered as substandard drugs and none antibiotics samples did not meet quality specifications.

4.3. Identified availability and sources of antimalarials in Dak Nong and Gia Lai in 2016.

Recommendations

1. Expending the study of monitoring antimalarial drugs quality in other provinces of

Vietnam except the old ones.

2. Strengthening communication to community in order to reduce the circle of substandard and forbidden medicines in the markets.

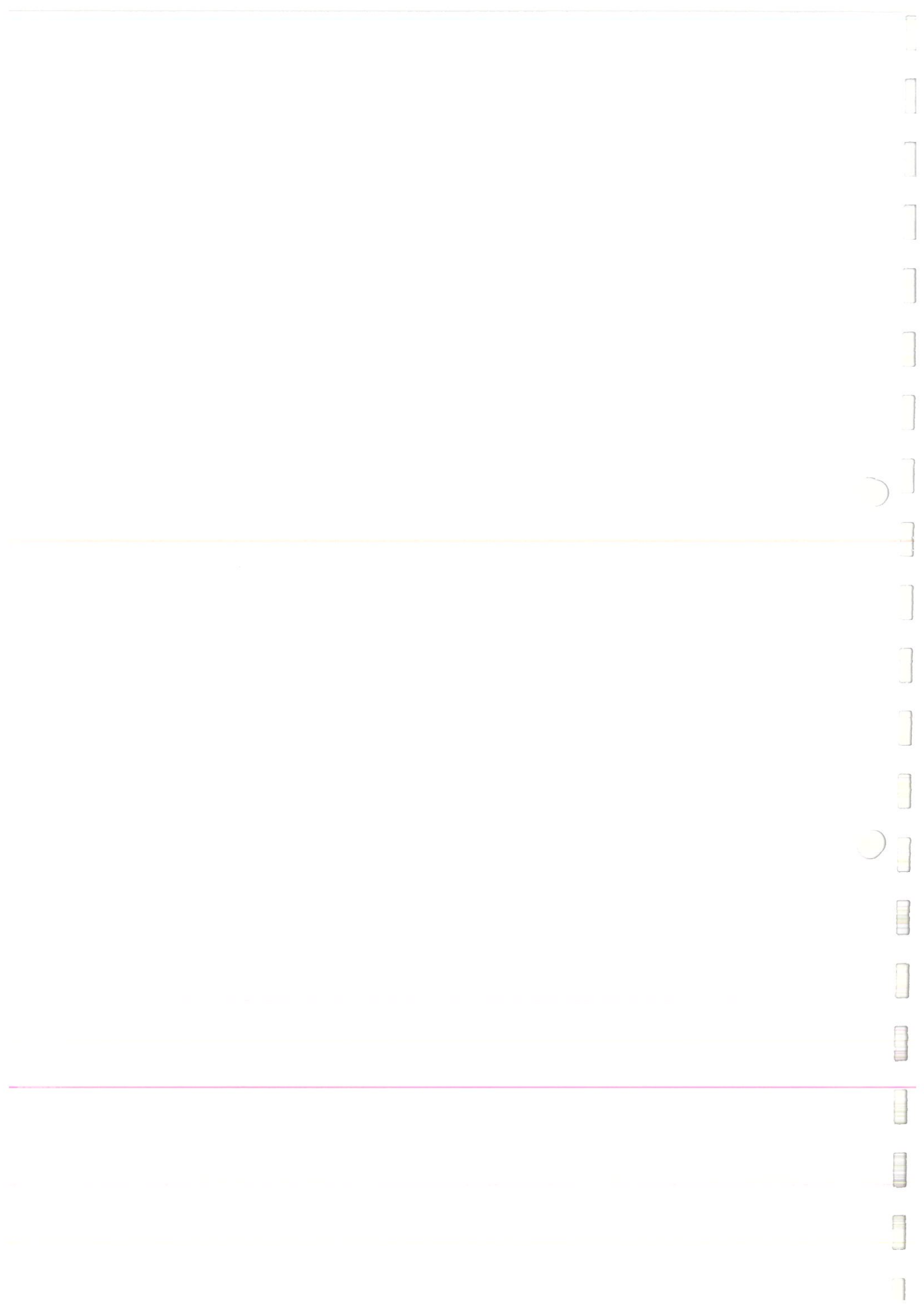
3. More source investment for identifying counterfeit and substandard drugs in the fields.

Acknowledgements

This study was supported by Vietnam National Malaria Control Program with their finance. We would like to express our sincere thanks to 2 Provincial Health Authorities for their co-operation in sample sampling. We also thank National Institute of Drug Quality Control (NIDQC) for confirmatory tests.

REFERENCES

1. Albert IW., Nicole MC., Thomas S. (2003), "Counterfeit pharmaceuticals: current status and future projections", *Journal of the American pharmacists Association*, 43(6).
2. German Pharma health fund (GPHF) and Medical mission institute (1998), *A concise quality control guide on essential drugs*, Vol.2, Thin layer chromatography.
3. German Pharma health fund (GPHF) and Medical mission institute (1999), *A concise quality control guide on essential drugs*, Supplement to Vol.2, Thin layer chromatography.
4. Jahnke R.W.O., Schuster A. (2002), *A concise quality control guide on essential drugs and other medicines*, Second supplement to volume II on thin layer chromatography, extension 2002, ten new drugs.
5. Jahnke R.W.O., Rubeau V., Dwornik K. (2004), *A concise quality control guide on essential drugs and other medicines*, Fourth supplement to volume II on thin layer chromatography, extension 2004, more antimalarials.
6. N.T.M. Thu, T.N. Hai, T.T. Tinh, B.Q. Phuc (2013), "Anti-infective medicines quality monitoring in 9 sentinel sites of Vietnam in 2011", *Journal of malaria and parasite diseases control*, vol. 5, pp. 71-76.
7. N.T.M. Thu, T.T. Duong, B.Q. Phuc, T.N. Hai, V.T. Anh, Phanouvong S. (2014), "Study on the quality, availability and source of antimalarial medicines and some antibiotics in 10 provinces of Vietnam in 2013", *Journal of malaria and parasite diseases control*, vol. 2, pp. 75-82.
8. N.T.M. Thu, T.N. Hai, N.M. Hung, T.T. Duong, B.Q. Phuc, V.T. Anh, Phanouvong S. (2014), "Overview of the Studies on monitoring anti-infectious drug quality in 20 provinces of Vietnam between September 2009 and 2013", *Journal of malaria and parasite diseases control*, vol. 3, pp. 42-49.
9. United States Pharmacopoeial Convention (2010), *Strengthening national capacity in medicines quality: five year summary (2005-2009)*.
10. Tadege H., Berhane Y. (2012), "Substandard and counterfeit antimicrobials: recent trends and implications to key public health interventions in developing countries", *East Afr J Public Health*, 9(2): 85





JOURNAL OF MEDICAL RESEARCH HANOI MEDICAL UNIVERSITY

ISSN 2354 - 080X

Detection of pathogenic variants related to severe dominant monogenic diseases by non-invasive prenatal testing (NIPT-SGD)

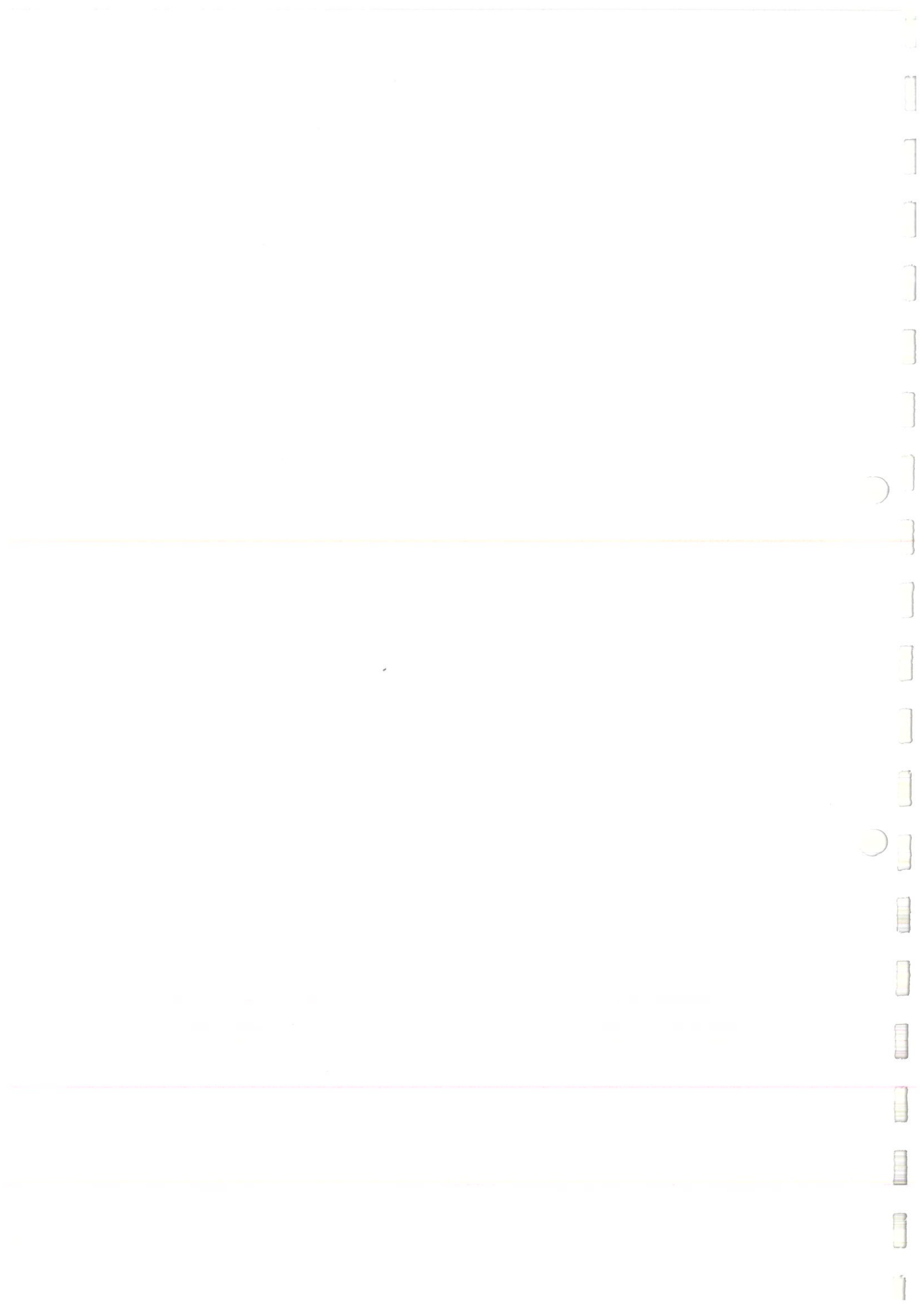
Investigation of immunomodulatory activity of hericium erinaceus on cyclophosphamide-induced immunosuppression in mice

Coagulation disorders in children with acute pancreatitis at the Vietnam National Children's hospital

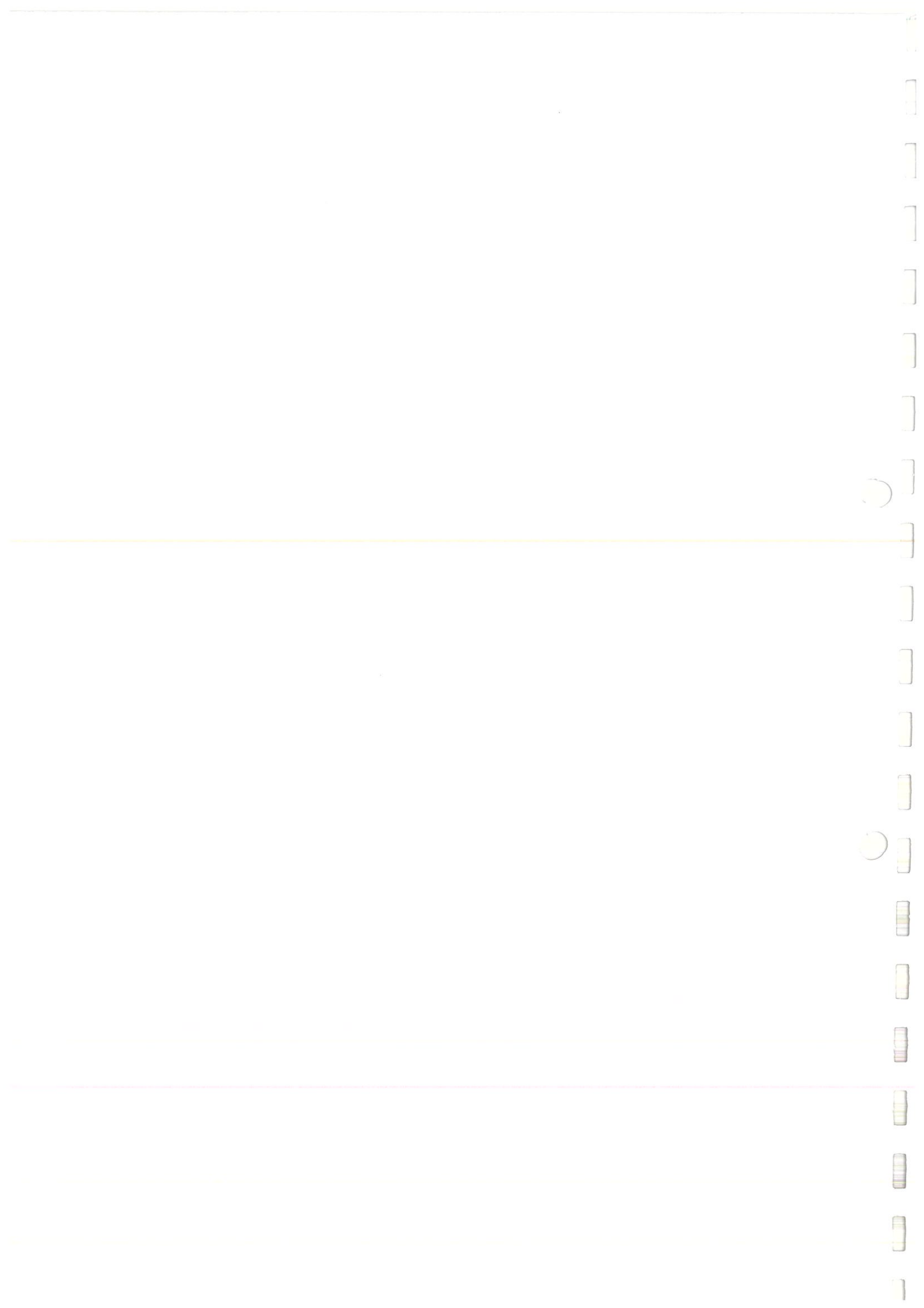
Title of the article: Cigarette smoking and its association with hiv viral load among HIV-positive opioid users in Vietnam



Volume 173 E13, No12 - December, 2023



- 9 Gastroprotective effect of Vien Khoi Tim capsules on indomethacin-induced gastric ulcers in rats 70
**Pham Thi Van Anh, To Le Hong, Nguyen Thi Ha
 Nguyen Thi Minh Thu, Pham Thanh Tung and Mai Phuong Thanh**
- 10 Examination of the acute and subchronic oral toxicity of “Com Kien Ty” in experimental animals 79
Le Hong Phu, Nguyen Cong Thuc and Dinh Thi Thu Hang
- 11 Investigation of immunomodulatory activity of hericium erinaceus on cyclophosphamide-induced immunosuppression in mice 87
**Pham Thi Van Anh, Dinh Phuong Mai, Pham Quoc Binh
 Nguyen Thi Kim Ngan, Tran Viet Dung, Nguyen Thi Thuy
 Vu Viet Hang and Dinh Thi Thu Hang**
-
- 12 Associated factors with domains of comprehensive geriatric assessment among older post-stroke patients 94
**Tran Viet Luc, Nguyen Ngoc Tam, Nguyen Linh Chi
 Nguyen Thi Thu Huong**
- 13 Malnutrition status and related factors in gastric cancer patients undergoing chemotherapy treatment at Ho Chi Minh City oncology hospital 101
**Nguyen Ngoc Bich, Pham Hoang Dao, Le Thi Diem Trinh
 and Pham Duy Quang**
- 14 Coagulation disorders in children with acute pancreatitis at the Vietnam National Children's hospital 112
Nguyen Hoai Thuong, Ninh Quoc Dat and Nguyen Thi Viet Ha
- 15 Hyperuricemia and testosterone deficiency: An underestimated correlation 120
Nguyen Hoai Bac, Dinh Huu Viet, Tran Van Kien
- 16 Factors related to depression in non-small-cell lung cancer patients treated at K Hospital during 2021 - 2022 128
**Do Tuyet Mai, Pham Tuong Van
 Le Khanh Linh and Tran Thi Thanh Huong**
-



GASTROPROTECTIVE EFFECT OF VIEN KHOI TIM CAPSULES ON INDOMETHACIN-INDUCED GASTRIC ULCERS IN RATS

Pham Thi Van Anh¹, To Le Hong², Nguyen Thi Ha³
 Nguyen Thi Minh Thu², Pham Thanh Tung² and Mai Phuong Thanh^{1,✉}

¹Hanoi Medical University

²Vietnam University of Traditional Medicine

³Thanh Dong University

Available anti-ulcer drugs unveil partial effectiveness and numerous adverse reactions. Plants offer an alternative strategy in the search for new drugs in the therapy and prevention of peptic ulceration. The present study investigated the possible protective effect of the herbal formulation Vien Khoi Tim (VKT) on indomethacin-induced gastric mucosal damage in rats. VKT was tested at two doses (1.44 & 0.48 capsules/kg/d po) ten days before the indomethacin single-dose challenge (40 mg/kg po). Animals were sacrificed six hours after indomethacin administration, and gastric tissues were collected for gross observation and histopathological analyses. The results revealed that the administration of indomethacin caused evident gastric mucosal damage with morphological and histological manifestations. VKT pretreatment tended to avert the rise in lesion numbers, reduce the ulcer index, and improve the severity of bleeding streaks and epithelial sloughing in gastric mucosa on the macroscopic examination compared to the model group. It is worth noting that no ulcerative lesions were observed in the gastric tissues of rats receiving VKT upon microscopic examination. Our results indicated that Vien Khoi Tim capsules might possess a protective role against indomethacin-induced gastric ulcers. Additional research is needed to better understand the mechanism by which Vien Khoi Tim capsules exert their gastroprotective effect.

Keywords: Vien Khoi Tim, ulcer, indomethacin, rat.

I. INTRODUCTION

Peptic ulcer disease (PUD) is one of the most common diseases seen worldwide. PUD is defined as damage to the mucosa of the upper gastrointestinal tract due to acid-peptic digestion leading to the formation of an ulcer that extends beyond the muscularis mucosa into the submucosa.¹ *Helicobacter pylori* infection and the use of nonsteroidal anti-inflammatory drugs (NSAIDs) are the most important causes of PUD.¹ Thanks to their effectiveness in reducing pain and inflammation, NSAIDs are among

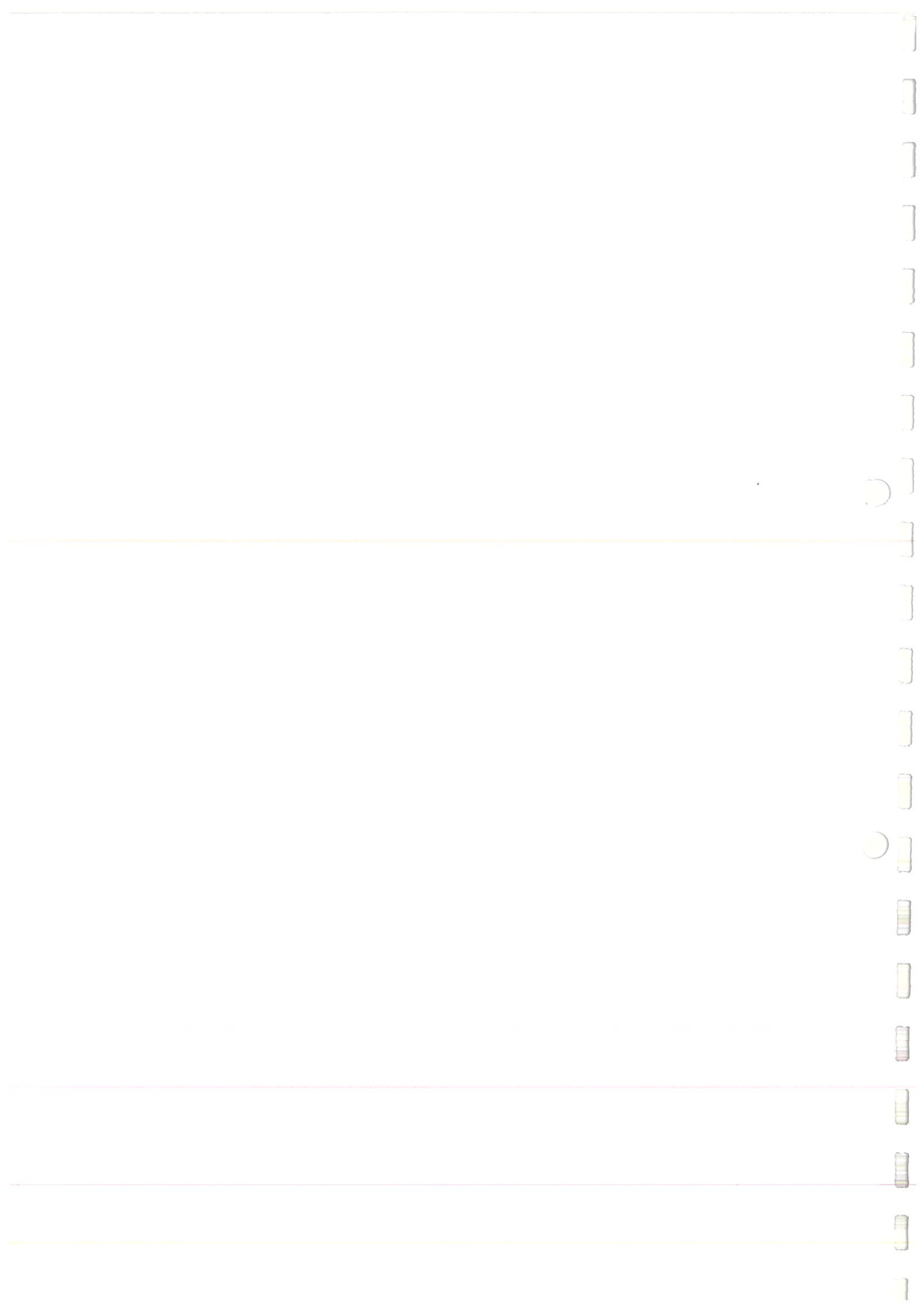
the most commonly used drugs, confirming their place on the WHO Model List of Essential Medicines.² NSAIDs are considered to not only cause stomach damage, but through varied mechanisms, they slow down the healing process of ulcers.³ NSAID use is responsible for about half of all ulcer perforations, occurring most commonly in older patients taking aspirin or other NSAIDs for cardiovascular or joint disease.⁴ Therefore, preventing gastric ulcers caused by NSAIDs is extremely important for both medical professionals and researchers. Natural herbs and their phytoconstituents with potent antioxidant, anti-inflammatory, and antiapoptotic effects may offer good gastrointestinal protection.

Previously, indomethacin (IND) was more

Corresponding author: Mai Phuong Thanh
 Hanoi Medical University
 Email: maiphuongthanh@hmu.edu.vn

Received: 27/09/2023

Accepted: 25/10/2023



10.3390/plants12081586.

11. Raish M, Shahid M, Bin Jordan YA, Ansari MA, Alkharfy KM, Ahad A, Abdelrahman IA, Ahmad A, Al-Jenoobi FI. Gastroprotective Effect of Sinapic Acid on Ethanol-Induced Gastric Ulcers in Rats: Involvement of Nrf2/HO-1 and NF- κ B Signaling and Antiapoptotic Role. *Front Pharmacol*. 2021; 12:622815. doi: 10.3389/fphar.2021.622815.

12. Simões S, Lopes R, Campos MCD, Marruz MJ, da Cruz MEM, Corvo L. Animal models of acute gastric mucosal injury: Macroscopic and microscopic evaluation. *Animal Model Exp Med*. 2019; 2(2): 121-126.

13. Beiranvand M. A review of the most common in vivo models of stomach ulcers and natural and synthetic anti-ulcer compounds: A comparative systematic study. *Phytomedicine Plus*. 2022; 2(2): 100264. doi:10.1016/j.phyplu.2022.100264.

14. Rafatullah S, Tariq M, Al-Yahya MA, Mossa JS, Ageel AM. Evaluation of turmeric (*Curcuma longa*) for gastric and duodenal antiulcer activity in rats. *J Ethnopharmacol*. 1990; 29(1): 25-34.

15. Huang L, You L, Aziz N, et al. Antiphotaging and Skin-Protective Activities of *Ardisia silvestris* Ethanol Extract in Human

Keratinocytes. *Plants (Basel)*. 2023; 12(5): 1167. doi: 10.3390/plants12051167.

16. Chayarop K, Temsiririrkkul R, Peungvicha P, et al.. Antidiabetic Effects and in vitro Antioxidant Activity of *Pseuderanthemum palatiferum* (Nees) Radlk. ex Lindau Leaf Aqueous Extract. *Mahidol University Journal of Pharmaceutical Sciences*. 2011; 38: 13-22.

17. Wang SY, Chang HN, Lin KT, Lo CP, Yang NS, Shyur LF. Antioxidant properties and phytochemical characteristics of extracts from *Lactuca indica*. *J Agric Food Chem*. 2003; 51(5):1506-1512.

18. Memarzia A, Khazdair MR, Behrouz S, et al. Experimental and clinical reports on anti-inflammatory, antioxidant, and immunomodulatory effects of *Curcuma longa* and curcumin, an updated and comprehensive review. *Biofactors*. 2021; 47(3): 311-350.

19. Zhou H, Dai C, Cui X, et al. Immunomodulatory and antioxidant effects of *Glycyrrhiza uralensis* polysaccharide in Lohmann Brown chickens. *Front Vet Sci*. 2022; 9:959449. doi: 10.3389/fvets.2022.959449.

20. Kim HJ, Seo JY, Suh HJ, Lim SS, Kim JS. Antioxidant activities of licorice-derived prenylflavonoids. *Nutr Res Pract*. 2012; 6(6): 491-498.

